

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN CHỈ

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO
CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC

HÀ NỘI - 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN CHỈ

**CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO
CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN NHÀ NƯỚC
Mã số: 9310202

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. PHẠM TẮT THẮNG

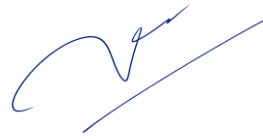


HÀ NỘI - 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn theo đúng quy định.

Tác giả

A handwritten signature in blue ink, consisting of a stylized 'V' followed by a horizontal line and a small upward stroke.

Võ Văn Chỉ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	11
1.1. Các công trình nghiên cứu ở ngoài nước	11
1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước.....	19
1.3. Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học có liên quan và những vấn đề luận án tập trung giải quyết	35
Chương 2: CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	40
2.1. Tỉnh, thành phố và tỉnh, thành uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay	40
2.2. Tôn giáo và công tác tôn giáo các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long.....	62
2.3. Tỉnh, thành uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay - Khái niệm, nội dung, phương thức, vai trò	76
Chương 3: CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM	96
3.1. Thực trạng lãnh đạo công tác tôn giáo của tỉnh uỷ, thành uỷ vùng đồng bằng sông Cửu Long	96
3.2. Nguyên nhân và kinh nghiệm	135
Chương 4: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045	150
4.1. Dự báo những nhân tố tác động và phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.....	150
4.2. Những giải pháp chủ yếu tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	160
KẾT LUẬN	199
DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN	201
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	202
PHỤ LỤC	220

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BTV	: Ban Thường vụ
CT-XH	: Chính trị - xã hội
ĐBSCL	: Đồng bằng sông Cửu Long
HĐND	: Hội đồng nhân dân
HTCT	: Hệ thống chính trị
KT-XH	: Kinh tế - xã hội
MTTQ	: Mặt trận Tổ quốc
PTLD	: Phương thức lãnh đạo
QLNN	: Quản lý nhà nước
UBND	: Ủy ban nhân dân

CHÚ THÍCH

Vùng đồng bằng sông Cửu Long trước khi thực hiện chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính gồm 13 tỉnh, thành phố. Thực hiện chủ trương sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính theo quy định của Trung ương, đến nay vùng còn 05 tỉnh, thành phố. Trong luận án này, phần đánh giá thực trạng được tác giả nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 2003 đến tháng 7 năm 2025, là thời điểm chưa hoàn tất việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh. Do đó, để bảo đảm tính lịch sử - cụ thể, tính thống nhất của số liệu và độ chính xác khoa học, tác giả sử dụng tên gọi các tỉnh, thành phố theo đơn vị hành chính trước khi sáp nhập. Đối với các phần còn lại của luận án (phương hướng, giải pháp), tác giả sử dụng tên gọi các tỉnh, thành phố theo đơn vị hành chính hiện hành, phù hợp với bối cảnh tổ chức bộ máy và yêu cầu lãnh đạo trong giai đoạn mới.

TÊN GỌI TRƯỚC KHI SÁP NHẬP	TÊN HIỆN TẠI
Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Đồng Tháp
Tỉnh Tiền Giang	
Tỉnh Bến Tre	Tỉnh Vĩnh Long
Tỉnh Trà Vinh	
Tỉnh Vĩnh Long	
Tỉnh An Giang	Tỉnh An Giang
Tỉnh Kiên Giang	
Tỉnh Bạc Liêu	Tỉnh Cà Mau
Tỉnh Cà Mau	
Tỉnh Hậu Giang	Thành phố Cần Thơ
Tỉnh Sóc Trăng	
Thành phố Cần Thơ	
Tỉnh Long An	Tỉnh Tây Ninh thuộc vùng Tây Nam Bộ

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là quốc gia đa tôn giáo, nơi nhiều tôn giáo cùng tồn tại trong một không gian văn hóa - xã hội thống nhất, không có tôn giáo nào giữ vai trò tuyệt đối. Tôn giáo ở Việt Nam được ví như “bức tranh thu nhỏ” của thế giới, gồm cả tôn giáo du nhập và các tôn giáo nội sinh. Một số tôn giáo có tổ chức thống nhất (Phật giáo, Công giáo), trong khi nhiều tôn giáo khác tồn tại dưới nhiều hệ phái độc lập (Tin Lành, Cao Đài). Hiện nay, Nhà nước đã công nhận 34 tổ chức tôn giáo, cấp giấy chứng nhận cho 04 tổ chức và 01 pháp môn tu hành thuộc 16 tôn giáo với khoảng 26,5 triệu tín đồ (27% dân số), hơn 54.000 chức sắc, 135.000 chức việc và 29.658 cơ sở thờ tự [5, tr.12]. Tôn giáo không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng mà còn là thành tố quan trọng trong đời sống văn hóa - xã hội, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần dân tộc. Trong 40 năm Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi công tác tôn giáo là nhiệm vụ chiến lược. Nghị quyết số 24-NQ/TW (1990) và Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) khẳng định rõ quan điểm của Đảng, được các văn kiện Đại hội tiếp tục phát triển. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh: “Tập trung hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo; Nghiêm trị mọi âm mưu, hành động chia rẽ...” [54, tr.50-51]; đồng thời “Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng; phê phán, ngăn chặn mê tín, dị đoan” [54, tr.144].

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có diện tích tự nhiên khoảng 37.000 km², với gần 18 triệu dân sinh sống, bao gồm 5 tỉnh, thành phố: Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang và Cà Mau [58]. Hiện tại vùng có 13 tôn giáo được công nhận tư cách pháp nhân với 4.912 cơ sở thờ tự, 39.906 chức sắc, chức việc, 6.893.561 tín đồ các tôn giáo, chiếm 36,34% dân số [Phụ lục 8]. Các quan điểm, chủ trương, nghị quyết về công tác tôn giáo đã được

các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL quan tâm thực hiện đạt kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đổi mới.

Các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã thể hiện rõ vai trò lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, sâu sát và kịp thời trong công tác tôn giáo. Trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy đã cụ thể hóa để phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, đề ra các quan điểm, chủ trương, giải pháp và lãnh đạo tổ chức thực hiện trong toàn hệ thống chính trị. Việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về vai trò của tôn giáo và công tác tôn giáo được chú trọng. Công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng được tăng cường, qua đó xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh liên quan đến tôn giáo. Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo được quan tâm xây dựng. Trong lãnh đạo, chỉ đạo có sự linh hoạt, mềm dẻo nhưng kiên định đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường niềm tin của chức sắc, tín đồ vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL vẫn còn nhiều hạn chế: việc xây dựng, ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo có lúc còn thiếu tính toàn diện, nội dung khái quát, chưa gắn đặc thù địa phương, nhiều văn bản thiếu tầm nhìn chiến lược, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn biến động nhanh chóng; việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện còn chậm, thiếu đồng bộ, nhiều chương trình, dự án chưa gắn với nhu cầu, phong tục, tín ngưỡng của đồng bào có đạo, dẫn đến hiệu quả thấp; bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo còn mỏng, thiếu chuyên sâu, nhiều nơi kiêm nhiệm, thiếu cơ chế đãi ngộ và đào tạo dài hạn; sự lãnh đạo của các cấp ủy trực thuộc trong triển khai nghị quyết còn hình thức, thiếu quyết liệt, tình trạng “trên nóng, dưới lạnh” vẫn phổ biến; cơ chế phối hợp giữa các lực lượng trong hệ thống chính trị thiếu rõ ràng, chưa thường xuyên; công tác kiểm tra, giám sát còn nặng hình thức, thiếu chiều sâu. Những hạn chế này cho thấy yêu cầu cấp

bách phải nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, sát hợp thực tiễn để đáp ứng yêu cầu công tác tôn giáo trong tình hình mới. Dự báo thời gian tới, tình hình tôn giáo ở ĐBSCL về cơ bản vẫn ổn định, song tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như tranh chấp đất đai tôn giáo, truyền đạo trái phép, xây dựng cơ sở thờ tự không phép. Các thế lực thù địch vẫn tìm cách lợi dụng tôn giáo, lén lút hình thành các “hội thánh” trái phép, kích động chia rẽ dân tộc, tôn giáo ở những địa bàn nhạy cảm, đòi hỏi cấp ủy, chính quyền địa phương phải tăng cường cảnh giác, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn.

Trước thực tiễn đó, yêu cầu cấp thiết hiện nay là phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, đặc biệt là các tỉnh, thành ủy, đối với công tác tôn giáo; đồng thời chú trọng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Chính vì vậy, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài ***“Các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành *Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước* tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, với mong muốn góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn, đồng thời đề xuất những giải pháp khả thi nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích, nhiệm vụ của luận án

2.1. Mục đích luận án

Trên cơ sở nghiên cứu làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo, luận án đề xuất những giải pháp chủ yếu nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ của luận án

Một là, tổng quan các công trình khoa học trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài luận án, chỉ ra những kết quả đã đạt được, những nội dung luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Hai là, luận giải làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay.

Ba là, khảo sát, đánh giá thực trạng công tác tôn giáo và các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo từ năm 2003 đến nay; chỉ ra ưu, khuyết điểm, nguyên nhân, kinh nghiệm.

Bốn là, đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu, khả thi tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Luận án nghiên cứu sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng sự lãnh đạo của 13 tỉnh uỷ, thành uỷ ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn từ năm 2003 đến tháng 7 năm 2025, bao gồm: An Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Cà Mau, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Long An, Sóc Trăng, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long và thành phố Cần Thơ. Việc xác định mốc thời gian nghiên cứu này xuất phát từ việc Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo, văn kiện có ý nghĩa nền tảng, định hướng xuyên suốt đối với công tác tôn giáo của Đảng trong thời kỳ đổi mới. Trên cơ sở đó, các tỉnh uỷ, thành uỷ vùng ĐBSCL đã từng bước cụ thể hóa, tổ chức thực hiện nghị quyết phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội, tôn giáo và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của từng địa phương và của toàn vùng.

Trong phạm vi thời gian nghiên cứu, luận án tập trung phân tích sự lãnh đạo của các tỉnh, thành uỷ đối với công tác tôn giáo qua các kỳ đại hội Đảng, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 7 năm 2025. Đây là giai đoạn gắn

liên với việc triển khai các nghị quyết Đại hội XI, XII, XIII của Đảng, quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và điều chỉnh đơn vị hành chính ở vùng ĐBSCL. Một số nội dung trước năm 2010 được đề cập có chọn lọc nhằm làm rõ bối cảnh hình thành, quá trình kế thừa và phát triển trong sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác tôn giáo trong vùng.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL; chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân và các vấn đề đặt ra trong bối cảnh hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, luận án tập trung làm rõ yêu cầu mới đối với sự lãnh đạo của các cấp ủy sau hợp nhất. Theo đó, việc hợp nhất được thực hiện theo các mô hình: *Đồng Tháp và Tiền Giang thành tỉnh Đồng Tháp; Bến Tre, Trà Vinh và Vĩnh Long thành tỉnh Vĩnh Long; An Giang và Kiên Giang thành tỉnh An Giang; Cà Mau và Bạc Liêu thành tỉnh Cà Mau; thành phố Cần Thơ, Hậu Giang và Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ; riêng Long An và Tây Ninh hợp nhất thành tỉnh Tây Ninh thuộc vùng Đông Nam Bộ*. Trên nền tảng đó, luận án đề xuất phương hướng và hệ thống giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo đảm ổn định chính trị – xã hội trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

4. Cơ sở lý luận, thực tiễn và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, công tác tôn giáo và sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong thời kỳ đổi mới. Đây là nền tảng lý luận chủ đạo, xuyên suốt định hướng nghiên cứu, xác lập cách tiếp cận và khung phân tích của luận án theo chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước.

Chủ nghĩa Mác – Lênin cung cấp những luận điểm khoa học về bản chất xã hội của tôn giáo, mối quan hệ giữa tôn giáo với kinh tế, chính trị, văn hóa và nhà nước; vai trò của đảng chính trị cầm quyền trong quản lý, định hướng và xử lý các vấn đề tôn giáo trong quá trình xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội. Trên cơ sở đó, luận án tiếp cận công tác tôn giáo không như một lĩnh vực hoạt động tôn giáo thuần túy, mà như một nội dung lãnh đạo đặc thù của Đảng cầm quyền, gắn chặt với nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và bảo đảm ổn định chính trị - xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và đoàn kết tôn giáo được luận án vận dụng như một nền tảng phương pháp luận quan trọng để làm rõ quan điểm nhất quán của Đảng ta trong việc tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo; phát huy những giá trị đạo đức, văn hóa tích cực của tôn giáo; đồng thời kiên quyết đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc. Từ đó, luận án làm rõ yêu cầu đối với sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong việc kết hợp hài hòa giữa vận động, thuyết phục với quản lý, định hướng và tổ chức thực hiện trong công tác tôn giáo.

Các quan điểm, chủ trương của Đảng về công tác tôn giáo, đặc biệt là Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa IX) và các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương qua các kỳ đại hội Đảng, được luận án xác định là cơ sở lý luận trực tiếp để phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp. Trên nền tảng đó, luận án tập trung làm rõ vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy trong việc ban hành nghị quyết, chỉ đạo tổ chức thực hiện; xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội; cũng như đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong điều kiện mới.

4.2. Cơ sở thực tiễn

Cơ sở thực tiễn của luận án là thực trạng các tỉnh, thành uỷ ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo từ năm 2003 đến nay (*từ khi có Nghị quyết*

số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo); các công trình nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, các báo cáo sơ kết, tổng kết về sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng chỉ đạo xuyên suốt quá trình nghiên cứu. Trên cơ sở đó, luận án vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phân tích - tổng hợp; lịch sử - logic; điều tra xã hội học; thống kê; khảo sát và tổng kết thực tiễn, nhằm đảm bảo tính khách quan, toàn diện, khoa học và sát thực tiễn. Cụ thể:

Chương 1, luận án sử dụng phương pháp lịch sử - logic kết hợp với phân tích - tổng hợp để hệ thống hóa các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến chủ đề, xác định những kết quả đã đạt được, các luận điểm cần kế thừa và những vấn đề còn bỏ ngỏ cần tiếp tục làm rõ.

Chương 2, vận dụng phương pháp lịch sử - logic kết hợp với phân tích - tổng hợp nhằm làm sáng tỏ và khái quát hóa các khái niệm, quan điểm lý luận của Đảng về công tác tôn giáo và xây dựng khung lý thuyết nghiên cứu phù hợp với đặc điểm vùng ĐBSCL.

Chương 3, luận án vận dụng tổng hợp các phương pháp phân tích thực tiễn, điều tra xã hội học, thống kê và so sánh để đánh giá một cách hệ thống thực trạng sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2025. Trên cơ sở đó, luận án làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân và rút ra một số kinh nghiệm bước đầu trong lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Nhằm bảo đảm cơ sở thực tiễn cho việc đánh giá khách quan, toàn diện, luận án tiến hành điều tra xã hội học bằng bảng hỏi với tổng số 800 phiếu khảo sát hợp lệ, được triển khai tại 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL. Việc điều tra được thực hiện theo các nhóm đối tượng khác nhau, phản ánh đầy đủ

các chủ thể tham gia lãnh đạo, tham mưu, tổ chức thực hiện và các đối tượng chịu tác động trực tiếp của sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo.

Thứ nhất, nhóm đối tượng là cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp. Cuộc khảo sát được thực hiện với 200 phiếu, phát ra và thu về đầy đủ, bình quân khoảng 15 - 16 phiếu mỗi địa phương. Cơ cấu mẫu tại mỗi tỉnh, thành phố gồm: 02 đồng chí là ủy viên cấp ủy cấp tỉnh; 10 đồng chí là ủy viên cấp ủy cấp huyện; 02 đồng chí là lãnh đạo, chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự cấp tỉnh và 01 đồng chí là lãnh đạo Công an cấp tỉnh. Nhóm đối tượng này đại diện cho chủ thể trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác tôn giáo ở địa phương.

Thứ hai, nhóm đối tượng là cán bộ, công chức trực tiếp tham mưu và thực hiện công tác tôn giáo. Cuộc khảo sát được tiến hành với 200 phiếu, phát ra và thu về đầy đủ, bình quân khoảng 15 - 16 phiếu mỗi địa phương. Cơ cấu mẫu tại mỗi tỉnh, thành phố gồm: 05 phiếu tại cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo cấp tỉnh; 05 phiếu tại Ban Tuyên giáo và Dân vận cấp tỉnh; 05 phiếu tại cấp huyện. Nhóm đối tượng này phản ánh góc nhìn chuyên môn, nghiệp vụ và thực tiễn triển khai các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy về công tác tôn giáo.

Thứ ba, nhóm đối tượng là chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo đang sinh hoạt hợp pháp tại địa phương. Cuộc khảo sát được thực hiện với 400 phiếu, bình quân khoảng 30 - 31 phiếu mỗi địa phương. Cơ cấu mẫu tại mỗi tỉnh, thành phố gồm: 10 phiếu đối với chức sắc, tín đồ Phật giáo; 10 phiếu đối với chức sắc, tín đồ Công giáo; số phiếu còn lại dành cho chức sắc, tín đồ của các tôn giáo khác. Việc lựa chọn nhóm đối tượng này nhằm tiếp cận đánh giá từ phía các chủ thể chịu tác động trực tiếp của sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo.

Về nguyên tắc và phương pháp chọn mẫu, luận án sử dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích, kết hợp với phân tầng theo nhóm đối tượng và theo địa phương. Các đối tượng khảo sát được lựa chọn căn cứ vào vị trí công tác, vai trò tham gia lãnh đạo, quản lý hoặc sinh hoạt tôn giáo, bảo đảm tính

đại diện tương đối giữa các tỉnh, thành phố trong vùng và giữa các nhóm chủ thể liên quan đến công tác tôn giáo. Kết quả điều tra xã hội học được xử lý, tổng hợp và phân tích, làm cơ sở khoa học quan trọng để đánh giá thực trạng và làm rõ những vấn đề đặt ra trong sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo hiện nay.

Chương 4, sử dụng tổng hợp các phương pháp trên để nhận diện những yếu tố tác động trong bối cảnh mới và đề xuất phương hướng, hệ thống giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

5. Những đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Một là, xác lập khái niệm “Các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo”; xác lập và phân tích các nội dung, phương thức các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo.

Hai là, khái quát 5 kinh nghiệm được đúc rút sau khi tổng kết thực tiễn quá trình lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL từ năm 2003 đến nay.

Ba là, luận án đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm góp phần tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, tập trung vào 02 giải pháp được xác định mang tính đột phá là: Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, MTTQ, tổ chức chính trị - xã hội và các tầng lớp nhân dân đối với tôn giáo và vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay; Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho tín đồ các tôn giáo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, khu vực đồng bào dân tộc thiểu số.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Một là, luận án góp phần làm rõ thêm những vấn đề lý luận về công tác tôn giáo; sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo trong giai

đoạn hiện nay.

Hai là, luận án góp phần cung cấp những luận cứ khoa học cho các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL nghiên cứu xác định chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo trong thời gian tới.

Ba là, kết quả nghiên cứu của luận án còn có thể được dùng làm tài liệu tham khảo, phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở Học viện Chính trị khu vực IV, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường chính trị tỉnh, thành phố trong cả nước.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến đề tài luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 10 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

Trong thời gian qua đã có rất nhiều công trình khoa học nghiên cứu về tôn giáo, công tác tôn giáo và công tác tôn giáo dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Tuy nhiên, tùy theo đối tượng và phạm vi nghiên cứu mà từng công trình khoa học có góc độ tiếp cận, giải quyết các vấn đề riêng và đề cập đến nhiều nội dung khác nhau. Đáng chú ý là:

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU Ở NGOÀI NƯỚC

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến tôn giáo và công tác tôn giáo

Paul S. Rowe (2010), *Tôn giáo và chính trị toàn cầu (Religion and Global Politics)* [190], là công trình nghiên cứu công phu về mối quan hệ giữa tôn giáo và hệ thống chính trị trong bối cảnh toàn cầu hóa. Tác phẩm cung cấp một số lý thuyết cơ bản khi tiếp cận mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, khẳng định vai trò lâu dài và ảnh hưởng đa chiều của tôn giáo trong đời sống chính trị quốc tế. Đặc biệt, tác giả nhấn mạnh chức năng liên kết xã hội và ảnh hưởng của các nhóm tôn giáo đối với các vấn đề toàn cầu như nhân quyền, chiến tranh, hòa bình và xung đột. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị giúp luận án tiếp cận các khái niệm nền tảng và góc nhìn so sánh quốc tế, góp phần mở rộng cơ sở lý luận khi nghiên cứu vai trò xã hội, chính trị của tôn giáo tại Việt Nam.

Alicja Curanović (2014), *Nhân tố tôn giáo trong chính sách đối ngoại của nước Nga (The Religious Factor in Russia's Foreign Policy)* [176], phân tích sâu sắc ảnh hưởng của tôn giáo đến việc hình thành chính sách đối ngoại của Nga, đặc biệt thông qua vai trò của Giáo hội Chính thống Nga. Tác giả khẳng định tôn giáo là một yếu tố quan trọng nhưng thường bị xem nhẹ trong hoạch định chính sách quốc tế của Nga. Công trình cho thấy cách các tổ chức tôn giáo sử dụng ngoại giao tôn giáo để phục vụ lợi ích của nhà nước và bản

thân tổ chức, đồng thời làm rõ ảnh hưởng của triết lý và bản sắc văn hóa, tôn giáo đến chính trị đối ngoại. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo trong việc mở rộng cơ sở lý luận cho luận án, đặc biệt khi phân tích vai trò xã hội, chính trị của tôn giáo trong mối quan hệ với quyền lực nhà nước.

George Ehrhardt, Axel Klein, Levi McLaughlin, Steven R. Reed (2014), *Komeito: Chính trị và Tôn giáo ở Nhật Bản (Komeito: Politics and Religion in Japan)* [179], nghiên cứu sự phát triển và vai trò của Đảng Komeito, chính đảng lớn thứ ba tại Nhật Bản, với mối liên hệ mật thiết với tổ chức tôn giáo Soka Gakkai. Công trình làm rõ cách thức đảng này vận động chính trị, giành quyền lực và tham gia quản lý xã hội thông qua sự hỗ trợ của tổ chức tôn giáo. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp luận án tiếp cận kinh nghiệm quốc tế về mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, đặc biệt trong việc tổ chức, điều hành các hoạt động xã hội có yếu tố tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, từ đó bổ sung góc nhìn thực tiễn cho nghiên cứu công tác tôn giáo ở Việt Nam.

Max Deeg, Bernhard Scheid (2015), *Tôn giáo ở Trung Quốc: Những khái niệm chính và những vị trí thiểu số (Religion in China: Major Concepts and Minority Positions)* [187], cung cấp cái nhìn đa chiều về mối quan hệ giữa tôn giáo, văn hóa và chính trị trong bối cảnh Trung Quốc hiện đại. Công trình phân tích vai trò của các tôn giáo truyền thống trong định hình văn hóa bản địa, đồng thời chỉ ra những ảnh hưởng của các tôn giáo có nguồn gốc nước ngoài như Hồi giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo đến chính sách tôn giáo của Nhà nước Trung Quốc. Đặc biệt, tác phẩm làm rõ cơ sở thực tiễn của việc quản lý hoạt động tôn giáo thông qua hệ thống pháp luật. Đây là tài liệu tham khảo hữu ích giúp luận án tiếp cận kinh nghiệm quốc tế về sự tác động hai chiều giữa tôn giáo và chính trị, đồng thời củng cố luận cứ cho việc hoàn thiện quản lý nhà nước đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Jonathan Fox (2015), *Chủ nghĩa thế tục chính trị, tôn giáo và nhà nước - Phân tích chuỗi thời gian về dữ liệu trên toàn thế giới (Political Secularism, Religion, and the State - A Time Series Analysis of Worldwide Data)* [181], là công trình nghiên cứu công phu, khảo sát 111 chính sách tôn giáo của nhà

nước tại 177 quốc gia. Tác giả xây dựng hệ thống lý thuyết về mối quan hệ giữa các tác nhân tôn giáo, chủ thể chính trị thể tục và chính sách tôn giáo của nhà nước. Công trình cho thấy sự tác động qua lại giữa các lực lượng chính trị - tôn giáo trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách công. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo, giúp luận án tiếp cận được các nhân tố ảnh hưởng đến chính sách tôn giáo và quản lý nhà nước về tôn giáo, từ đó khẳng định tính tất yếu của việc điều chỉnh các quá trình tôn giáo bằng pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội hiện đại.

David T.Smith (2015), *Trật tự chính trị và kiểm soát tôn giáo ở Hoa Kỳ (Religious Persecution and Political Order in the United States)* [178], phân tích sâu sắc mối quan hệ giữa tự do tôn giáo và bảo vệ trật tự chính trị tại Hoa Kỳ. Tác phẩm cho thấy, mặc dù coi tự do tôn giáo là giá trị cốt lõi, Nhà nước Hoa Kỳ vẫn có những biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt đối với các nhóm tôn giáo thiểu số nếu các nhóm này bị xem là đe dọa đến trật tự chính trị. Ngược lại, khi việc đàn áp có thể gây bất ổn lớn hơn, nhà nước sẽ chọn bảo vệ. Công trình góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để tác giả luận án tham khảo trong nghiên cứu mối quan hệ giữa quản lý nhà nước về tôn giáo và yêu cầu giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong mỗi quốc gia.

J. Christopher Soper, Joel S. Fetzer (2018), *Tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu (Religion and Nationalism in Global Perspective)* [180], phân tích mối quan hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc trong tiến trình hình thành, phát triển và ổn định của các quốc gia. Tác giả làm rõ nguồn gốc và sự phát triển của các hình thái như chủ nghĩa dân tộc - tôn giáo và chủ nghĩa dân tộc thể tục, qua đó cho thấy vai trò của tôn giáo trong việc củng cố hoặc gây bất ổn chính trị. Công trình sử dụng khung lý thuyết so sánh đa quốc gia, giúp luận án tham khảo cách tiếp cận lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, đặc biệt là tác động của tôn giáo đến sự ổn định, sụp đổ hoặc phát triển của nhà nước.

Nguyen Thi Phuong (2020), *Tôn giáo, Pháp luật, Nhà nước và Covid-19 ở Việt Nam (Religion, Law, State, and Covid-19 in Vietnam)* [188], là công trình

ngiên cứu của một học giả đang công tác tại Hồng Kông, đánh giá khách quan vai trò của Nhà nước, pháp luật và các tổ chức tôn giáo trong phòng, chống đại dịch Covid-19 tại Việt Nam. Tác phẩm làm rõ mối quan hệ phối hợp giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo dưới khuôn khổ pháp luật nhằm ổn định xã hội và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Công trình gợi mở cho luận án những luận cứ quan trọng trong nghiên cứu vai trò của Nhà nước trong quản lý tôn giáo, cũng như chức năng xã hội tích cực của tôn giáo trong bối cảnh hiện đại, đặc biệt khi đất nước đối mặt với các tình huống khẩn cấp, phức tạp.

1.1.2. Nhóm các công trình nghiên cứu liên quan đến chính đảng, đảng cầm quyền với công tác tôn giáo

Sultan Tepe (2009), *Beyond Sacred and Secular: Politics of Religion in Israel and Turkey* [191] tập trung phân tích cách thức các đảng chính trị và các phong trào tôn giáo tham gia, đồng thời thích ứng trong bối cảnh hệ thống chính trị hiện đại. Thông qua so sánh Israel và Thổ Nhĩ Kỳ - hai quốc gia có nền chính trị đa nguyên, đồng thời chịu tác động mạnh mẽ của yếu tố tôn giáo - tác giả làm rõ việc tôn giáo không chỉ đóng vai trò định hướng tinh thần mà còn trở thành nguồn lực chính trị có khả năng tác động đến chính sách, cử tri và cơ cấu quyền lực. Công trình chỉ ra rằng các đảng tôn giáo luôn vận động giữa hai cực: bảo lưu giá trị giáo lý và điều chỉnh để phù hợp với nguyên tắc dân chủ - thế tục. Nghiên cứu cung cấp cơ sở tham chiếu quan trọng cho việc phân tích sự tham gia chính trị của tôn giáo trong các bối cảnh khác nhau.

Lưu Chân Hoa (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng* [186], công trình nêu rõ việc xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng là một chủ đề mang tính trường tồn, là rõ nội dung cầm quyền, thể chế cầm quyền, chủ thể cầm quyền). Việc cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung quốc là một thử thách lớn, cần thiết phải nâng cao ý thức lãnh đạo của Đảng đồng thời củng cố vững chắc nền tảng cầm quyền. Trong khi bàn luận về phương thức cầm quyền của Đảng, công trình nhấn mạnh vai trò hạt nhân của tổ chức đảng và đảng viên nằm trong các cơ quan nhà nước và đoàn thể quần chúng, yêu cầu phải thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền một cách khoa học, dân chủ và

theo hiến pháp, pháp luật, nâng cao nhận thức về quy luật cầm quyền của Đảng Cộng sản. Công trình giúp tác giả luận án tham khảo những vấn đề về vai trò hạt nhân của tổ chức đảng và đảng viên trong lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và các đoàn thể về tôn giáo.

Liên Tường Đồng (2010), *Cải cách xã hội Trung Quốc và những sáng tạo, đổi mới trong xây dựng đảng cơ sở* [184], nội dung công trình tập trung trình bày về một số vấn đề bức thiết cần phải giải quyết trong công cuộc cải cách xã hội Trung Quốc và công tác xây dựng đảng cơ sở kể từ khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa năm 1978 đến nay: thời cơ, thách thức, nhiệm vụ và mục tiêu của công cuộc cải cách xã hội, vai trò, vị trí của công tác xây dựng Đảng ở cơ sở; các giải pháp nhằm giải quyết những vướng mắc nảy sinh trong xây dựng đảng cơ sở; các phương pháp nhằm tăng cường và cải tiến công tác xây dựng đảng ở nông thôn, trong các doanh nghiệp, các cơ quan với chức năng hỗ trợ giám sát và các trường đại học... Công trình giúp tác giả tham khảo những vấn đề liên quan đến công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng, lực lượng cốt cán trong vùng có đông đồng bào có đạo.

Thoong Băn Seng Aphone (2011), *Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo giữ vững an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay* [192], công trình xác định khá đầy đủ những nội dung chủ yếu về đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào đối với giữ vững an ninh quốc gia; đưa ra những giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhân dân cách mạng Lào đối với giữ vững an ninh quốc gia Lào như: tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng đối với bảo đảm an ninh tại các địa phương ở Lào, xây dựng lực lượng an ninh Lào trở thành lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng an ninh Lào. Công trình giúp tác giả tham khảo việc tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp đối với quốc phòng và an ninh, đặc biệt trong vùng có đông đồng bào theo đạo.

Hoàng Văn Hồ (2014), *Cầm quyền khoa học* [182], công trình bàn về vấn đề cầm quyền khoa học của Đảng Cộng sản Trung Quốc, làm rõ quan điểm

cảm quyền, ý nghĩa quan trọng của cảm quyền khoa học, bản chất của cảm quyền khoa học, mối quan hệ tương hỗ giữa cảm quyền khoa học, cảm quyền dân chủ, cảm quyền theo pháp luật, kinh nghiệm vận dụng cảm quyền khoa học... Các yếu tố cơ bản tạo nên năng lực cảm quyền khoa học gồm: năng lực học tập đổi mới, năng lực điều tiết lợi ích, năng lực tích hợp tài nguyên, năng lực cảm quyền theo pháp luật, năng lực tự thanh lọc. Công trình giúp tác giả có thể tham khảo phương pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của các cấp ủy đảng là tăng cường trang bị lý luận, hoàn thiện cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm cán bộ, tăng cường đào tạo cán bộ.

Oxford Research Encyclopedia (2017), *Religion in Foreign Policy* [189] tập trung phân tích vai trò của tôn giáo trong chính sách đối ngoại, từ góc nhìn của các chính phủ và đảng cảm quyền. Công trình cho thấy, tôn giáo không chỉ là yếu tố văn hóa - xã hội nội tại mà còn được sử dụng như một công cụ chính trị trong quan hệ quốc tế. Các đảng cảm quyền ở nhiều quốc gia đã khai thác tôn giáo để củng cố tính chính danh, mở rộng ảnh hưởng, tạo dựng liên minh và tác động đến dư luận quốc tế. Tác giả cũng chỉ ra những thách thức khi việc chính trị hóa tôn giáo có thể dẫn đến xung đột, cực đoan hóa và gia tăng sự đối kháng trong quan hệ quốc tế. Nghiên cứu này góp phần mở rộng khung lý thuyết về mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và cạnh tranh quyền lực hiện nay.

Chu Duy Quân (2017), *Sự kiên trì và tìm tòi trong công tác dân tộc - tôn giáo* [193] là một công trình nghiên cứu có hệ thống về đường lối, chính sách và thực tiễn công tác dân tộc - tôn giáo của Đảng và Nhà nước Trung Quốc. Tác giả tập trung làm rõ cách Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên định quan điểm cơ bản về vấn đề dân tộc và tôn giáo, đồng thời có sự tìm tòi, đổi mới trong phương thức lãnh đạo qua các thời kỳ. Sách phân tích các chặng đường lịch sử: từ giai đoạn đầu hình thành chính quyền, thời kỳ xây dựng xã hội chủ nghĩa, đến giai đoạn cải cách mở cửa và thời đại Tập Cận Bình hiện nay. Điểm nhấn của công trình là việc chỉ ra sự kết hợp giữa nguyên tắc nhất quán (kiên định sự lãnh đạo của Đảng, kiên trì định hướng xã hội chủ nghĩa) với tính linh hoạt

trong chính sách (thích ứng với thực tiễn địa phương, xử lý hài hòa giữa quản lý và phát huy giá trị tích cực của tôn giáo). Từ kinh nghiệm Trung Quốc, có thể rút ra bài học rằng: các tỉnh, thành ủy ở Việt Nam cần kiên định nguyên tắc lãnh đạo toàn diện của Đảng, đồng thời linh hoạt đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Việc kết hợp “kiên trì” và “tìm tòi” là chìa khóa để nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh mới.

Lý Lương Đống (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc* [185], đây là một công trình nghiên cứu khoa học có giá trị học thuật và xã hội cao. Công trình nêu rõ phương thức lãnh đạo và phương thức cầm quyền của đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa; Quá trình phát triển và thay đổi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền truyền thống của Đảng Cộng sản Trung Quốc; Sự tích cực tìm tòi phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền từ cải cách mở cửa đến nay của Đảng Cộng sản Trung Quốc; Mục tiêu của chuyển đổi phương thức cầm quyền là thực hiện cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật... Công trình giúp tác giả luận án tham khảo, so sánh, đối chiếu quá trình thay đổi nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo và công tác tôn giáo qua các thời kỳ.

Lưu Kiến Quân (2021), *Khảo sát lịch sử khái niệm ‘Niềm tin’ của những người Cộng sản Trung Quốc* [194] tập trung phân tích sự hình thành và biến đổi của khái niệm niềm tin trong diễn ngôn chính trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc qua các thời kỳ: cách mạng, xây dựng quốc gia mới và cải cách - mở cửa. Tác giả phân biệt hai cách tiếp cận: (i) niềm tin theo nghĩa phổ quát, trừu tượng, gắn với giá trị tinh thần chung của con người; (ii) niềm tin theo nghĩa đặc thù, liên quan đến tôn giáo, tín ngưỡng chính trị và định hướng giá trị xã hội. Bài viết cho thấy trong giai đoạn cách mạng và đầu thời kỳ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, thuật ngữ này ít được sử dụng; song kể từ cải cách - mở cửa đến nay, “niềm tin” được khẳng định lại, xuất hiện thường xuyên trong các văn kiện và diễn từ lãnh đạo cấp cao, trở thành nhân tố quan

trọng trong việc định hình ý thức hệ chính trị. Công trình gợi mở hướng tiếp cận cho nghiên cứu về công tác tôn giáo ở Việt Nam, đặc biệt ở vùng ĐBSCL: việc nâng cao nhận thức chính trị và “niềm tin” vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa của cán bộ, đảng viên và quần chúng là cơ sở để phát huy vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo. Bài học từ Trung Quốc cho thấy, cùng với quản lý tôn giáo bằng pháp luật, cần chú trọng xây dựng niềm tin chính trị - tư tưởng, coi đó là nền tảng để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phòng ngừa sự lợi dụng tôn giáo trong tình hình mới.

A. Kadir Yildirim (2022), *The Politics of Religious Party Change: Islamist and Catholic Parties in Comparative Perspective* [177] công trình nghiên cứu sự biến đổi trong lý luận, chính sách và quan hệ của các đảng chính trị tôn giáo đối với hệ thống chính trị hiện đại. Tác giả so sánh tiến trình phát triển của các đảng Hồi giáo và Công giáo, từ chỗ giữ vai trò mang nặng tính giáo lý sang thích ứng với nguyên tắc dân chủ - pháp quyền. Công trình chỉ ra rằng, để tồn tại và phát triển, các đảng tôn giáo buộc phải điều chỉnh cương lĩnh, chiến lược và cách thức tham gia chính trường, đồng thời dung hòa giữa yếu tố tôn giáo và yêu cầu thế tục. Nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc lý giải mối quan hệ giữa tôn giáo và đảng cầm quyền, gợi mở cơ sở tham khảo cho việc nhìn nhận vai trò của tôn giáo trong chính trị Việt Nam hiện nay.

Trịnh Dĩ Huyền (2024), *Mặt trận thống nhất và quá trình Trung Quốc hóa tôn giáo: Chính sách tôn giáo giai đoạn 2013-2024* [196], tập trung nghiên cứu sự điều chỉnh chính sách tôn giáo dưới thời Tập Cận Bình. Công trình phân tích sâu chủ trương “Trung Quốc hóa tôn giáo” được Đảng Cộng sản Trung Quốc thúc đẩy từ năm 2013, nhấn mạnh vai trò then chốt của công tác Mặt trận Thống nhất trong quản lý, định hướng và đưa các tôn giáo hòa nhập vào hệ thống xã hội chủ nghĩa. Tác giả làm rõ mối quan hệ giữa đường lối chính trị và đời sống tôn giáo, cho thấy chính sách vừa mang tính kiểm soát, vừa có tính định hướng để tôn giáo phục vụ mục tiêu chính trị - xã hội. Kinh nghiệm này gợi mở cho nghiên cứu ở ĐBSCL: các cấp ủy, chính quyền không nên chỉ chú trọng quản lý hành chính đối với tôn giáo, mà cần tăng

cường công tác vận động, thuyết phục, phát huy giá trị tích cực của tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Qua đó, khẳng định và củng cố vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo trong bối cảnh hiện nay.

1.2. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.2.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến tôn giáo và công tác tôn giáo

Ngô Hữu Thảo (2012), *Công tác tôn giáo, từ quan điểm Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam* [112], là công trình có giá trị lý luận và thực tiễn, góp phần làm rõ nền tảng tư tưởng chỉ đạo công tác tôn giáo ở Việt Nam. Tác giả đã hệ thống hóa và luận giải sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và công tác tôn giáo; đồng thời phân tích việc vận dụng những quan điểm này vào thực tiễn hoạt động của hệ thống chính trị nước ta. Công trình làm rõ vai trò, chức năng của các cơ quan trong công tác tôn giáo, như: Ban Dân vận, Ban Tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, cho thấy sự phối hợp chặt chẽ giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị nhằm thực hiện hiệu quả chính sách tôn giáo. Qua đó, tác phẩm góp phần lý giải mối quan hệ giữa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo trong bối cảnh hiện nay. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp tác giả luận án nhận thức rõ hơn về cơ sở lý luận và thực tiễn trong công tác lãnh đạo, quản lý tôn giáo ở Việt Nam.

Nguyễn Minh Khải (2013), *Tín ngưỡng tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* [83], là công trình có giá trị lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu về tín ngưỡng, tôn giáo. Quyển sách tập trung luận giải một số vấn đề chung về tín ngưỡng, tôn giáo; phân tích tình hình, đặc điểm các loại hình tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; đồng thời trình bày quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ đổi mới. Công trình cũng đánh giá kết quả công tác tôn giáo, làm rõ âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch thông qua việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, và đề xuất các giải pháp đấu tranh nhằm làm

thất bại các hành động này. Công trình được tác giả luận án tham khảo để làm rõ tình hình, đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; Quan điểm, chính sách tín ngưỡng, tôn giáo và kết quả công tác tôn giáo; Đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chống phá cách mạng.

Đỗ Quang Hưng (2014), *Chính sách tôn giáo và nhà nước pháp quyền: Religious policy and rule of law state* [79], là tài liệu chuyên sâu phục vụ nghiên cứu về chính sách tôn giáo. Công trình phân tích, so sánh chính sách tôn giáo của một số quốc gia như Mỹ, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, qua đó nhấn mạnh rằng chính sách tôn giáo phải là một bộ phận của chính sách công. Trên cơ sở đó, tác giả xây dựng nội hàm khái niệm chính sách tôn giáo trong bối cảnh Việt Nam, gắn với yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền. Cuốn sách cung cấp cơ sở lý luận về vai trò của pháp luật trong quản lý tôn giáo, là nguồn tài liệu quan trọng giúp luận án tiếp cận có hệ thống các khái niệm liên quan đến nhà nước, tôn giáo và chính sách công, từ đó vận dụng vào việc phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN về tôn giáo ở nước ta hiện nay.

Bùi Hữu Dực (2014), *Quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo từ năm 1975 đến nay* [63], là luận án chuyên sâu làm rõ thực trạng, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong QLNN về tôn giáo ở Việt Nam. Tác giả hệ thống hóa quan điểm của Đảng và quá trình pháp điển hóa các quan điểm đó thành chính sách, pháp luật; phân tích cơ sở lý luận - thực tiễn của công tác QLNN về tôn giáo; đồng thời đánh giá kết quả QLNN về tôn giáo từ sau năm 1975 đến nay. Trên cơ sở đó, luận án đưa ra các dự báo và khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực QLNN về tôn giáo trong thời gian tới. Đây là tài liệu nền tảng, cung cấp luận cứ lý luận và thực tiễn quan trọng để luận án kế thừa trong phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tôn giáo tại địa phương.

Lê Thị Minh Thảo (2015), *Công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay - Lý luận và thực tiễn (qua khảo sát tại tỉnh Ninh Bình)* [111], là luận án chuyên sâu tập trung làm rõ ba nội dung chính. *Thứ nhất*, phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn

công tác tôn giáo, làm rõ các nhân tố ảnh hưởng đến việc thực hiện công tác tôn giáo hiện nay. *Thứ hai*, khảo sát quá trình thực hiện công tác tôn giáo tại tỉnh Ninh Bình thời kỳ Đổi mới, chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời rút ra bài học kinh nghiệm. *Thứ ba*, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo tại địa phương. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, cung cấp những gợi mở quan trọng để luận án vận dụng vào việc phân tích thực tiễn và đề xuất giải pháp lãnh đạo, quản lý công tác tôn giáo tại các tỉnh, thành vùng Tây Nam Bộ.

Đỗ Lan Hiền (2016), *Sự phát triển lý luận Mác - Lênin về tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh* [71], là công trình tập trung trình bày các nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo và sự phát triển các luận điểm đó trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và xã hội Việt Nam. Tác giả làm rõ cách Hồ Chí Minh kế thừa và vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin để hình thành quan điểm nhất quán về tự do tín ngưỡng, đoàn kết tôn giáo, dân tộc và phát huy vai trò tích cực của tôn giáo trong sự nghiệp cách mạng. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp luận án xây dựng cơ sở lý luận về tôn giáo, đồng thời góp phần củng cố nền tảng tư tưởng trong nghiên cứu quan điểm, chính sách tôn giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam hiện nay.

Phạm Thanh Hằng (2016), *Phật giáo Nam Tông Khmer với sự phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ* [67], làm rõ vai trò của Phật giáo Nam Tông trong đời sống cộng đồng Khmer ở Tây Nam Bộ. Tác giả khẳng định, cùng với quá trình hình thành và phát triển vùng đất này, người Khmer đã mang theo bản sắc văn hóa, tín ngưỡng truyền thống, trong đó Phật giáo Nam Tông dần trở thành tôn giáo chính thống từ thế kỷ IV. Phật giáo Nam Tông Khmer không chỉ gắn bó mật thiết với đời sống tinh thần của đồng bào Khmer mà còn có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển bền vững khu vực, như: bảo tồn văn hóa, giáo dục đạo đức, duy trì phong tục tập quán, tăng cường tính cố kết cộng đồng, bảo vệ môi trường và tham gia công tác xã hội. Công

trình là tài liệu tham khảo có giá trị cho luận án khi nghiên cứu tôn giáo nội sinh và phát huy vai trò xã hội của tôn giáo ở Tây Nam Bộ.

Hoàng Thị Hoa (2017), *Những nội dung cơ bản của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016* [74], trình bày hệ thống, cô đọng các nội dung lý luận và pháp lý liên quan đến QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Tác giả phân tích rõ cơ sở pháp lý của Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo (2016) và làm rõ trách nhiệm, thẩm quyền của các cấp chính quyền trong bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Nội dung được phân chia cụ thể theo các chủ thể: Chính phủ, cơ quan QLNN về tôn giáo ở Trung ương, UBND các cấp và cơ quan chuyên môn ở địa phương. Công trình là tài liệu tham khảo quan trọng, giúp luận án tiếp cận đầy đủ hệ thống các quy định hiện hành, xác định rõ chủ thể và nội dung QLNN về tôn giáo theo luật, từ đó làm cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp phù hợp với tình hình hiện nay.

Lê Bá Trình (2017), *Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác tôn giáo ở nước ta hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn* [158], phân tích sâu sắc vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phối hợp với các cơ quan nhà nước thực hiện công tác tôn giáo. Tác giả làm rõ nguyên tắc, nội dung và hình thức giám sát, phản biện xã hội nhằm bảo vệ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân trong khuôn khổ pháp luật, đồng thời góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Bài viết cũng chỉ ra những khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện chức năng giám sát và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Mặt trận trong lĩnh vực này. Công trình là tài liệu tham khảo quan trọng, giúp luận án tiếp cận từ góc độ phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị đối với công tác lãnh đạo, quản lý tôn giáo hiện nay.

Phạm Thanh Hằng (2017), *Kinh nghiệm của Trung Quốc trong giải quyết vấn đề tôn giáo và gợi ý đối với Việt Nam* [68], phân tích các chính sách và biện pháp quản lý tôn giáo của Trung Quốc như: kiểm soát xuất bản ấn phẩm tôn giáo, phong phẩm và bổ nhiệm chức sắc, xây dựng cơ sở thờ tự, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức bộ máy quản lý từ trung ương đến địa phương. Từ

kinh nghiệm của Trung Quốc, bài viết đưa ra một số gợi ý cho Việt Nam trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật tôn giáo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo, đặc biệt ở các địa bàn đặc thù như vùng Tây Nam Bộ. Công trình là tài liệu tham khảo hữu ích giúp luận án có thêm cơ sở so sánh quốc tế, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam.

Vũ Chiên Thắng (2018), *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công tác tôn giáo ở nước ta hiện nay* [107], phân tích vai trò và thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo trong bối cảnh tôn giáo ngày càng đa dạng, phức tạp. Tác giả nhấn mạnh, đội ngũ này giữ vai trò then chốt trong việc triển khai chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, song vẫn tồn tại hạn chế như thiếu chuyên môn sâu, áp lực công việc lớn và chưa gắn bó lâu dài với nghề. Bài viết đề xuất các giải pháp như: đào tạo chuyên ngành công tác tôn giáo; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức; kiện toàn tổ chức bộ máy; bố trí cán bộ phù hợp năng lực; có chính sách đãi ngộ hợp lý. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp luận án làm rõ vai trò của cán bộ tôn giáo trong hệ thống chính trị và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo ở địa phương.

Hoàng Minh Đô và Nguyễn Phú Lợi (đồng chủ biên) (2019), *Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam* [60], là công trình nghiên cứu chuyên sâu do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh thực hiện. Tác phẩm gồm 8 chương, tập trung phân tích toàn diện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với Phật giáo Nam tông Khmer và cộng đồng dân tộc Khmer vùng Tây Nam Bộ. Nội dung sách làm rõ tổ chức Phật giáo Nam tông Khmer, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước, đội ngũ chức sắc, nhà tu hành, tín đồ, cơ sở thờ tự và các chính sách tương ứng. Ngoài ra, công trình còn chỉ ra những vấn đề đặt ra trong thực tiễn, các nhân tố tác động và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với Phật giáo Nam tông Khmer. Đây là tài liệu quan trọng giúp luận án tham khảo trong nghiên cứu công tác tôn giáo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số vùng ĐBSCL.

Hoàng Thị Lan (2019), *Một số nguyên tắc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* [86], trình bày một cách hệ

thống các nguyên tắc cơ bản trong xử lý các vấn đề tôn giáo ở nước ta. Tác giả nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ nghiêm túc quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời giữ vững ổn định chính trị - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Một nguyên tắc quan trọng được nêu là sự phân định rõ ràng giữa hoạt động tôn giáo chính đáng và việc lợi dụng tôn giáo vào mục đích chính trị phản động. Những nguyên tắc này không chỉ mang giá trị chỉ đạo thực tiễn mà còn là cơ sở tham khảo quan trọng trong hoạch định chính sách và xử lý các tình huống tôn giáo phức tạp hiện nay. Công trình góp phần bổ sung nền tảng lý luận cho luận án trong tiếp cận công tác lãnh đạo, quản lý tôn giáo.

Phạm Công Hiệp (2019), *Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo* [73], làm rõ vai trò của công tác thanh tra chuyên ngành trong QLNN về tôn giáo. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng thanh tra nhằm đảm bảo tính tuân thủ pháp luật, công bằng và minh bạch trong quản lý hoạt động tôn giáo. Bài viết không chỉ phân tích thực trạng, chỉ ra những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, mà còn đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, góp phần giúp luận án định hướng khảo sát thực tiễn, nhận diện bất cập và hoàn thiện cơ chế giám sát trong QLNN về tôn giáo.

Trần Thanh Mẫn (2019), *Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc* [91], phân tích vai trò nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tập hợp, đoàn kết các tôn giáo, huy động nguồn lực tôn giáo phục vụ mục tiêu phát triển đất nước. Bài viết nhấn mạnh vai trò của Mặt trận các cấp trong công tác tuyên truyền, vận động, tranh thủ chức sắc và tín đồ thực hiện đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, qua đó củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ những phân tích trên, tác phẩm cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng để luận án vận dụng, đề xuất giải pháp đổi mới phương thức lãnh đạo

công tác tôn giáo, đặc biệt tại vùng Tây Nam Bộ - nơi có đặc thù tôn giáo đa dạng, gắn bó chặt chẽ với cộng đồng dân cư.

Hà Ngọc Anh (2020), *Quản lý Nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* [1], là công trình nghiên cứu công phu, có giá trị lý luận và thực tiễn về QLNN trong lĩnh vực tôn giáo. Tác giả làm rõ các khái niệm cơ bản như: tôn giáo, tín ngưỡng, QLNN đối với hoạt động tôn giáo; đồng thời trình bày 17 nội dung và 3 phương thức QLNN về tôn giáo (gồm: pháp luật, chính sách và thanh tra, kiểm tra). Công trình giúp luận án nhận diện được hệ thống nội dung, nguyên tắc, công cụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực này. Trên cơ sở tiếp cận từ góc độ triết học, luận án đã kế thừa và phát triển thêm, phân biệt rõ giữa nội dung QLNN về tôn giáo và quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo, từ đó làm rõ phương thức tiếp cận và phạm vi nghiên cứu trong quá trình triển khai đề tài.

Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* [174], là công trình cung cấp cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu quan điểm, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, cũng như QLNN đối với lĩnh vực này. Đặc biệt, tác phẩm có giá trị tham khảo đối với luận án ở nội dung xác định chủ thể QLNN về tôn giáo. Công trình cũng phân biệt rõ ba khái niệm: QLNN về tôn giáo, QLNN về hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo, từ đó giúp tác giả luận án có cái nhìn rành mạch, khoa học trong việc xác định mục tiêu, phạm vi và hướng tiếp cận phù hợp cho đề tài nghiên cứu. Đây là nguồn tài liệu có tính định hướng quan trọng về mặt lý luận và phương pháp tiếp cận trong lĩnh vực tôn giáo hiện nay.

Nguyễn Thị Hạnh (2020), *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* [69], trình bày hệ thống và toàn diện quan điểm của Hồ Chí Minh về tôn giáo. Tác giả nhấn mạnh tư tưởng nhất quán của Người về quyền tự do tín ngưỡng, tinh thần khoan dung, đoàn kết giữa đồng bào có đạo và không có đạo. Bài viết phân tích những nguyên tắc, phương pháp quản lý các vấn đề tôn giáo phù hợp với điều kiện đất nước, đồng thời đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm xử

lý hiệu quả các tình huống phát sinh trong hoạt động tôn giáo, bảo đảm ổn định chính trị và lợi ích chung. Công trình là tài liệu tham khảo quan trọng, giúp luận án vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp trong công tác QLNN đối với tôn giáo hiện nay.

Nguyễn Ngọc Huân (2020), *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo pháp luật Việt Nam hiện nay* [78], là luận án chuyên sâu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam. Công trình phân tích khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật tôn giáo; đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành điều chỉnh lĩnh vực tôn giáo và việc thực thi quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tác giả chỉ ra những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đề xuất các tiêu chí hoàn thiện pháp luật và các yếu tố bảo đảm thực thi quyền tự do tín ngưỡng trong thực tiễn. Công trình là nguồn tài liệu quan trọng giúp luận án bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn trong phân tích pháp luật tôn giáo, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN về tôn giáo trong bối cảnh hiện nay.

Nguyễn Văn Sỹ (2022), *Hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ hiện nay* [105], là công trình nghiên cứu về vai trò xã hội của tôn giáo trong bối cảnh mới. Tác giả làm rõ đặc điểm Tây Nam Bộ là vùng đa dạng tôn giáo, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, nơi đang đối mặt với nhiều thách thức an sinh xã hội trong quá trình toàn cầu hóa và phát triển kinh tế. Công trình gồm 3 chương: Chương 1 trình bày cơ sở lý luận về an sinh xã hội; Chương 2 phân tích hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh; Chương 3 đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả các hoạt động này. Công trình là nguồn tư liệu có giá trị, giúp luận án tham khảo về vai trò xã hội tích cực của các tổ chức tôn giáo nội sinh, từ đó bổ sung góc nhìn thực tiễn trong xây dựng chính sách tôn giáo và phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển cộng đồng.

Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam* [5], là tài liệu có giá trị thực tiễn cao, cung cấp bức tranh toàn diện về tình hình tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam hiện nay. Sách gồm 3 chương: Chương I giới thiệu thông tin cơ bản về các tôn giáo ở Việt Nam;

Chương II trình bày chính sách tôn giáo; Chương III đánh giá những thành tựu, thách thức trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Ngoài ra, phần phụ lục cung cấp hình ảnh, số liệu thực tế, danh mục các tổ chức tôn giáo được công nhận, và trích dẫn Điều 24, Hiến pháp năm 2013. Với hệ thống số liệu phong phú, tin cậy, công trình là nguồn tài liệu quý giúp luận án bổ sung căn cứ thực tiễn và minh chứng rõ ràng cho việc phân tích chính sách, pháp luật và thực tiễn công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Nguyễn Tuấn Thùy (2023), *Pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam - những vấn đề đặt ra hiện nay* [118], khái quát khái niệm pháp nhân tôn giáo và quá trình công nhận tư cách pháp nhân cho các tổ chức tôn giáo ở Việt Nam trước và sau khi ban hành Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo năm 2016. Luận án phân tích sự chuyển biến từ việc công nhận từng tổ chức cụ thể vào cuối thế kỷ XX, đến việc từng bước hoàn thiện địa vị pháp lý theo Pháp lệnh năm 2004, và sau đó là sự công nhận tư cách pháp nhân theo quy định của Luật năm 2016. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn giúp luận án làm rõ hơn tiến trình công nhận pháp nhân tôn giáo tại vùng Tây Nam Bộ, đặc biệt là với các tôn giáo nội sinh - nơi có đặc điểm tổ chức phong phú và yêu cầu quản lý pháp lý ngày càng đặt ra cấp thiết.

Lê Văn Quang và Phan Hải Dương (2023), *Hội nhóm bất hợp pháp mang danh nghĩa tôn giáo* [102], là công trình nghiên cứu chuyên sâu về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo để chống phá Nhà nước. Tác phẩm phân tích rõ việc các thế lực thù địch triệt để khai thác vấn đề tôn giáo trong chiến lược “diễn biến hòa bình”, thông qua việc thành lập các hội nhóm bất hợp pháp núp bóng tôn giáo nhằm tập hợp lực lượng, kích động biểu tình, gây rối và tiến tới lật đổ chế độ khi có điều kiện. Sách gồm 3 chương: Chương 1 làm rõ nhận thức chung về hội nhóm bất hợp pháp mang danh nghĩa tôn giáo; Chương 2 phân tích thực trạng hoạt động của các hội nhóm này; Chương 3 nêu các vấn đề đặt ra trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự. Công trình cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng giúp luận án nhận diện, đánh giá các nguy cơ đe dọa an ninh tôn giáo trong bối cảnh hiện nay.

Hoàng Thị Lan (2023), *Nhận diện một số thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam* [87], phân tích các thủ đoạn mà các thế lực thù địch, phân tử cực đoan sử dụng để lợi dụng tôn giáo chống phá Việt Nam. Bài viết chỉ rõ các hình thức như: truyền đạo trái phép trong đồng bào dân tộc thiểu số nhằm hình thành tư tưởng ly khai, chủ nghĩa dân tộc cực đoan; xuyên tạc chính sách tôn giáo để can thiệp nội bộ và gây sức ép trong quan hệ đối ngoại; tôn giáo hóa các vấn đề chính trị, xã hội; khai thác các hạn chế trong thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo; kích động tranh chấp đất liên quan cơ sở tôn giáo; lợi dụng mạng xã hội, diễn đàn quốc tế và hoạt động từ thiện. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị giúp luận án nhận diện đúng bản chất các thách thức an ninh phi truyền thống trong lĩnh vực tôn giáo hiện nay.

Đỗ Thị Thanh Hương (2023), *Bác bỏ luận điệu vu cáo Việt Nam vi phạm quyền tự do tôn giáo* [80], tập trung phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, đặc biệt là thông qua Báo cáo Tự do tôn giáo quốc tế năm 2021 của Ủy ban Tự do tôn giáo quốc tế Hoa Kỳ. Tác giả chỉ rõ âm mưu lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước và làm tổn hại uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Trên cơ sở các bằng chứng thực tiễn về đời sống tôn giáo phong phú, đa dạng và chính sách nhất quán bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo cho mọi công dân, bài viết khẳng định tính đúng đắn, nhân văn trong chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Công trình là nguồn tài liệu tham khảo thiết thực, giúp luận án bổ sung luận cứ phản biện trước các thông tin sai lệch về tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

Đào Đình Thường (2024), *Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ* [116], phân tích âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động tư tưởng ly khai trong cộng đồng Khmer, đặc biệt là Khmer Krôm, nhằm thành lập một “Nhà nước Khmer Krôm” độc lập. Bài viết làm rõ tính nguy hiểm của âm mưu này trong bối cảnh phức tạp của khu vực Tây Nam Bộ, đồng thời đề xuất các biện pháp đấu tranh, ngăn chặn hiệu quả. Tác phẩm nhấn mạnh yêu cầu củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ an ninh quốc gia và bảo

đảm quyền lợi hợp pháp cho đồng bào dân tộc thiểu số. Đây là tài liệu tham khảo quan trọng, cung cấp cơ sở thực tiễn phục vụ luận án trong việc nhận diện, xử lý các thách thức liên quan đến công tác dân tộc - tôn giáo ở vùng Tây Nam Bộ.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo

Nguyễn Đức Lữ (2011), *Tôn giáo - quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay* [89], đã trình bày hệ thống các cơ sở lý luận và thực tiễn chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Qua đó, tác giả tiến hành trình bày các quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong tiến trình cách mạng Việt Nam trước và trong thời kỳ đổi mới. Đặc biệt, tác giả nêu một cách sơ lược QLNN đối với tôn giáo của nhà nước Việt Nam hiện nay trong toàn bộ chương 4 của cuốn sách. Đây là công trình có ý nghĩa tham khảo trong phần lý luận về toàn bộ khái niệm, chủ thể, nội dung, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo; những ảnh hưởng của các nhân tố đến mặt công tác này, đặc biệt về tình hình quốc tế có liên quan.

Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay* [64], đã hệ thống và phân tích quá trình hình thành, phát triển tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, đặc biệt trong thời kỳ đổi mới. Công trình làm rõ quan điểm nhất quán của Đảng về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tôn giáo để chống phá. Tác giả phân tích sâu các vấn đề nổi bật như mối quan hệ giữa tôn giáo và chính trị, vai trò xã hội của tổ chức tôn giáo, xu hướng tôn giáo mới và tác động của toàn cầu hóa. Trên cơ sở đó, đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị lý luận và thực tiễn, được sử dụng để xây dựng khung lý thuyết và đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trong luận án.

Nguyễn Thị Liên (2014), *Công tác vận động đồng bào các tôn giáo do Đảng thực hiện trong giai đoạn lịch sử từ 1930 đến 1954* [88] đây là giai đoạn quan trọng trong quá trình Đảng Việt Nam hình thành và khát vọng lãnh

đạo dân tộc. Luận án cung cấp nguồn tư liệu phong phú, hệ thống hoá các chủ trương, chính sách, hoạt động vận động tôn giáo trong từng giai đoạn (cổ vũ, giác ngộ, liên kết...), nêu bật vai trò tổ chức, phương thức vận động và thách thức mà Đảng phải đối mặt. Kết quả nghiên cứu giúp làm sáng rõ quan điểm cơ bản của Đảng đối với tôn giáo, cách Đảng kết hợp chính trị với truyền bá đường lối, củng cố khối đoàn kết các tín đồ, và những bài học cho công tác lãnh đạo tôn giáo sau này.

Trần Khắc Việt, Nguyễn Văn Giang, Phạm Tất Thắng (đồng chủ biên) (2015), *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện mới* [173], phân tích sâu sắc nội dung và yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình hiện nay. Công trình nhấn mạnh sự cần thiết đổi mới quy trình ban hành nghị quyết; tránh tình trạng tùy tiện, áp đặt; xác định rõ vai trò, trách nhiệm của đảng đoàn, ban cán sự đảng và người đứng đầu trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện. Tài liệu là cơ sở tham khảo quan trọng giúp luận án làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy, đặc biệt trong tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo tại địa phương.

Hoàng Chí Bảo (2016), *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân* [20], nhấn mạnh yêu cầu Đảng phải tự đổi mới để lãnh đạo hiệu quả công cuộc đổi mới chính trị, xã hội. Tác giả chỉ rõ mối quan hệ giữa Đảng với các đoàn thể là biểu hiện sinh động của quan hệ giữa Đảng với nhân dân, trong đó lãnh đạo bằng nêu gương là phương thức hiệu quả nhất. Đặc biệt, bài viết đề cao vai trò chiến lược cán bộ, yêu cầu bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Mặt trận và đoàn thể toàn diện về năng lực, phẩm chất và phong cách công tác. Công trình là tài liệu tham khảo quan trọng giúp luận án xác định rõ yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ trong lãnh đạo công tác tôn giáo tại cơ sở.

Phạm Đức Kiên (2017), *Đảng lãnh đạo kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội từ năm 1991 đến nay* [84], trình bày có hệ thống quá trình Đảng lãnh đạo phát triển kinh tế gắn với thực hiện chính sách xã hội

trong giai đoạn đổi mới. Tác phẩm chia thành ba chương, tập trung phân tích chủ trương, kết quả và bài học kinh nghiệm từ năm 1991 đến nay. Công trình làm rõ mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với bảo đảm an sinh xã hội, khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng trong quản lý phát triển đất nước. Đây là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp luận án vận dụng trong phân tích mối quan hệ giữa kinh tế, xã hội và công tác tôn giáo, một lĩnh vực xã hội đặc thù trong quá trình phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Nguyễn Thị Tĩnh (2017), *Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới* [156], là công trình khoa học khái quát hệ thống chủ trương, chính sách và văn bản chỉ đạo của Đảng từ năm 1986 đến nay về xây dựng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số. Bài viết nhấn mạnh vai trò, vị trí và yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển đất nước, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị giúp luận án tiếp cận sâu hơn về công tác cán bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số nơi có sự gắn kết mật thiết giữa dân tộc và tôn giáo như ở ĐBSCL hiện nay.

Trần Đình Thắng (2020), *Đảng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước* [106], phân tích sâu sắc cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn quá trình Đảng lãnh đạo cải cách chế độ công vụ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ năm 1945 đến nay. Công trình nhấn mạnh vai trò chỉ đạo toàn diện của Đảng trong xây dựng nền công vụ hiện đại, chuyên nghiệp, đề xuất nhiều giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ. Đây là tài liệu tham khảo có ý nghĩa thực tiễn, góp phần giúp luận án làm rõ nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ làm công tác tôn giáo ở địa phương, lực lượng trực tiếp tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng về tôn giáo.

Trần Thúy Ngọc, Nguyễn Thị Lan Hương (2021), *Sự phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo trong thời kỳ đổi mới* [101] phân tích tiến trình đổi mới tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo. Tác giả nhấn mạnh bước ngoặt Nghị quyết 24-NQ/TW (1990) của Bộ Chính trị, lần đầu tiên khẳng định tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài, là nhu cầu tinh thần chính đáng của một bộ

phận nhân dân và có những giá trị đạo đức phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Quan điểm đó thể hiện sự phát triển lý luận quan trọng, từ chỗ nhìn nhận tôn giáo chủ yếu như trở ngại, sang xem tôn giáo vừa là thách thức, vừa là nguồn lực xã hội có thể đồng hành cùng dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bài viết cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để khẳng định sự nhất quán, sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn Đổi mới.

Nguyễn Văn Thọ và Nguyễn Viết Thông (2021), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước* [113], tổng hợp kết quả nghiên cứu từ một đề tài cấp nhà nước. Tác phẩm làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và kinh nghiệm quốc tế về đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước sau 35 năm đổi mới. Trên cơ sở đó, các tác giả đề xuất quan điểm, định hướng và giải pháp đáp ứng yêu cầu đổi mới trong tình hình mới. Công trình là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp luận án hoàn thiện cơ sở lý luận và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo của cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành vùng ĐBSCL.

Thiều Thị Hương (2021), *Tìm hiểu nội dung tín ngưỡng, tôn giáo trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng* [81], phân tích sâu sắc quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về tín ngưỡng, tôn giáo trong giai đoạn hiện nay. Tác giả nhấn mạnh vai trò tích cực của tôn giáo trong việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy phát triển đất nước. Đồng thời, bài viết chỉ rõ những thách thức trong công tác tôn giáo và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước. Công trình là tài liệu tham khảo thiết thực, góp phần định hướng nghiên cứu và thực tiễn vận dụng các nội dung của Văn kiện Đại hội XIII trong lãnh đạo, quản lý tôn giáo hiện nay.

Trình Quốc Hưng, Phan Quang Mạnh (2022), *Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền chống phá cách mạng nước ta* [82] phân tích âm mưu, thủ đoạn

của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền để chống phá cách mạng Việt Nam, nhằm làm suy yếu hệ thống chính trị và phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tác giả nhấn mạnh vai trò then chốt của hệ thống chính trị cơ sở trong trực tiếp triển khai, vạch trần và ngăn chặn các hoạt động chống phá; đồng thời qua thực tiễn phát hiện những bất cập, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền. Bài viết đề xuất các giải pháp: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị cơ sở; đổi mới công tác tuyên truyền; phát huy vai trò già làng, chức sắc tôn giáo; củng cố tổ chức cơ sở đảng; hoàn thiện chính sách pháp luật. Công trình góp phần khẳng định hệ thống chính trị cơ sở là “lá chắn thép” trong bảo vệ nền tảng tư tưởng và sự ổn định chính trị - xã hội ở cơ sở.

Trần Hoàng Khải (2022), *Các tỉnh ủy ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer giai đoạn hiện nay* [84], làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với công tác cán bộ là người Khmer. Trên cơ sở khảo sát thực trạng, tác giả chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và kinh nghiệm, đồng thời đề xuất bảy nhóm giải pháp toàn diện nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ người Khmer. Công trình là tài liệu có giá trị thực tiễn cao, giúp luận án bổ sung căn cứ để nghiên cứu công tác xây dựng đội ngũ cán bộ tôn giáo là người dân tộc thiểu số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Trần Nam Chuân (2023), *Quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo và quản lý hoạt động tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* [30] hệ thống hóa đường lối nhất quán của Đảng, Nhà nước về tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, từ tư tưởng Hồ Chí Minh (1945, Sắc lệnh 234/SL năm 1955) đến khuôn khổ pháp lý hiện đại: Pháp lệnh 2004, Nghị định 22/2005, Hiến pháp 2013 (Điều 24), Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo 2016, Nghị định 162/2017 và các nội dung nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII. Tác giả nêu thực trạng tích cực: năm 2022 Nhà nước công nhận 43 tổ chức thuộc 16 tôn giáo; đồng thời chỉ ra thách thức từ việc lợi dụng tôn giáo, dân chủ-nhân quyền để chống phá. Bài viết đề xuất nhóm giải pháp: quán triệt chính

sách, gắn công tác tôn giáo với đại đoàn kết dân tộc và phát triển vùng có đạo; củng cố hệ thống chính trị cơ sở, xây dựng đội ngũ; hoàn thiện pháp luật, kiên quyết đấu tranh với lợi dụng tôn giáo, bảo đảm ổn định chính trị-xã hội.

Trần Thị Minh và Nguyễn Thị Tô Uyên (2023), *Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới* [99], trình bày cơ sở lý luận, thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng trong bối cảnh hiện nay. Công trình đánh giá quá trình nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng qua hơn 35 năm đổi mới, đồng thời đề xuất các phương hướng, giải pháp nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo, giúp luận án làm rõ vai trò, năng lực cầm quyền của cấp ủy trong lãnh đạo công tác tôn giáo, đặc biệt trong điều kiện tình hình tôn giáo ở ĐBSCL có nhiều biến động hiện nay.

Đoàn Trung Dũng (2024), *Các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng* [61], làm rõ vai trò và kết quả lãnh đạo của cấp ủy địa phương đối với nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, một nhiệm vụ trung tâm, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng. Tác giả phân tích đặc điểm vùng ĐBSCL và đánh giá hiệu quả công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch tại đây. Bài viết đề xuất một số giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng công tác này. Công trình là tài liệu tham khảo quan trọng, góp phần bổ sung cơ sở thực tiễn cho luận án trong nghiên cứu vai trò lãnh đạo của tỉnh ủy đối với các lĩnh vực trọng yếu, trong đó có công tác tôn giáo.

Lê Văn Điện (2025), *Thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh* [58], phân tích cơ sở lý luận về tư tưởng Hồ Chí Minh đối với chính sách dân tộc, làm rõ giá trị và nội dung cốt lõi trong tư tưởng của Người. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn từ năm 2018 đến nay, luận án đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer ở Tây Nam Bộ, dự báo các yếu tố tác động và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách trong thời gian tới. Công trình là tài liệu tham

khảo thiết thực, giúp luận án tiếp cận từ góc độ tư tưởng Hồ Chí Minh để làm rõ mối quan hệ giữa công tác dân tộc và công tác tôn giáo trong khu vực có đặc điểm văn hóa - tín ngưỡng đặc thù.

Lê Thị Diễm Trinh (2025), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các tỉnh ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay* [158], làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác vận động đồng bào Khmer do tỉnh ủy lãnh đạo. Trên cơ sở khảo sát thực trạng từ năm 2015 đến nay, tác giả đánh giá ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và rút ra kinh nghiệm thực tiễn. Luận án đồng thời phân tích các yếu tố thuận lợi, khó khăn và đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả công tác vận động đồng bào Khmer trong thời gian tới. Công trình là tài liệu có giá trị thực tiễn cao, giúp luận án tham khảo để làm rõ vai trò của cấp ủy trong lãnh đạo công tác tôn giáo gắn với vận động đồng bào dân tộc thiểu số tại Tây Nam Bộ.

1.3. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CÓ LIÊN QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG GIẢI QUYẾT

1.3.1. Khái quát các công trình nghiên cứu đã tổng quan

Các công trình nghiên cứu nêu trên đã cung cấp những luận cứ khoa học thiết thực, là nguồn tham khảo quan trọng cho việc triển khai đề tài. Giá trị khoa học của các công trình có thể khái quát ở một số nội dung chủ yếu sau:

Một là, về phương diện lý luận.

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp những luận cứ quan trọng cho việc nghiên cứu tôn giáo và công tác tôn giáo ở Việt Nam. Trước hết, nhiều tác giả phân tích, làm rõ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, coi đây là nền tảng để Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng trong hoạch định đường lối, chính sách qua các giai đoạn cách mạng. Từ việc khẳng định tôn giáo là hiện tượng xã hội còn tồn tại lâu dài, đến chủ trương bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, không tín ngưỡng của nhân dân, các công trình đều nhấn mạnh tính tất yếu của việc giải quyết đúng đắn vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Bên cạnh đó, nhiều nghiên cứu khái quát lịch sử hình thành, biến đổi của các tôn giáo ở Việt Nam, chỉ ra sự đa dạng và tác động đa chiều của tôn giáo đối với đời sống tinh thần, văn hóa, chính trị, xã hội. Một số công trình phân tích mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và tôn giáo, nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản nhằm phát huy giá trị tích cực, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực của tôn giáo. Đây là những cơ sở khoa học quan trọng để luận án kế thừa trong phân tích vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo.

Ngoài ra, các nghiên cứu cũng đề cập đến sự tác động qua lại giữa tôn giáo với kiến trúc thượng tầng và điều kiện kinh tế - xã hội. Riêng ở ĐBSCL, nơi hội tụ nhiều tôn giáo nội sinh và ngoại nhập, tôn giáo vừa góp phần duy trì bản sắc văn hóa, tăng cường đoàn kết cộng đồng, vừa tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng vào mục đích chính trị. Tuy nhiên, nhìn tổng thể, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và hệ thống các quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo cũng như sự lãnh đạo công tác tôn giáo ở cấp tỉnh, thành trong vùng ĐBSCL hiện nay.

Hai là, về phương diện thực tiễn.

Các công trình khoa học đã phân tích khá sâu sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các lĩnh vực trọng yếu, trong đó có công tác tôn giáo. Nhiều nghiên cứu làm rõ nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, khẳng định vai trò trung tâm của cấp ủy trong hoạch định và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo. Một số công trình tiếp cận trực tiếp đến vai trò của cấp ủy cấp tỉnh, chỉ ra mối quan hệ giữa lãnh đạo chính trị và đời sống tôn giáo, qua đó góp phần làm sáng tỏ cơ sở thực tiễn của công tác này.

Trên cơ sở đó, nhiều nghiên cứu đã phản ánh thực tiễn sinh động từ các địa phương, trong đó có vùng ĐBSCL. Các tác giả đề cập đến tác động của điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa - xã hội đối với đời sống tôn giáo; đồng thời phân tích những khó khăn, thách thức như sự đa dạng tôn giáo, hoạt động truyền đạo trái phép, hay việc lợi dụng tôn giáo để chống phá, chia rẽ khối đại

đoàn kết toàn dân tộc. Đây là những khía cạnh thực tiễn có giá trị tham khảo quan trọng cho luận án khi nghiên cứu tình hình cụ thể ở ĐBSCL.

Ngoài ra, một số công trình cũng đưa ra giải pháp nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng ở cấp tỉnh đối với lĩnh vực tôn giáo, tập trung vào đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả phối hợp trong hệ thống chính trị, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Tuy nhiên, các nghiên cứu này chủ yếu dừng ở mức khái quát, chưa đi sâu, toàn diện và hệ thống hóa thực tiễn lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL hiện nay. Khoảng trống khoa học này càng khẳng định tính cấp thiết và ý nghĩa thực tiễn của đề tài luận án.

Ba là, về phương hướng và giải pháp.

Các công trình nghiên cứu đã gợi mở nhiều định hướng quan trọng trong việc hoàn thiện cơ chế, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của Đảng. Nhiều tác giả nhấn mạnh yêu cầu nâng cao nhận thức và trách nhiệm chính trị của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể về vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, bảo đảm sự thống nhất trong triển khai chủ trương, chính sách. Một số nghiên cứu đề xuất tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đặc biệt là các quan điểm mới trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng để tạo cơ sở lý luận vững chắc cho công tác lãnh đạo.

Trên cơ sở thực tiễn, các công trình cũng đưa ra nhiều giải pháp khả thi: kiện toàn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy; chú trọng xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo; đổi mới nội dung, phương thức vận động quần chúng có đạo; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, cơ sở thờ tự và hoạt động đối ngoại tôn giáo. Đây là những định hướng tham khảo quan trọng, tạo tiền đề để luận án xây dựng hệ thống giải pháp phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL.

Luận án kế thừa các kết quả nghiên cứu trước, đồng thời hệ thống hóa và cụ thể hóa phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo trong giai đoạn mới, đi sâu phân tích đặc điểm tôn giáo của

ĐBSCL và hình thành một hệ thống giải pháp đồng bộ, toàn diện cho công tác lãnh đạo của tỉnh, thành ủy trong vùng. Điều này vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong lãnh đạo công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

1.3.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Kế thừa những thành tựu khoa học đã đạt được từ các công trình nghiên cứu trước, đồng thời trên cơ sở khai thác, bổ sung các nguồn tư liệu và thông tin mới, luận án tập trung đi sâu phân tích, luận giải và làm sáng tỏ những vấn đề trọng yếu sau đây:

Một là, luận án luận giải những vấn đề về các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo; làm rõ đặc điểm, vai trò của các tỉnh, thành phố trong khu vực; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và vai trò của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy; đặc điểm và vai trò của tôn giáo, công tác tôn giáo ở địa phương. Trên cơ sở đó, luận án xây dựng khung lý thuyết về sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo, trong đó xác định rõ khái niệm, chủ thể, đối tượng, lực lượng tham gia, mục tiêu, nội dung và vai trò của công tác lãnh đạo này.

Hai là, luận án khảo sát, đánh giá thực trạng các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo trên cơ sở khung lý thuyết đã xây dựng, tập trung vào các nội dung và phương thức lãnh đạo. Qua đó, chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế; đồng thời rút ra những kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình lãnh đạo công tác tôn giáo tại địa phương.

Ba là, luận án phân tích, dự báo các yếu tố tác động đến việc tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi, trong đó có những giải pháp mới, mang tính đột phá nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Thông qua hệ thống, phân tích và đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan, luận án đã tiếp cận được một cách toàn diện những nội dung cơ bản về cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với tôn giáo và công tác tôn giáo. Đây là nền tảng tư tưởng lý luận quan trọng để luận án triển khai nghiên cứu nội dung, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL hiện nay. Đồng thời, việc khảo cứu các công trình về thực trạng Đảng lãnh đạo các lĩnh vực trọng yếu trong đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tôn giáo, đã giúp luận án kế thừa nhiều kết quả lý luận và thực tiễn liên quan đến vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo công tác tôn giáo. Tuy vậy, phần lớn các công trình này chủ yếu tiếp cận ở bình diện quốc gia hoặc phân tích từng khía cạnh cụ thể, thiếu sự chuyên biệt về không gian vùng và cấp lãnh đạo. Đặc biệt, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống và toàn diện về nội dung, phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong bối cảnh hiện nay.

Từ việc xác định các khía cạnh khoa học nêu trên, cùng với cơ sở khảo sát thực tế và trao đổi trực tiếp với cán bộ làm công tác tôn giáo, chức sắc và tín đồ các tôn giáo tại địa phương, luận án sẽ kế thừa có chọn lọc những kết quả nghiên cứu trước đó, đồng thời phát hiện và đề xuất thêm các giải pháp mới có tính khả thi, sát hợp với đặc điểm tình hình vùng. Việc đánh giá tổng quan này cho phép luận án xác định rõ giá trị kế thừa, những vấn đề còn bỏ ngỏ và định hướng cần tiếp tục làm rõ. Từ đó, luận án khẳng định tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn của việc nghiên cứu sự lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL một khoảng trông mà đến nay chưa có công trình nào trực tiếp và toàn diện đề cập. Đây cũng là lý do xác đáng để tác giả lựa chọn làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ.

Chương 2

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. TỈNH, THÀNH PHỐ VÀ TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG HIỆN NAY

2.1.1. Tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

** Khái quát về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên*

ĐBSCL hay còn gọi là Tây Nam Bộ, là vùng đất nằm ở cực Nam Tổ quốc, phía Nam bán đảo Đông Dương. Với vị trí liền kề Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây Nam giáp Vịnh Thái Lan và phía Đông Nam giáp Biển Đông, ĐBSCL được xem là một “bán đảo của bán đảo”, hội tụ các yếu tố địa - chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế và đối ngoại. Địa hình toàn vùng tương đối bằng phẳng, hệ thống sông ngòi dày đặc, chủ yếu là sông Tiền, sông Hậu và kênh rạch nội đồng, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và giao thông thủy. Vùng có tổng diện tích khoảng 40.000 km², chiếm 12,2% diện tích cả nước [116, tr.85]. Về lịch sử hành chính, ĐBSCL từng là địa bàn phân bố chủ yếu của văn hóa Óc Eo và trung tâm của vương quốc Phù Nam cổ. Kể từ thế kỷ XVII, vùng đất này từng bước được sáp nhập vào lãnh thổ Đại Việt thời chúa Nguyễn, sau đó trở thành một bộ phận của xứ Đàng Trong, Nam Kỳ, và Nam Bộ. Từ sau Hiệp định Genève năm 1954, Nam Bộ được phân định thành Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ. Trong tiến trình phát triển, ĐBSCL luôn là bộ phận hữu cơ không thể tách rời của quốc gia - dân tộc Việt Nam, đóng vai trò chiến lược trong bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ và phát triển đất nước.

Vùng có địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống sông ngòi chằng chịt, chịu ảnh hưởng của thủy triều và lũ từ thượng nguồn sông Mekong, tạo nên điều kiện thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Bờ biển dài khoảng 750 km, cùng vùng biển và đặc quyền kinh tế rộng hơn 360.000 km² [134, tr.86], giúp ĐBSCL trở thành địa bàn trọng yếu trong phát triển kinh tế biển, thủy sản và

năng lượng tái tạo. Hệ thống giao thông ngày càng được cải thiện với các tuyến cao tốc, cảng biển và mạng lưới giao thông đường thủy, đặc biệt thuận lợi cho giao lưu kinh tế - văn hóa trong nước và quốc tế.

Sau khi tiến hành sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính từ ngày 01/7/2025, vùng ĐBSCL có 5 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm: Thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang và tỉnh Cà Mau. Đây là những địa phương giữ vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đồng thời là “phên dậu” bảo đảm quốc phòng, an ninh của khu vực và cả nước. Cần Thơ trở thành trung tâm vùng với diện tích và dân số mở rộng sau khi sáp nhập, khẳng định vị thế hạt nhân về kinh tế, giáo dục, khoa học - công nghệ và y tế. Đồng Tháp, với thế mạnh nông nghiệp, thủy sản và cửa khẩu quốc tế, tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế cửa khẩu và hội nhập khu vực. Vĩnh Long, nằm giữa hai nhánh sông Tiền và Hậu, phát huy lợi thế trung chuyển, kinh tế vườn và giáo dục đào tạo nguồn nhân lực cho toàn vùng. An Giang, tỉnh biên giới có đông đồng bào tôn giáo, nổi bật với du lịch tâm linh, kinh tế thương mại biên mậu và tiềm năng phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Cà Mau, cực Nam của Tổ quốc, tiếp tục là trung tâm sản xuất và xuất khẩu thủy sản hàng đầu cả nước, đồng thời phát triển mạnh năng lượng tái tạo, dầu khí và du lịch sinh thái rừng ngập mặn. Năm địa phương này hợp thành cấu trúc mới của ĐBSCL, có 495 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 93 phường, 399 xã và 3 đặc khu [Phụ lục 2].

Sau khi sát nhập, với địa giới mở rộng cả vùng nội địa và ven biển, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho liên kết nội vùng, liên vùng, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện. Đặc điểm địa lý, lịch sử, văn hóa của vùng ĐBSCL đã tạo nên một không gian cư trú đa dân tộc, đa tôn giáo, trong đó yếu tố nội sinh và ngoại sinh giao thoa mạnh mẽ, góp phần hình thành nên bản sắc văn hóa đặc trưng, đặc biệt rõ nét trong đời sống tín ngưỡng - tôn giáo của cư dân trong vùng.

*** Khái quát về kinh tế**

ĐBSCL giữ vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, chỉ tính riêng năm 2024, GRDP vùng đạt 1.409.300 tỷ đồng, tăng 11,9% so với năm

2023, chiếm 12,2% tổng GRDP cả nước; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,31%, đứng thứ 3/6 vùng kinh tế quốc gia. Thu nhập bình quân đầu người đạt 80,7 triệu đồng/năm. Nông nghiệp là trụ cột: sản lượng lúa cả năm đạt 24,2 triệu tấn (chiếm 55,4% sản lượng quốc gia), sản lượng trái cây ước 4,3 triệu tấn, thủy sản khoảng 4,79 triệu tấn. Ngành thủy sản nuôi trồng tăng trưởng đều, phần lớn là cá tra, tôm - hai sản phẩm xuất khẩu chủ lực, chiếm đến 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản quốc gia. Ngành công nghiệp, xây dựng tăng trưởng mạnh 11,18%, dịch vụ tăng 7,63%. Hoạt động thương mại, du lịch và dịch vụ tiếp tục tăng cao (9%); vốn đầu tư phát triển toàn vùng đạt 44.100 tỷ đồng, Xuất khẩu vượt 25,7 tỷ USD, trong đó thủy sản đóng góp đáng kể [171, tr.20].

Việc sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh ở vùng ĐBSCL đã tạo ra nhiều lợi thế quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng. Quy mô địa giới hành chính mở rộng giúp tăng cường liên kết nội vùng, khắc phục tình trạng chia cắt hành chính nhỏ lẻ, tạo điều kiện tích hợp nguồn lực về đất đai, dân cư, hạ tầng và tài chính công. Từ đó, năng lực điều hành của chính quyền cấp tỉnh được nâng cao, góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chồng chéo và nâng hiệu quả QLNN. Bên cạnh đó, các địa phương sau hợp nhất có điều kiện thuận lợi để quy hoạch phát triển kinh tế vùng theo hướng tổng thể, đồng bộ, kết nối giao thông - logistics liên thông, giảm chi phí vận chuyển hàng hóa. Ngoài ra, sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên, văn hóa - tôn giáo và dân cư sau sáp nhập cũng tạo thế mạnh cho phát triển các ngành mũi nhọn như nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế biển, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh. Đây là nền tảng quan trọng để xây dựng một vùng ĐBSCL phát triển bền vững, hiện đại và hội nhập sâu rộng. Tuy nhiên, vùng vẫn đối mặt với thách thức như hạn chế hạ tầng, liên kết vùng yếu và tác động của biến đổi khí hậu đặc biệt là xâm nhập mặn, cần được chú trọng giải quyết để đảm bảo phát triển bền vững.

*** *Khái quát về chính trị***

Nhân dân các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL có truyền thống yêu nước, đoàn kết, kiên cường trong đấu tranh bảo vệ Tổ quốc và cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất. Trong công cuộc đổi mới, nhân dân tiếp tục phát huy tinh thần

trách nhiệm, tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy, tình hình chính trị của vùng cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Đa đa số nhân dân các dân tộc, tôn giáo tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, tích cực tham gia thực hiện đường lối đổi mới, cải thiện đời sống. Hệ thống chính trị các cấp tiếp tục được củng cố, đổi mới phương thức hoạt động, đáp ứng yêu cầu phát triển trong điều kiện hội nhập. Tuy nhiên, tình hình dân tộc, tôn giáo vẫn còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Một số thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết, xuyên tạc lịch sử, kích động gây rối. Khiếu kiện liên quan đến đất đai, cơ sở tôn giáo vẫn diễn biến phức tạp, tạo cơ sở để các thế lực phản động lợi dụng. Trước thực trạng đó, cấp ủy, chính quyền các cấp đã chủ động lãnh đạo, xử lý phù hợp, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo điều kiện phát triển bền vững.

**** Khái quát về văn hóa, xã hội***

Với hơn 300 năm hình thành và phát triển, ĐBSCL đã kiến tạo nên một nền văn hóa đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc, nổi bật với lối sống sông nước, văn hóa miệt vườn và hệ thống kiến trúc chùa chiền mang đậm yếu tố giao thoa giữa các nền văn hóa, tôn giáo. Toàn vùng hiện có trên 300 làng nghề truyền thống, trong đó khoảng 30 làng nghề có lịch sử trên một thế kỷ, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, bảo tồn văn hóa địa phương và tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Vùng có trên 18 triệu dân, gồm 44 dân tộc, trong đó dân tộc Kinh chiếm khoảng 92,7%, Khmer 6,7%, còn lại là Chăm, Hoa và các dân tộc khác. Về tôn giáo, có 13 tôn giáo được công nhận hoạt động, với 4.912 cơ sở thờ tự, gần 40.000 chức sắc, chức việc và hơn 6,5 triệu tín đồ, chiếm 36,3% dân số. Ngoài ra, còn tồn tại một số hệ phái chưa được công nhận và hiện tượng “đạo lạ”, “tà đạo” hoạt động trái phép [173, tr.222]. Với đặc trưng đa dân tộc, đa tôn giáo, vùng ĐBSCL là địa bàn nhạy cảm về chính trị - xã hội, thường bị các thế lực thù địch lợi dụng để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đặt ra yêu cầu cao đối với năng lực lãnh đạo công tác dân tộc - tôn giáo trong tình hình mới.

*** *Khái quát về quốc phòng, an ninh, đối ngoại***

ĐBSCL có vị trí địa chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Với đường bờ biển dài khoảng 750 km bao quanh ba phía Đông, Nam và Tây, vùng biển rộng lớn thuộc Biển Đông và Vịnh Thái Lan, gần 400 km đường biên giới đất liền giáp Campuchia qua các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, ĐBSCL trở thành khu vực trọng yếu trong thế trận bảo vệ Tổ quốc, giữ vững chủ quyền quốc gia và ổn định khu vực phía Nam. Trong kháng chiến chống Mỹ, vùng này từng là địa bàn chiến lược quan trọng, nơi diễn ra nhiều chiến dịch quân sự khốc liệt, gắn liền với các chính sách “khu trù mật”, “ấp chiến lược” nhằm kiểm soát dân cư và đàn áp phong trào cách mạng. Hiện nay, trong bối cảnh hội nhập và phát triển, vùng tiếp tục giữ vai trò then chốt trong bảo đảm quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội. Các địa phương đã quán triệt và triển khai hiệu quả các nghị quyết của Đảng, phối hợp chặt chẽ với Quân khu 9 xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phù hợp với đặc điểm từng địa phương. Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác quốc phòng, an ninh ngày càng đi vào chiều sâu, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2.1.2. Đảng bộ các tỉnh, thành phố và các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác và vai trò

2.1.2.1. *Khái quát Đảng bộ các tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long*

Trước khi thực hiện chủ trương sắp xếp, hợp nhất đơn vị hành chính, tương ứng với 13 tỉnh, thành phố thuộc vùng ĐBSCL, toàn vùng có 13 đảng bộ tỉnh, thành phố; 13 tỉnh ủy, thành ủy và 13 ban thường vụ tỉnh, thành ủy. Hệ thống tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh bao gồm: các đảng bộ cấp huyện; các đảng bộ khối (đảng bộ khối cơ quan – doanh nghiệp tỉnh; đảng bộ khối cơ quan tỉnh, thành phố; đảng bộ khối doanh nghiệp tỉnh, thành phố); đảng bộ quân sự tỉnh, thành phố; đảng bộ công an tỉnh, thành phố; các đảng

bộ ngành như ngân hàng, kho bạc, bảo hiểm xã hội, hải quan, bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố; cùng với các đảng đoàn và ban cán sự đảng cấp tỉnh. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, toàn vùng có 642 ủy viên cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có 187 ủy viên ban thường vụ, với tổng số 616.285 đảng viên.

Sau khi thực hiện sắp xếp, đến nay, vùng ĐBSCL có 05 đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 04 tỉnh và 01 thành phố trực thuộc Trung ương, tương ứng với 05 đảng bộ cấp tỉnh và 05 ban thường vụ tỉnh, thành ủy [Phụ lục 7]. Toàn vùng hiện có 549 tổ chức đảng trực thuộc cấp ủy cấp tỉnh. Trong đó, Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long là địa phương có số lượng tổ chức đảng trực thuộc nhiều nhất với 128 tổ chức; ngược lại, Đảng bộ tỉnh Cà Mau có quy mô tổ chức nhỏ nhất với 70 tổ chức. Tính đến tháng 10 năm 2025, tổng số đảng viên trong 05 đảng bộ cấp tỉnh đạt khoảng 657.000 đồng chí; riêng Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long có số lượng đảng viên đông nhất với 152.000 đồng chí [48, tr.15].

Những số liệu này phản ánh rõ quy mô tổ chức cũng như tiềm lực chính trị - xã hội của các đảng bộ địa phương trong vùng, đồng thời cho thấy sự khác biệt nhất định về cơ cấu tổ chức giữa các tỉnh, thành phố. Dự báo thời gian tới, số lượng tổ chức đảng và đảng viên về cơ bản giữ được sự ổn định, song vẫn có khả năng giảm do việc tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn hệ thống chính trị. Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu các đảng bộ tỉnh, thành ủy trong vùng phải chú trọng hơn nữa đến công tác củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đồng thời quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ đảng viên về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực thực tiễn. Trên cơ sở đó mới có thể bảo đảm vững chắc vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh mới, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở vùng ĐBSCL.

2.1.2.2. Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - quan niệm, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

** Quan niệm*

Điều lệ Đảng quy định: Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng là Ban Chấp hành Trung ương, ở mỗi cấp là ban chấp hành đảng bộ, chi bộ (gọi tắt là cấp ủy) [51, tr.17].

Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13-6-2025 của Ban Chấp hành Trung ương “*về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*”, chỉ rõ: Cấp ủy cấp tỉnh là tổ chức đảng trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện các cơ quan trong hệ thống chính trị cấp tỉnh và cấp ủy trực thuộc. Cấp ủy cấp tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời đề xuất, kiến nghị với Trung ương những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với địa phương [3, tr.1].

Từ những điều nêu trên có thể hiểu: *Tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố do đại hội bầu ra, lãnh đạo thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, thành phố, các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Đảng đối với địa phương.*

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, ĐBSCL có 683 ủy viên cấp tỉnh, 200 ủy viên BTV [Phụ lục 5]. Đến nhiệm kỳ 2020 - 2025, toàn vùng có 642 ủy viên cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có 187 ủy viên ban thường vụ, tỷ lệ nữ chiếm khoảng 15,6% (100/642). Về độ tuổi, với 52 người dưới 40 tuổi, 127 người từ 41 - 45 tuổi, 175 người từ 46 - 50 tuổi và 282 người trên 50 tuổi. Về trình độ chuyên môn, có 337 người trình độ đại học, 296 thạc sĩ, 37 tiến sĩ; Về lý luận chính trị, 473 người đạt trình độ cao cấp, 180 cử nhân. Về cơ cấu dân tộc, trong số 642 cấp ủy viên có 23 người là người dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 3,6%, phù hợp với cơ cấu dân cư của vùng [Phụ lục 6].

Có thể nhận thấy sự khác biệt giữa nhiệm kỳ 2015 - 2020 [Phụ lục 5] và 2020 - 2025 [Phụ lục 6], tổng số cấp ủy viên cấp tỉnh vùng ĐBSCL giảm từ 683 xuống 642 người, trong đó số ủy viên BTV cũng giảm từ 200 còn 187 người.

Tỷ lệ nữ tăng nhẹ, từ 12,2% (83/683) lên 15,6% (100/642), cho thấy bước chuyển tích cực trong công tác cán bộ nữ. Về độ tuổi, đội ngũ cấp ủy tiếp tục có xu hướng trẻ hóa: số người dưới 45 tuổi tăng từ 179 lên 190 người (tỷ lệ không thay đổi nhiều), trong khi nhóm từ 46 - 50 và trên 50 vẫn chiếm đa số. Đáng chú ý, đội ngũ có trình độ chuyên môn cao tăng đáng kể, với số tiến sĩ tăng từ 33 lên 37 người; số thạc sĩ tăng từ 183 lên 296 người. Trình độ lý luận chính trị cũng được nâng cao rõ rệt: số người có trình độ cao cấp tăng từ 418 lên 473 người, phản ánh sự chú trọng bồi dưỡng lý luận trong quy hoạch cán bộ. Về cơ cấu dân tộc, nhiệm kỳ mới có 23 cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số, tăng nhẹ so với 20 người ở nhiệm kỳ trước, đảm bảo phù hợp với đặc điểm dân cư của vùng.

Đại hội Đảng bộ các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL lần thứ I (nhiệm kỳ 2025 - 2030) đã được Trung ương chỉ định 332 ủy viên cấp ủy cấp tỉnh, trong đó có 90 người là ủy viên Ban Thường vụ [Phụ lục 7]. Nhìn chung, đội ngũ cấp ủy cấp tỉnh ở ĐBSCL trước và sau hợp nhất được cơ cấu hợp lý về độ tuổi, giới tính, trình độ và thành phần dân tộc, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng và có khả năng lãnh đạo toàn diện nhiệm vụ chính trị - xã hội trong tình hình mới.

** Chức năng*

Trên cơ sở khái niệm về tỉnh ủy, thành ủy và các quy định của Đảng, đặc biệt là Quy định số 305-QĐ/TW, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có chức năng lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện đối với đảng bộ tỉnh, thành phố; đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị ở địa phương và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc. Trong tổng thể các chức năng đó, lãnh đạo công tác tôn giáo là một nội dung quan trọng, xuyên suốt, gắn chặt với yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát huy nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Thứ nhất, tỉnh ủy, thành ủy có chức năng lãnh đạo toàn diện các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong đảng bộ tỉnh, thành phố, trong đó bao gồm cả các tổ chức đảng và đảng viên là người có đạo. Việc lãnh đạo công tác

tôn giáo được thực hiện thông qua chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác tôn giáo; chú trọng xây dựng tổ chức đảng ở vùng có đông đồng bào theo tôn giáo; quan tâm bồi dưỡng, phát huy vai trò của đảng viên là người có đạo trong công tác vận động quần chúng tôn giáo, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào tôn giáo đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ hai, tỉnh ủy, thành ủy có chức năng lãnh đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở; lãnh đạo các tổ chức CT-XH, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp hoạt động trên địa bàn. Trong lĩnh vực tôn giáo, chức năng này thể hiện ở việc lãnh đạo sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền, MTTQ, các tổ chức CT-XH và các cơ quan chuyên môn trong quản lý nhà nước về tôn giáo, công tác vận động đồng bào tôn giáo và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh liên quan đến tôn giáo. Qua đó, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

Thứ ba, tỉnh ủy, thành ủy có chức năng lãnh đạo toàn diện các lĩnh vực đời sống xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố như kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, ứng phó với biến đổi khí hậu. Trong quá trình lãnh đạo các lĩnh vực này, tỉnh ủy, thành ủy đồng thời lãnh đạo công tác tôn giáo theo hướng phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tích cực của tôn giáo; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu - những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt đối với vùng ĐBSCL. Việc lồng ghép nội dung tôn giáo trong các chủ trương phát triển góp phần khai thác hiệu quả nguồn lực tôn giáo phục vụ phát triển địa phương.

Thứ tư, tỉnh ủy, thành ủy có chức năng lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng và cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc. Trong lĩnh vực tôn giáo, chức năng này thể hiện ở việc lãnh đạo tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những biểu hiện buông lỏng lãnh đạo, quản lý hoặc xử lý không đúng nguyên tắc trong công tác tôn giáo; đồng thời kiên quyết đấu tranh, xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật, xâm hại lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Thứ năm, tỉnh ủy, thành ủy có chức năng chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương đối với địa phương. Đối với công tác tôn giáo, chức năng này thể hiện ở việc phản ánh kịp thời những vấn đề mới nảy sinh, những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn lãnh đạo, quản lý tôn giáo ở vùng ĐBSCL; kiến nghị hoàn thiện chủ trương, chính sách, cơ chế phù hợp với đặc điểm tôn giáo, dân tộc và điều kiện kinh tế – xã hội của vùng, qua đó nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới.

** Nhiệm vụ, quyền hạn*

Theo Điều lệ Đảng và Quy định số 305-QĐ/TW, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có hệ thống nhiệm vụ và quyền hạn toàn diện, thể hiện vai trò lãnh đạo trực tiếp của Đảng đối với đảng bộ địa phương và toàn bộ hệ thống chính trị trên địa bàn. Trong tổng thể các nhiệm vụ, quyền hạn đó, lãnh đạo công tác tôn giáo là một nội dung quan trọng, gắn chặt với yêu cầu ổn định chính trị, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Một là, lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Tỉnh ủy, thành ủy giữ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh, thành phố nhiệm kỳ hiện

tại, cũng như các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của địa phương. Trong lĩnh vực công tác tôn giáo, tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo việc quán triệt, thể chế hóa và tổ chức thực hiện thống nhất các quan điểm, chủ trương của Đảng về tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy giá trị tích cực của các tôn giáo, đồng thời kiên quyết đấu tranh ngăn chặn việc lợi dụng tôn giáo gây mất ổn định chính trị - xã hội. Trên cơ sở đó, tỉnh ủy, thành ủy quyết định chương trình công tác toàn khóa, chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm; ban hành và chỉ đạo thực hiện nghiêm quy chế làm việc của cấp ủy, ban thường vụ và ủy ban kiểm tra, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chính trị, trong đó có công tác tôn giáo.

Hai là, lãnh đạo công tác sơ kết, tổng kết nghị quyết và triển khai thí điểm các mô hình mới. Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo việc sơ kết, tổng kết thực tiễn triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của địa phương nhằm đánh giá đúng kết quả đạt được, chỉ ra hạn chế, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Đối với lĩnh vực tôn giáo, việc sơ kết, tổng kết giúp cấp ủy kịp thời điều chỉnh chủ trương, giải pháp lãnh đạo phù hợp với diễn biến tình hình tôn giáo và yêu cầu ổn định chính trị – xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đó, tỉnh ủy, thành ủy ban hành các nghị quyết chuyên đề, kết luận chỉ đạo đối với những chương trình trọng tâm, khâu đột phá, đề án cụ thể; đồng thời lãnh đạo tổ chức thực hiện các mô hình mới theo chỉ đạo của Trung ương, góp phần bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách về công tác tôn giáo phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL.

Ba là, lãnh đạo toàn diện công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Tỉnh ủy, thành ủy giữ vai trò trung tâm trong lãnh đạo công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, coi đây là nhân tố quyết định hiệu quả lãnh đạo trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có công tác tôn

giáo. Cấp ủy chú trọng nâng cao chất lượng học tập lý luận chính trị, tổng kết thực tiễn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là các luận điệu lợi dụng vấn đề tôn giáo để xuyên tạc đường lối của Đảng. Đồng thời, lãnh đạo thực hiện nghiêm các quy định về nêu gương, phòng, chống suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; quyết định chủ trương về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bốn là, lãnh đạo, định hướng hoạt động của chính quyền địa phương. Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo chính quyền địa phương thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật, bảo đảm sự thống nhất giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Trong đó, cấp ủy định hướng những vấn đề lớn, quan trọng được HĐND thảo luận, quyết định, gắn phát triển kinh tế – xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị. Đối với lĩnh vực tôn giáo, tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của Nhân dân, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần giữ vững ổn định xã hội trên địa bàn.

Năm là, lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận, dân tộc, tôn giáo và thực hiện dân chủ ở cơ sở. Tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân vận của hệ thống chính trị gắn với việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc, tôn giáo và phát huy dân chủ ở cơ sở. Trong công tác tôn giáo, cấp ủy chú trọng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường vận động chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế – xã hội và bảo vệ an ninh trật tự. Đồng thời, lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức công tác dân vận theo hướng sát cơ sở, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt

trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội, qua đó tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

Sáu là, lãnh đạo công tác tài chính, tài sản của cấp ủy và tài chính Đảng. Tỉnh ủy, thành ủy thực hiện vai trò lãnh đạo, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền về công tác tài chính, tài sản của đảng bộ tỉnh, thành phố theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Việc lãnh đạo quản lý, sử dụng tài chính, tài sản Đảng được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo đảm nguyên tắc tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả. Thông qua đó, tỉnh ủy, thành ủy tạo điều kiện vật chất cần thiết cho hoạt động của cấp ủy, các cơ quan tham mưu, giúp việc và cho việc triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đối với công tác tôn giáo, việc bảo đảm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất phù hợp góp phần nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan, qua đó phục vụ mục tiêu giữ vững ổn định chính trị và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bảy là, cho ý kiến và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền giữa hai kỳ họp cấp ủy. Trong thời gian giữa hai kỳ họp của ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố, tỉnh ủy, thành ủy thực hiện chức năng lãnh đạo thông qua việc xem xét, cho ý kiến đối với những nội dung quan trọng do Ban Thường vụ đã giải quyết hoặc đang đề xuất xử lý. Đây là cơ chế quan trọng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy đối với toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị ở địa phương, đồng thời kịp thời điều chỉnh các quyết định lãnh đạo phù hợp với diễn biến thực tiễn. Đối với những vấn đề mới phát sinh, có tính chất phức tạp, nhạy cảm, nhất là các vấn đề liên quan đến tôn giáo, tỉnh ủy, thành ủy giữ vai trò định hướng chính trị, quyết định chủ trương xử lý trên cơ sở quán triệt đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng và yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua việc cho ý kiến

và quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền, tỉnh ủy, thành ủy không chỉ bảo đảm tính chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, chỉ đạo mà còn phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng ở địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo trong bối cảnh tình hình mới.

Tám là, thực hiện các nhiệm vụ do Trung ương giao. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ thường xuyên theo quy định, tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL còn có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ chuyên đề theo sự phân công của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Các nhiệm vụ này thường gắn với những yêu cầu mới phát sinh trong quá trình lãnh đạo, quản lý và phát triển đất nước, trong đó có các nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến công tác tôn giáo như xử lý các vấn đề phức tạp, nhạy cảm về tôn giáo; tăng cường bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng có đông đồng bào theo tôn giáo; chủ động phòng ngừa, ngăn chặn và đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thông qua việc thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ do Trung ương giao, tỉnh ủy, thành ủy góp phần cụ thể hóa kịp thời chủ trương, chỉ đạo của Trung ương vào thực tiễn địa phương, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong từng giai đoạn cụ thể.

** Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy*

Điều lệ Đảng quy định: “Hội nghị tỉnh ủy, thành ủy, huyện ủy, quận ủy, thị ủy bầu ban thường vụ; bầu bí thư và phó bí thư trong số ủy viên thường vụ...” [51, tr.34] và theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13-6-2025 của Bộ Chính trị “*về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương*” đã chỉ rõ: Ban Thường vụ cấp ủy cấp tỉnh là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ họp của tỉnh ủy, thành ủy, có chức năng lãnh đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu tỉnh, thành phố, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy tỉnh và của Trung ương; quyết định chủ trương về

công tác tổ chức, cán bộ; quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp cấp ủy tỉnh; đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy cấp tỉnh những vấn đề có liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và cấp ủy cấp tỉnh đối với địa phương; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao [3, tr.2].

Từ những điều nêu trên đi đến khái niệm: *Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long do hội nghị tỉnh, thành ủy bầu ra trong số các tỉnh ủy viên, thành ủy viên, là một bộ phận rất quan trọng, là tinh hoa của tỉnh, thành ủy, cơ quan lãnh đạo của đảng bộ tỉnh, thành phố ở giữa hai kỳ họp tỉnh ủy, thành ủy, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.*

Theo Điều lệ Đảng và Quy định số 305-QĐ/TW, BTV tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có ba chức năng cơ bản: *một là*, lãnh đạo toàn diện các mặt công tác (trong đó có công tác kiểm tra, giám sát); *hai là*, đề xuất, kiến nghị với Bộ Chính trị, Ban Bí thư và tỉnh ủy, thành ủy những vấn đề liên quan đến sự lãnh đạo của Trung ương và của cấp ủy địa phương; *ba là*, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao.

Về bản chất, chức năng của BTV tỉnh ủy, thành ủy tương đồng với chức năng của tỉnh ủy, thành ủy nhưng được triển khai ở mức độ trực tiếp, thường xuyên và linh hoạt hơn. Ngoài ra, BTV còn đảm nhiệm vai trò trung tâm điều phối, kết nối giữa cấp ủy với hệ thống chính trị và các cơ quan chức năng trong quá trình thực thi nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Trong tổng thể các nhiệm vụ, quyền hạn của BTV tỉnh ủy, thành ủy, lãnh đạo công tác tôn giáo là một nội dung trọng yếu, gắn trực tiếp với yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và bảo đảm phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Thứ nhất, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy cấp tỉnh, thành phố, trong đó có các nghị quyết, chỉ thị, kết luận liên quan đến công tác tôn giáo. BTV quyết

định triệu tập hội nghị cấp ủy; chỉ đạo chuẩn bị nội dung chương trình làm việc, xây dựng báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết, kết luận trình hội nghị tỉnh ủy, thành ủy. Trên cơ sở đó, BTV chủ động đề xuất những vấn đề quan trọng của địa phương, quyết định chương trình, kế hoạch công tác; đồng thời lãnh đạo, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng về tôn giáo, bảo đảm sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn bộ hệ thống chính trị ở địa phương.

Thứ hai, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, gắn chặt với yêu cầu lãnh đạo công tác tôn giáo. BTV quyết định các chủ trương, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, lý luận chính trị trong vùng đồng bào tôn giáo; chỉ đạo tổng kết thực tiễn, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo để xuyên tạc, chống phá Đảng và Nhà nước. Đồng thời, BTV lãnh đạo đổi mới công tác dân vận trong vùng có đông tín đồ tôn giáo; phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức CT-XH trong vận động chức sắc, chức việc, tín đồ tham gia các phong trào thi đua yêu nước, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường đồng thuận xã hội.

Thứ ba, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác tổ chức, cán bộ và công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, trong đó trực tiếp quyết định các vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. BTV có thẩm quyền phân công công tác đối với cán bộ chủ chốt; lãnh đạo sắp xếp tổ chức bộ máy, thống nhất quản lý biên chế trong toàn hệ thống chính trị; quyết định quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ theo phân cấp. Đồng thời, BTV chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quan tâm xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ cán bộ, đảng viên là người có đạo; nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng ở vùng đồng bào tôn giáo, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Thứ tư, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và công tác nội chính, trong đó chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tôn giáo. BTV chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng; kịp thời xử lý các tổ chức đảng, đảng viên vi phạm; lãnh đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tôn giáo, đất đai tôn giáo và sinh hoạt tôn giáo. Đồng thời, BTV chỉ đạo công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là trong xử lý các vấn đề nhạy cảm về tôn giáo.

Thứ năm, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo, định hướng hoạt động của chính quyền và phát triển kinh tế – xã hội địa phương, gắn với quản lý nhà nước về tôn giáo. BTV cho ý kiến về nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh; các chương trình, đề án, chính sách phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch ngành, sử dụng ngân sách, đầu tư công và các dự án trọng điểm, trong đó có các nội dung liên quan đến cơ sở tôn giáo, an sinh xã hội trong vùng đồng bào tôn giáo. Đồng thời, lãnh đạo cụ thể hóa các chủ trương của Đảng trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học – công nghệ, tài nguyên – môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, phát huy vai trò tích cực của các tôn giáo trong phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

Thứ sáu, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong công tác tôn giáo. BTV chỉ đạo chuẩn bị đại hội Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội cấp tỉnh; cho ý kiến về nội dung văn kiện, phương án nhân sự theo thẩm quyền; định hướng hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, nhất là trong các vấn đề liên quan đến quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân.

Thứ bảy, BTV tỉnh, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và đối ngoại gắn với công tác tôn giáo. BTV quyết định hoặc định

hướng các chủ trương xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; chỉ đạo xử lý kịp thời các tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tôn giáo, dân tộc; chủ động phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đồng thời lãnh đạo công tác đối ngoại của địa phương, trong đó có đối ngoại tôn giáo.

Thứ tám, BTV tỉnh, thành ủy thực hiện nhiệm vụ về tài chính Đảng, tham gia đề xuất chính sách và thực hiện các nhiệm vụ do Trung ương giao. BTV quyết định các nội dung về tài chính, tài sản của cấp ủy theo quy định; lãnh đạo hoạt động kinh tế Đảng (nếu có); tham gia góp ý xây dựng, hoàn thiện chính sách của Trung ương liên quan đến công tác tôn giáo và đặc thù vùng ĐBSCL; đồng thời tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ được Trung ương phân công, ủy quyền, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng trong mọi tình huống.

2.1.2.3. Mỗi quan hệ công tác của tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long

Theo Quy định số 305-QĐ/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL có mối quan hệ công tác chặt chẽ, thống nhất với các cơ quan lãnh đạo của Đảng ở Trung ương và các chủ thể trong hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với địa phương, trong đó có công tác tôn giáo.

Thứ nhất, mối quan hệ với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL chấp hành nghiêm sự lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, tỉnh ủy, thành ủy chủ động, kịp thời báo cáo và xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư về những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh, nhất là các vấn đề liên quan đến quốc

phòng, an ninh, đối ngoại, dân tộc và tôn giáo. Thông qua mối quan hệ này, các cấp ủy địa phương bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương của Trung ương với thực tiễn lãnh đạo, quản lý địa phương, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong bối cảnh mới.

Thứ hai, mối quan hệ với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công, các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL thực hiện nghiêm sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của các ban đảng Trung ương như Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Thông qua cơ chế phối hợp này, cấp ủy địa phương kịp thời tiếp thu các chỉ đạo mới của Trung ương; đồng thời chủ động phản ánh tình hình thực tiễn, những khó khăn, vướng mắc trong lãnh đạo, nhất là đối với công tác dân vận, công tác tôn giáo và xử lý các vấn đề nhạy cảm phát sinh từ thực tiễn vùng ĐBSCL. Qua đó, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong công tác xây dựng Đảng và nâng cao hiệu lực lãnh đạo ở địa phương.

Thứ ba, mối quan hệ với các cấp ủy trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Trung ương; với đảng ủy quân khu và đảng ủy Bộ đội Biên phòng. Tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL phối hợp chặt chẽ với các cấp ủy và cơ quan Trung ương trong triển khai các nghị quyết, chỉ thị liên quan đến quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đặc biệt tại các khu vực biên giới, biển đảo và địa bàn có yếu tố tôn giáo, dân tộc đan xen. Mối quan hệ phối hợp này còn được thể hiện trong công tác cán bộ, công tác tổ chức và xử lý các tình huống phức tạp liên quan đến an ninh chính trị, trật tự xã hội, góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong lãnh đạo, quản lý vùng ĐBSCL.

Thứ tư, mối quan hệ với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc. Cấp ủy cấp tỉnh, mà trực tiếp và thường xuyên là ban thường vụ cấp ủy, lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện

đối với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc và các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. Thông qua công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, cấp ủy cấp tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, trong đó có những vấn đề phát sinh trong công tác tôn giáo, quản lý hoạt động tôn giáo và vận động đồng bào tôn giáo. Các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo và xử lý kịp thời các vấn đề nhạy cảm, phức tạp theo thẩm quyền. Đồng thời, tỉnh ủy, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đảng trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong lãnh đạo, quản lý nhà nước và công tác tôn giáo trên địa bàn.

2.1.2.4. Vai trò của tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy

Tỉnh ủy, thành ủy và BTV tỉnh ủy, thành ủy giữ vị trí trung tâm trong hệ thống chính trị cấp tỉnh, là hạt nhân lãnh đạo toàn diện mọi mặt đời sống chính trị, kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh ở mỗi địa phương. Ở vùng ĐBSCL, nơi có vị trí địa lý đặc thù, cơ cấu dân cư đa dạng, đời sống tôn giáo phong phú và chịu tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu, vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc đưa đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn, bảo đảm phát triển ổn định, bền vững và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó có đồng bào các tôn giáo.

Thứ nhất, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL giữ vai trò trung tâm trong việc xác lập định hướng chiến lược và lãnh đạo tổ chức thực hiện toàn diện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương, gắn với yêu cầu lãnh đạo công tác tôn giáo. Với tư cách là cơ quan lãnh đạo chính trị cao nhất ở cấp tỉnh, các tỉnh, thành ủy có trách nhiệm nghiên cứu, quán triệt, cụ thể hóa và vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các định hướng chiến

lược phù hợp với điều kiện thực tiễn từng địa phương trong vùng. Trên cơ sở đó, cấp ủy ban hành các nghị quyết, chương trình, đề án phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời lồng ghép nội dung công tác tôn giáo nhằm phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tích cực của tôn giáo, huy động nguồn lực tôn giáo tham gia phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định đời sống Nhân dân.

Trong bối cảnh ĐBSCL là vùng đang phát triển, có tốc độ đô thị hóa nhanh, trình độ dân trí ngày càng cao và sự đan xen chặt chẽ giữa các yếu tố dân tộc, tôn giáo, yêu cầu đặt ra đối với tỉnh, thành ủy là phải có tư duy chiến lược, năng lực dự báo và chỉ đạo linh hoạt, kịp thời. Vai trò lãnh đạo của cấp ủy không chỉ thể hiện ở việc hoạch định chiến lược, mà còn ở quá trình tổ chức thực hiện, thông qua phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng; tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời điều chỉnh chủ trương, giải pháp khi thực tiễn phát sinh những vấn đề mới, trong đó có các vấn đề nhạy cảm liên quan đến tôn giáo. Chính sự lãnh đạo xuyên suốt này đã góp phần bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu phát triển kinh tế – xã hội với yêu cầu giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Thứ hai, các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL giữ vai trò trung tâm trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ở địa phương, trong đó có lãnh đạo công tác tôn giáo. Trong điều kiện đất nước đẩy mạnh đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng, sự tác động của kinh tế thị trường và các luồng tư tưởng, văn hóa đa chiều, nhiệm vụ xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh càng có ý nghĩa nền tảng. Các tỉnh, thành ủy trong vùng đã quán triệt và cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ, công tác tư tưởng, dân vận, kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua việc xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tôn giáo đủ năng lực, bản lĩnh, am hiểu đặc điểm tôn giáo và phong tục, tập quán của đồng bào.

Bên cạnh đó, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo cải cách hành chính, xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội trong vận động đồng bào tôn giáo tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Thực tiễn cho thấy, nếu không có sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên và sáng tạo của tỉnh, thành ủy thì việc thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác tôn giáo khó đạt được hiệu quả, thậm chí có thể phát sinh những điểm nóng, ảnh hưởng đến ổn định chính trị – xã hội ở địa phương.

Thứ ba, các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL giữ vai trò quan trọng trong việc tổng kết thực tiễn, phản biện chính sách và góp phần hoàn thiện chủ trương, đường lối của Trung ương, trong đó có các chính sách liên quan đến tôn giáo. Với đặc thù là vùng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu, nước biển dâng, di cư lao động và sự giao thoa tôn giáo – văn hóa đa dạng, ĐBSCL là địa bàn thực tiễn sinh động để kiểm nghiệm hiệu quả của nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Thông qua quá trình lãnh đạo phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và quản lý hoạt động tôn giáo, các tỉnh, thành ủy có điều kiện phát hiện sớm những vấn đề mới nảy sinh, những bất cập trong cơ chế, chính sách, từ đó kịp thời báo cáo, kiến nghị với Trung ương.

Thông qua tổng kết thực tiễn, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã đóng góp nhiều luận cứ quan trọng cho việc bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng về phát triển vùng, về dân tộc, tôn giáo, góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả của các quyết sách ở tầm quốc gia. Vai trò này không chỉ thể hiện tính chủ động, sáng tạo của cấp ủy địa phương, mà còn khẳng định vị trí cầu nối quan trọng giữa Trung ương và cơ sở trong quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối của Đảng, nhất là trong lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL hiện nay.

2.2. TÔN GIÁO VÀ CÔNG TÁC TÔN GIÁO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

2.2.1. Tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long - khái quát, đặc điểm và vai trò

2.2.1.1. Khái quát các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Hiện nay, vùng ĐBSCL có 13 tôn giáo được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, với 4.912 cơ sở thờ tự, 11.336 chức sắc, 34.124 chức việc, 19 trường đào tạo và hơn 6.579.688 triệu tín đồ, chiếm khoảng 36,5% dân số toàn vùng [Phụ lục 8]. Trong số này, các tôn giáo có số lượng tín đồ và hoạt động nổi bật là Phật giáo, Công giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài và Tin Lành. Trong đó, Phật giáo có gần 3.000 cơ sở thờ tự, gần 3.000 chức sắc và trên 3 triệu tín đồ, trong đó Bắc Tông khoảng 2 triệu, Nam Tông hơn 1 triệu tín đồ [1, tr.213]; Phật giáo Hòa Hảo có khoảng 1,3 triệu tín đồ, 66 chức sắc, gần 3.000 chức việc và gần 100 cơ sở thờ tự, tập trung ở hầu hết các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL; Công giáo có gần 1 triệu tín đồ, với khoảng 700 cơ sở thờ tự, 700 linh mục, 600 chức sắc, 1.500 tu sĩ và 6 giám mục; Cao Đài có khoảng 500.000 tín đồ, hơn 8.000 chức sắc, trên 10.000 chức việc và 2.672 cơ sở thờ tự; Tin Lành có khoảng 70.000 tín đồ, 136 mục sư, 212 chức sắc, 732 chức việc, 97 cơ sở thờ tự và gần 300 điểm nhóm sinh hoạt; Một số tôn giáo khác như Tịnh độ Cư sĩ có 300.000 tín đồ; đạo Baha'i có 1.286 tín đồ; Islam giáo có 16.000 tín đồ; Tứ Ân Hiếu Nghĩa, Bửu Sơn Kỳ Hương, Minh Sư đạo, Phật giáo Hiếu Nghĩa Tà Lơn,... có số tín đồ dao động từ vài nghìn đến hàng chục nghìn người [1, tr.214-215].

Những năm qua, kinh tế - xã hội của vùng có bước phát triển, góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, trong đó có đồng bào có đạo. Nhiều cơ sở tôn giáo được sửa chữa hoặc xây dựng mới khang trang hơn, tạo niềm tin của chức sắc, tín đồ vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Tín đồ, chức sắc các tôn giáo tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đặc biệt, đa số chức sắc, nhà tu hành có tri thức, được đào tạo bài

bản, có uy tín trong cộng đồng, giữ vai trò cầu nối giữa tổ chức tôn giáo với chính quyền. Họ tìm được sự tương đồng giữa giáo lý tôn giáo với lý tưởng cách mạng (Phật giáo với đường hướng “*Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội*”; Công giáo thể hiện tinh thần “*Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*”; Cao Đài với “*Nước vinh, Đạo sáng*”; Phật giáo Hòa Hảo thực hành “*Vì Đạo pháp, vì Dân tộc*”...). Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận chức sắc chưa nhận thức đúng về mối quan hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, có biểu hiện cực đoan, thậm chí bị lôi kéo tham gia hoạt động vi phạm pháp luật. Do đó, các tỉnh ủy, thành ủy trong vùng luôn xác định chức sắc, chức việc là lực lượng nòng cốt trong công tác tôn giáo, cần được quan tâm, vận động, tạo điều kiện, đồng thời có biện pháp kiên quyết đối với các trường hợp lợi dụng tôn giáo để chống phá.

2.2.1.2. Đặc điểm tôn giáo các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long

Vùng ĐBSCL là địa bàn có số lượng tín đồ tôn giáo lớn, với hơn 6,5 triệu người theo nhiều tôn giáo khác nhau [Phụ lục 7]. Quá trình hình thành và phát triển tôn giáo tại đây diễn ra trong bối cảnh lịch sử, chính trị, văn hóa - xã hội đa dạng, đan xen giữa các tôn giáo du nhập từ bên ngoài và các tôn giáo nội sinh. Mặc dù khác biệt về nguồn gốc, hình thức tổ chức và phương thức truyền bá, các tôn giáo trong vùng đều thể hiện những đặc điểm chung sau:

Thứ nhất, phần lớn tín đồ tôn giáo trong Vùng là nông dân hoặc có nguồn gốc từ nông dân, lực lượng quan trọng trong khối liên minh công - nông, gắn bó mật thiết với cách mạng và sự nghiệp giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế còn khó khăn, đời sống còn bấp bênh và trình độ dân trí chưa đồng đều, một bộ phận tín đồ dễ bị các thế lực thù địch lợi dụng để truyền bá tư tưởng sai trái, kích động chia rẽ, chống phá sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Thứ hai, một số tôn giáo có quá trình hình thành và phát triển gắn với các yếu tố chính trị, dân tộc và lãnh thổ nhạy cảm. Trong lịch sử, đặc biệt thời kỳ thực dân, đế quốc và chính quyền Sài Gòn, một số tổ chức tôn giáo từng bị

lợi dụng cho mục đích phản cách mạng, thậm chí thành lập lực lượng vũ trang riêng, gây chia rẽ dân tộc, mất ổn định xã hội. Sau năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tôn giáo này được định hướng hoạt động theo pháp luật, từng bước tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Tuy nhiên, hiện nay, các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng đặc điểm lịch sử - văn hóa của một số tôn giáo để xuyên tạc, kích động chia rẽ, gây phức tạp về an ninh chính trị - trật tự xã hội, đặt ra thách thức lớn trong công tác lãnh đạo, quản lý tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Thứ ba, đội ngũ chức sắc tôn giáo trong vùng có số lượng đông đảo, được đào tạo bài bản cả trong và ngoài nước, có ảnh hưởng lớn trong cộng đồng tín đồ. Họ giữ vai trò trung tâm trong tổ chức tôn giáo, là lực lượng nòng cốt trong việc định hướng đời sống tinh thần và cũng là đối tượng cần được quan tâm trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. Thực tế cho thấy, nhiều nhà sư Phật giáo Nam Tông Khmer thường được gửi đi đào tạo tại Campuchia và Thái Lan, những trung tâm lớn của Phật giáo Theravāda, qua đó có sự am hiểu sâu rộng về giáo lý, ngôn ngữ Pali và hệ thống kinh điển Phật giáo. Đối với Phật giáo Bắc Tông, nhiều tăng sĩ được cử đi học tập, nghiên cứu tại Ấn Độ, Trung Quốc, góp phần nâng cao trình độ lý luận, triết học và năng lực hướng dẫn tăng ni, phật tử. Trong khi đó, hàng ngũ linh mục Công giáo không chỉ được đào tạo tại các Đại chủng viện trong nước mà còn thường xuyên được cử đi tu nghiệp tại các nước có truyền thống Công giáo lâu đời như Anh, Philippines, Hoa Kỳ..., giúp họ có tầm nhìn rộng, gắn kết với Giáo hội hoàn vũ. Chính vì vậy, đội ngũ chức sắc tôn giáo vùng ĐBSCL vừa có kiến thức chuyên sâu, vừa có mối liên hệ quốc tế, tạo sức ảnh hưởng lớn đối với tín đồ; đồng thời cũng đặt ra những yêu cầu phức tạp, đòi hỏi các tỉnh, thành ủy phải có phương thức lãnh đạo và quản lý linh hoạt, phù hợp với bối cảnh trong nước và quan hệ đối ngoại tôn giáo hiện nay.

Thứ tư, các tôn giáo ở vùng có mối quan hệ quốc tế rộng rãi và đa dạng, thể hiện qua sự kết nối với nhiều trung tâm tôn giáo lớn trên thế giới. Đặc biệt, Phật giáo Nam Tông Khmer duy trì mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với

Campuchia, không chỉ trong đào tạo tăng sĩ mà còn trong giao lưu lễ hội, ngôn ngữ và văn hóa Phật giáo Theravāda. Hồi giáo tại An Giang và một số tỉnh khác có mối liên hệ mật thiết với các nước Trung Đông thông qua hoạt động học tập, nghiên cứu tôn giáo, cũng như quan hệ cộng đồng xuyên biên giới. Công giáo gắn với Vatican và các cơ sở đào tạo quốc tế, đồng thời có quan hệ với nhiều trung tâm Công giáo lớn ở Anh, Philippines và Mỹ Latinh. Đáng chú ý, các tôn giáo nội sinh như Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài không chỉ phát triển mạnh ở ĐBSCL mà còn có cộng đồng tín đồ đông đảo tại hải ngoại, nhất là ở Mỹ, Canada và Úc. Những mối liên hệ quốc tế này góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa - tôn giáo, song cũng tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để truyền bá tư tưởng cực đoan hoặc can thiệp vào công việc nội bộ. Vì vậy, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL cần đặc biệt chú trọng lãnh đạo công tác tôn giáo đối ngoại, bảo đảm hoạt động đúng pháp luật, vừa phát huy giá trị giao lưu quốc tế, vừa giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia.

Thứ năm, tuyệt đại bộ phận đồng bào các tôn giáo ở vùng ĐBSCL có truyền thống yêu nước, đoàn kết và gắn bó mật thiết với dân tộc. Truyền thống ấy được hun đúc qua nhiều giai đoạn lịch sử, từ các cuộc kháng chiến chống xâm lược đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều chức sắc, tín đồ tôn giáo đã nêu gương sáng về lòng yêu nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tinh thần yêu nước ấy được khơi dậy, củng cố và phát triển thành sức mạnh nội sinh quan trọng, tạo nền tảng cho sự gắn bó giữa đồng bào tôn giáo với khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, đồng bào các tôn giáo tiếp tục đồng hành cùng dân tộc trong các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền, giữ gìn bản sắc văn hóa và xây dựng đời sống mới ở khu dân cư.

Thứ sáu, tôn giáo luôn là lĩnh vực đặc biệt nhạy cảm, thường xuyên bị các thế lực thù địch lợi dụng trong chiến lược “diễn biến hòa bình” nhằm chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng triệt để khai thác những vấn đề tồn tại như tranh chấp đất đai cơ sở thờ tự, khiếu kiện liên quan đến hoạt động tín

ngưỡng, hoặc những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về tôn giáo để xuyên tạc, vu cáo ta “vi phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo”. Đồng thời, các đối tượng phản động còn sử dụng mạng xã hội để kích động, chia rẽ đồng bào có đạo với chính quyền, khoét sâu vào những khác biệt tôn giáo - dân tộc, thậm chí lôi kéo một bộ phận chức sắc, tín đồ tham gia vào các hoạt động trái pháp luật. Đây là một trong những trọng điểm mà chúng tập trung khai thác nhằm làm suy yếu niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Do đó, các cấp ủy đảng, chính quyền ở vùng ĐBSCL phải luôn đề cao cảnh giác, tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động đấu tranh, phòng ngừa và xử lý kịp thời mọi âm mưu, hoạt động chống phá thông qua vấn đề tôn giáo, bảo đảm ổn định chính trị và giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2.2.1.3. Vai trò các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Trong quá trình phát triển của vùng ĐBSCL, tôn giáo vừa là hiện tượng xã hội - tinh thần mang tính lịch sử, vừa là thành tố quan trọng trong đời sống chính trị - xã hội. Dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy, hoạt động tôn giáo cơ bản ổn định, phát huy nhiều giá trị tích cực như: gìn giữ bản sắc văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tham gia từ thiện - an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức và lối sống lành mạnh. Tuy nhiên, tôn giáo ở ĐBSCL cũng bộc lộ những hạn chế, tiêu cực. Một số phần tử lợi dụng tôn giáo để kích động chia rẽ, gây mất ổn định; một bộ phận tín đồ còn nặng mê tín, thụ động trong lao động sản xuất; một số hoạt động có biểu hiện thương mại hóa, truyền đạo trái phép hoặc xây dựng cơ sở thờ tự không phép, làm phát sinh những khó khăn trong quản lý và tiềm ẩn nguy cơ phức tạp về chính trị - xã hội.

- Về mặt tích cực:

Một là, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Tôn giáo ở ĐBSCL không chỉ là hoạt động tín ngưỡng mà còn gắn liền với không gian văn hóa đặc trưng của từng cộng đồng dân cư. Các kiến trúc tôn giáo như chùa Phật giáo Bắc Tông, Nam Tông Khmer, thánh thất Cao Đài, chùa Phật giáo Hòa Hảo, nhà thờ Công giáo, thánh đường Hồi giáo... là nơi lưu giữ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể. Thông qua lễ hội, nghi lễ tôn giáo, các giá trị truyền

thống, ngôn ngữ, nghệ thuật, phong tục tập quán được duy trì, tạo nên tính liên tục và bản sắc riêng biệt của cộng đồng dân tộc. Việc duy trì sinh hoạt tôn giáo vì vậy có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của vùng đất sông nước giàu truyền thống này.

Hai là, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Là vùng đa dân tộc, đa tôn giáo, với sự cư trú đan xen giữa người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm cùng nhiều tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau. Sinh hoạt tôn giáo giúp gắn kết cộng đồng, tăng cường quan hệ giữa các dân tộc và giữa người có đạo với người không theo đạo. Vai trò của các chức sắc, người có uy tín trong tôn giáo là cầu nối quan trọng giữa nhân dân với chính quyền, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Chính tinh thần “tốt đời, đẹp đạo” đã được phát huy mạnh mẽ trong các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại địa phương.

Ba là, góp phần tham gia phát triển kinh tế - xã hội. Các tổ chức tôn giáo trong vùng đã tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, từ thiện, chăm lo đời sống người nghèo, người yếu thế. Nhiều cơ sở tôn giáo tổ chức khám chữa bệnh, mở lớp học tình thương, xây nhà tình nghĩa, tham gia bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và hỗ trợ người dân khi thiên tai xảy ra. Thông qua những hoạt động thiết thực đó, các tôn giáo trở thành lực lượng đồng hành cùng chính quyền và nhân dân trong sự nghiệp phát triển bền vững. Đồng thời, đây cũng là kênh huy động nguồn lực xã hội hiệu quả, góp phần giảm tải cho ngân sách nhà nước và tăng cường an sinh xã hội tại địa phương.

Bốn là, góp phần ổn định chính trị và giữ gìn trật tự xã hội. Các tôn giáo ở ĐBSCL phần lớn hoạt động ổn định, tuân thủ pháp luật, đồng hành cùng dân tộc. Thông qua đội ngũ chức sắc, chức việc có uy tín, các tổ chức tôn giáo tích cực tuyên truyền giáo lý hướng thiện, vận động tín đồ chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong những thời điểm nhạy cảm hoặc xảy ra sự cố xã hội, các tôn giáo thường đóng vai trò “giảm nhiệt”, góp phần định hướng dư luận và ổn định tình hình. Đây là nhân tố

quan trọng giúp chính quyền cơ sở xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Năm là, góp phần giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh trong cộng đồng. Tôn giáo có tác động sâu sắc đến đời sống tinh thần, nhất là trong các cộng đồng dân cư nông thôn, người nghèo, người dân tộc thiểu số. Thông qua giáo lý, giáo luật, các tôn giáo truyền đạt những giá trị đạo đức tích cực như nhân ái, vị tha, khiêm nhường, sống có trách nhiệm với gia đình và cộng đồng. Đây là nền tảng quan trọng góp phần định hướng hành vi, điều chỉnh lối sống, củng cố nền nếp kỷ cương trong đời sống xã hội. Trong bối cảnh một bộ phận quần chúng bị tác động bởi mặt trái của kinh tế thị trường, các giá trị đạo đức tôn giáo trở thành điểm tựa tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng con người và tạo lập môi trường văn hóa lành mạnh trong cộng đồng.

- Về mặt tiêu cực:

Một là, nguy cơ bị lợi dụng cho mục đích chính trị. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cùng với sự phát triển nhanh của truyền thông và mạng xã hội, tôn giáo ở vùng ĐBSCL luôn tiềm ẩn nguy cơ bị các thế lực thù địch, phản động lợi dụng nhằm chống phá Đảng và Nhà nước. Thực tiễn cho thấy, một số đối tượng đã núp dưới danh nghĩa tự do tín ngưỡng, tôn giáo để kích động tư tưởng ly khai, gieo rắc mâu thuẫn, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt trong đồng bào có đạo. Hoạt động này không chỉ tạo ra những điểm nóng về an ninh chính trị, trật tự xã hội ở một số địa bàn trọng yếu, mà còn làm suy giảm niềm tin của một bộ phận quần chúng đối với chủ trương, đường lối của Đảng. Đây là thách thức lớn, đòi hỏi các cấp ủy, chính quyền địa phương phải nâng cao cảnh giác, kịp thời phát hiện và kiên quyết xử lý.

Hai là, tác động bảo thủ, cản trở đổi mới. Bên cạnh những giá trị tích cực, một số quan niệm, giáo lý khắc khe hoặc mang tính định kiến của một số tôn giáo đã bộc lộ hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình đổi mới và phát triển. Không ít tín đồ còn nặng tư tưởng thụ động, trông chờ sự “an bài” của tôn giáo, ít quan tâm đến việc tiếp thu tri thức khoa học - kỹ thuật và áp dụng các mô hình sản xuất hiện đại. Ở một số cộng đồng, quan niệm bảo thủ này dẫn

đến tình trạng chậm đổi mới tư duy, hạn chế khả năng thích ứng với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0. Đây là một trong những nguyên nhân khiến tiến trình hiện đại hóa nông thôn, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở một số địa bàn vùng ĐBSCL còn gặp nhiều khó khăn.

Ba là, phát sinh các hoạt động vi phạm pháp luật. Trong thực tiễn vùng, bên cạnh những hoạt động tôn giáo đúng pháp luật, vẫn tồn tại tình trạng truyền đạo trái phép, xây dựng cơ sở thờ tự không phép hoặc mở rộng cơ sở ngoài quy định. Một số đối tượng còn lợi dụng sinh hoạt tôn giáo để tụ tập đông người, phát tán tài liệu trái pháp luật, thậm chí lồng ghép nội dung xuyên tạc nhằm tác động đến nhận thức của tín đồ. Những hoạt động này không chỉ gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, đất đai, an ninh trật tự, mà còn tiềm ẩn nguy cơ tạo ra điểm nóng xã hội nếu không được kiểm soát kịp thời. Thực tiễn cho thấy, việc xử lý các hoạt động vi phạm pháp luật liên quan đến tôn giáo cần sự phối hợp đồng bộ của cấp ủy, chính quyền, các lực lượng chức năng và sự đồng thuận của chính tín đồ, nhằm bảo đảm ổn định chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn.

Bốn là, tác động tiêu cực đến đời sống xã hội. Trong thực tế vùng, một bộ phận tín đồ do tuyệt đối hóa giáo lý hoặc nặng tư tưởng mê tín đã có biểu hiện thụ động, bỏ bê lao động sản xuất, trông chờ hoàn toàn vào sự “cứu rỗi” từ tôn giáo. Hệ quả là năng suất lao động bị hạn chế, đời sống kinh tế gia đình thiếu ổn định, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của cộng đồng, đặc biệt ở những địa bàn nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Không chỉ vậy, quan niệm lệ thuộc này còn làm giảm tinh thần chủ động, sáng tạo, kìm hãm sự tiếp cận tri thức khoa học - kỹ thuật mới, từ đó gia tăng khoảng cách phát triển giữa các nhóm dân cư. Đây là thách thức lớn trong quá trình xây dựng nông thôn mới, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL.

Năm là, nguy cơ bị thương mại hóa, biến tướng. Trong những năm gần đây, tại một số địa phương vùng ĐBSCL, một số hoạt động tôn giáo và lễ hội

có biểu hiện thương mại hóa, đặt nặng lợi ích vật chất hơn là giá trị tinh thần vốn có. Việc lợi dụng lòng tin của tín đồ để trục lợi, tổ chức các dịch vụ mê tín dị đoan, bán hàng hóa, thu phí tùy tiện... đã làm biến dạng bản chất thuần khiết của tôn giáo. Tình trạng này không chỉ gây bức xúc trong dư luận xã hội mà còn làm suy giảm niềm tin của quần chúng đối với những giá trị đạo đức, nhân văn tích cực mà tôn giáo vốn mang lại. Nếu không được nhận diện và xử lý kịp thời, xu hướng thương mại hóa, biến tướng trong sinh hoạt tôn giáo và lễ hội có thể làm phai nhạt bản sắc văn hóa, tạo ra những lệch chuẩn trong đời sống tinh thần của cộng đồng ở ĐBSCL.

2.2.2. Công tác tôn giáo của tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long - khái niệm, nội dung

2.2.2.1. Khái niệm

Theo “Đại từ điển Tiếng Việt”, “công tác” với tư cách là danh từ là công việc của nhà nước, của đoàn thể (ví dụ: tham gia công tác chính quyền, đi công tác); với tư cách là động từ, “công tác” là thể hiện công việc của nhà nước, của đoàn thể [176, tr.997]. Sách *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng* bổ sung rõ hơn: “Công tác” là công việc của tổ chức, cơ quan, đơn vị (đảng, nhà nước, đoàn thể, đơn vị kinh tế, sự nghiệp...) cùng nhau thực hiện hoặc phân công cho từng thành viên thực hiện; dù có điểm chung, các tổ chức vẫn có sự khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, quy mô và nhân sự, nên nội dung, biện pháp thực hiện “công tác” cũng khác nhau. Việc đánh giá cán bộ phải lấy chất lượng, hiệu quả “công tác” làm thước đo chủ yếu [160, tr.125-126].

Tuy nhiên, hai định nghĩa trên chủ yếu nhấn mạnh hoạt động của các tổ chức một cách riêng rẽ, chưa bao quát bản chất đặc thù của công tác tôn giáo. Về bản chất, công tác tôn giáo không chỉ là công việc của một tổ chức riêng lẻ, mà là hoạt động có tính chất hệ thống, liên ngành và toàn diện, trước hết là của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp và toàn diện của Đảng. Đảng vừa lãnh đạo trực tiếp công tác tôn giáo, vừa lãnh đạo các tổ chức chính trị, xã hội và các lực lượng khác trong việc triển khai công tác này.

Từ những luận điểm trên, có thể khái quát: Công tác tôn giáo là công việc về tôn giáo của tổ chức, cơ quan, đơn vị (Đảng, Nhà nước, đoàn thể...) được thực hiện bởi chính các tổ chức đó hoặc giao cho thành viên thực hiện, dưới sự chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của tập thể lãnh đạo, và đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ về tôn giáo, góp phần thực hiện thắng lợi chính sách tôn giáo của Đảng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

Đối với các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, công tác tôn giáo được hiểu là tổng thể các hoạt động lãnh đạo của cấp ủy đảng, quản lý của chính quyền, sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo; đồng thời tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở địa phương.

Từ khái niệm trên, có thể nhận thấy công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL là công việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị, các tổ chức xã hội, các lực lượng, tổ chức có liên quan, chủ yếu là của các tổ chức trong hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy và quản lý của chính quyền các tỉnh, thành phố.

Chủ thể công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL là toàn bộ hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của tỉnh ủy, thành ủy và ban thường vụ tỉnh, thành ủy. UBND các cấp, với cơ quan tham mưu chuyên trách như Sở Dân tộc và Tôn giáo, giữ vai trò quản lý nhà nước. MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đảm nhiệm công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cấp ủy, chính quyền cơ sở cùng đội ngũ cán bộ, đảng viên là lực lượng trực tiếp triển khai, gắn bó chặt chẽ với chức sắc và tín đồ tôn giáo.

Lực lượng tham gia công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL là tổng hợp của nhiều chủ thể trong hệ thống chính trị và xã hội. Nòng cốt là cấp ủy, chính quyền các cấp trực tiếp lãnh đạo, quản lý. Bên cạnh đó, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội đảm nhiệm công tác vận động quần chúng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đội ngũ cán bộ chuyên trách, đảng viên là người có đạo giữ vai trò cầu nối với chức sắc, tín đồ. Ngoài ra, báo chí, cơ quan nghiên cứu và hệ thống giáo dục cũng góp phần định hướng, hỗ trợ công tác tôn giáo ở cơ sở.

Đối tượng của công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL bao gồm toàn bộ các tổ chức tôn giáo được pháp luật công nhận, hệ thống chức sắc, chức việc, nhà tu hành, cùng đông đảo tín đồ và những người có niềm tin tôn giáo. Đây là lực lượng có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, vừa là chủ thể thực hành tín ngưỡng, vừa là nhân tố quan trọng trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, công tác tôn giáo cần quan tâm toàn diện, vừa quản lý bằng pháp luật, vừa vận động, thuyết phục và phát huy vai trò tích cực của họ.

Mục tiêu của công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL là góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm sự ổn định chính trị - xã hội và phát huy những giá trị tích cực của các tôn giáo trong đời sống xã hội. Thông qua lãnh đạo và quản lý công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy hướng đến việc tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; đồng thời đấu tranh, ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết hoặc xâm phạm an ninh chính trị. Bên cạnh đó, công tác tôn giáo còn nhằm phát huy vai trò, uy tín của chức sắc, chức việc, tín đồ trong các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội và giữ gìn bản sắc văn hóa vùng sông nước Nam Bộ. Qua đó, từng bước khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và củng cố niềm tin của đồng bào có đạo đối với sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

2.2.2.2. Nội dung công tác tôn giáo của tỉnh, thành phố ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL được các cấp ủy, chính quyền xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn với yêu cầu ổn định xã hội, phát triển kinh tế - văn hóa và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy và chính quyền địa phương, các chủ thể công tác tôn giáo trong hệ thống chính trị đã ban hành chương trình, kế hoạch sát hợp chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Việc quán triệt, tổ chức thực hiện, phối hợp liên ngành, kiểm tra, giám sát, xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, và sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo được tiến hành nghiêm túc. Nhờ đó, công tác tôn giáo từng bước đi vào chiều sâu, góp phần bảo đảm ổn định chính trị, giữ gìn khối đại đoàn kết toàn dân tộc và phục vụ tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở từng địa phương trong vùng, thể hiện ở các nội dung sau:

Một là, trên cơ sở chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy, chính quyền tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo các chủ thể công tác tôn giáo xây dựng, ban hành chủ trương, quyết định, chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo của mình gắn với phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức.

Từ các các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của cấp ủy tỉnh, thành phố và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương, các chủ thể trong công tác tôn giáo đã chủ động cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch hành động sát với thực tiễn của từng ngành, lĩnh vực. Các cơ quan trong hệ thống chính trị từ cấp tỉnh, thành đến cơ sở, bao gồm MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng công an, quân sự, dân vận, nội vụ,... đều xây dựng và ban hành các văn bản định hướng về công tác tôn giáo, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chính trị được giao. Trong đó, cấp ủy đảng đóng vai trò then chốt trong việc đề ra các định hướng chiến lược, còn chính quyền các cấp cụ thể hóa bằng cơ chế, chính sách phù hợp. Các kế hoạch này vừa phản ánh sự tiếp nhận và vận dụng đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo, vừa thể hiện sự linh hoạt, chủ động của

địa phương trước bối cảnh đa dạng tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Nhờ đó, công tác tôn giáo trở thành một phần hữu cơ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng - an ninh địa phương.

Hai là, các chủ thể công tác tôn giáo lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt trong đoàn viên hội viên của mình và thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo đã được xây dựng.

Sau khi ban hành chương trình, kế hoạch công tác tôn giáo, các chủ thể đã tổ chức quán triệt nghiêm túc đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên nhằm thống nhất nhận thức và hành động. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được triển khai thông qua hội nghị, sinh hoạt chi bộ, tập huấn chuyên đề và tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Cấp ủy các cấp chú trọng xác định vấn đề trọng tâm, điểm nóng tôn giáo để tập trung chỉ đạo giải quyết kịp thời. Các tổ chức chính trị - xã hội lồng ghép nội dung tôn giáo vào phong trào thi đua yêu nước, phát huy vai trò của chức sắc, tín đồ trong cộng đồng. Qua đó, góp phần củng cố niềm tin vào Đảng, tăng cường quan hệ giữa chính quyền và tổ chức tôn giáo, nâng cao hiệu quả QLNN và bảo đảm đồng thuận xã hội trên cơ sở tôn trọng tự do tín ngưỡng.

Ba là, các chủ thể công tác tôn giáo phối hợp các tổ chức, các lực lượng có liên quan trong thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo của mình.

Công tác phối hợp giữa các chủ thể trong hệ thống chính trị về công tác tôn giáo ngày càng được tăng cường từ cấp tỉnh đến cơ sở. Tỉnh ủy, thành ủy và các ban, ngành đã chỉ đạo duy trì cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp nhằm xử lý hiệu quả các vấn đề tôn giáo. Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ủy ban MTTQ, Sở Dân tộc và Tôn giáo thường xuyên phối hợp với công an, quân sự, hội đoàn để nắm tình hình, phát hiện và xử lý kịp thời các biểu hiện cực đoan, lợi dụng tôn giáo chống phá. Các tổ chức chính trị - xã hội như Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên phối hợp với chính quyền cơ sở vận động tín đồ chấp hành chủ trương, pháp luật, tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự. Sự phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng góp phần

phát huy sức mạnh tổng hợp, bảo đảm môi trường tôn giáo ổn định, đúng pháp luật và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, các chủ thể công tác tôn giáo lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt trong công tác tôn giáo.

Các chủ thể trong công tác tôn giáo đặc biệt quan tâm đến việc củng cố tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Trên cơ sở quy định của Trung ương và yêu cầu thực tiễn, các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã sắp xếp bộ máy chuyên trách khá đồng bộ, từ Sở Dân tộc và Tôn giáo đến cán bộ cấp xã, phường. Lực lượng chuyên trách thuộc Mặt trận Tổ quốc, Ban Tuyên giá và Dân vận, công an, quân đội và các đoàn thể được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng xử lý vấn đề tôn giáo. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, có bản lĩnh chính trị, hiểu pháp luật, biết đối thoại, thuyết phục được xác định là then chốt. Đồng thời, các địa phương chú trọng phát hiện, bồi dưỡng lực lượng cốt cán trong tôn giáo, tạo cầu nối giữa chính quyền và tín đồ, góp phần củng cố niềm tin và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Năm là, các chủ thể công tác tôn giáo chủ thể kiểm tra, giám sát thực hiện chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo trong đoàn viên, hội viên và các bộ phận trực thuộc.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình, kế hoạch về tôn giáo được triển khai nghiêm túc, bài bản và thường xuyên. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước; công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ; quản lý đất đai, cơ sở thờ tự và giải quyết khiếu nại, phản ánh liên quan đến tôn giáo. Qua kiểm tra, kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai sót, bổ sung kế hoạch phù hợp. Đồng thời, hoạt động giám sát góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các lực lượng và năng lực tham mưu của đội ngũ cán bộ chuyên trách. Việc tăng cường kiểm tra, giám sát giúp siết chặt kỷ cương, nâng cao hiệu lực lãnh đạo và quản lý hoạt động tôn giáo tại địa phương.

Sáu là, các chủ thể công tác tôn giáo tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Việc tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo được các tỉnh ủy, thành ủy và các chủ thể liên quan thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đánh giá đúng thực chất, rút ra bài học kinh nghiệm và đề xuất phương hướng trong thời gian tới. Thông qua các hội nghị sơ kết 6 tháng, tổng kết năm, các hội nghị chuyên đề về tôn giáo, các địa phương không chỉ nhìn nhận kết quả đạt được mà còn thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và giải pháp khắc phục. Việc tổng kết được tiến hành ở nhiều cấp độ, từ cơ sở đến tỉnh, thành phố, tạo thành chu trình liên tục giữa thực tiễn - tổng kết - lý luận - thực tiễn mới. Nhiều mô hình, cách làm hay trong công tác tôn giáo được biểu dương, nhân rộng, đồng thời những vấn đề phát sinh được báo cáo kịp thời lên cấp trên để có phương án chỉ đạo phù hợp. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả QLNN về tôn giáo, tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy, nâng cao năng lực điều hành của chính quyền, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các lực lượng tham gia vào công tác tôn giáo tại địa phương.

2.3. TỈNH, THÀNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO GIAI ĐOẠN HIỆN NAY - KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, VAI TRÒ

2.3.1. Khái niệm tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo

Trong tác phẩm “Đường Cách mệnh” vấn đề đầu tiên được Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc luận bàn sâu sắc là về cách mệnh. Người đặt câu hỏi rất quan trọng:

Cách mệnh trước hết phải có gì?. Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu và làm theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không

có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin [93, tr.289].

Qua chỉ dẫn của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, có thể khái quát rằng: Đảng là chủ thể lãnh đạo, dân chúng là đối tượng; nội dung lãnh đạo là thực hiện nhiệm vụ cách mạng; phương thức lãnh đạo là vận động, tổ chức quần chúng. Người ví hoạt động lãnh đạo như người cầm lái con thuyền cách mạng kiên định, sáng suốt, làm chủ mọi tình huống. Để lãnh đạo thắng lợi, Đảng phải vững mạnh, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng, bảo đảm sự thống nhất về ý chí và hành động trong toàn Đảng.

Trong tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*”, Chủ tịch Hồ Chí Minh luận giải sâu sắc hơn về khái niệm “lãnh đạo của Đảng”. Người viết:

Lãnh đạo đúng nghĩa là:

1. Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng. Mà muốn thế thì nhất định phải so sánh kinh nghiệm của dân chúng. Vì dân chúng chính là những người chịu đựng cái kết quả của sự lãnh đạo của ta.
2. Phải tổ chức thi hành cho đúng. Mà muốn vậy không có dân chúng góp sức thì không xong.
3. Phải tổ chức sự kiểm soát, mà muốn kiểm soát đúng thì cũng có quần chúng giúp mới được [95, tr.325].

Từ chỉ dẫn trên, thấy rằng: *một là*, lãnh đạo là đề ra quyết định lãnh đạo. Trong đó, chủ thể xác định mục đích, yêu cầu, nội dung, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức thực hiện. *Hai là*, tổ chức thực hiện các quyết định lãnh đạo. Đó là việc tuyên truyền, thuyết phục, vận động, định hướng, dẫn dắt đối tượng lãnh đạo thực hiện thắng lợi các quyết định lãnh đạo bằng các phương pháp và hình thức khác nhau. *Ba là*, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đúc rút kinh nghiệm.

Đại Từ điển Tiếng Việt định nghĩa “lãnh đạo là dẫn dắt, tổ chức phong trào theo đường lối cụ thể; lãnh đạo còn dùng để chỉ các cơ quan lãnh đạo, gồm những người có khả năng tổ chức, dẫn dắt phong trào” [176, tr.997]. Sách Tra cứu về các

mục từ về tổ chức định nghĩa: “Lãnh đạo cùng với quản lý là công việc mà tất cả các chủ thể là tổ chức và cá nhân có thẩm quyền tác động đến các tổ chức và cá nhân dưới quyền và các thành viên khác trong xã hội khi thi hành nhiệm vụ do các chủ thể đó vạch ra” [4, tr.471].

Giáo trình Xây dựng Đảng, chương trình cao cấp lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh viết: “sự lãnh đạo của Đảng là toàn bộ hoạt động đề ra các quyết định; tổ chức các lực lượng thực hiện và tiến hành kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện thắng lợi các quyết định của Đảng” [76, tr.216].

Sách “350 thuật ngữ xây dựng Đảng” đưa ra khái niệm lãnh đạo có giá trị tham khảo tốt. Cụ thể:

Lãnh đạo là việc chủ thể lãnh đạo thực hiện các hoạt động: xác định mục tiêu, đường lối, chủ trương, phương hướng, biện pháp hành động nhằm đạt tới mục tiêu; là tuyên truyền, vận động, thuyết phục các đối tượng lãnh đạo hiểu rõ mục tiêu, phương hướng hành động do chủ thể lãnh đạo vạch ra nhằm làm cho đối tượng lãnh đạo tin tưởng và đi theo; là tổ chức các hoạt động thực để đối tượng lãnh đạo thực hiện các tiến mục tiêu, đường lối, chủ trương do chủ thể lãnh đạo vạch ra; là hành động gương mẫu của chủ thể lãnh đạo trong thực hiện mục tiêu, đường lối đã vạch ra [160, tr.305].

Từ phân tích trên, có thể thấy: *Đảng lãnh đạo là tổng thể hoạt động của Đảng trong xây dựng, ban hành các quyết định về đường lối, chủ trương, chính sách; tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện để các quyết định của Đảng được thực hiện thắng lợi.* Lãnh đạo là chức năng cơ bản của Đảng. Lãnh đạo là dẫn dắt, là vạch đường, chỉ lối. Do đó, nói đến Đảng lãnh đạo thì trước hết là nói đến hoạt động của Đảng xây dựng, ban hành các quyết định về đường lối, chủ trương, chính sách. Các quyết định này được thể hiện trong Cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị, kết luận hoặc các văn bản khác của Đảng. Cùng với việc xây dựng, ban hành các quyết định là hoạt động tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện để các quyết định của Đảng được thực hiện thắng lợi.

Từ những luận giải nêu trên, có thể quan niệm: *Các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo là tổng thể các hoạt động của tỉnh, thành ủy trong xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, kết luận, định hướng chỉ đạo quán triệt, triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tôn giáo theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền.*

Chủ thể lãnh đạo là tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL mà thường xuyên, trực tiếp là BTV các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL.

Đối tượng lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong lĩnh vực công tác tôn giáo không phải trực tiếp là các tổ chức tôn giáo hay đồng bào có đạo, mà trước hết và chủ yếu là hoạt động của hệ thống chính trị trên địa bàn trong việc thực hiện công tác tôn giáo. Theo đó, công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL được tiến hành thông qua sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với chính quyền, MTTQ, các đoàn thể CT-XH và các lực lượng liên quan trong hệ thống chính trị, nhằm bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu, nội dung và phương thức tổ chức thực hiện. Trong mối quan hệ đó, chính quyền các tỉnh, thành phố là chủ thể trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo, chịu sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh, thành ủy trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo. MTTQ và các đoàn thể CT-XH giữ vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy; đồng thời tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách tôn giáo ở địa phương. Như vậy, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo được thực hiện thông qua việc lãnh đạo, định hướng và kiểm soát hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm mỗi tổ chức thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ trong tổ chức thực hiện công

tác tôn giáo; qua đó góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở vùng ĐBSCL.

Mục đích lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL là bảo đảm sự thống nhất về nhận thức chính trị và hành động tổ chức trong toàn bộ hệ thống chính trị ở địa phương, qua đó phát huy vai trò tích cực của các tôn giáo trong đời sống xã hội, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua lãnh đạo công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy hướng tới củng cố vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước của chính quyền, phát huy vai trò của MTTQ và các đoàn thể CT-XH trong tập hợp, vận động đồng bào có đạo tham gia thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc lãnh đạo công tác tôn giáo còn nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo đảm và thực hiện có hiệu quả quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; đồng thời chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để xâm phạm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng. Qua đó, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng cầm quyền ở địa phương, đáp ứng yêu cầu xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị vững mạnh trong giai đoạn hiện nay.

2.3.2. Nội dung lãnh đạo

Trong điều kiện đặc thù của vùng ĐBSCL, nơi có mật độ dân cư đông, thành phần dân tộc, tôn giáo phong phú, việc lãnh đạo công tác tôn giáo luôn được các tỉnh ủy, thành ủy xác định là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên và lâu dài. Để hiện thực hóa vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác tôn giáo, các tỉnh ủy, thành ủy đã ban hành và tổ chức triển khai đồng bộ nhiều nội dung cụ thể, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội, quốc

phòng - an ninh và tình hình tôn giáo tại địa phương. Nội dung lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo được thể hiện trên các khía cạnh sau:

Một là, các tỉnh, thành ủy thành ủy lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác tôn giáo.

Đây là nội dung lãnh đạo có tính chất nền tảng, quyết định đến hiệu quả tổ chức thực hiện ở từng cấp, từng địa phương. Trước hết, các tỉnh, thành ủy tập trung lãnh đạo xác định mục tiêu phù hợp với điều kiện phát triển bền vững của địa phương, gắn với yêu cầu hội nhập quốc tế và giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Mục tiêu được xác định không chỉ nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo Hiến pháp và pháp luật, mà còn phát huy được vai trò tích cực của tôn giáo trong xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa vùng sông nước Nam Bộ. Trên cơ sở mục tiêu đã định, các tỉnh, thành ủy tiếp tục lãnh đạo xây dựng phương hướng công tác tôn giáo theo hướng chủ động, toàn diện và dài hạn. Phương hướng đó thường gắn với yêu cầu vừa quản lý chặt chẽ bằng pháp luật, vừa vận động, thuyết phục, tạo sự đồng thuận của đồng bào các tôn giáo trong thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Song song, các tỉnh, thành ủy còn lãnh đạo đề ra hệ thống giải pháp lớn mang tính đồng bộ, khả thi, gắn kết giữa thể chế, nguồn lực, cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện. Việc lãnh đạo này có ý nghĩa định hướng chiến lược, tạo sự thống nhất cao trong toàn hệ thống chính trị, đồng thời là cơ sở để triển khai đồng bộ các nhiệm vụ cụ thể về công tác tôn giáo ở từng tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

Hai là, lãnh đạo chính quyền tỉnh, thành phố ở vùng ĐBSCL cụ thể hóa, thể chế hóa các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy thành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án công tác tôn giáo và tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở định hướng chung của Đảng, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo chính quyền các cấp xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chương

trình, kế hoạch hành động cụ thể nhằm đưa các quan điểm, chủ trương lớn vào cuộc sống. HĐND các cấp ban hành nghị quyết mang tính pháp lý địa phương, còn UBND có trách nhiệm cụ thể hóa bằng kế hoạch, quy trình tổ chức thực hiện và QLNN đối với hoạt động tôn giáo trên địa bàn. Nội dung quản lý tập trung vào các lĩnh vực như: xét duyệt pháp nhân và chương trình hành đạo; giám sát hoạt động tôn giáo thường kỳ và đột xuất; quản lý việc xây dựng, sửa chữa cơ sở thờ tự; đào tạo, phong chức và bổ nhiệm chức sắc; quản lý hoạt động từ thiện, quan hệ đối ngoại tôn giáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo; đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để gây rối an ninh, trật tự. Đồng thời, các tỉnh, thành ủy đặc biệt chú trọng chỉ đạo cấp ủy xã, phường xã phát huy vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở trong việc phối hợp với chính quyền triển khai các văn bản tôn giáo, vận động quần chúng tín đồ chấp hành đúng pháp luật. Việc tổ chức thực hiện hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Đảng thông qua hệ thống chính quyền không chỉ góp phần củng cố nền tảng pháp lý cho công tác tôn giáo mà còn khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, bảo đảm sự ổn định, đồng thuận xã hội và phát huy vai trò tích cực của các tôn giáo trong phát triển bền vững địa phương.

Ba là, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt công tác tôn giáo.

Công tác tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong nhiệm vụ chính trị của cấp ủy đảng, do đó đã tập trung lãnh đạo xây dựng, kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách làm công tác tôn giáo ở các cấp. Trên cơ sở yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, các tỉnh, thành ủy đã chỉ đạo rà soát, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị phụ trách công tác tôn giáo, tiêu biểu là Sở Dân tộc và Tôn giáo, các phòng Văn hóa - xã hội xã, phường, cùng các đơn vị phối hợp như Ban Tuyên giáo và Dân vận, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, lực lượng công an. Việc tổ chức lại bộ máy này không chỉ nhằm nâng cao năng lực tham mưu, quản lý mà còn góp phần xác lập rõ trách nhiệm, phân công, phân cấp trong xử lý các vấn

đề tôn giáo phức tạp ở địa phương. Cùng với đó, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo được chú trọng về cả phẩm chất chính trị, năng lực chuyên môn và kỹ năng thực tiễn. Các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức, tập huấn kỹ năng vận động quần chúng, cập nhật pháp luật và kiến thức chuyên sâu về tín ngưỡng - tôn giáo, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong bối cảnh tình hình tôn giáo diễn biến đa dạng và phức tạp. Đặc biệt, công tác phát hiện, bồi dưỡng và phát huy lực lượng cốt cán về tôn giáo tại cơ sở được chú trọng. Đây là những cán bộ, đảng viên, người có uy tín, hiểu biết về tôn giáo, có khả năng vận động, thuyết phục và gắn bó mật thiết với đồng bào có đạo. Lực lượng này đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa Đảng, chính quyền với chức sắc, tín đồ; góp phần kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của các tầng lớp tín đồ tôn giáo, chủ động giải quyết các vấn đề phát sinh từ cơ sở. Việc xây dựng đội ngũ cán bộ nòng cốt về công tác tôn giáo là nền tảng bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững trong lãnh đạo công tác tôn giáo của cấp ủy, chính quyền các cấp ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Bốn là, lãnh đạo cấp ủy trực thuộc thực hiện hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của các tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL chú trọng lãnh đạo cấp ủy trực thuộc, đặc biệt là cấp ủy xã, phường, triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của cấp tỉnh, cấp ủy xã, phường có trách nhiệm cụ thể hóa nội dung thành kế hoạch hành động phù hợp với điều kiện thực tế tại địa bàn, gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở. Công tác tổ chức quán triệt được tiến hành thông qua sinh hoạt chi bộ, hội nghị chuyên đề, tập huấn nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong toàn thể cán bộ, đảng viên ở cơ sở. Với vai trò là hạt nhân chính trị tại địa bàn dân cư, cấp ủy xã và phường trực tiếp đưa các chủ trương, quyết định của tỉnh ủy, thành ủy vào thực tiễn đời sống nhân dân. Thông qua đó, tổ chức tuyên truyền, vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tôn giáo thực hiện đúng các quy định pháp luật, góp phần củng

có niềm tin và sự đồng thuận trong cộng đồng. Đồng thời, cấp ủy cơ sở còn có trách nhiệm nắm chắc tình hình, kịp thời tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến tôn giáo. Việc phát huy vai trò chủ động, linh hoạt của cấp ủy xã, phường là điều kiện tiên quyết để công tác tôn giáo đạt hiệu quả thiết thực, phù hợp với đặc điểm dân cư và tôn giáo đa dạng ở vùng ĐBSCL.

Năm là, lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp các tổ chức, các lực lượng liên quan tiến hành công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp giữa các tổ chức chính trị - xã hội, MTTQ và các lực lượng liên quan nhằm triển khai hiệu quả công tác tôn giáo trên địa bàn. Trên tinh thần phát huy vai trò của toàn hệ thống chính trị, các tỉnh, thành ủy đã giao nhiệm vụ cụ thể cho MTTQ và các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh... trong việc tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc và quần chúng tín đồ thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Thông qua các chương trình phối hợp, các tổ chức này vừa là cầu nối giữa Đảng, chính quyền với các tổ chức tôn giáo, vừa góp phần củng cố niềm tin của đồng bào có đạo vào đường lối lãnh đạo của Đảng. Hoạt động cụ thể bao gồm: vận động các tôn giáo tham gia xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, phát triển kinh tế - xã hội, gìn giữ an ninh trật tự. Ngoài ra, các tỉnh, thành ủy còn chỉ đạo tổ chức các diễn đàn, hội nghị tiếp xúc, đối thoại với chức sắc, tín đồ nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, qua đó góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các lực lượng trong công tác tôn giáo là yếu tố quan trọng giúp địa phương giữ vững ổn định chính trị, phát triển bền vững và phát huy vai trò tích cực của tôn giáo trong đời sống xã hội.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo.

Sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo giữ vai trò quan trọng trong

việc đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, từ đó điều chỉnh phương thức phù hợp thực tiễn. Trước khi tiến hành, cấp ủy cần chỉ đạo các cơ quan tham mưu xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cụ thể đề cương báo cáo nhằm bảo đảm tính hệ thống, tránh hình thức. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết phải tuân thủ nghiêm quy trình, quy định hiện hành; nội dung báo cáo cần ngắn gọn, có định lượng, phản ánh đúng thực trạng. Cần làm rõ kết quả nổi bật, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo công tác tôn giáo. Báo cáo cần kèm theo hệ thống bảng biểu, số liệu minh chứng cụ thể để tăng tính thuyết phục, khách quan. Sau sơ kết, tổng kết, các tỉnh, thành ủy cần có kiến nghị, đề xuất Trung ương và các bộ, ngành liên quan nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, văn bản hóa kịp thời các nội dung chỉ đạo tiếp theo, làm cơ sở triển khai nhiệm vụ công tác tôn giáo một cách đồng bộ, hiệu quả trong giai đoạn mới.

2.3.3. Phương thức lãnh đạo

Điều 41, Điều lệ Đảng khóa XI khẳng định: “Đảng lãnh đạo Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội bằng Cương lĩnh chính trị, chiến lược, chính sách, chủ trương; bằng công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ và kiểm tra, giám sát việc thực hiện” [51, tr.151]. Giáo trình Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị) của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đưa ra khái niệm:

Phương thức lãnh đạo của Đảng là tổng thể các hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... mà Đảng sử dụng để tác động vào đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện thắng lợi Cương lĩnh chính trị, đường lối, các nghị quyết của Đảng, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa [76, tr.220].

Theo sách 350 thuật ngữ Xây dựng Đảng: “Phương thức lãnh đạo của Đảng là hệ thống các hình thức, phương pháp, biện pháp, quy trình, lề lối làm việc, tác phong công tác mà chủ thể lãnh đạo sử dụng để tác động và đối tượng lãnh đạo, làm cho nội dung lãnh đạo của chủ thể trở thành hiện thực”

[160, tr.352].

Làm rõ phương thức lãnh đạo giúp các cơ quan lãnh đạo của Đảng phân định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý của chính quyền các cấp, khắc phục sự chồng lấn chức năng, bao biện, làm thay công việc của nhà nước của các tổ chức đảng, cũng như buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Thực tiễn lãnh đạo cách mạng của Đảng ta cho thấy: khi có đường lối đúng, có tổ chức hợp lý mà không có phương thức lãnh đạo phù hợp thì hiệu quả lãnh đạo thấp, thậm chí còn vô hiệu hóa cả chủ trương đúng của Đảng và của các cấp ủy Đảng. Phương thức lãnh đạo của Đảng sẽ thay đổi khi hoàn cảnh, điều kiện thay đổi, tình hình cách mạng thay đổi. Khái niệm phương thức lãnh đạo của Đảng được sử dụng phổ biến trong thời kỳ đổi mới sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Từ những vấn đề phân tích nêu trên, có thể quan niệm: *Phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo là tổng thể các hình thức, phương pháp, cách thức, quy chế, quy trình, phong cách, lề lối làm việc... mà các tỉnh, thành ủy sử dụng để tác động vào chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và các tổ chức, lực lượng có liên quan để tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung lãnh đạo công tác tôn giáo.*

Từ quan niệm nêu trên có thể thấy phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay, gồm:

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy và BTV tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL thực hiện vai trò lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua việc ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch nhằm cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Việc xây dựng văn bản được thực hiện trên cơ sở quán triệt đầy đủ chủ trương của Trung ương, đồng thời bám sát tình hình dân cư, tín ngưỡng, tôn giáo và điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương. Các văn bản ban hành không chỉ xác định rõ mục tiêu, phương

hướng công tác tôn giáo theo từng giai đoạn, mà còn đề ra giải pháp phù hợp, khả thi, sát với thực tiễn vùng và từng tỉnh, thành. Một số địa phương ban hành nghị quyết chung cho toàn bộ các tôn giáo hoạt động trên địa bàn; đồng thời, tùy theo đặc thù, có thể ban hành nghị quyết chuyên đề về từng tôn giáo hoặc về các vấn đề như đất đai, cơ sở thờ tự, hoạt động từ thiện, đối ngoại tôn giáo. Việc ban hành hệ thống văn bản nói trên góp phần xây dựng cơ sở chính trị - pháp lý vững chắc cho công tác lãnh đạo, bảo đảm sự thống nhất giữa chủ trương của Đảng và thực tiễn địa phương, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong vùng.

Hai là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động liên quan đến công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động, xem đây là phương thức cơ bản, xuyên suốt trong tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Quán triệt tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX) về công tác tôn giáo, trong đó khẳng định “vấn đề cốt lõi trong công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng” [3], các tỉnh, thành ủy tập trung chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng trong nội bộ Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội. Trước hết, các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên được quán triệt đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước cũng như nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo. Tiếp đến, các cấp ủy đảng chỉ đạo tuyên truyền đến các tầng lớp nhân dân, tạo sự thống nhất nhận thức và đồng thuận xã hội trong thực hiện nhiệm vụ tôn giáo. Các tỉnh, thành ủy cũng chủ động đổi mới nội dung, phương thức vận động bằng hình thức đối thoại, tọa đàm, hội thảo khoa học, trong đó nổi bật là mô hình “đối thoại bốn bên” giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức tôn giáo. Song song, các kênh truyền thông địa phương, hệ thống thông tin cơ sở và các trang điện tử tôn giáo được số hóa, tương tác đa chiều, giúp tăng hiệu quả tiếp cận và phản hồi từ chức sắc, tín đồ. Việc xây dựng và nhân rộng các mô hình tín đồ tiêu biểu cũng là giải pháp thiết thực, góp phần nâng

cao hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng và khẳng định vai trò của công tác tuyên truyền, vận động trong lãnh đạo công tác tôn giáo hiện nay.

Ba là, lãnh đạo bằng phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo phát huy vai trò QLNN về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố như một phương thức trọng tâm trong thực hiện công tác tôn giáo. Trên cơ sở các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của cấp ủy, chính quyền các địa phương đã cụ thể hóa thành hệ thống chính sách, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật và tổ chức thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ QLNN về tôn giáo theo đúng quy định pháp luật hiện hành. UBND tỉnh, thành phố được giao trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; hướng dẫn hoạt động tôn giáo; giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến tổ chức tôn giáo, cơ sở thờ tự, đất đai, xây dựng, nhân sự tôn giáo, hoạt động từ thiện, quan hệ đối ngoại tôn giáo... Bên cạnh đó, các địa phương đã tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động tôn giáo, kịp thời phát hiện, xử lý những hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Việc phát huy tốt vai trò QLNN về tôn giáo không chỉ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân mà còn góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức tôn giáo hoạt động đúng pháp luật và tích cực tham gia vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua việc củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách có đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thông qua việc chỉ đạo kiện toàn hệ thống Ban Tuyên giáo và Dân vận cấp ủy các cấp, Sở Dân tộc và Tôn giáo, và đội ngũ cán bộ phụ trách công tác tôn giáo tại các địa phương, các tỉnh, thành ủy đã từng bước nâng cao hiệu quả phối hợp và năng lực thực thi công vụ liên quan đến công tác tôn giáo.

Ban Tuyên giáo và Dân vận là cơ quan tham mưu trực tiếp cho cấp ủy trong việc định hướng tư tưởng, tuyên truyền, vận động quần chúng tín đồ và chức sắc tôn giáo chấp hành tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Sở Dân tộc và Tôn giáo và đội ngũ cán bộ chuyên trách tại các địa phương đóng vai trò đầu mối trong thực hiện chức năng QLNN về tôn giáo, trực tiếp phối hợp với các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ sở tôn giáo trên địa bàn. Cùng với đó, các tỉnh, thành ủy đặc biệt quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn, kỹ năng vận động quần chúng và am hiểu tình hình tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo và hiệu quả thực tiễn trong công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Năm là, lãnh đạo bằng tổ chức đảng, đảng viên, hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL chú trọng phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua việc phát huy vai trò của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là những đảng viên là người có đạo tại các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo. Đây là phương thức lãnh đạo nền tảng nhằm bảo đảm sự hiện diện thường xuyên của Đảng trong đời sống tôn giáo tại cơ sở. Các chi bộ đảng ở xã, phường nơi có đông đồng bào có đạo, được giao nhiệm vụ tổ chức quán triệt, tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ thực hiện nghiêm túc chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo. Đảng viên là người có đạo có vai trò nòng cốt, gương mẫu trong sinh hoạt tôn giáo và đời sống xã hội, góp phần củng cố niềm tin của tín đồ đối với sự lãnh đạo của Đảng. Các cơ quan chuyên trách như Ban Tuyên giáo và Dân vận, MTTQ và Sở Dân tộc và Tôn giáo đóng vai trò tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách đồng bộ, hiệu quả. Song song đó, các tỉnh ủy, thành ủy tập trung xây dựng tổ chức đảng ở vùng tôn giáo vững mạnh, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị và năng lực vận động quần chúng cho đội ngũ đảng viên là người có đạo. Việc kết hợp

chặt chẽ giữa tổ chức đảng, đảng viên và tổ chức tôn giáo là điều kiện then chốt để nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo, giữ vững ổn định chính trị và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong vùng ĐBSCL.

Sáu là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các lực lượng trong công tác tôn giáo, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, vận động phát huy vai trò các chức sắc tôn giáo trong thực hiện nghị quyết của các tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL chú trọng lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và lực lượng có liên quan trong công tác tôn giáo, đặc biệt là tại các địa bàn có đông đồng bào có đạo. Đây là các tổ chức có vị trí quan trọng trong việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tín đồ, chức sắc và quần chúng nhân dân; đồng thời phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng chính đáng của đồng bào có đạo đến cấp ủy, chính quyền để xem xét, giải quyết. Các tổ chức này cũng là lực lượng nòng cốt trong phát động và triển khai các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa mới, bảo vệ môi trường, phát triển cộng đồng trong vùng đồng bào tôn giáo. Đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát huy lực lượng cốt cán trong các tôn giáo, bao gồm những chức sắc, nhà tu hành, tín đồ tiêu biểu nhằm tạo cầu nối hiệu quả giữa Đảng, chính quyền với cộng đồng tôn giáo. Việc vận động các chức sắc tôn giáo tham gia phổ biến và thực hiện các nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bởi tiếng nói của họ có ảnh hưởng lớn trong nội bộ tôn giáo. Các cấp ủy, nhất là chi bộ, đảng bộ cơ sở xã, phường cần phát huy linh hoạt vai trò của các tổ chức này, kết hợp với kinh nghiệm dân vận tôn giáo phù hợp thực tiễn địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi các chủ trương của Đảng trong lĩnh vực tôn giáo.

Bảy là, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát thực hiện công tác tôn giáo.

Các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL coi công tác kiểm tra, giám sát là một phương thức lãnh đạo quan trọng nhằm bảo đảm công tác tôn giáo được thực hiện đúng định hướng của Đảng, phù hợp với pháp luật của Nhà nước và sát với thực tiễn địa phương. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát, cấp ủy các cấp có điều kiện theo dõi, đánh giá việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo; kịp thời phát hiện những tồn tại, bất cập, từ đó đưa ra giải pháp điều chỉnh, ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong QLNN về tôn giáo; thực hiện các quy định pháp luật về đăng ký sinh hoạt tôn giáo, xây dựng cơ sở thờ tự; giám sát hoạt động của các tổ chức tôn giáo có liên quan đến an ninh trật tự và đoàn kết dân tộc; kiểm tra việc thực hiện cam kết của các tổ chức tôn giáo trong các hoạt động cộng đồng. Qua kiểm tra, các tỉnh, thành ủy có cơ sở kiến nghị, bổ sung hoàn thiện chính sách tôn giáo phù hợp với thực tiễn. Việc lãnh đạo thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát không chỉ nâng cao hiệu lực QLNN về tôn giáo mà còn góp phần bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong vùng ĐBSCL.

2.3.4. Vai trò

Một là, sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy bảo đảm cho tôn giáo, công tác tôn giáo được thực hiện theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL nhận thức rõ vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội, từ đó chủ động ban hành và lãnh đạo thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về công tác tôn giáo. Trên cơ sở tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, không tín ngưỡng của nhân dân, các cấp ủy chú trọng định hướng hoạt động tôn giáo theo tinh thần đoàn kết, hòa hợp, gắn bó với lợi ích quốc gia, dân tộc. Công tác tuyên truyền được tăng cường nhằm nâng cao nhận thức của chức sắc, tín đồ về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, công tác QLNN về tôn giáo được triển khai chặt chẽ,

đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, góp phần ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước. Sự lãnh đạo nhất quán, toàn diện của các tỉnh, thành ủy đã góp phần đảm bảo cho công tác tôn giáo được thực hiện đúng định hướng, vừa phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo trong xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, vừa giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo chính là yếu tố bảo đảm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác tôn giáo.

Với vai trò hạt nhân chính trị ở địa phương, các tỉnh, thành ủy ban hành nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác tôn giáo, qua đó tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống. Sự lãnh đạo đó bảo đảm để chính quyền các cấp quản lý bằng pháp luật, chính sách; Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện công tác vận động quần chúng; các cơ quan tham mưu chuyên trách tham gia dự báo, tham mưu, đề xuất giải pháp. Nhờ có sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của tỉnh, thành ủy, các lực lượng trong hệ thống chính trị phát huy được vai trò, chức năng, phối hợp nhịp nhàng, xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh, củng cố niềm tin của nhân dân. Thực tiễn cho thấy, nơi nào tỉnh, thành ủy quan tâm lãnh đạo tốt công tác tôn giáo thì ở đó sự phối hợp giữa các lực lượng đồng bộ, hiệu quả, góp phần giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc.

Ba là, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy bảo đảm việc huy động tối đa các nguồn lực thực hiện công tác tôn giáo và nguồn lực tôn giáo.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khẳng định “tôn giáo là một nguồn lực” để phát triển đất nước; đồng thời xác định: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những đối tượng lợi dụng tôn giáo chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; chia rẽ, phá hoại đoàn kết tôn giáo và khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [54, tr.171]. Nhận

thức rõ tinh thần đó, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã chủ động lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo theo hướng vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, vừa phát huy vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Các tổ chức tôn giáo đã có nhiều đóng góp thiết thực: xây dựng cơ sở giáo dục, khám chữa bệnh, tổ chức hoạt động từ thiện - xã hội và hỗ trợ người nghèo. Đồng thời, các địa phương cũng khai thác hiệu quả giá trị văn hóa và du lịch tâm linh từ các công trình tôn giáo, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương. Cùng với đó, công tác đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa và xử lý hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ, chống phá cũng được tăng cường. Việc lãnh đạo chặt chẽ, đồng bộ đã giúp phát huy tối đa các nguồn lực tôn giáo, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong thời kỳ mới.

Bốn là, sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy bảo đảm quyết định tăng cường đoàn kết tôn giáo, dân tộc ở ĐBSCL.

ĐBSCL là vùng đa dân tộc, đa tôn giáo, nơi cộng cư của người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và nhiều cộng đồng tôn giáo như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hòa Hảo, Cao Đài... Do đó, công tác tôn giáo luôn gắn chặt với công tác dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trước đặc điểm đó, các tỉnh, thành ủy trong vùng đã xác định rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo trong việc bảo đảm sự gắn bó giữa đồng bào các dân tộc, tôn giáo với Đảng và Nhà nước. Các cấp ủy, tổ chức đảng thường xuyên quan tâm củng cố hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc - tôn giáo, phát huy vai trò của người có uy tín, chức sắc, chức việc trong việc tuyên truyền, vận động quần chúng sống “tốt đời, đẹp đạo”, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, đẩy mạnh đối thoại, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, tạo sự đồng thuận xã hội. Sự lãnh đạo toàn diện, linh hoạt của các tỉnh, thành ủy đã góp phần tăng cường niềm tin trong nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo, tạo nền tảng ổn định chính trị - xã hội bền vững cho toàn vùng.

Năm là, lãnh đạo công tác tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL, góp phần trực tiếp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và uy tín chính trị của cấp ủy địa phương.

Trong hệ thống nhiệm vụ chính trị, công tác này không chỉ mang tính chất chuyên biệt, mà còn là thước đo phản ánh trình độ tư duy, tầm nhìn chiến lược và hiệu quả tổ chức thực hiện của cấp ủy. Ở ĐBSCL, nơi tập trung nhiều tôn giáo với số lượng tín đồ lớn, công tác lãnh đạo tôn giáo càng có ý nghĩa then chốt trong việc củng cố niềm tin của nhân dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo thể hiện qua khả năng cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo thành chủ trương, nghị quyết, chương trình hành động phù hợp với thực tiễn địa phương; đồng thời cho thấy sự chủ động, sáng tạo trong huy động nguồn lực, kiện toàn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Thực tiễn cho thấy, những tỉnh, thành ủy có cách tiếp cận toàn diện, khoa học và sát thực tiễn thường có hệ thống chính trị ổn định, đoàn kết, tôn giáo đồng hành tích cực với đời sống xã hội, qua đó hình thành hình ảnh địa phương năng động, văn minh và giàu bản sắc. Bên cạnh đó, chú trọng lãnh đạo công tác tôn giáo còn góp phần thiết thực vào công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức và phong cách; nâng cao năng lực giáo dục, định hướng giá trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nơi nào cấp ủy lãnh đạo tốt công tác tôn giáo, nơi đó môi trường chính trị - xã hội ổn định, hạn chế được tiêu cực, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Tiểu kết chương 2

Việc nghiên cứu cơ sở lý luận liên quan đến công tác tôn giáo, lãnh đạo tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL cho thấy mối quan hệ biện chứng giữa tôn giáo và chính trị không chỉ dưới góc nhìn là hai hình thái ý thức xã hội mà còn phản ánh mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với các tổ chức tôn giáo, giáo hội trong tư cách là những thiết chế thuộc kiến trúc thượng tầng. Theo đó, tôn giáo được xác định vừa là một hình thái ý thức, vừa là một thực thể xã hội với các hoạt động và ảnh hưởng nhất định trong đời sống chính trị - xã hội ở địa phương.

Việc nhận diện đầy đủ và chính xác các khái niệm như tôn giáo, công tác tôn giáo, cũng như vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong công tác tôn giáo ở khu vực ĐBSCL là nền tảng lý luận quan trọng, tạo cơ sở cho việc phân tích, đánh giá chuyên sâu ở các chương tiếp theo của luận án. Trên cơ sở đó, luận án tập trung nghiên cứu nội dung và phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy trong khu vực. Đây được xác định là nội dung mang tính mới, đồng thời cũng là trục xuyên suốt của toàn bộ luận án. Cách tiếp cận này cho phép người nghiên cứu quan sát, đánh giá vấn đề từ hai chiều: từ phía chủ thể lãnh đạo, quản lý (các cấp ủy Đảng, chính quyền) và từ phía khách thể bị tác động (các tổ chức tôn giáo và tín đồ).

Thông qua quá trình khảo cứu tài liệu của các cơ quan chức năng, các tổ chức tôn giáo và nguồn tư liệu điền dã, luận án đã phác họa bức tranh tổng quan về tình hình tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Điều này bao gồm đặc điểm của các tôn giáo lớn, các hiện tượng tôn giáo mới nổi, cũng như sự chống phá của một số phần tử cực đoan lợi dụng tôn giáo. Những yếu tố này tác động trực tiếp đến hiệu quả và tính ổn định trong công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với lĩnh vực tôn giáo tại địa phương. Toàn bộ hệ thống luận cứ lý luận nêu trên là cơ sở quan trọng để luận án tiếp tục khảo sát và đánh giá thực trạng ở Chương 3.

Chương 3

CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO - THỰC TRẠNG, NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.1. THỰC TRẠNG LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC TÔN GIÁO CỦA TỈNH ỦY, THÀNH ỦY VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1.1. Ưu điểm

3.1.1.1. Về nội dung lãnh đạo

Một là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác tôn giáo.

Quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chủ trương của Trung ương về công tác tôn giáo, đặc biệt là Nghị quyết số 24-NQ/TW (1990), Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003) cùng với các chỉ thị, thông báo, quy định, hướng dẫn quan trọng như Chỉ thị số 66-CT/TW, Chỉ thị số 18-CT/TW..., các cấp ủy trong vùng đã chủ động cụ thể hóa và triển khai thành chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, đồng thời bảo đảm bám sát định hướng lớn của Trung ương. Nhờ đó, công tác tôn giáo dưới sự lãnh đạo của cấp ủy cấp tỉnh từng bước đi vào nền nếp, góp phần tạo động lực cho sự phát triển toàn diện và bền vững. Nổi bật, Thành phố Cần Thơ và tỉnh An Giang đã ban hành nhiều quyết sách về công tác tôn giáo với cách tiếp cận bài bản, đồng bộ, thường xuyên bổ sung, điều chỉnh, thể hiện tầm nhìn chiến lược lâu dài. Trên cơ sở đó, các đảng bộ tỉnh, thành phố trong vùng đều xác định rõ mục tiêu, quan điểm, phương hướng và nhiệm vụ, giải pháp lớn về công tác tôn giáo trong nghị quyết, chương trình, kế hoạch và văn kiện đại hội đảng bộ các nhiệm kỳ.

Để triển khai Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã ban hành nhiều văn bản chuyên đề, thể hiện sự quan tâm và chỉ đạo kịp

thời. Cụ thể: Tỉnh ủy Long An với Chương trình số 32-CTr/TU (20/6/2003); Đồng Tháp với số 08-CTr/TU (01/6/2003); An Giang với số 10-CTr/TU (16/6/2003); Cần Thơ với số 22-CTr/TU (05/6/2003); Tiền Giang với số 13-CTr/TU (06/10/2003); Bến Tre với số 20-CTr/TU (30/8/2003); Trà Vinh với số 15-CTr/TU (15/10/2003); Cà Mau với số 29-CTr/TU (11/6/2003). Đặc biệt, Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TU (08/4/2003) về *tăng cường sự lãnh đạo đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới, phù hợp với đặc thù địa bàn có đông đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam Tông*. Các văn bản này cho thấy sự chủ động cụ thể hóa đường lối của Trung ương vào thực tiễn, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào tôn giáo và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Tiếp đó, thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 16/8/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, các tỉnh, thành ủy tiếp tục ban hành nhiều văn bản chỉ đạo cụ thể. Tỉnh ủy Sóc Trăng có Công văn số 754-CV/TU (29/5/2018), Kết luận số 22-KL/TU (22/9/2020); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang ban hành Công văn số 643-CV/TU (02/4/2018); Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tiền Giang triển khai Công văn số 1357-CV/TU, Kế hoạch số 66-KH/TU, Nghị quyết số 03-NQ/TU; Tỉnh ủy Kiên Giang ban hành Công văn số 639-CV/TU cùng nhiều văn bản liên quan. Các văn bản này thể hiện sự chủ động, sát sao và kịp thời của cấp ủy địa phương, đồng thời bảo đảm tính đặc thù, phù hợp với điều kiện dân cư, tín ngưỡng, tôn giáo của từng tỉnh, thành phố trong vùng.

Nội dung các văn bản trên xác lập một số định hướng lớn có tính chiến lược như: Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2020 - 2025” khẳng định *“công tác tôn giáo và chính sách tôn giáo là bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách của Đảng, có vị trí tương đương với chính sách kinh tế, văn hóa, xã hội, giải quyết vấn đề tôn giáo trên cơ sở tổng thể, gắn kết với các lĩnh vực khác, chú trọng yếu tố lịch sử, văn hóa, dân tộc của địa phương”* [44, tr.40]; Thành ủy Cần Thơ khẳng định trong báo cáo Tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017 “quan tâm đào tạo, sử dụng cán bộ là người dân tộc

thiếu số, người có đạo, củng cố tổ chức đảng và cơ sở chính trị tại vùng đồng bào có đạo, chủ động phản bác các luận điệu sai trái về quan hệ giữa tôn giáo và chủ nghĩa xã hội, với phương pháp linh hoạt, thuyết phục, tăng cường quản lý nhà nước về tôn giáo trên cơ sở pháp luật, đồng thời tạo điều kiện cho hoạt động tôn giáo đúng pháp luật; thường xuyên đổi mới tư duy, chính sách phù hợp với thực tiễn và tiến trình hội nhập quốc tế” [108, tr.25].

Văn kiện Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 của Đảng bộ thành phố Cần Thơ đã xác định rõ *“công tác tôn giáo là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng, gắn liền với củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo trong phát triển địa phương”* [38, tr.40]. Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 xác định *“công tác tôn giáo là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa chiến lược đối với sự ổn định và phát triển địa phương”* [33, tr.31]. Mục tiêu đặt ra là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực tôn giáo, phát huy vai trò của chức sắc, tín đồ trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là ở địa bàn có đông đồng bào tôn giáo sinh sống.

Khảo sát ở nội dung lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp lớn về công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL cho thấy: Trong nhóm cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp, 95% đánh giá là rất hiệu quả [Phục lục 12]. Ở nhóm cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo, 90% đánh giá rất hiệu quả [Phụ lục 13]. Số liệu này phản ánh rõ sự nhất quán và tin tưởng của cấp ủy cấp tỉnh và đội ngũ cán bộ trong toàn hệ thống chính trị đối với định hướng lãnh đạo công tác tôn giáo tại các địa phương. Đồng thời, cho thấy các tỉnh, thành ủy đã chủ động cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng vào thực tiễn một cách linh hoạt, sát hợp với tình hình tôn giáo - dân tộc tại cơ sở. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay.

Hai là, lãnh đạo chính quyền thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Trên cơ sở chỉ đạo của Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của tỉnh ủy, thành ủy, công tác lãnh đạo chính quyền trong thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương về tôn giáo tại các địa phương vùng ĐBSCL được triển khai hiệu quả. Các tỉnh, thành phố ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa chủ trương, tạo thuận lợi cho hoạt động tôn giáo đúng pháp luật, giữ vững ổn định chính trị, trật tự xã hội.

Cụ thể, UBND thành phố Cần Thơ có Quyết định số 33/2007/QĐ-UBND về phân cấp quản lý tôn giáo, Kế hoạch số 64/KH-UBND (2011) hỗ trợ Học viện Phật giáo Nam tông Khmer; UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND về cơ chế một cửa cấp phép công trình tôn giáo; UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 1807/QĐ-UBND (2024) về thủ tục hành chính tín ngưỡng cấp huyện; UBND tỉnh Hậu Giang có Quyết định số 154/QĐ-UBND (2015) về dân tộc - tôn giáo; UBND tỉnh Vĩnh Long ban hành Quyết định số 22/19/QĐ-UBND (2019) phát huy giá trị văn hóa trong tôn giáo; UBND tỉnh Cà Mau triển khai Quyết định số 1438/QĐ-UBND (2015) bảo tồn giá trị văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo.

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2020 - 2025 khẳng định: *“Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo được triển khai toàn diện, vừa bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng của Nhân dân, vừa kiên quyết đấu tranh, xử lý các hành vi lợi dụng tôn giáo trái pháp luật, qua đó góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”* [46, tr.18]. Tương tự, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau nhấn mạnh: *“Quản lý nhà nước về tôn giáo là nhiệm vụ quan trọng, gắn với bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững”* [36, tr.27]. Các đảng bộ tỉnh, thành phố khác trong vùng cũng xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, phương hướng của cấp ủy về công tác tôn giáo, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

Nhờ thể chế hóa kịp thời, công tác QLNN về tôn giáo vùng ĐBSCL đạt kết quả tích cực. Các lễ hội, sự kiện tôn giáo được tổ chức an toàn, đúng pháp luật; hoạt động từ thiện, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo được các tổ chức, cá nhân tôn giáo tích cực tham gia. Năm 2024, gần 1.000 hồ sơ xây dựng, sửa chữa nơi thờ tự được tiếp nhận, trong đó khoảng 900 hồ sơ được giải quyết; 860 trường hợp bổ nhiệm chức sắc đúng quy định; hơn 50 đoàn quốc tế khảo sát tôn giáo [6, tr.5]. Các chủ trương, chính sách nâng cao đời sống đồng bào tôn giáo được đặc biệt chú trọng. Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị, tổng GRDP vùng ĐBSCL năm 2024 đạt 1.409,28 nghìn tỷ đồng (12,2% cả nước); thu nhập bình quân đầu người 80,7 triệu đồng/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,26% [171, tr.4].

Tỉnh ủy Sóc Trăng đã ban hành Công văn số 754-CV/TU ngày 29/5/2018 và Kết luận số 22-KL/TU ngày 22/9/2020, chỉ đạo cụ thể việc triển khai công tác tôn giáo trong tình hình mới. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Sóc Trăng đã xây dựng nhiều kế hoạch, phân công trách nhiệm cho Ban Tôn giáo, Công an tỉnh, UBND cấp huyện, xã trực tiếp thực hiện. Nhờ vậy, chủ trương của Tỉnh ủy không chỉ dừng ở định hướng, mà được cụ thể hóa thành hành động quản lý nhà nước đồng bộ, góp phần bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tăng cường đoàn kết các tôn giáo, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương. Nhiều chương trình hỗ trợ đồng bào tôn giáo: huyện Mỹ Xuyên đầu tư 906 tỷ đồng cho 318 công trình hạ tầng, 189 căn nhà trị giá 9,45 tỷ đồng; huyện Kế Sách vận động hơn 65 tỷ đồng từ thiện, xây dựng 63 cầu, sửa chữa 57 nhà; huyện Mỹ Tú đầu tư gần 32.500 tỷ đồng cho 55 công trình, sửa chữa lò hỏa táng tại các chùa Khmer; huyện Long Phú hỗ trợ 232 hộ chăn nuôi (3,89 tỷ đồng); huyện Thạnh Trị xây dựng 421 nhà (21 tỷ đồng), hỗ trợ chuộc đất cho 784 hộ nghèo (19,45 tỷ đồng) [145, tr.4-5].

Tỉnh ủy Kiên Giang luôn chú trọng lãnh đạo chính quyền các cấp thể chế hóa kịp thời và đồng bộ phương hướng, chủ trương về công tác tôn giáo thành các văn bản quy phạm, kế hoạch và chương trình hành động cụ thể. UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn như Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ban

Dân vận đã được giao nhiệm vụ trực tiếp triển khai, bảo đảm công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tuân thủ pháp luật, phù hợp với đặc thù địa phương. Thông qua đó, chủ trương của Tỉnh ủy không chỉ được quán triệt trong hệ thống chính trị, mà còn đi vào thực tiễn cơ sở, góp phần phát huy vai trò tích cực của chức sắc, tín đồ trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn ổn định chính trị và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính vì vậy, Kiên Giang xây dựng trên 14.000 căn nhà hỗ trợ hộ nghèo, cấp nước sạch cho gần 15.000 hộ, hỗ trợ đất ở và sản xuất cho hơn 1.200 hộ, giải ngân 65 tỷ đồng cho hơn 7.800 hộ vay vốn [141, tr.6]. Tỉnh Hậu Giang đầu tư trên 140 tỷ đồng vùng đồng bằng sông Cửu Long, hỗ trợ kinh tế cho hơn 800 hộ, xây sửa 526 nhà, mở 57 lớp dạy chữ Khmer, cấp nước sạch và hỗ trợ tuyển sinh đại học cho học sinh Khmer Nam tông [168, tr.6]. An Giang phối hợp tổ chức tôn giáo xây gần 12.000 nhà, hỗ trợ 1,4 triệu lượt hộ nghèo, xây dựng đời sống văn hóa cho trên 500.000 hộ gia đình, 79 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới [122, tr.7]. Các mô hình phối hợp hiệu quả như: “Tôn giáo đồng hành với giảm nghèo”, “Phật giáo Hòa Hảo đồng hành với công tác thoát nghèo”, “Khởi nghiệp trong thanh niên Khmer”, phát huy hiệu quả rõ rệt. Các địa phương cũng chú trọng bảo tồn văn hóa tôn giáo, tổ chức hoạt động tín ngưỡng theo pháp luật.

Kết quả khảo sát đánh giá cao hiệu quả thể chế hóa, tổ chức thực hiện chủ trương tôn giáo: nhóm cấp ủy, lãnh đạo đánh giá “rất hiệu quả” đạt 92% [Phụ lục 16], nhóm cán bộ, công chức đánh giá “rất hiệu quả” đạt 89% [Phụ lục 17]. Kết quả này phản ánh việc triển khai chủ trương về tôn giáo khá đồng bộ, thống nhất, cho thấy sự chuyển biến tích cực trong lãnh đạo và QLNN về tôn giáo tại ĐBSCL.

Ba là, lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, cán bộ, lực lượng nòng cốt công tác tôn giáo.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo đóng vai trò then chốt, quyết định hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và QLNN về tôn giáo. Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về triển khai Nghị quyết số 25-NQ/TW (khóa IX), các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã chủ

động kiện toàn tổ chức, đội ngũ cán bộ nhằm nâng cao hiệu lực công tác tôn giáo, phù hợp đặc điểm đa dân tộc, đa tôn giáo khu vực.

Hệ thống tham mưu công tác tôn giáo từ Trung ương đến cấp huyện đã được củng cố. Trung ương có Vụ Công tác tôn giáo (Ban Dân vận Trung ương); cấp tỉnh là Phòng Dân tộc - Tôn giáo (Ban Dân vận tỉnh ủy); cấp huyện bố trí cán bộ kiêm nhiệm nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu nắm tình hình. Lực lượng công an các cấp luôn bố trí cán bộ phụ trách an ninh tôn giáo, đặc biệt ở địa bàn trọng điểm. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể giữ vai trò vận động, tập hợp và giám sát theo Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016). Theo Thông tư số 15/2014/TT-BNV và Thông tư 05/2021/TT-BNV, Ban Tôn giáo là cơ quan chuyên môn thuộc Sở Nội vụ, chịu sự chỉ đạo của UBND tỉnh và Ban Tôn giáo Chính phủ. Đến năm 2024, vùng ĐBSCL có 10 tỉnh duy trì mô hình Ban Tôn giáo; riêng Bạc Liêu lập Ban Dân tộc và Tôn giáo; Đồng Tháp và Vĩnh Long có phòng chuyên trách về tôn giáo thuộc Sở Nội vụ. Biên chế trung bình mỗi đơn vị từ 8-12 cán bộ, trình độ đại học các ngành xã hội học, luật, hành chính, lịch sử. Việc kiện toàn cán bộ cấp huyện, xã tạo chuyển biến tích cực trong quản lý, góp phần giữ vững an ninh và quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.

Ngày 01/3/2025, Chính phủ thành lập Bộ Dân tộc và Tôn giáo theo Nghị quyết số 18-NQ/TW. Các tỉnh ĐBSCL thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo, thống nhất đầu mối quản lý, tăng cường phối hợp giải quyết hiệu quả các vấn đề liên quan tôn giáo, dân tộc thiểu số.

Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh nhiệm kỳ 2020 - 2025 nhấn mạnh yêu cầu *“xây dựng tổ chức bộ máy quản lý tôn giáo tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, am hiểu pháp luật và phong tục, tín ngưỡng của đồng bào”* [46, tr.34]. Tỉnh ủy Bến Tre chỉ đạo *“hình thành lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, gắn công tác vận động quần chúng với phát huy vai trò của chức sắc, chức việc, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội”* [35, tr.12].

Các địa phương chú trọng xây dựng lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo tại cơ sở, là những cán bộ, đảng viên, tín đồ tiêu biểu, am hiểu phong tục, có khả năng vận động quần chúng. Hàng năm, lực lượng này được bồi dưỡng về chính sách tôn giáo, kỹ năng dân vận, trở thành cầu nối hiệu quả giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được triển khai thường xuyên theo Quyết định số 43/QĐ-TTg ngày 11/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về “Đề án bồi dưỡng nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức làm công tác tín ngưỡng, tôn giáo”, An Giang tổ chức 28 lớp bồi dưỡng cho hơn 1.200 lượt cán bộ (2021-2024), đặc biệt ở vùng đông tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài [8, tr.10]. Đồng Tháp áp dụng mô hình “kèm cặp cán bộ trẻ” tại xã đông tín đồ [12, tr.6]. Tỉnh Trà Vinh phối hợp với Học viện Chính trị khu vực IV mở lớp trung cấp lý luận chính trị dành cho cán bộ Khmer, tạo đội ngũ cán bộ vừa am hiểu dân tộc vừa vững lý luận chính trị [18, tr.8].

Phát huy vai trò đảng viên là người có đạo, chức sắc, chức việc gương mẫu cũng được chú trọng. Hiện vùng ĐBSCL có trên 37.000 đảng viên là người có đạo, phần lớn sinh hoạt tại cơ sở hoặc tham gia các tổ chức đoàn thể [Phụ lục 8]. Tại Kiên Giang, huyện Gò Quao có hơn 40 đảng viên là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo [140, tr.5]; An Giang có trên 12.000 đảng viên người có đạo, với tỷ lệ theo Phật giáo Hòa Hảo chiếm 30% [121, tr.7]. Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021-2026 có 12 đại biểu HĐND là người có đạo, trong đó có 3 chức sắc Công giáo, Cao Đài [156, tr.12]. Các mô hình gắn công tác dân vận với xây dựng lực lượng nòng cốt đạt hiệu quả như: “Xứ đạo bình yên”, “Chức sắc làm công tác mặt trận”, “Ban trị sự tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường”. Bạc Liêu thành lập “Câu lạc bộ chức sắc nòng cốt xây dựng nông thôn mới” với hơn 300 chức sắc tham gia [126, tr.9]; Hậu Giang có mô hình “Tổ an ninh tôn giáo” tại các xã trọng điểm [138, tr.10].

Kết quả khảo sát từ ba nhóm đối tượng (cấp ủy, cán bộ chuyên trách và chức sắc tín đồ) đều đánh giá tích cực công tác tổ chức bộ máy và lực lượng nòng cốt. Nhóm cấp ủy đánh giá rất tốt đạt 85%, cán bộ chuyên trách đạt 82%, chức sắc, tín đồ đánh giá rất hiệu quả đạt 61%. Từ đó khẳng định, tổ

chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt trong công tác tôn giáo vùng ĐBSCL đã có bước chuyển tích cực rõ nét.

Bốn là, lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Vùng ĐBSCL là địa bàn có đông tín đồ và tổ chức tôn giáo đa dạng, nên yêu cầu các cấp ủy Đảng cần lãnh đạo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả trong thực hiện chủ trương của Đảng về công tác tôn giáo. Vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với cấp ủy trực thuộc trong triển khai nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo là yếu tố quyết định, vừa đảm bảo thống nhất trong hệ thống chính trị, vừa phù hợp với đặc thù địa phương.

Ngay sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003), Chỉ thị số 18-CT/TW (2018), BTV các tỉnh, thành ủy ĐBSCL đã chỉ đạo sâu rộng việc học tập, quán triệt trong toàn Đảng bộ. Cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở nghiêm túc triển khai nội dung nghị quyết, linh hoạt phù hợp với thực tiễn từng địa phương. Thành ủy Cần Thơ tổ chức hơn 10 lớp tập huấn chuyên đề về công tác tôn giáo (2018-2022), với hơn 2.400 lượt cán bộ, đảng viên tham dự [126, tr.14]. An Giang tổ chức bồi dưỡng chính trị cho cán bộ, đảng viên là người có đạo và tuyên truyền chính sách tôn giáo tới hàng ngàn chức sắc, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo. Sóc Trăng, với đông đồng bào Khmer, tổ chức 30 buổi gặp gỡ giữa cấp ủy với sư sãi các chùa Khmer, vừa quán triệt chủ trương, vừa lắng nghe ý kiến cơ sở [17, tr.9].

Trong báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017, Thành ủy Cần Thơ khẳng định: *“Các cấp ủy trực thuộc đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo; nhiều chương trình, kế hoạch cụ thể được ban hành, phù hợp với tình hình địa phương”* [108, tr.16]. Tương tự, Tỉnh ủy Vĩnh Long nhấn mạnh: *“Chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc quán triệt và triển khai hiệu quả các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo; trên cơ sở định hướng chung, nhiều kế hoạch, chương trình hành động cụ thể được xây dựng, chú trọng phát huy vai trò của chính quyền cơ sở, MTTQ và các đoàn thể”* [154, tr.23].

Nhìn chung, các tỉnh, thành ủy trong vùng đã phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tại Cần Thơ, quận Ô Môn và Thốt Nốt triển khai chuyên đề vận động đồng bào có đạo tham gia xây dựng nông thôn mới; 28 xã, phường đưa công tác tôn giáo vào tiêu chí đánh giá xây dựng văn hóa, văn minh đô thị [7, tr.10]. Ở Sóc Trăng, các huyện Mỹ Xuyên, Trần Đề, Châu Thành tổ chức chuyên đề “*Chức sắc tôn giáo với công tác dân vận mới*”, năm 2024 thu hút hơn 300 chức sắc, chức việc, người có uy tín [16, tr.5]. Kiên Giang triển khai Chỉ thị số 04-CT/TU (2022), huyện Gò Quao thành lập 12 tổ công tác phối hợp với các họ đạo Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo nhằm nắm tình hình và xử lý kịp thời [141, tr.12]. Tỉnh Đồng Tháp chỉ đạo lồng ghép nội dung tôn giáo vào sinh hoạt chi bộ; riêng năm 2024, huyện Châu Thành tổ chức 18 buổi sinh hoạt chi bộ chuyên đề để xử lý các vụ việc liên quan đến đất đai, tín ngưỡng trái pháp luật [12, tr.7]. Cùng với đó, các tỉnh, thành ủy đều phân công rõ nhiệm vụ cho ban xây dựng Đảng, chính quyền, MTTQ và đoàn thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, sơ kết, gắn với báo cáo định kỳ. Năm 2024, hơn 95% huyện, thị xã vùng ĐBSCL gửi báo cáo định kỳ về triển khai nghị quyết công tác tôn giáo; Long An, Cà Mau, Bạc Liêu còn có báo cáo chuyên đề đánh giá kết quả theo mô hình điểm, góp phần củng cố niềm tin của đồng bào tôn giáo và tăng cường hiệu quả quản lý.

Khảo sát về thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo tại cấp ủy trực thuộc vùng ĐBSCL cho kết quả tích cực. 97% cấp ủy lãnh đạo, chỉ huy các cấp [Phụ lục 16] và 94% cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo đánh giá việc thực hiện “rất nghiêm túc” [Phụ lục 17]. Kết quả này khẳng định sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, đồng thời cho thấy công tác lãnh đạo, chỉ đạo về tôn giáo tại các địa phương được triển khai bài bản, hiệu quả, tạo tiền đề quan trọng cho công tác tôn giáo đi vào chiều sâu, phù hợp với đặc điểm vùng ĐBSCL, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ổn định chính trị - xã hội.

Năm là, lãnh đạo, chỉ đạo việc phối hợp các tổ chức, các lực lượng liên quan tiến hành công tác tôn giáo.

ĐBSCL là khu vực đa dân tộc, đa tôn giáo với sự hiện diện đông đảo các tôn giáo lớn. Trong bối cảnh đó, yêu cầu về sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị để triển khai công tác tôn giáo là rất cấp thiết. Các tỉnh, thành ủy trong vùng đã nghiêm túc quán triệt nguyên tắc chỉ đạo của Đảng: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vận động, các cơ quan chức năng phối hợp thực hiện”, tạo cơ sở vững chắc cho công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo.

Thực hiện chỉ đạo trên, các tỉnh, thành ủy đã kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo các cấp từ tỉnh, thành phố đến huyện, quận. Thành phần Ban Chỉ đạo gồm đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận, Công an, Sở Dân tộc và Tôn giáo, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, đảm bảo khả năng xử lý hiệu quả các vấn đề phát sinh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang ban hành Chương trình số 53-CT/TU phối hợp giữa Ban Dân vận, Công an tỉnh, Ủy ban MTTQ và Ban Tôn giáo xử lý kịp thời các điểm nóng về tôn giáo. Nhờ phối hợp này, nhiều vụ việc liên quan đến hoạt động cực đoan trong Phật giáo Hòa Hảo thuần túy đã được xử lý hiệu quả. Hàng trăm buổi tuyên truyền, đối thoại với chức sắc, tín đồ được tổ chức nhằm củng cố lòng tin và sự đồng thuận giữa các tổ chức tôn giáo và chính quyền địa phương. Thành ủy Cần Thơ chỉ đạo Ban Dân vận phối hợp Công an, Sở Nội vụ, MTTQ và các đoàn thể tổ chức hệ thống theo dõi, phản ứng nhanh với các vấn đề như tranh chấp đất đai cơ sở tôn giáo hay hoạt động tôn giáo trái pháp luật. Điển hình là vụ việc hiện tượng “Chúa hiện hình” tại quận Ninh Kiều, được xử lý thông qua phối hợp chặt chẽ với Tòa Giám mục Long Xuyên và các linh mục, ổn định dư luận và bảo đảm an toàn cộng đồng giáo dân.

Tại tỉnh Sóc Trăng, công tác phối hợp được cụ thể hóa bằng ký kết quy chế giữa MTTQ với Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh và các tổ chức tôn giáo khác nhằm tuyên truyền, vận động tín đồ tham gia giữ gìn an ninh, xây dựng nông thôn mới. Ban Dân vận, Sở Nội vụ, Công an tỉnh phối hợp giám sát

chặt chẽ việc thực hiện chính sách tín ngưỡng, tôn giáo tại địa phương, đặc biệt các huyện có đông đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông. Tỉnh Trà Vinh, nơi người Khmer chiếm gần 30% dân số, thường xuyên tổ chức các hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước và các chức sắc tôn giáo để tháo gỡ khó khăn, tăng cường hiểu biết. Năm 2024, tỉnh đã tổ chức hơn 20 cuộc tiếp xúc tại các chùa Khmer, giảm thiểu tình trạng đơn thư vượt cấp và các nguy cơ bị lợi dụng [18, tr.9]. Ở cấp cơ sở, mô hình “Tổ công tác tôn giáo” do MTTQ, lực lượng Công an và cán bộ dân vận xây dựng, phát huy hiệu quả trong tuyên truyền pháp luật, hòa giải tranh chấp về đất đai tôn giáo, cấp phép xây dựng và đăng ký sinh hoạt tôn giáo. Tại huyện Châu Thành (Đồng Tháp), năm 2024 có 18 tổ công tác thường xuyên tiếp cận các điểm nhóm Tin Lành tự phát, giải quyết hiệu quả các yêu cầu hành chính và vận động chuyển đổi sang sinh hoạt hợp pháp [12, tr.12].

Lực lượng Công an giữ vai trò quan trọng trong công tác phối hợp về tôn giáo. Từ cấp tỉnh đến cơ sở, Công an phối hợp với Ban Dân vận, Ban Tôn giáo chủ động nắm tình hình, dự báo và tham mưu xử lý nhanh chóng các vấn đề phức tạp. Hàng trăm lớp tuyên truyền pháp luật về tôn giáo đã được tổ chức trực tiếp tại hộ gia đình tín đồ, góp phần nâng cao nhận thức và ngăn chặn các vi phạm pháp luật về tôn giáo.

Những kết quả trên khẳng định rõ vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong việc tổ chức phối hợp giữa các lực lượng làm công tác tôn giáo. Việc này không chỉ nâng cao hiệu quả QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo mà còn tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với đồng bào có đạo, phát huy vai trò của chức sắc, tín đồ trong xây dựng văn hóa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và khối đại đoàn kết dân tộc. Kết quả khảo sát cũng phản ánh tích cực về công tác phối hợp trong lĩnh vực tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Cụ thể, có 85% cấp ủy lãnh đạo, chỉ huy đánh giá việc phối hợp “rất đồng bộ”, 10% đánh giá “đồng bộ” [Phụ lục 16]. Trong khi đó, 80% cán bộ, công chức chuyên trách tôn giáo đánh giá “rất đồng bộ”, 10% “đồng bộ” [Phụ lục 17]. Tỷ lệ này khẳng định hiệu quả bước đầu trong việc huy

động sức mạnh tổng hợp của toàn hệ thống chính trị trong công tác tôn giáo, đáp ứng yêu cầu thực tiễn vùng ĐBSCL hiện nay.

Sáu là, lãnh đạo sơ kết, tổng kết việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo.

Trong thời gian qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo vùng ĐBSCL đã đạt nhiều kết quả tích cực. Các cấp ủy chủ động, thường xuyên tổ chức sơ kết định kỳ (6 tháng, hàng năm) và tổng kết các giai đoạn dài hạn (3 năm, 5 năm, 10 năm, 15 năm). Công tác này giúp đánh giá toàn diện, rút kinh nghiệm, góp phần điều chỉnh phương thức lãnh đạo phù hợp với đặc thù địa phương.

Các tỉnh, thành ủy đã tổ chức sơ kết, tổng kết hiệu quả nhiều văn bản quan trọng như Nghị quyết số 25-NQ/TW, Quy định số 123-QĐ/TW về quản lý đảng viên là người có đạo, Chỉ thị số 18-CT/TW và các quy định liên quan. Năm 2023, các địa phương tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh với nội dung chuyên đề về công tác tôn giáo. Từ kết quả tổng kết, nhiều tỉnh đề xuất kiện toàn cơ quan chuyên trách tôn giáo thuộc Sở Nội vụ, thành lập tổ công tác liên ngành gồm Ban Dân vận, Công an, MTTQ, đặc biệt tại các khu vực đông tín đồ như Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Nam tông Khmer.

Một số địa phương gắn kết tổng kết với chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Sóc Trăng năm 2022 sơ kết 2 năm thực hiện Đề án 01 về vận động cư dân Khmer xây dựng nông thôn mới, đồng thời tổng kết công tác dân vận - tôn giáo [147, tr.8]. Tỉnh ủy Trà Vinh tổng kết 15 năm Nghị quyết 25-NQ/TW và sơ kết 5 năm Chỉ thị 18-CT/TW, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 06 về phát triển cán bộ người dân tộc, người có đạo. Bến Tre tổng kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TU về quản lý sinh hoạt tôn giáo ngoài pháp luật, đồng thời tổ chức sơ kết định kỳ để điều chỉnh chính sách kịp thời. Kiên Giang tổng kết Nghị quyết số 34-NQ/TU và nghị quyết liên tịch với Bộ đội Biên phòng (2021-2023), nhấn mạnh vai trò chức sắc tôn giáo vùng biên trong bảo vệ an ninh biên giới.

Công tác sơ kết, tổng kết gắn với kiểm tra, giám sát và khen thưởng hiệu quả. Đồng Tháp qua tổng kết 5 năm chính sách tôn giáo (2019-2024), đã khen thưởng 25 tập thể, 42 cá nhân có thành tích xuất sắc trong phối hợp xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, giữ gìn an ninh trật tự [12, tr.10]. Các tỉnh, thành ủy chỉ đạo tổng kết cấp cơ sở làm cơ sở dữ liệu đầu vào cho tổng kết cấp tỉnh, đảm bảo sự liên thông, thống nhất trong hệ thống chính trị.

Ứng dụng công nghệ thông tin được các tỉnh chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả tổng kết. Cà Mau, Trà Vinh, Long An xây dựng cơ sở dữ liệu số về tổ chức, chức sắc tôn giáo. Cà Mau, năm 2024 đã cập nhật 100% thông tin tổ chức tôn giáo hợp pháp trên hệ thống quản lý điện tử, hỗ trợ tốt việc dự báo, xử lý tình huống phức tạp [11, tr.6]. Thành phố Cần Thơ tổ chức nhiều hội thảo chuyên đề và diễn đàn đối thoại cấp quận, huyện (2022-2024), tạo kênh phản ánh nguyện vọng, cung cấp dữ liệu phục vụ tổng kết hiệu quả. Công tác tổng kết cũng hỗ trợ đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái lợi dụng vấn đề tôn giáo. Đến giữa năm 2024, vùng ĐBSCL tổ chức trên 30 hội nghị tuyên truyền nhận diện âm mưu lợi dụng tôn giáo với hơn 25.000 lượt cán bộ, tín đồ tham gia [65].

Kết quả khảo sát cho thấy đánh giá rất cao việc sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Có 94% cấp ủy lãnh đạo và 95% cán bộ chuyên trách nhận định công tác này được thực hiện “rất kịp thời và sát thực tiễn”; chỉ 2% đánh giá “chưa kịp thời”; không có ý kiến cho rằng công tác này hình thức hay chưa rõ ràng [Phục lục 12, 13]. Kết quả này khẳng định hiệu quả, sự nghiêm túc của công tác lãnh đạo, chỉ đạo sơ kết, tổng kết, góp phần củng cố nền tảng lý luận, thực tiễn cho hoạch định chính sách phù hợp với đặc điểm vùng ĐBSCL.

3.1.1.2. Về phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo bằng các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kế hoạch của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo.

Xuất phát từ đặc điểm phát triển kinh tế - xã hội gắn với đặc thù đa dạng về tôn giáo và dân cư, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã chủ động cụ thể hóa

đường lối của Đảng về công tác tôn giáo thông qua việc ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch và chương trình hành động, tiêu biểu như Nghị quyết số 24-NQ/TW, Nghị quyết số 25-NQ/TW và Chỉ thị số 18-CT/TW.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy An Giang ban hành các văn bản trọng tâm như Chỉ thị 15-CT/TU (2003), Chương trình 10-CTr/TU (2003), Kế hoạch 21-KH/TU (2003), đặc biệt là Kế hoạch 53-KH/TU (2018) về thực hiện chỉ thị số 18-CT/TW, trong đó nhấn mạnh: *Tăng cường công tác nắm bắt tình hình tôn giáo ở cơ sở, chủ động đối thoại, trao đổi với chức sắc và tín đồ; đồng thời quan tâm xây dựng lực lượng nòng cốt trong tôn giáo, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh ngay từ cơ sở, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và củng cố niềm tin của đồng bào tôn giáo đối với sự lãnh đạo của Đảng.*

Thành ủy Cần Thơ đã chủ động ban hành nhiều văn bản quan trọng nhằm cụ thể hóa và triển khai hiệu quả các chủ trương của Trung ương về công tác tôn giáo phù hợp với đặc điểm của địa phương. Tiêu biểu là Chương trình hành động số 22-CTr/TU (2003), Quy chế số 03-QC/TU (2005), Kế hoạch số 52-KH/TU (2005), Kế hoạch số 53-KH/TU (2007), Chương trình số 40-CTr/TU (2018). Trong đó Quyết định số 754-QĐ/TU (2018) về việc thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo của Trung ương về công tác tôn giáo nêu rõ: *quan tâm, chỉ đạo thường xuyên trong việc quán triệt, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác tôn giáo, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của hệ thống chính trị, đồng thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn tại địa phương.*

Tỉnh ủy Tiền Giang xây dựng các văn bản như Chương trình 13-CTr/TU (2003), Công văn 1357-CV/TU (2005), Kế hoạch 66-KH/TU (2018), Nghị quyết 03-NQ/TU (2018), chú trọng công tác vận động đồng bào có đạo và phát huy vai trò tổ chức tôn giáo trong an ninh trật tự, phát triển xã hội. Tỉnh ủy Sóc Trăng ban hành Nghị quyết 06-NQ/TU (2002), Chương trình 29-CTr/TU (2003), Kết luận 57-KL/TU (2012), Kế hoạch 79-KH/TU (2018), tập trung xây dựng khối đoàn kết toàn dân và phát huy vai trò Phật giáo Nam Tông Khmer. Tỉnh ủy Long An cụ thể hóa bằng Chương trình hành động thực

hiện Nghị quyết 25-NQ/TW, Kế hoạch 33-KH/TU (2005), Quy chế xây dựng hệ thống chính trị gắn với công tác tôn giáo và Kế hoạch 43-KH/TU (2018).

Các văn bản trên khẳng định công tác tôn giáo là trách nhiệm chung của cả hệ thống chính trị, cần triển khai thống nhất, chủ động và hiệu quả. Các nghị quyết, chỉ thị không chỉ nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ mà còn tạo cơ sở để triển khai phối hợp liên ngành, nâng cao hiệu quả quản lý và vận động tôn giáo. Việc tổng kết, rút kinh nghiệm, điều chỉnh các văn bản được thực hiện thường xuyên, hình thành nhiều mô hình phối hợp giữa Ban Dân vận, MTTQ, Công an, Sở Nội vụ và Ban Tôn giáo tỉnh nhằm xử lý hiệu quả các vấn đề tôn giáo phát sinh, đảm bảo ổn định chính trị. Các tỉnh, thành phố cũng chú trọng kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách về tôn giáo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan trong tuyên truyền chính sách, pháp luật tới chức sắc, tín đồ, tăng cường lòng tin và ngăn chặn các âm mưu lợi dụng tôn giáo chống phá.

Kết quả khảo sát cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp cho thấy 95% đánh giá việc lãnh đạo công tác tôn giáo “rất đầy đủ và đúng trọng tâm”, 5% nhận định “đầy đủ” [Phụ lục 16]. Ở nhóm cán bộ chuyên trách, 90% đánh giá “rất đầy đủ và đúng trọng tâm”, 5% đánh giá “đầy đủ” [Phụ lục 17]. Riêng nhóm chức sắc, tín đồ tôn giáo, 80% đánh giá việc ban hành chủ trương, định hướng là “rất tốt”, 15% “tốt”, chỉ 5% “trung bình” [Phụ lục 18]. Điều này phản ánh sự đánh giá tích cực, đồng thuận cao về hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua hệ thống văn bản chỉ đạo tại các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL.

Hai là, lãnh đạo bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động liên quan đến công tác tôn giáo.

Công tác tuyên truyền, vận động về công tác tôn giáo luôn được các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL xác định là nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, pháp lý và nghiệp vụ cho cán bộ, đảng viên, chức sắc, tín đồ và các lực lượng liên quan. Các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước như Luật Tín ngưỡng, tôn giáo (2016), Chỉ thị số 18-CT/TW (2018), Quy định 06-QĐ/TW và Nghị quyết 13-NQ/TW (2022) được quán triệt đồng bộ, hiệu quả.

Tỉnh ủy An Giang đã ban hành Quyết định số 32-QĐ/TU (2019) về việc thực hiện tốt công tác tuyên truyền, thuyết phục và vận động liên quan đến công tác tôn giáo, tạo sự đồng thuận xã hội và phát huy được vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo trong đời sống chính trị - xã hội của địa phương; Tỉnh ủy Bến Tre có Kế hoạch số 25-KH/TU (2020) về việc tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, thường xuyên đối thoại với chức sắc, chức việc và tín đồ tôn giáo, kịp thời giải quyết những nhu cầu chính đáng, hợp pháp của đồng bào theo đạo.

Theo thống kê từ năm 2015 - 2024, các tỉnh, thành ủy đã tổ chức định kỳ các lớp tập huấn chuyên đề dân vận, dân tộc, tôn giáo. Tiêu biểu, Kiên Giang tổ chức 19 lớp cho 1.470 lượt cán bộ, 9 hội nghị phổ biến Luật Tín ngưỡng, tôn giáo cho 1.335 lượt chức sắc, nhà tu hành và 29 lớp phổ biến pháp luật cho 2.851 người [141, tr.12]. An Giang tổ chức 136 lớp tuyên truyền, tập huấn với hơn 14.800 lượt người (2018-2022) [122, tr.5]. Long An tổ chức trên 100 lớp, riêng năm 2023 có 16 hội nghị quán triệt Nghị quyết 13-NQ/TW cho hàng ngàn chức sắc, tín đồ [15, tr.6]. Các địa phương còn tổ chức tuyên truyền về truyền thống yêu nước, lịch sử vùng Nam Bộ hướng tới chức sắc, tín đồ nhân các ngày lễ trọng như Giáng sinh, Phục sinh, Phật đản, khai đạo Cao Đài, đại lễ Phật giáo Hòa Hảo. Cấp ủy, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể tổ chức đoàn thăm hỏi, chúc mừng, tăng cường đoàn kết dân tộc - tôn giáo. Dịp Tết Nguyên đán, nhiều tỉnh tổ chức gặp mặt trí thức, kiều bào, chức sắc tiêu biểu để phổ biến chính sách, củng cố đoàn kết dân tộc - tôn giáo.

UBND các tỉnh, thành phố hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức như Hội Đoàn kết Sư sãi yêu nước, Ủy ban Đoàn kết Công giáo, Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức các sự kiện quan trọng. Qua đó, chính quyền thể hiện sự tôn trọng, tạo điều kiện cho hoạt động tôn giáo đúng pháp luật, tăng cường gắn bó giữa tôn giáo và chính quyền. Công tác tuyên truyền cũng tập trung đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, lợi dụng tôn giáo chống phá chế độ. Các tỉnh chỉ đạo lực lượng chuyên môn theo dõi, xử lý kịp thời các biểu hiện lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng vì mục đích chính trị. Cấp ủy, chính quyền vận động

các cơ sở tôn giáo treo cờ Tổ quốc vào các ngày lễ lớn với tỷ lệ đạt khoảng 98%, thể hiện sự gắn kết giữa tôn giáo và dân tộc.

Nhờ hiệu quả tuyên truyền, nhiều chức sắc, người có uy tín trong tôn giáo thể hiện tinh thần yêu nước, tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, giữ gìn bản sắc văn hóa. Vai trò đồng hành của các tôn giáo trong phát triển bền vững vùng ĐBSCL ngày càng rõ nét. Tổng thể, công tác tuyên truyền, vận động góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đoàn kết toàn dân và củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tôn giáo.

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tuyên truyền, vận động được đánh giá tích cực ở vùng ĐBSCL. Cụ thể, 85% cấp ủy, lãnh đạo [Phụ lục 16] và 85% cán bộ chuyên trách tôn giáo nhận định hoạt động này “rất hiệu quả” [Phụ lục 17]. Kết quả này khẳng định hiệu quả ngày càng rõ nét của công tác tuyên truyền trong nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và củng cố niềm tin của chức sắc, tín đồ đối với chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ba là, lãnh đạo bằng phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố.

Trong quá trình lãnh đạo công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đặc biệt chú trọng phát huy vai trò của chính quyền trong cụ thể hóa, thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước thành chương trình hành động phù hợp thực tiễn địa phương. Chính quyền các cấp đã ban hành nhiều kế hoạch, đề án nhằm nâng cao hiệu lực QLNN về tôn giáo, bảo đảm tôn trọng tự do tín ngưỡng, đồng thời giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Nội dung QLNN tập trung vào: hướng dẫn thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo; xử lý vấn đề đất đai tôn giáo; đấu tranh phòng, chống lợi dụng tôn giáo; quản lý hoạt động đối ngoại tôn giáo. Công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh qua phân cấp, đơn giản hóa thủ tục liên quan đến phong phẩm, bổ nhiệm chức sắc, đào tạo trong - ngoài nước và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giai đoạn 2018-2024, nhiều tỉnh đã bố trí ngân sách hỗ trợ hoạt động tôn giáo: Kiên Giang chi trung bình 800 triệu đồng/năm [14, tr.10];

Sóc Trăng 1,03 tỷ đồng (2024) [16, tr.8]; Trà Vinh trên 600 triệu [18, tr.7]; Bến Tre 200 triệu cho Đại hội nhơn sanh Cao Đài [10, tr.6].

Về quản lý đất đai, Tiền Giang cấp giấy chứng nhận cho 434 cơ sở với 684 thửa đất, diện tích 237,63 ha (đạt 111,6% chỉ tiêu) [17, tr.7]; Hậu Giang cấp 173 giấy [13, tr.9]; Sóc Trăng cấp 272 giấy cho 300 cơ sở thờ tự, diện tích 6.553.300 m² [16, tr.8]; An Giang cấp cho 455/523 cơ sở, diện tích 386,8 ha [8, tr.10]. Cùng với đó, chính quyền hướng dẫn tổ chức tôn giáo tuân thủ quy định khi mời người nước ngoài, tham gia giao lưu quốc tế. Trong hai năm 2023-2024, vùng ĐBSCL đón trên 200 đoàn khách quốc tế, hơn 600 đoàn tôn giáo đi nước ngoài [6, tr.43].

Chính quyền các tỉnh, thành phố cũng tích cực đấu tranh với các hành vi lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật. Nhiều vụ việc đã được xử lý nghiêm minh như: “Ban đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất”, một số phần tử cực đoan trong đạo Cao Đài Tây Ninh, nhóm Hòa Hảo thuần túy... Đồng thời, công tác tuyên truyền pháp luật đến tín đồ được chú trọng nhằm ngăn chặn mê tín, tà đạo.

Thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW (2018) và Quyết định số 306/QĐ-TTg (2017), UBND các tỉnh ban hành kế hoạch triển khai đồng bộ như: Kiên Giang (69/KH-UBND), An Giang (196/KH-UBND), Trà Vinh (385/QĐ-UBND), Tiền Giang (113/KH-UBND), Đồng Tháp (151/KH-UBND)... Từ năm 2018 - 2024, toàn vùng tổ chức 546 lớp tập huấn cho cán bộ, 273 hội nghị phổ biến pháp luật đến chức sắc, nhà tu hành [33].

Hiện toàn vùng có hơn 5.000 cơ sở thờ tự hoạt động ổn định [Phụ lục 8]. Các địa phương tích cực hướng dẫn tổ chức hội nghị, đại hội, phong phẩm, bổ nhiệm chức sắc, rà soát - kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc đào tạo chức sắc, chức việc được quan tâm: Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, Trường Trung cấp Phật học (Cần Thơ, Vĩnh Long), Đại Chung viện Thánh Quý, Học viện Cao Đài Tiên Thiên (Bến Tre), Trường Trung cấp Hòa Hảo (An Giang)... Các tổ chức tôn giáo được tạo điều kiện xuất bản tạp chí, sách giáo lý như Tạp chí Cao Đài, Hòa Hảo, Pali (Phật giáo Khmer).

Về tổ chức bộ máy, thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Thông tư số 05/2021/TT-BNV, các tỉnh đã kiện toàn cơ cấu Sở Nội vụ và Ban Tôn giáo với 12 biên chế; cấp huyện phân công cán bộ Phòng Nội vụ, cấp xã do Phó Chủ tịch UBND phụ trách. Từ năm 2025, triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, các địa phương thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo, bước đầu phát huy hiệu quả trong phối hợp điều hành công tác dân tộc - tôn giáo.

Khảo sát năm 2024 cho thấy sự đồng thuận cao của hệ thống chính trị và cộng đồng tôn giáo đối với vai trò QLNN về tôn giáo của chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy. Cụ thể, 95% lãnh đạo cấp ủy và 90% cán bộ chuyên trách đánh giá vai trò chính quyền là “rất rõ nét” [Phụ lục 16]; 85% chức sắc, tín đồ nhận định công tác quản lý tôn giáo tại địa phương “rất tốt”, 10% đánh giá “tốt”, không có phản ánh tiêu cực [Phụ lục 17]. Những con số này minh chứng hiệu quả thực tiễn và tính hợp lòng dân trong triển khai các chủ trương tôn giáo ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Bốn là, lãnh đạo bằng công tác tổ chức, cán bộ.

Công tác tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo là nội dung then chốt trong lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL hiện nay. Nhằm thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 25-NQ/TW và Chỉ thị số 18-CT/TW, BTV các tỉnh, thành ủy đã chỉ đạo đồng bộ việc kiện toàn tổ chức bộ máy, tăng cường cán bộ, điều chỉnh cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng để đáp ứng yêu cầu thực tiễn mới.

Theo báo cáo 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW, Tỉnh ủy Kiên Giang nhấn mạnh: *“Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy quản lý nhà nước làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở; đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác tôn giáo được đưa đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác tôn giáo”* [141, tr.9]. Tỉnh ủy Sóc Trăng nêu rõ: *“Các cấp ủy quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo; tăng cường quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp, bố trí cán bộ là tín đồ tôn giáo ở nơi có đông đồng bào tôn giáo”* [147, tr.7].

Trước năm 2025, bộ máy chuyên trách công tác tôn giáo chủ yếu gồm Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ và cán bộ chuyên trách tại Phòng Nội vụ cấp huyện. Từ tháng 3/2025, các địa phương đã thực hiện mô hình hợp nhất Ban Tôn giáo và Ban Dân tộc thành Sở Dân tộc và Tôn giáo - cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND cấp tỉnh, giúp tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả quản lý. Cà Mau, Hậu Giang là hai địa phương đi đầu trong thực hiện mô hình này. Tại cấp huyện, công tác tổ chức triển khai theo hướng phân công cán bộ kiêm nhiệm tại Phòng Nội vụ, Ban Dân vận, MTTQ và lực lượng công an. An Giang là địa phương tiêu biểu, khi 11/11 đơn vị cấp huyện đều bố trí cán bộ chuyên trách tôn giáo tại Phòng Nội vụ và lực lượng công an có nghiệp vụ theo dõi an ninh tôn giáo. Cấp xã cũng được bố trí cán bộ phụ trách tại bộ phận Văn hóa - Xã hội hoặc kiêm nhiệm trong Thường trực Đảng ủy, góp phần nâng cao hiệu quả theo dõi, quản lý hoạt động tôn giáo ở cơ sở.

Đồng thời, các tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo cấp tỉnh và huyện. Tỉnh Sóc Trăng là địa phương sớm triển khai, phân công Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban, thành viên gồm đại diện Ban Dân vận, Công an, Quân sự, Sở Nội vụ, MTTQ và các đoàn thể. Ban Chỉ đạo họp định kỳ 6 tháng/lần, thiết lập cơ chế báo cáo thông tin theo chiều dọc từ cơ sở lên cấp tỉnh, bảo đảm chỉ đạo thống nhất, kịp thời xử lý tình huống phát sinh.

Về đội ngũ cán bộ, các tỉnh, thành ủy quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đến năm 2024, vùng ĐBSCL có 148 cán bộ làm việc tại Ban Tôn giáo cấp tỉnh (nay thuộc Sở Dân tộc và Tôn giáo), 203 cán bộ chuyên trách cấp huyện, trên 2.100 cán bộ kiêm nhiệm tại cơ sở. Trong đó, 100% cán bộ cấp tỉnh, huyện có trình độ đại học, khoảng 30% đạt trình độ sau đại học [8-20].

Tỉnh Vĩnh Long từ năm 2020 đến nay đã cử gần 70 lượt cán bộ tham dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị khu vực [19, tr.7]. Tỉnh Tiền Giang tổ chức nhiều lớp tập huấn tại chỗ cho cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ dân vận, MTTQ, công an phụ trách tôn giáo.

Việc rà soát, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ cũng được quan tâm. Các tỉnh như Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh chú trọng tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn, kiến thức pháp luật và hiểu biết về tôn giáo. Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ và phụ cấp cho cán bộ làm công tác tôn giáo tại cơ sở được duy trì, tạo động lực để cán bộ yên tâm công tác lâu dài.

Kết quả trưng cầu ý kiến năm 2024 ghi nhận sự đánh giá tích cực về công tác tổ chức, cán bộ trong lĩnh vực tôn giáo. Có 92% lãnh đạo cấp ủy và 85% cán bộ chuyên trách cho rằng việc bố trí tổ chức - cán bộ là “rất hợp lý” [Phụ lục 16], tiếp theo là 5% và 10% nhận định “hợp lý” [Phụ lục 17]. Những con số này phản ánh rõ hiệu quả của hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, tạo tiền đề quan trọng để các tỉnh, thành ủy lãnh đạo công tác tôn giáo một cách bài bản, sát thực tiễn, bảo đảm sự ổn định chính trị và tăng cường niềm tin của đồng bào tôn giáo đối với sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước.

Năm là, lãnh đạo bằng tổ chức đảng, đảng viên, hành động tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo.

Trong hệ thống chính trị vùng ĐBSCL, các tỉnh ủy, thành ủy luôn xác định rõ vai trò nòng cốt của tổ chức đảng trong lãnh đạo công tác tôn giáo. Trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy đã chỉ đạo Đảng đoàn HĐND, Ban Cán sự đảng UBND (nay là Đảng bộ cơ quan chính quyền) cụ thể hóa chủ trương thành chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc thù tôn giáo, dân cư tại địa phương. Nhờ đó, công tác tôn giáo được triển khai bài bản, hiệu quả trên cả phương diện QLNN, công tác dân vận và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Một điểm nhấn trong lãnh đạo công tác tôn giáo là phát triển đảng viên là người có đạo. Thực hiện các văn bản của Trung ương như Quy định số 123-QĐ/TW (2004), Hướng dẫn số 40-HD/BTCTW (2005), Quy định số 06-QĐ/TW (2018), Hướng dẫn số 20-HD/BTCTW (2019), các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã chú trọng tạo nguồn, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên là tín đồ, chức sắc tôn giáo. Đến năm 2024, toàn vùng có hơn 37.000 đảng viên là người có đạo, chiếm khoảng 3,85% tổng số đảng viên khu vực [Phụ lục 8].

Con số này phản ánh sự đổi mới tư duy trong công tác xây dựng Đảng tại vùng có đông đồng bào tôn giáo.

Nhiều địa phương đạt kết quả nổi bật: Kiên Giang có 3.168 đảng viên là tín đồ tôn giáo, duy trì hai chi bộ 100% đảng viên là người có đạo; có 6 đảng viên là chức sắc Phật giáo Nam tông Khmer [141, tr.8]. Sóc Trăng có 3.160 đảng viên theo đạo, trong đó 2.285 Phật giáo, 812 Công giáo [147, tr.3]. An Giang có 13.846 đảng viên là người có đạo, chiếm gần 20% tổng số đảng viên toàn tỉnh [122, tr.3]. Trà Vinh có 10.567 đảng viên theo đạo, chủ yếu là Phật giáo và Công giáo [152, tr.4]. Các địa phương như Cần Thơ, Hậu Giang cũng có số lượng đảng viên theo tôn giáo đáng kể. Thực tế cho thấy, đảng viên là người có đạo sau khi kết nạp đều thể hiện lập trường chính trị vững vàng, đạo đức tốt, giữ gìn kỷ luật đảng và pháp luật Nhà nước, đồng thời phát huy vai trò cầu nối giữa tổ chức đảng với tín đồ. Nhiều đồng chí trở thành lực lượng nòng cốt, gương mẫu trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc - tôn giáo ở cơ sở, góp phần định hướng nhận thức đúng đắn cho cộng đồng theo đạo, tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, sống “tốt đời, đẹp đạo”.

Tại các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo, cấp ủy chú trọng củng cố tổ chức đảng, phân công cán bộ am hiểu tôn giáo, có uy tín trong cộng đồng làm công tác dân vận, tôn giáo. Các chi bộ cơ sở duy trì sinh hoạt phù hợp đặc điểm tín ngưỡng, đồng thời tăng cường giám sát, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đảng viên và tín đồ để xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, giữ vững ổn định chính trị tại cơ sở.

Bên cạnh đó, Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo các cấp hoạt động nền nếp, đóng vai trò điều phối giữa các ban ngành, đoàn thể chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên... triển khai hiệu quả cơ chế phối hợp tuyên truyền chính sách tôn giáo, đấu tranh với tà đạo, mê tín dị đoan, và các hành vi lợi dụng tôn giáo để gây rối. Các tổ chức đoàn thể cũng tích cực vận động đoàn viên, hội viên là người có đạo tham gia các phong trào như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới”, qua đó nâng cao nhận thức chính trị, khơi dậy tinh thần trách nhiệm với

cộng đồng. Kết quả trưng cầu ý kiến năm 2024 ghi nhận sự đánh giá rất cao về vai trò đảng viên là người có đạo trong công tác tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Trong khảo sát đối với cấp ủy, lãnh đạo, 95% đánh giá vai trò này là “rất rõ nét”, 5% là “rõ nét”, không có ý kiến tiêu cực [Phụ lục 16]; cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo đánh giá “rất rõ nét” đạt 97%, còn lại 3% đánh giá “rõ nét” [Phụ lục 17].

Những số liệu trên khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng về phát triển đảng viên là người có đạo. Việc xây dựng lực lượng đảng viên trong cộng đồng tôn giáo đã góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng ở cơ sở, đồng thời củng cố niềm tin của đồng bào có đạo vào sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của chính quyền, tạo nền tảng quan trọng để giữ vững ổn định chính trị - xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững vùng ĐBSCL trong tình hình mới.

Sáu là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các lực lượng trong công tác tôn giáo, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, vận động phát huy vai trò các chức sắc tôn giáo trong thực hiện nghị quyết của các tỉnh, thành phố về công tác tôn giáo.

Trong bối cảnh đa tôn giáo, đa dân tộc của vùng ĐBSCL, các tỉnh, thành ủy luôn xác định vai trò đặc biệt quan trọng của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc vận động, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhất là đồng bào có đạo. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy, hệ thống MTTQ và các đoàn thể đã đổi mới nội dung, phương thức hoạt động phù hợp với từng địa phương, từng tôn giáo. Các tổ chức như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Công đoàn... đã xây dựng kế hoạch phối hợp cùng Ban Tôn giáo, Công an, Ban Dân vận để vận động đồng bào tôn giáo tích cực tham gia phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh, giữ gìn đạo đức và môi trường sinh thái.

Các phong trào thi đua như “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Xây dựng nông thôn mới”, “Đô thị văn minh” được triển khai sâu rộng ở các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo. Việc thăm hỏi, chúc mừng chúc sắc, chúc

việc, tín đồ tiêu biểu vào dịp lễ trọng; giới thiệu người có đạo ứng cử HĐND giúp củng cố niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Số lượng chức sắc, tín đồ ứng cử đại biểu Quốc hội và HĐND tăng đều qua các nhiệm kỳ: 1.631 người (2011-2016), 1.726 (2016-2021), và trên 1.519 (2021-2026) [172, tr.223-224]. Một kết quả nổi bật là xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo. Toàn vùng đã có 8.349 cốt cán tôn giáo. Kiên Giang có 174 cốt cán đặc thù, 1.317 cốt cán phong trào; Công an xây dựng 75 cốt cán, Quân sự 52 [141, tr.8]. An Giang có 339 cốt cán đặc thù và 56.720 cốt cán phong trào [122, tr.6]. Tiền Giang có 8.499 đoàn viên, hội viên nòng cốt; Bến Tre: 1.251; Bạc Liêu: 1.456; Long An: 500; Vĩnh Long: 300; Cà Mau: 104 [150;129;126;144;156;132].

MTTQ và đoàn thể cũng tích cực phối hợp phát hiện, ngăn chặn các hiện tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền sai trái, hoạt động tà đạo như Pháp luân công, Diệu Âm, Thanh Hải Vô Thượng Sư, Hội thánh Đức Chúa Trời, Phật giáo Hòa Hảo thuần túy... Nhiều trường hợp xây dựng cơ sở thờ tự trái phép, tổ chức sinh hoạt không đăng ký, khiếu kiện đông người đã được xử lý đúng pháp luật, giữ ổn định địa phương. Công tác phát triển đoàn viên, hội viên là tín đồ tôn giáo được đẩy mạnh. Tại Kiên Giang, đã thành lập 01 chi đoàn, 26 chi hội thanh niên trong chùa Phật giáo Nam Tông; 02 CLB phụ nữ Công giáo, 12 tổ hội phụ nữ tại các vùng Công giáo, Tin Lành, Cao Đài; giới thiệu 164 đại biểu HĐND các cấp là tín đồ [141, tr.8]. An Giang có 295 đại biểu HĐND là người có đạo và 2.978 người tham gia MTTQ các cấp [122, tr.6]. Nhiều địa phương có số lượng lớn hội viên là người có đạo: Cần Thơ 72.698 người [110, tr.19]; Kiên Giang 142.785 [141, tr.12]; An Giang trên 500.000 [140, tr.8]; Bến Tre hơn 50.000 [147, tr.7]; Tiền Giang trên 30.000 [150, tr.8]. Những con số này cho thấy hiệu quả của công tác vận động tôn giáo, phát huy vai trò tín đồ trong hệ thống chính trị và phát triển địa phương.

Ngoài ra, nguồn lực tôn giáo đóng vai trò tích cực trong công tác xã hội. Tại Long An, từ năm 2013 - 2022, Giáo hội Phật giáo thực hiện từ thiện với tổng trị giá 600 tỷ đồng. Năm 2024, đồng bào Công giáo đóng góp gần 4 tỷ đồng cho công tác nhân đạo. Cao Đài Tiên Thiên duy trì 6 phòng thuốc Nam, tặng gần 20

triệu đồng, 3.780 kg gạo, 960 vở học sinh. Trong đại dịch Covid-19, các tổ chức tôn giáo tại Long An ủng hộ hơn 400 triệu đồng, chuyển sang hành lễ trực tuyến, góp phần ổn định xã hội [144, tr.16]. Tính chung toàn vùng, từ 2019 - 2024, Phật giáo Hòa Hảo đóng góp hơn 2.500 tỷ đồng [92]; năm 2023, Ủy ban Đoàn kết Công giáo huy động hơn 11.000 tỷ đồng [103]; các tôn giáo khác như Cao Đài, Bửu Sơn Kỳ Hương, Tứ Ân Hiếu Nghĩa... cũng đóng góp hàng tỷ đồng/năm cho hoạt động an sinh xã hội.

Thông qua vai trò của MTTQ và các đoàn thể, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã xây dựng lực lượng nòng cốt trong tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết, tăng cường niềm tin của đồng bào có đạo vào sự lãnh đạo của Đảng. Kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy, 88% lãnh đạo cấp ủy và 86% cán bộ công chức đánh giá việc phát huy vai trò MTTQ, đoàn thể, chức sắc trong công tác tôn giáo là “rất tốt” [Phụ lục 16, 17]. Điều này phản ánh sự đồng thuận và hiệu quả cao trong lãnh đạo công tác vận động quần chúng tín đồ ở cơ sở.

Bảy là, lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua công tác kiểm tra, giám sát.

Các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo, trong đó xác định rõ kiểm tra, giám sát là một trong những phương thức lãnh đạo chủ yếu nhằm bảo đảm việc triển khai nghiêm túc các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của cấp ủy các cấp. Trên cơ sở đó, hầu hết địa phương trong vùng đã đưa nội dung kiểm tra, giám sát công tác tôn giáo vào chương trình kiểm tra toàn khóa và kế hoạch hằng năm của cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các ban đảng có liên quan. Đồng thời, nhiều tỉnh đã xây dựng kế hoạch kiểm tra chuyên đề, tập trung vào: thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo; phối hợp giữa các ngành, địa phương trong QLNN về tôn giáo; tình hình hoạt động của tổ chức tôn giáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến tôn giáo.

Thực tiễn địa phương cho thấy công tác kiểm tra, giám sát được triển khai linh hoạt, gắn với đặc thù tôn giáo - dân cư. Tại An Giang, nơi có đông tín đồ, các đoàn kiểm tra chuyên đề thường xuyên tổ chức tại các địa bàn nhạy cảm như Tịnh Biên, Tri Tôn. Qua kiểm tra, Tỉnh ủy kịp thời chấn chỉnh

biểu hiện buông lỏng quản lý, đồng thời nhân rộng các mô hình phối hợp hiệu quả giữa chính quyền và tổ chức tôn giáo.

Thành ủy Cần Thơ chỉ đạo tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) về công tác tôn giáo. Một số tổ chức đảng chưa có quy chế phối hợp rõ ràng với tổ chức tôn giáo dẫn đến bị động trong xử lý tình huống. Thành ủy đã bổ sung cơ chế phối hợp, nhấn mạnh nguyên tắc “đúng pháp luật - không bị lợi dụng - tạo thuận lợi”. Tỉnh Sóc Trăng thực hiện giám sát hoạt động tôn giáo có yếu tố nước ngoài, đặc biệt việc tiếp nhận viện trợ cho đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông. Một số tổ chức vi phạm quy định về tài chính, báo cáo đã bị xử lý, góp phần ổn định tình hình an ninh. Tỉnh ủy Đồng Tháp giao Ban Nội chính, UBKT và Ban Dân vận tổ chức các đoàn kiểm tra tại Tháp Mười, Thanh Bình. Qua kiểm tra, phát hiện một số chính quyền cấp xã chưa thực hiện tốt đối thoại với chức sắc, tín đồ, gây khó khăn trong giải quyết các vấn đề đất đai tôn giáo. Tỉnh đã tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng dân vận cho cán bộ cơ sở. Tỉnh Trà Vinh tổ chức đối thoại định kỳ giữa lãnh đạo và tổ chức tôn giáo, qua đó kịp thời nắm bắt nguyện vọng, giải quyết các vấn đề nảy sinh. Công tác kiểm tra cũng giúp đánh giá hiệu quả các chương trình phối hợp tuyên truyền, vận động tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường, giảm nghèo, phòng chống ma túy... Một số mô hình như “Chùa Khmer xanh - sạch - đẹp”, “Cộng đồng Phật tử không ma túy” được biểu dương và nhân rộng.

Các địa phương đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát và tham mưu công tác tôn giáo. Qua các lớp tập huấn, hội nghị chuyên đề, cán bộ được trang bị kỹ năng phát hiện sớm, xử lý linh hoạt các vấn đề phát sinh, nắm chắc pháp luật, am hiểu địa bàn và tôn giáo. Nhờ đó, các vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời, đồng thời bảo đảm quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân tôn giáo. Kết quả khảo sát năm 2024 phản ánh sự đánh giá cao về hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Trong nhóm lãnh đạo cấp ủy, có 97% đánh giá “rất hiệu quả”, 3% “hiệu quả” [Phụ lục 16]. Nhóm cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo có

95% đánh giá “rất hiệu quả”, 3% “hiệu quả”, chỉ 2% “trung bình” [Phụ lục 17], không có đánh giá tiêu cực. Điều này cho thấy sự thống nhất cao trong nhận thức về vai trò kiểm tra, giám sát như một công cụ hữu hiệu để bảo đảm thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách về tôn giáo.

Tổng thể, công tác kiểm tra, giám sát dưới sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy đã góp phần phát hiện sớm sai phạm, kịp thời chấn chỉnh các biểu hiện lệch lạc, nâng cao kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức thực hiện chính sách tôn giáo. Qua đó, củng cố niềm tin của đồng bào có đạo vào Đảng, Nhà nước, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa chính quyền, tổ chức tôn giáo và nhân dân, góp phần giữ vững ổn định chính trị và phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

3.1.2. Hạn chế, yếu kém

3.1.2.1. Về nội dung lãnh đạo

Một là, một số tỉnh, thành ủy trong lãnh đạo xác định mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp về công tác tôn giáo còn thiếu trọng tâm, chưa làm rõ vấn đề cốt lõi và đặc thù địa phương.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, chương trình, kế hoạch về công tác tôn giáo, song ở không ít địa phương, nội dung lãnh đạo vẫn mang tính khái quát cao, chưa chỉ ra rõ những vấn đề then chốt cần tập trung giải quyết trong từng giai đoạn, từng địa bàn và từng tôn giáo cụ thể. Việc xác định mục tiêu và phương hướng lãnh đạo ở một số nơi còn thiên về quán triệt chung các chủ trương của Trung ương, trong khi thiếu sự cụ thể hóa phù hợp với cơ cấu tôn giáo, đặc điểm dân cư, không gian sinh hoạt tôn giáo và yêu cầu phát triển của địa phương. Báo cáo 5 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của Tỉnh ủy Long An cho thấy “trong quá trình xây dựng văn bản lãnh đạo về công tác tôn giáo, một số cấp ủy chưa tiến hành khảo sát thực tiễn đầy đủ, chưa tổ chức hội nghị chuyên đề hoặc thảo luận sâu để xác định rõ trọng tâm, khâu đột phá và những vấn đề mới nảy sinh, dẫn đến nội dung văn bản còn dàn trải, thiếu tính

định hướng cụ thể” [144, tr.11]. Tỉnh ủy Trà Vinh cũng thừa nhận rằng “việc thảo luận trong nội bộ cấp ủy và cơ quan tham mưu về công tác tôn giáo ở một số thời điểm còn hình thức, thiếu tranh luận khoa học; vì vậy, nhiều nghị quyết vẫn lặp lại chủ trương chung, chưa phản ánh đầy đủ đặc thù của địa phương có đông đồng bào Khmer và hoạt động tôn giáo đa dạng” [153, tr.8].

Tại Cà Mau, Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW chỉ rõ “việc thể chế hóa các quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo ở một số giai đoạn còn chậm, thiếu sự liên thông giữa các văn bản, chưa gắn chặt giữa mục tiêu công tác tôn giáo với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và giữ vững ổn định chính trị ở địa bàn cơ sở” [130, tr.12]. Thực tiễn ở An Giang cho thấy trong một thời gian dài, sự lãnh đạo của cấp ủy chủ yếu tập trung vào tổ chức Phật giáo Hòa Hảo đã được công nhận, trong khi việc nắm tình hình, định hướng đối với các nhóm sinh hoạt tôn giáo truyền thống, phân tán chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến hiện tượng sinh hoạt tự phát, khó khăn trong quản lý và vận động. Ở Đồng Tháp, một số nghị quyết về công tác tôn giáo chưa xác định rõ vai trò và sự tham gia của các tổ chức tôn giáo trong các chương trình phát triển nông thôn mới, mặc dù địa phương có đông tín đồ Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo và Tin Lành.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, trong lãnh đạo công tác tôn giáo, một số tỉnh, thành ủy chưa thực sự chuyển mạnh từ tư duy “quản trị chủ trương” sang tư duy “lựa chọn vấn đề và tổ chức giải quyết vấn đề”. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng lãnh đạo trong khâu xây dựng và ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo theo hướng rõ mục tiêu, đúng trọng tâm, sát thực tiễn, phù hợp với đặc điểm từng địa phương và từng tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Hai là, việc lãnh đạo chính quyền thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo ở một số địa phương còn bộc lộ hạn chế về tiến độ, nội dung cụ thể và mức độ phù hợp với thực tiễn.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận và chương trình lãnh đạo về công tác tôn giáo, song khâu chuyển hóa các chủ trương đó thành cơ chế, chính sách và kế hoạch hành động cụ thể của chính quyền ở một số địa phương còn chậm và thiếu nhất quán. Ở một số nơi, sau khi cấp ủy ban hành văn bản lãnh đạo, chính quyền chưa kịp thời xây dựng kế hoạch triển khai với mục tiêu, lộ trình và phân công trách nhiệm rõ ràng, dẫn đến việc tổ chức thực hiện còn mang tính bị động, lúng túng.

Tỉnh ủy Vĩnh Long chỉ rõ rằng “một số cơ quan chuyên môn của chính quyền cấp tỉnh và cấp huyện chưa chủ động tham mưu đầy đủ các giải pháp tổ chức thực hiện, chậm ban hành hướng dẫn cụ thể, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác tôn giáo” [156, tr.7]. Tương tự, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bạc Liêu đánh giá, trong quá trình triển khai Chỉ thị số 18-CT/TW năm 2018, “một số địa phương mới dừng lại ở việc quán triệt văn bản, chưa xây dựng kế hoạch hành động cụ thể gắn với điều kiện thực tế, khiến khoảng cách giữa chỉ đạo của cấp ủy và kết quả thực hiện trên thực tế vẫn còn khá rõ” [126, tr.11].

Một hạn chế đáng chú ý khác là việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở vùng có đông đồng bào theo đạo chưa được lồng ghép hiệu quả với mục tiêu công tác tôn giáo. Ở một số địa phương, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế, giảm nghèo, đào tạo nghề và tín dụng ưu đãi vẫn được triển khai theo cách tiếp cận chung, chưa tính đến đặc điểm sinh hoạt tín ngưỡng, phong tục và nhu cầu sinh kế đặc thù của từng cộng đồng tôn giáo, dẫn đến hiệu quả thực hiện chưa cao. Thành ủy Cần Thơ thẳng thắn chỉ ra rằng, nhiều chương trình, mô hình hỗ trợ người dân có đạo chưa được thiết kế phù hợp với đời sống tôn giáo, việc vận động đồng bào tham gia các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa ở một

số nơi còn cứng nhắc, thiếu linh hoạt, chưa phát huy được vai trò của chức sắc và người có uy tín trong tôn giáo [110, tr.10].

Từ sự phân tích trên cho thấy, năng lực lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền trong khâu thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương về công tác tôn giáo ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục nâng cao trách nhiệm của cấp ủy trong lãnh đạo chính quyền cụ thể hóa chủ trương của Đảng; đồng thời hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo có trình độ chuyên môn, bản lĩnh chính trị và hiểu biết sâu sắc về đời sống tôn giáo – tín ngưỡng ở cơ sở.

Ba là, việc lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Công tác tôn giáo là lĩnh vực có tính đặc thù, nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến ổn định chính trị - xã hội, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và an ninh tôn giáo; do đó đòi hỏi tổ chức bộ máy tinh gọn, ổn định và đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, am hiểu pháp luật, tôn giáo và kỹ năng xử lý tình huống thực tiễn. Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL cho thấy, sự lãnh đạo của cấp ủy trong xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo vẫn còn những hạn chế nhất định.

Ở cấp tỉnh, tổ chức bộ máy chuyên trách về công tác tôn giáo thường xuyên có sự điều chỉnh, sáp nhập, từ Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ sang Sở Dân tộc và Tôn giáo, dẫn đến thiếu tính ổn định về tổ chức và chuyên sâu về chuyên môn, ảnh hưởng đến hiệu quả tham mưu và tổ chức thực hiện. Ở cấp huyện, công tác tôn giáo chủ yếu do Phòng Nội vụ kiêm nhiệm, trong khi khối lượng công việc lớn và tính chất phức tạp ngày càng gia tăng; cấp xã nhiều nơi không có cán bộ chuyên trách, việc nắm tình hình, phát hiện sớm vấn đề và xử lý các vụ việc tôn giáo phát sinh còn chậm, thiếu chủ động.

Hạn chế về tổ chức bộ máy kéo theo những bất cập trong xây dựng đội ngũ cán bộ và lực lượng nòng cốt. Tỉnh ủy Kiên Giang thẳng thắn chỉ ra rằng “trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đồng thời chưa hình thành được chiến lược dài hạn trong xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo” [141, tr.15–16]. Tỉnh ủy Sóc Trăng cũng đánh giá “đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về tôn giáo còn hạn chế về năng lực, chuyên môn, số lượng mỏng, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn của địa phương có đông đồng bào tôn giáo, dân tộc” [147, tr.15]. Trong khi đó, Tỉnh ủy Trà Vinh chỉ rõ một điểm yếu mang tính cơ chế là chưa có chính sách đãi ngộ đủ sức thu hút cán bộ trẻ, có trình độ về tôn giáo học, luật học, xã hội học tham gia làm công tác tôn giáo chuyên trách, đồng thời cơ chế phối hợp giữa cấp ủy, chính quyền và các tổ chức tôn giáo trong xây dựng lực lượng nòng cốt còn thiếu chặt chẽ [153, tr.11].

Thực tiễn đó cho thấy rằng, việc lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở một số tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL chưa theo kịp yêu cầu của quá trình đổi mới phương thức lãnh đạo và bối cảnh phát triển mới của đất nước. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy chuyên trách; xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn sâu và kỹ năng thực tiễn; đồng thời chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và phát huy lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Bốn là, việc lãnh đạo các cấp ủy trực thuộc trong tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo ở một số địa phương còn thiếu quyết liệt, chưa đồng đều giữa các cấp và chưa làm chủ được phương thức thực hiện.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù các tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL đã ban hành tương đối đầy đủ hệ thống nghị quyết, chương trình hành động và kế hoạch về công tác tôn giáo, song khâu tổ chức thực hiện ở các cấp ủy, tổ chức

đảng trực thuộc vẫn là mắt xích yếu. Ở một số địa phương, việc cụ thể hóa nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy thành kế hoạch hành động của cấp huyện, cấp xã còn mang tính hình thức, thiếu nội dung cụ thể gắn với điều kiện từng địa bàn, từng cộng đồng tôn giáo.

Tỉnh ủy Cà Mau đánh giá rằng, “một số cấp ủy cơ sở triển khai nghị quyết về công tác tôn giáo chưa sát thực tế, chưa phát huy được vai trò của các tổ chức tôn giáo và chức sắc, tín đồ trong các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương” [132, tr.9]. Tương tự, Tỉnh ủy Hậu Giang chỉ rõ, “không ít cấp ủy cấp huyện, cấp xã chưa chủ động xây dựng kế hoạch hành động trên cơ sở chỉ đạo của tỉnh ủy, công tác tuyên truyền, vận động chưa được triển khai sâu đến cơ sở, dẫn đến hiệu quả tổ chức thực hiện còn hạn chế” [138, tr.12].

Tại các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo như Trà Vinh, Sóc Trăng, An Giang, một số tổ chức cơ sở đảng chưa làm rõ được nội dung và phương thức lãnh đạo phù hợp với từng tôn giáo, từng địa bàn, còn lúng túng trong xử lý các tình huống phát sinh. Ở một số xã vùng sâu của Kiên Giang, cán bộ cơ sở còn tâm lý e ngại, né tránh tiếp cận và giải quyết các vấn đề tôn giáo phức tạp, làm giảm hiệu lực lãnh đạo của cấp ủy và hiệu quả quản lý nhà nước trên thực tế. Tình trạng “trên quyết liệt, dưới chậm triển khai” vẫn còn, phản ánh hạn chế trong lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc của cấp ủy cấp trên đối với cấp dưới.

Đáng lưu ý, ở một số nơi vẫn tồn tại cách tiếp cận thiên về quản lý, kiểm soát hoạt động tôn giáo, chưa chuyển mạnh sang tư duy tôn trọng, đồng hành và tạo điều kiện theo tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW. Cách tiếp cận này không chỉ làm giảm hiệu quả vận động tôn giáo mà còn ảnh hưởng đến niềm tin của chức sắc, tín đồ đối với cấp ủy, chính quyền cơ sở, tác động tiêu cực đến việc củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Sáu là, việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và nghị quyết của tỉnh ủy, thành

ủy về công tác tôn giáo ở một số địa phương chưa được thực hiện nghiêm túc, chưa phát huy đầy đủ vai trò điều chỉnh phương thức lãnh đạo.

Thực tiễn cho thấy, mặc dù nhiều tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã quan tâm tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo, song ở một số địa phương, khâu này chưa được tiến hành đúng kỳ hạn, chưa bảo đảm chất lượng và chưa gắn chặt với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo. Việc sơ kết, tổng kết ở một số cấp ủy cơ sở còn mang tính hình thức, nặng về báo cáo hành chính, chưa coi đây là khâu quan trọng để đánh giá thực chất hiệu quả lãnh đạo và chỉ đạo công tác tôn giáo. Tỉnh ủy Long An chỉ rõ rằng “một số cấp ủy cơ sở chưa thực hiện đầy đủ việc sơ kết, tổng kết theo quy định; nội dung đánh giá còn thiếu tính toàn diện, thiếu số liệu cụ thể và chưa làm rõ nguyên nhân của những hạn chế, do đó chưa đề xuất được các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo trong giai đoạn tiếp theo” [144, tr.14]. Tương tự, Tỉnh ủy Bến Tre đánh giá “việc tổng kết công tác tôn giáo ở một số cấp ủy huyện và cơ sở còn chậm, thường được lồng ghép với các nội dung khác, khiến việc phân tích đặc thù hoạt động tôn giáo tại địa phương chưa được làm rõ” [129, tr.12].

Tỉnh ủy Sóc Trăng cũng thẳng thắn nhìn nhận rằng “công tác sơ kết, tổng kết ở một số nơi còn nặng về hình thức, chưa chú trọng tổng hợp, đánh giá các mô hình hay, cách làm hiệu quả từ cơ sở; một số cấp ủy chưa thực sự coi sơ kết, tổng kết là kênh quan trọng để rút kinh nghiệm và điều chỉnh phương thức lãnh đạo đối với công tác tôn giáo” [147, tr.13]. Hệ quả là những bài học kinh nghiệm chậm được phát hiện và lan tỏa, làm giảm khả năng thích ứng linh hoạt của cấp ủy trước những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống tôn giáo.

Từ thực tiễn trên có thể thấy, vai trò lãnh đạo của cấp ủy các cấp trong tổ chức sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo ở một số địa phương chưa được phát huy đầy đủ, chưa thực sự trở thành công cụ quan trọng để nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo. Điều này đặt ra yêu cầu cần tăng cường trách nhiệm

của cấp ủy trong việc tổ chức sơ kết, tổng kết đúng thời hạn, bảo đảm chất lượng nội dung; coi đây là khâu thiết yếu trong quy trình lãnh đạo, nhằm kịp thời điều chỉnh chủ trương, hoàn thiện phương thức lãnh đạo và nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo trong toàn hệ thống chính trị ở vùng ĐBSCL.

3.1.2.2. Về phương thức lãnh đạo

Một là, lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua việc ban hành nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động của các tỉnh, thành ủy ở một số địa phương còn thiếu tính định hướng chiến lược, chưa theo kịp những biến động nhanh và phức tạp của đời sống tôn giáo hiện nay.

Thực tiễn cho thấy, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch nhằm cụ thể hóa quan điểm, chủ trương của Trung ương về công tác tôn giáo. Tuy nhiên, ở một số địa phương, phương thức lãnh đạo thông qua văn bản vẫn nặng về tính khái quát, chưa làm rõ những vấn đề mới nảy sinh trong đời sống tôn giáo, chưa thể hiện rõ tầm nhìn trung hạn và dài hạn. Nhiều văn bản còn thiên về nhắc lại chủ trương chung, thiếu dự báo xu hướng và giải pháp mang tính đột phá. Thành ủy Cần Thơ chỉ ra rằng “một số kế hoạch hành động về công tác tôn giáo chưa chú trọng đúng mức đến các vấn đề mới, như quản lý không gian mạng, xử lý tình huống truyền đạo trái phép, hoạt động tôn giáo mang yếu tố xuyên biên giới, dẫn đến hiệu quả phòng ngừa chưa cao” [110, tr.7]. Tại An Giang, mặc dù đã hình thành nhiều mô hình phối hợp hiệu quả giữa chính quyền với các tổ chức Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Hồi giáo trong xây dựng nông thôn mới và phòng, chống tệ nạn xã hội, song việc tổng kết, thể chế hóa và nhân rộng các mô hình này còn chậm, làm hạn chế vai trò dẫn dắt của văn bản lãnh đạo cấp tỉnh [122, tr.11].

Đối với Sóc Trăng, địa phương có đông đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông, Tỉnh ủy thừa nhận rằng “nội dung các nghị quyết, chỉ thị về công tác tôn giáo còn mang tính phổ quát, chưa chỉ rõ trọng tâm xử lý các vấn

đề đặc thù như tu sửa chùa, đào tạo sư sãi, hỗ trợ hệ thống trường Pali – Khmer” [147, tr.13]. Tại Trà Vinh, theo Ban Tôn giáo tỉnh “nhiều văn bản triển khai công tác tôn giáo chưa tích hợp đầy đủ yếu tố dân tộc – tôn giáo, chưa gắn chặt với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội ở vùng đồng bào có đạo” [18, tr.10]. Tỉnh ủy Long An cũng nhìn nhận rằng “một số văn bản lãnh đạo chưa thể hiện rõ năng lực dự báo, còn thiếu định hướng đối với các xu hướng mới như truyền đạo qua mạng xã hội, hoạt động của các nhóm tôn giáo chưa đăng ký” [144, tr.10]. Bên cạnh đó, một số cấp ủy địa phương chưa coi trọng đúng mức việc tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, chức sắc tôn giáo trong quá trình xây dựng nghị quyết, dẫn đến nội dung văn bản còn nặng về hành chính, tuyên truyền, thiếu tính sáng tạo và khả thi. Thực tiễn đó cho thấy, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới quy trình xây dựng nghị quyết về công tác tôn giáo theo hướng nâng cao năng lực dự báo, cập nhật sát thực tiễn và kịp thời thể chế hóa các mô hình hiệu quả từ cơ sở thành chính sách cụ thể, phù hợp với đặc điểm từng địa phương.

Hai là, phương thức lãnh đạo công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức tôn giáo, chức sắc và tín đồ ở một số địa phương còn chưa được triển khai đồng bộ, thiếu trọng tâm và chưa phát huy đầy đủ vai trò của cả hệ thống chính trị.

Công tác tuyên truyền, vận động là phương thức lãnh đạo cơ bản của Đảng đối với công tác tôn giáo. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, hoạt động tuyên truyền, vận động vẫn mang tính hình thức, dàn trải, chưa được tổ chức một cách thường xuyên, bài bản và phù hợp với đặc điểm của từng tôn giáo, từng nhóm tín đồ. Việc quán triệt nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác tôn giáo trong đội ngũ cán bộ, đảng viên ở một số nơi chưa được coi trọng đúng mức; nội dung tuyên truyền chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo còn nặng về lý luận, thiếu đối thoại và chưa sát với tâm lý, nhu cầu của đồng bào có đạo.

Tỉnh ủy Sóc Trăng thẳng thắn chỉ ra rằng “việc tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, nhất là ở cơ sở” [147, tr.14]. Tỉnh ủy Kiên Giang cũng nhận xét “công tác tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ còn chung chung, thiếu chiều sâu, chưa gắn với đặc điểm văn hóa – tín ngưỡng của từng tôn giáo; cán bộ cơ sở còn lúng túng trong tiếp cận, đối thoại với đối tượng” [141, tr.14]. Tại Bến Tre, Tỉnh ủy đánh giá rằng “một số địa phương chưa chủ động ứng dụng các phương tiện truyền thông mới, như mạng xã hội, báo chí tôn giáo, để lan tỏa thông tin tích cực; trong khi đó, các thế lực thù địch lại khai thác mạnh các kênh này để xuyên tạc, kích động, chia rẽ khối đoàn kết tôn giáo” [129, tr.10]. Bên cạnh đó, sự phối hợp trong hệ thống chính trị trong công tác tuyên truyền, vận động tôn giáo còn thiếu đồng bộ; ở nhiều nơi vẫn coi đây là nhiệm vụ riêng của ngành dân vận hoặc Mặt trận Tổ quốc, chưa phát huy đầy đủ vai trò của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng liên quan.

Những hạn chế nêu trên cho thấy, phương thức lãnh đạo thông qua công tác tuyên truyền, vận động tôn giáo ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh đời sống tôn giáo đang biến đổi nhanh chóng và phức tạp. Điều này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền, vận động; đồng thời chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo có đủ kiến thức, kỹ năng, bản lĩnh chính trị để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trong tình hình mới.

Ba là, phương thức lãnh đạo thông qua việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền tỉnh, thành phố ở một số địa phương còn bộc lộ nhiều hạn chế.

Trong phương thức lãnh đạo công tác tôn giáo, việc cấp ủy lãnh đạo chính quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tôn giáo giữ vai trò then chốt trong việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng.

Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL cho thấy, hiệu quả phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền các cấp chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Một biểu hiện rõ nét là khâu thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy về công tác tôn giáo thành cơ chế, chính sách và kế hoạch hành động của chính quyền còn chậm và thiếu đồng bộ. Ở một số địa phương, kế hoạch triển khai mang tính hình thức, chưa bám sát đặc điểm vùng sâu, vùng xa, vùng có đông đồng bào theo đạo; việc lồng ghép công tác tôn giáo với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội còn hạn chế. Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của chính quyền còn đơn điệu, nặng về truyền đạt văn bản, chưa phù hợp với trình độ dân trí và đặc điểm văn hóa – tín ngưỡng của các cộng đồng tôn giáo, nhất là trong đồng bào Khmer và Chăm.

Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước như Nội vụ (Sở Dân tộc và Tôn giáo), Công an, Mặt trận Tổ quốc và các ngành liên quan ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến việc xử lý các vụ việc tôn giáo phát sinh chưa kịp thời, thiếu thống nhất. Tỉnh ủy Kiên Giang nhận định rằng “công tác quản lý nhà nước về tôn giáo có lúc, có nơi chưa chặt chẽ; việc phối hợp xử lý các vụ việc liên quan đến tôn giáo còn chậm, kéo dài” [141, tr.15]. Tỉnh ủy Hậu Giang cũng chỉ rõ “một số địa phương chưa nắm chắc tình hình hoạt động tôn giáo ở cơ sở; khi phát sinh vụ việc phức tạp, việc tham mưu, báo cáo cấp trên để định hướng giải quyết còn chậm” [138, tr.11]. Tại An Giang, Tỉnh ủy thẳng thắn nhìn nhận rằng “ở một vài địa bàn thưa dân cư, miền núi vẫn còn tình trạng buông lỏng quản lý sinh hoạt tôn giáo tập trung, làm giảm hiệu lực quản lý nhà nước trên thực tế” [122, tr.12].

Qua phân tích thực trạng có thể khẳng định, phương thức lãnh đạo của cấp ủy trong việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền ở một số địa phương chưa thật sự hiệu quả, chưa theo kịp yêu cầu của tình hình tôn giáo đang có nhiều biến động. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết

phải nâng cao năng lực thể chế hóa chủ trương của Đảng, hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành và đổi mới tư duy quản lý nhà nước về tôn giáo theo hướng chủ động, linh hoạt, sát thực tiễn.

Bốn là, phương thức lãnh đạo thông qua công tác tổ chức và cán bộ làm công tác tôn giáo ở một số địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Thời gian qua, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã quan tâm kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo. Tuy nhiên, việc phát huy vai trò của các cơ quan tham mưu, giúp việc và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ở nhiều nơi vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Ở cấp tỉnh, hiệu quả hoạt động của các cơ quan chuyên trách tham mưu cho cấp ủy như Ban Tuyên giáo và Dân vận, cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo còn chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Ở một số địa phương, Ban Tuyên giáo và Dân vận được giao làm đầu mối tham mưu công tác tôn giáo nhưng chưa có cơ chế phối hợp rõ ràng với các sở, ngành liên quan, dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc bỏ sót nhiệm vụ. Ban Tôn giáo thuộc Sở Nội vụ (nay là Sở Dân tộc và Tôn giáo) ở nhiều nơi hoạt động với biên chế mỏng, kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, thiếu cán bộ có trình độ chuyên sâu về tôn giáo học, luật học và kỹ năng dân vận.

Ở cấp huyện và cấp xã, phần lớn cán bộ làm công tác tôn giáo là kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi vị trí công tác, thiếu tính ổn định; trình độ, kỹ năng tuyên truyền, vận động và xử lý tình huống tôn giáo còn hạn chế. Tỉnh ủy Hậu Giang chỉ rõ rằng “công tác quy hoạch cán bộ làm công tác tôn giáo ở cấp huyện, xã thiếu ổn định; việc luân chuyển, điều động thường xuyên làm gián đoạn tính liên tục trong thực hiện nhiệm vụ” [38, tr.12]. Thành ủy Cần Thơ cũng đánh giá “đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo và trong hệ thống chính trị ở vùng có đông tín đồ tôn giáo còn hạn chế; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn” [110, tr.11].

ác biểu hiện trên phản ánh rằng, phương thức lãnh đạo thông qua công tác tổ chức và cán bộ đối với công tác tôn giáo ở một số địa phương chưa được thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả. Điều này đặt ra yêu cầu phải tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy; xác định rõ đầu mối tham mưu, cơ chế phối hợp; đồng thời chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo có bản lĩnh chính trị, trình độ chuyên môn và kỹ năng thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong bối cảnh đời sống tôn giáo đang có nhiều biến động phức tạp.

Năm là, phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, nhất là đảng viên là người có đạo, ở một số địa phương còn nhiều lúng túng.

Một trong những phương thức quan trọng thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác tôn giáo là thông qua hệ thống tổ chức đảng và sự tiên phong, gương mẫu của đội ngũ đảng viên, đặc biệt ở cơ sở. Tuy nhiên, thực tiễn tại một số tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL cho thấy, việc phát huy phương thức lãnh đạo này chưa đồng đều và còn nhiều hạn chế. Ở một số nơi, cấp ủy và tổ chức đảng chưa thực sự coi công tác tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên của tổ chức đảng, mà vẫn có biểu hiện xem đây chủ yếu là trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc hoặc chính quyền. Tỉnh ủy Long An chỉ rõ rằng “ở một số chi bộ nông thôn có đông tín đồ tôn giáo, nội dung liên quan đến công tác tôn giáo chưa được lồng ghép thường xuyên trong sinh hoạt chi bộ, việc lãnh đạo, chỉ đạo còn bị động, thiếu tính liên tục” [144, tr.9]. Tại Hậu Giang, báo cáo của Tỉnh ủy cho thấy “một bộ phận đảng viên còn tâm lý e dè khi tiếp xúc với các vấn đề tôn giáo, chưa phát huy đầy đủ vai trò tiên phong, gương mẫu trong tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo” [138, tr.17].

Ở Trà Vinh, địa phương có đông đồng bào Khmer theo Phật giáo Nam tông “việc phát triển đảng viên là người có đạo và xây dựng lực lượng nòng cốt trong tôn giáo còn hạn chế; nhiều xã chưa có đảng viên là người có đạo giữ vai trò nòng cốt, gây khó khăn trong việc kết nối giữa tổ chức đảng với

chức sắc, tín đồ” [153, tr.10]. Bên cạnh đó, công tác phối hợp giữa tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị – xã hội trong thực hiện nhiệm vụ tôn giáo chưa có cơ chế rõ ràng, dẫn đến lúng túng trong xử lý các tình huống nhạy cảm. Nhiều cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa được bồi dưỡng đầy đủ kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo và kỹ năng dân vận tôn giáo; phương pháp tiếp cận còn nặng về hành chính, thiếu đối thoại, chưa tạo dựng được niềm tin bền vững trong cộng đồng tôn giáo.

Những tồn tại này phản ánh rõ phương thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên trong công tác tôn giáo ở một số địa phương chưa được phát huy đầy đủ, đòi hỏi các tỉnh, thành ủy cần chú trọng hơn nữa việc phát triển đảng viên là người có đạo, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng dân vận tôn giáo và nâng cao vai trò nêu gương của đảng viên ở cơ sở.

Sáu là, phương thức lãnh đạo thông qua việc phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị – xã hội và xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo ở một số địa phương chưa thường xuyên, chưa tạo được sức lan tỏa rộng.

Thực tiễn cho thấy, việc lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị – xã hội trong công tác tôn giáo ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL còn hạn chế. Ở một số nơi, cấp ủy chưa phân công rõ nhiệm vụ cho từng tổ chức phù hợp với đặc thù tôn giáo, dân cư và địa bàn; hoạt động phối hợp còn thiếu gắn kết, hiệu quả chưa cao. Cơ chế phối hợp liên ngành chưa được hoàn thiện, chưa hình thành quy trình phối hợp ổn định giữa Mặt trận, đoàn thể với chính quyền và các ngành chức năng. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về tôn giáo ở một số địa phương còn mang tính hình thức, các chương trình tiếp xúc, đối thoại với tổ chức tôn giáo chưa được duy trì thường xuyên, thiếu tính định kỳ; chưa thiết lập được cơ chế tiếp nhận và phản hồi ý kiến từ phía chức sắc, tín đồ, làm giảm hiệu quả gắn kết. Việc phát hiện, bồi dưỡng và sử dụng lực lượng nòng

cốt trong các tôn giáo còn yếu, chủ yếu mang tính thời vụ, thiếu hỗ trợ chuyên môn và cơ chế khuyến khích dài hạn.

Tỉnh ủy Hậu Giang nhận định rằng “Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội ở một số địa phương chưa thật sự chủ động, còn thiếu kỹ năng tuyên truyền, vận động trong việc tập hợp người có đạo tham gia các phong trào” [138, tr.11]. Tỉnh ủy An Giang cũng đánh giá “việc xây dựng và phát huy lực lượng cốt cán đặc thù trong tôn giáo còn ít, chưa phát huy đúng mức vai trò trong nắm bắt, xử lý thông tin liên quan đến “đạo lạ”, “tà đạo”, dẫn đến hiệu quả phòng ngừa chưa cao” [122, tr.12].

Từ thực tiễn trên có thể thấy, phương thức lãnh đạo thông qua Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và lực lượng nòng cốt trong tôn giáo ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, đặt ra yêu cầu phải hoàn thiện cơ chế phối hợp, có chính sách động viên, tôn vinh phù hợp và đào tạo bài bản để phát huy sức mạnh của toàn xã hội trong công tác tôn giáo.

Bây là, phương thức lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của các tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo ở một số địa phương còn hình thức, thiếu chiều sâu và tính chủ động.

Kiểm tra, giám sát là phương thức lãnh đạo quan trọng nhằm bảo đảm nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, công tác kiểm tra, giám sát đối với công tác tôn giáo chưa được triển khai một cách thường xuyên và có hệ thống. Ở một số nơi, cấp ủy chỉ tiến hành kiểm tra khi phát sinh vụ việc phức tạp, chưa coi đây là nhiệm vụ thường xuyên, mang tính phòng ngừa và định hướng. Thành ủy Cần Thơ đánh giá rằng “công tác kiểm tra, giám sát công tác tôn giáo tại một số quận, huyện còn nặng về hình thức, nội dung kiểm tra chưa cụ thể, chưa bám sát đặc điểm tín ngưỡng, tôn giáo của từng địa bàn” [110, tr.12]. Tại Cà Mau hoạt động kiểm tra chủ yếu dừng lại ở hồ sơ, văn bản, chưa chú trọng giám sát thực tế đời sống tôn giáo ở các xã vùng sâu, vùng ven biển,

dẫn đến chậm phát hiện nguy cơ lợi dụng tôn giáo để truyền đạo trái phép hoặc gây chia rẽ dân tộc – tôn giáo.

Ở An Giang, nơi có nhiều tôn giáo nội sinh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận định rằng “một số cuộc kiểm tra chỉ được tiến hành khi có dấu hiệu vi phạm, thiếu tính chủ động, hệ thống; chưa có cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả sau kiểm tra” [132, tr.13]. Bên cạnh đó, chưa xây dựng được bộ tiêu chí cụ thể để đánh giá hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo của tổ chức đảng, khiến việc nhận xét còn mang tính cảm tính. Vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và nhân dân trong lĩnh vực này còn mờ nhạt; chưa có cơ chế phản biện, góp ý từ phía chức sắc, tín đồ đối với các chính sách liên quan đến tôn giáo.

Những hạn chế nêu trên đặt ra yêu cầu cần đổi mới phương thức lãnh đạo thông qua công tác kiểm tra, giám sát, nâng cao tính chủ động, chiều sâu và hiệu quả; qua đó tăng cường kỷ luật, kỷ cương, bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, toàn diện của Đảng đối với công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL trong bối cảnh mới.

3.2. NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

3.2.1. Nguyên nhân

3.2.1.1. Nguyên nhân của ưu điểm

Một là, đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Một trong những nguyên nhân nền tảng nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL là sự chỉ đạo đúng đắn, nhất quán của Đảng trong đường lối đổi mới, đặc biệt về nhận thức và chính sách tôn giáo. Từ chỗ coi tôn giáo là vấn đề cần kiểm soát, Đảng đã chuyển sang nhìn nhận tôn giáo như một nhu cầu tinh thần chính đáng, có thể phát huy như nguồn lực trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tư duy mới này được thể hiện rõ trong Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chỉ thị số 18-CT/TW, Kết luận số 58-KL/TW..., khẳng định nhất quán quan điểm tôn trọng tự do tín ngưỡng và đề cao vai trò tôn giáo trong phát triển xã hội. Trên cơ sở đó, các cấp ủy vùng ĐBSCL đã ban hành nghị quyết, kế hoạch phù hợp với thực tiễn, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt

động tôn giáo hợp pháp, gắn bó với lợi ích quốc gia. Tư duy đổi mới giúp xóa bỏ định kiến, tăng cường dân vận, tạo dựng quan hệ hài hòa giữa chính quyền và tổ chức tôn giáo. Nhiều chức sắc trở thành cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và tín đồ, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Hai là, nhận thức của các tỉnh, thành ủy về vai trò của tôn giáo và công tác tôn giáo được đặt ra cấp bách hơn trước những chuyển biến của tình hình cách mạng.

Một trong những yếu tố quan trọng tạo chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo tôn giáo ở vùng ĐBSCL là sự thay đổi nhận thức của cấp ủy, chính quyền về vai trò của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều địa phương đã chuyển từ cách tiếp cận hành chính sang nhìn nhận tôn giáo như một bộ phận hữu cơ của đời sống xã hội, có thể phát huy thành nguồn lực giáo dục đạo đức, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở đó, các cấp ủy đã chú trọng thể chế hóa chủ trương của Đảng thành nghị quyết, chương trình hành động sát thực tiễn. Phương thức lãnh đạo gắn với dân vận, đối thoại, tiếp cận linh hoạt được triển khai rộng rãi. Các mô hình phối hợp giữa chính quyền, MTTQVN và tổ chức tôn giáo trong xử lý vấn đề mới như tôn giáo xuyên biên giới, sinh hoạt tôn giáo trên không gian mạng bước đầu phát huy hiệu quả. Đồng thời, công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo, phân công trách nhiệm và nâng cao năng lực cán bộ làm công tác tôn giáo được chú trọng. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tổ chức bài bản, góp phần nâng cao chất lượng thực hiện chủ trương, chính sách. Nhận thức đầy đủ về vai trò của tôn giáo đã trở thành nền tảng để các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý và vận động tôn giáo trong tình hình mới.

Ba là, sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của tỉnh, thành ủy đối với công tác phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị thực hiện công tác tôn giáo.

Một trong những yếu tố then chốt nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL là sự phối hợp đồng bộ, thống nhất giữa các tổ chức trong hệ

thống chính trị từ tỉnh, thành phố đến cơ sở. Dưới sự lãnh đạo toàn diện của tỉnh, thành ủy, vai trò điều hành của chính quyền và chức năng tham mưu của Ban Dân vận, MTTQVN, Công an, Sở Nội vụ, Ban Tôn giáo... ngày càng được phát huy. Nhiều địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo cấp tỉnh, huyện; ban hành quy chế phối hợp liên ngành; duy trì giao ban định kỳ để chia sẻ thông tin, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Chính quyền cơ sở cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành kế hoạch sát hợp thực tiễn. MTTQVN và các đoàn thể như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên... lồng ghép nội dung tôn giáo vào phong trào xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo, bảo vệ môi trường. Nhiều địa phương xây dựng lực lượng nòng cốt từ chức sắc, tín đồ tích cực tham gia công tác xã hội, tạo cầu nối giữa chính quyền và tôn giáo. Mô hình như “Dân vận khéo trong đồng bào tôn giáo”, “Tổ tự quản vùng có đạo”, “Đồng hành cùng chức sắc làm công tác xã hội” triển khai hiệu quả tại An Giang, Cần Thơ, Trà Vinh... đã góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, các tỉnh, thành ủy đã xây dựng được đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo ngày càng phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Một nguyên nhân quan trọng nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo tại các tỉnh, thành vùng ĐBSCL là sự quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ tôn giáo được triển khai bài bản, sát thực tiễn. Nhiều địa phương như An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ tôn giáo với tiêu chí rõ ràng về phẩm chất chính trị, chuyên môn và kỹ năng dân vận. Việc đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức qua các lớp chuyên đề của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tôn giáo Chính phủ. Một số cán bộ trẻ được cử đào tạo chuyên sâu, làm nguồn kế cận. Cán bộ cơ sở ngày càng thể hiện tính chuyên nghiệp, gần dân, linh hoạt, góp phần xử lý hiệu quả các tình huống tôn giáo nhạy cảm. Các mô hình như “Cán bộ tôn giáo đồng hành cùng chức sắc”, “Dân vận phụ trách vùng đồng bào có đạo” phát huy hiệu quả tại cơ

sở. Nhiều nơi bố trí cán bộ am hiểu ngôn ngữ, phong tục của đồng bào Khmer, Hoa, Chăm, giúp tăng cường gắn bó và vận động hiệu quả. Đầu tư đúng hướng vào đội ngũ cán bộ tôn giáo chính là nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và vận động tôn giáo trong tình hình mới.

Năm là, tăng cường đối thoại, chăm lo đời sống và tạo điều kiện cho hoạt động tôn giáo hợp pháp.

Một trong những nguyên nhân quan trọng góp phần nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo tại vùng ĐBSCL là sự chú trọng đối thoại, gắn bó với chức sắc, tín đồ và quan tâm đến đời sống đồng bào có đạo. Nhiều địa phương đã chuyển từ tiếp cận hành chính sang tiếp cận linh hoạt, nhân văn, lắng nghe và phản hồi kịp thời kiến nghị từ phía tôn giáo. Hoạt động đối thoại được tổ chức định kỳ dưới nhiều hình thức như hội nghị, tọa đàm, gặp mặt trong dịp lễ trọng, tập trung vào trao đổi hai chiều về chính sách mới và giải quyết vướng mắc. Chính quyền các cấp đồng thời chăm lo an sinh cho đồng bào có đạo thông qua các chương trình giảm nghèo, hỗ trợ sản xuất, giáo dục, y tế. Nhiều nơi tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tôn giáo hợp pháp: hỗ trợ thủ tục hành chính, cấp đất, sửa chữa cơ sở thờ tự, đào tạo chức sắc... Qua đó, không chỉ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, mà còn khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm xã hội trong các hoạt động cộng đồng. Thực tiễn tại An Giang, Sóc Trăng, Cà Mau cho thấy, mô hình dân vận khéo, tiếp xúc linh hoạt trong đồng bào tôn giáo đã góp phần củng cố niềm tin, hạn chế điểm nóng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

3.2.1.2. Nguyên nhân của khuyết điểm, hạn chế

Một là, nguyên nhân bao trùm là nhận thức chưa đầy đủ và sâu sắc của một bộ phận trong hệ thống chính trị về tôn giáo và công tác tôn giáo.

Mặc dù công tác tôn giáo tại vùng ĐBSCL đạt nhiều kết quả tích cực, song hạn chế bao trùm, mang tính cốt lõi, là nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc và nhất quán của một bộ phận cán bộ, đảng viên, tổ chức trong hệ thống chính trị về tôn giáo và công tác tôn giáo. Không ít người vẫn nhầm lẫn giữa quản lý hành chính với vận động quần chúng có đạo; xem tôn giáo như lĩnh vực nhạy

cảm cần kiểm soát, thay vì tiếp cận như một nhu cầu tinh thần chính đáng và nguồn lực xã hội quan trọng. Từ đó, dẫn đến thái độ dè dặt, thiếu tin cậy trong quan hệ giữa chính quyền và chức sắc, tín đồ, ảnh hưởng đến hiệu quả công tác dân vận. Một số cấp ủy, chính quyền, MTTQ và đoàn thể, đặc biệt ở cơ sở, còn lúng túng trong quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo. Việc “khoán trắng” công tác tôn giáo cho các cơ quan chuyên trách như Ban Dân vận, Ban Tôn giáo, MTTQ khiến vai trò lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy bị suy giảm. Công tác kiểm tra, giám sát còn hình thức; cán bộ chưa kịp thời cập nhật các văn bản mới như Nghị quyết Đại hội XIII, Chỉ thị số 18-CT/TW, hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương..., dẫn tới sự trì trệ, thiếu linh hoạt trong tổ chức thực hiện. Ngoài ra, nhiều cán bộ chưa đánh giá đúng vai trò đóng góp của tổ chức tôn giáo trong giáo dục đạo đức, phát triển kinh tế - xã hội, từ thiện - nhân đạo, bảo vệ môi trường... nên công tác vận động còn hình thức, chưa khai thác hết tiềm năng của tôn giáo trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, công tác quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo chậm đổi mới, còn biểu hiện hành chính hóa, chưa theo kịp thực tiễn.

Mặc dù công tác QLNN về tôn giáo tại các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã có nhiều chuyển biến tích cực, song vẫn tồn tại những hạn chế đáng lưu ý. Nguyên nhân chủ yếu là do tư duy quản lý chậm đổi mới, vẫn mang nặng cách tiếp cận hành chính hóa, thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với thực tiễn sinh hoạt tôn giáo hiện nay. Việc quản lý còn dựa nhiều vào cơ chế “xin - cho” thông qua giấy phép, thủ tục hành chính, thay vì chuyển sang mô hình quản lý bằng pháp luật và đối thoại, đồng hành với các tổ chức tôn giáo. Tư duy “quản chặt” để kiểm soát rủi ro vô hình trung làm gia tăng khoảng cách tâm lý giữa chính quyền và chức sắc, tín đồ. Công tác xử lý hoạt động tôn giáo thiếu hệ thống, chưa có kế hoạch dài hạn; phối hợp liên ngành giữa các cơ quan như nội vụ, công an, tài nguyên - môi trường còn lỏng lẻo, dẫn đến chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm. Việc triển khai Luật Tín ngưỡng, tôn giáo còn lúng túng trong phân cấp, phân công, gây khó khăn cho cấp cơ sở. Đặc biệt,

công tác quản lý chưa theo kịp các hình thức sinh hoạt tôn giáo mới như trực tuyến, truyền bá xuyên biên giới, tổ chức tôn giáo phi truyền thống. Trong khi đó, năng lực công nghệ, kỹ năng ứng phó và công cụ pháp lý của đội ngũ cán bộ còn hạn chế, thiếu giải pháp mềm dẻo, nhân văn. Thực trạng này không chỉ làm giảm hiệu quả quản lý mà còn ảnh hưởng đến niềm tin, sự phối hợp từ phía các tổ chức tôn giáo. Do đó, đổi mới tư duy và phương thức QLNN về tôn giáo là yêu cầu cấp thiết để nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Ba là, đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy.

Mặc dù đã có sự quan tâm bước đầu trong quy hoạch và đào tạo, đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL vẫn còn bất cập cả về số lượng, chất lượng và kỹ năng chuyên môn. Phần lớn cán bộ cơ sở kiêm nhiệm, thiếu ổn định, chưa được đào tạo bài bản về tôn giáo học, luật tín ngưỡng, tôn giáo, kỹ năng dân vận; chủ yếu làm việc dựa trên kinh nghiệm thực tiễn, thiếu nền tảng lý luận. Một bộ phận cán bộ chưa nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; còn lúng túng trong xử lý các tình huống nhạy cảm như mâu thuẫn nội bộ, tranh chấp đất đai tôn giáo, hoạt động ngoài luồng. Năng lực phối hợp liên ngành còn yếu; một số cán bộ thiếu bản lĩnh chính trị, ngại va chạm, chưa chủ động theo dõi, cập nhật các hình thức tôn giáo mới như sinh hoạt trực tuyến, tổ chức phi truyền thống. Hạn chế về hiểu biết lịch sử, giáo lý, văn hóa đặc thù của từng tôn giáo và kỹ năng tiếp cận đồng bào Khmer, Hoa... cũng khiến công tác vận động, tạo niềm tin với chức sắc, tín đồ gặp nhiều khó khăn. Cán bộ trẻ có năng lực thường không mặn mà với lĩnh vực tôn giáo, dẫn đến thiếu hụt nguồn kế cận. Công tác đào tạo, bồi dưỡng còn hình thức, thiếu tính chuyên sâu, chưa sát với thực tiễn. Đây là nguyên nhân căn bản, cần được cấp ủy quan tâm khắc phục để nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý công tác tôn giáo một cách bền vững.

Bốn là, tác động của toàn cầu hóa, chuyển đổi số làm gia tăng khó khăn cho công tác lãnh đạo tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Toàn cầu hóa và chuyển đổi số vừa mở ra cơ hội phát triển, vừa đặt ra thách thức đối với công tác lãnh đạo tôn giáo của cấp ủy, tổ chức đảng tại vùng ĐBSCL nơi có đời sống tôn giáo phong phú. Các thế lực thù địch lợi dụng không gian mạng tuyên truyền xuyên tạc, kích động tin đồn, gây bất ổn xã hội. Sự phát triển của tôn giáo phi truyền thống, xuyên biên giới, sinh hoạt trực tuyến đặt ra yêu cầu mới về năng lực quản lý. Tuy nhiên, nhiều địa phương chậm ứng dụng chuyển đổi số, chưa có phần mềm quản lý tôn giáo chuyên biệt, dữ liệu chưa liên thông. Mâu thuẫn giữa phát triển công nghiệp - đô thị hóa và bảo tồn cơ sở tôn giáo ngày càng gay gắt, việc giải quyết đất đai tôn giáo còn chậm, dễ gây bức xúc trong tín đồ. Trước tình hình đó, cần nâng cao năng lực dự báo, hiện đại hóa phương thức quản lý tôn giáo dựa trên công nghệ số, tăng cường tuyên truyền, đối thoại và phát huy vai trò tích cực của tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ổn định xã hội.

Năm là, đời sống, trình độ dân trí của đồng bào theo đạo còn thấp, ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo.

Tại một số nơi ở vùng ĐBSCL, nơi có đông đồng bào theo đạo, trình độ dân trí còn thấp, kinh tế khó khăn, hạ tầng hạn chế và tập quán lạc hậu vẫn tồn tại. Điều này ảnh hưởng lớn đến nhận thức chính trị - xã hội của người dân, nhất là về quyền, nghĩa vụ công dân và chính sách tôn giáo. Một bộ phận tín đồ còn thụ động tiếp nhận thông tin, dễ bị tác động bởi luận điệu xuyên tạc trên mạng, thiếu khả năng tự bảo vệ quyền lợi chính đáng, dẫn đến tâm lý hoài nghi, giảm niềm tin vào chính quyền. Trình độ dân trí thấp còn làm giảm hiệu quả vận động tham gia phong trào yêu nước, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường. Đây là nguyên nhân sâu xa ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo của cấp ủy địa phương. Do đó, cần đẩy mạnh giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí và nhận thức chính trị cho đồng bào có đạo.

Sáu là, thành kiến và sự ngờ vực trong một bộ phận chức sắc tôn giáo đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương.

Một bộ phận chức sắc tôn giáo ở vùng ĐBSCL vẫn còn tâm lý hoài nghi, thành kiến đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của Đảng. Dù định kiến này đã được xóa mờ phần nào trong thời kỳ đổi mới, nhưng vẫn tồn tại âm ỉ, làm giảm sự tin tưởng, hợp tác trong thực thi chính sách tôn giáo. Nhiều chức sắc lo ngại sự can thiệp quá mức của chính quyền vào hoạt động nội bộ tôn giáo, nhất là các vấn đề về đất đai, cơ sở thờ tự, tổ chức và tài chính. Mỗi quan hệ thiếu niềm tin khiến họ phản ứng dè dặt trước các chương trình phối hợp, ảnh hưởng đến hiệu quả vận động tín đồ. Ngoài ra, việc thiếu thông tin chính thống, sự lan truyền tin giả và những thông điệp xuyên tạc từ các thế lực phản động càng khoét sâu nghi ngờ, làm suy giảm lòng tin. Một số chức sắc cũng lo lắng về việc thay đổi pháp lý có thể ảnh hưởng đến truyền thống tôn giáo. Do đó, để củng cố mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền và tôn giáo, cần đẩy mạnh đối thoại, minh bạch hóa thông tin, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và hỗ trợ hợp pháp, kịp thời cho các tổ chức tôn giáo.

3.2.2. Những kinh nghiệm

Trong quá trình lãnh đạo công tác tôn giáo, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu, vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có giá trị thực tiễn trong việc vận dụng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện đặc thù của từng địa phương. Những kinh nghiệm này góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác tôn giáo, tạo sự đồng thuận xã hội, đồng thời khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc định hướng, quản lý, phát huy các giá trị tích cực của tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Một là, lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng về công tác tôn giáo.

Một trong những kinh nghiệm nổi bật là các cấp ủy đảng phải thường xuyên quán triệt, nâng cao nhận thức chính trị cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác tôn giáo trong sự nghiệp cách mạng. Việc cụ thể hóa, triển

khai các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, nhất là Nghị quyết số 25-NQ/TW về công tác tôn giáo, phải gắn với điều kiện thực tiễn từng vùng, từng địa phương ở ĐBSCL. Các tỉnh, thành ủy có kinh nghiệm tổ chức học tập, bồi dưỡng kiến thức tôn giáo, kỹ năng công tác dân vận tôn giáo cho đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác tôn giáo và cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết định kỳ luôn được chú trọng, giúp kịp thời phát hiện hạn chế, khuyết điểm để chấn chỉnh. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào cấp ủy duy trì thường xuyên việc nâng cao nhận thức, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thì nơi đó tạo được sự thống nhất về quan điểm, hành động trong hệ thống chính trị, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân và tín đồ tôn giáo vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là, lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, nhất là trong vùng có đông đồng bào theo đạo.

Kinh nghiệm quan trọng từ thực tiễn ĐBSCL là phải quan tâm lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, đặc biệt ở địa bàn có đông đồng bào tôn giáo. Các tỉnh, thành ủy đã chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở, cán bộ làm công tác tôn giáo, cán bộ dân vận. Đây là yếu tố quyết định hiệu quả vận động quần chúng tín đồ. Việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, gắn với thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, giúp phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tạo đồng thuận trong nhân dân. Thực tế tại các địa phương có đông đồng bào theo đạo cho thấy, nơi nào cán bộ cơ sở gần dân, sát dân, hiểu dân và tôn trọng đồng bào tôn giáo, nơi đó phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, hạn chế được sự lợi dụng tôn giáo của các phần tử xấu. Kinh nghiệm rút ra là xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh chính là nền tảng để lãnh đạo, tổ chức thực hiện công tác tôn giáo hiệu quả, lâu dài.

Ba là, lãnh đạo tăng cường phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác tôn giáo.

Một bài học quý báu là phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ và

hiệu quả giữa chính quyền, các ngành chức năng, MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội trong giải quyết công tác tôn giáo. Kinh nghiệm ở các tỉnh ĐBSCL cho thấy, khi các lực lượng phát huy tốt cơ chế phối hợp, chia sẻ thông tin, cùng bàn bạc, thống nhất biện pháp, thì các vấn đề phát sinh liên quan đến tôn giáo được giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, hợp lòng dân. Chẳng hạn, Cần Thơ và An Giang đã duy trì cơ chế giao ban định kỳ giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận, Công an, Sở Dân tộc và Tôn giáo để xử lý những tình huống nhạy cảm. MTTQ và các đoàn thể thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại với tín đồ, chức sắc để lắng nghe, tiếp thu nguyện vọng chính đáng, đồng thời giải thích chính sách của Đảng, Nhà nước. Bài học rút ra là công tác tôn giáo chỉ có hiệu quả bền vững khi được đặt trong mối quan hệ tổng thể, phối hợp đồng bộ giữa các lực lượng của hệ thống chính trị, trên cơ sở phát huy tinh thần trách nhiệm và sự đồng thuận.

Bốn là, quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào có đạo.

Một kinh nghiệm thực tiễn sâu sắc là phải thường xuyên quan tâm chăm lo, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào tôn giáo, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Các tỉnh ĐBSCL đã triển khai nhiều chương trình, dự án phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh có lồng ghép mục tiêu nâng cao đời sống đồng bào có đạo. Tại Hậu Giang, Đồng Tháp, Bến Tre, nhiều mô hình hỗ trợ vốn, dạy nghề, khởi nghiệp cho thanh niên tôn giáo đã mang lại hiệu quả tích cực. Việc quan tâm phát triển hạ tầng, y tế, giáo dục, văn hóa - xã hội tại các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo giúp củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước. Kinh nghiệm cho thấy, nơi nào công tác an sinh xã hội, chăm lo dân sinh được triển khai đồng bộ, hiệu quả, nơi đó đồng bào có đạo càng tin tưởng, gắn bó và tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, góp phần ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững.

Năm là, lãnh đạo làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc, người có uy tín trong tôn giáo.

Một kinh nghiệm quan trọng khác là phải làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc, nhà tu hành và người có uy tín trong các tổ chức tôn giáo. Đây là lực lượng có ảnh hưởng lớn đối với tín đồ, có vai trò “cầu nối” giữa Đảng, chính quyền và đồng bào tôn giáo. Các tỉnh, thành ủy ở ĐBSCL đã quan tâm xây dựng, bồi dưỡng lực lượng cốt cán trong tôn giáo; thường xuyên tổ chức gặp gỡ, đối thoại, thăm hỏi, chia sẻ để tạo mối quan hệ gắn bó, tin cậy. Nhiều địa phương như Kiên Giang, Sóc Trăng đã thành công trong việc phát huy vai trò của các vị hòa thượng, linh mục, mục sư trong tuyên truyền, vận động tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, tham gia bảo vệ an ninh trật tự, xây dựng nông thôn mới. Bài học rút ra là, nơi nào cấp ủy coi trọng công tác tranh thủ chức sắc, coi họ là lực lượng đồng hành, nơi đó công tác tôn giáo đạt hiệu quả thiết thực, hạn chế được những tác động tiêu cực từ bên ngoài.

Tiểu kết chương 3

Nhận thức rõ vai trò hạt nhân lãnh đạo của mình đối với công tác tôn giáo của địa phương trong hiện tại và cả giai đoạn tới, các tỉnh ủy, thành ủy của vùng ĐBSCL trong nhiều nhiệm kỳ qua đều đã quan tâm đến công tác tôn giáo. Qua công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện đã tạo nên những sự chuyển biến lớn đối với công tác trên các phương diện về số lượng, chất lượng cũng như có nhiều sự đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo. Nhờ đó, công tác tôn giáo của vùng đạt được những thành tựu rất đáng ghi nhận, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố trong Vùng.

Tuy vậy, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng ĐBSCL về công tác tôn giáo vẫn còn nhiều hạn chế nổi lên là sự lúng túng trong một số nội dung, phương thức lãnh đạo và đặc biệt là việc xác định giải pháp đột phá. Những hạn chế nhất định như đã nêu cũng phần nào ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với công tác tôn giáo trong thời gian quan.

Trên cơ sở phân tích những ưu điểm, hạn chế về nội dung và phương thức lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy đối với công tác tôn giáo, Chương 3 của Luận án xác định những nguyên nhân của ưu điểm (gồm 05 nguyên nhân) và hạn chế (gồm 06 nguyên nhân) và kinh nghiệm (gồm 05 kinh nghiệm) rút ra trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác trên đối với các tỉnh ủy, thành ủy. Trong đó, nhấn mạnh đến tiếp tục đổi mới nhận thức là vấn đề then chốt; chỉ đạo quyết liệt trong thực hiện là vấn đề trọng tâm; đột phá, sáng tạo là điểm nhấn. Đây sẽ là cơ sở quan trọng để tác giả nghiên cứu, đề xuất những phương hướng hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi và sát hợp với tình hình thực tế của vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong thời gian tới.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. DỰ BÁO NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1.1. Dự báo những nhân tố tác động đến sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo

4.1.1.1. Những nhân tố thuận lợi

Một là, thành tựu 40 năm đổi mới và đường lối tôn giáo của Đảng tạo nền tảng thuận lợi cho lãnh đạo công tác tôn giáo.

Từ năm 1986 đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có sự chuyển biến sâu sắc trong công tác tôn giáo. Đảng ban hành nhiều văn kiện chỉ đạo then chốt như: Nghị quyết số 24-NQ/TW (1990), Nghị quyết số 25-NQ/TW (2003), Chỉ thị 18-CT/TW (2018), Quy định 123-QĐ/TW và Quy định 06-QĐ/TW..., thể hiện quan điểm nhất quán về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và phát huy vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Nghị quyết Đại hội XIII tiếp tục khẳng định “Hoàn thiện và triển khai thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo” [54, tr.50] và “Phát huy các nhân tố tích cực, nhân văn trong các tôn giáo, tín ngưỡng” [54, tr.144]. Dự thảo Văn kiện Đại hội XIV nêu rõ: “Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định pháp luật... Phát huy giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo” [56, tr.115]. Quan điểm này đánh dấu bước chuyển từ tư duy kiểm soát sang tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, xem tôn giáo là nhu cầu tinh thần

chính đáng. Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 đã thể chế hóa quan điểm đó, tạo hành lang pháp lý cho hoạt động tôn giáo hợp pháp, góp phần củng cố ổn định chính trị - xã hội.

Cùng với tiến trình đổi mới, các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ ở vùng ĐBSCL đã có nhiều đóng góp tích cực. Các tôn giáo lớn như Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành... tích cực tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ an ninh trật tự, chăm lo an sinh xã hội. Nhiều chức sắc có uy tín được bầu vào HĐND các cấp, tham gia Ủy ban MTTQ Việt Nam, góp phần phản ánh nguyện vọng đồng bào có đạo. Bên cạnh đó, các cơ sở tôn giáo và tín đồ chủ động tham gia công tác từ thiện, bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, thể hiện tinh thần yêu nước và trách nhiệm cộng đồng. Những đóng góp này không chỉ khẳng định vai trò xã hội của tôn giáo mà còn củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, tạo nền tảng phát triển bền vững vùng ĐBSCL thời gian tới.

Hai là, chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu của kỷ nguyên phát triển mới của đất nước, phát huy toàn bộ lực lượng, trong đó có các tôn giáo.

Đại hội XIII (và hướng tới Đại hội XIV) xác định nước ta đang bước vào “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” với mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, và đến năm 2045 trở thành quốc gia xã hội chủ nghĩa thịnh vượng, văn minh. Trong kỷ nguyên này, Đảng chủ trương phát huy sức mạnh tổng hợp toàn dân tộc - trong đó tôn giáo không chỉ là đối tượng quản lý mà là nguồn lực cần được khơi dậy tích cực trong xây dựng và phát triển đất nước. Trên tinh thần đó, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã lồng ghép công tác tôn giáo vào chiến lược phát triển bền vững, xây dựng nông thôn mới, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và củng cố an sinh xã hội. Thực tiễn ở An Giang, Sóc Trăng, Trà Vinh, Cà Mau... cho thấy khi được tôn trọng và tạo điều kiện, các tổ chức tôn giáo như Phật giáo Nam tông Khmer, Hòa Hảo, Cao Đài đã phát huy hiệu quả vai trò trong giáo dục đạo lý, xây dựng đời sống văn hóa, phòng chống dịch bệnh, cứu trợ thiên tai, gắn kết cộng đồng. Đây là minh chứng

sinh động về sức mạnh tinh thần và uy tín xã hội của tôn giáo, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nền tảng vững chắc để vùng ĐBSCL phát triển toàn diện trong kỷ nguyên mới.

Ba là, sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính là điều kiện thuận lợi để nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Việc sắp xếp, kiện toàn đơn vị hành chính không chỉ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững mà còn tạo điều kiện nâng cao hiệu quả lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo. Việc hợp nhất các địa phương thành đơn vị hành chính quy mô lớn giúp giảm phân tán nguồn lực, thống nhất quản lý địa bàn, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ và năng lực kiểm tra, giám sát các hoạt động tôn giáo. Điều này đặc biệt quan trọng tại vùng ĐBSCL nơi có đông tín đồ, nhiều tổ chức tôn giáo hoạt động đan xen như Phật giáo, Hòa Hảo, Cao Đài, Tin Lành, Công giáo... Bên cạnh đó, sắp xếp đơn vị hành chính còn thúc đẩy chuyển đổi số, kết nối dữ liệu quản lý giữa các địa phương, rút ngắn thời gian xử lý thủ tục tôn giáo, tạo thuận lợi cho tín đồ thực hiện quyền tự do tín ngưỡng theo luật định. Đồng thời, thống nhất cơ chế lãnh đạo, phối hợp liên ngành cũng giúp loại bỏ tình trạng chồng chéo, tăng tính nhất quán trong thực thi nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Thực tiễn cho thấy, tại các địa phương thực hiện tốt chủ trương này, hiệu quả quản lý tôn giáo được nâng cao rõ rệt, trở thành nhân tố thuận lợi về chính trị - tổ chức cho công tác lãnh đạo tôn giáo trong giai đoạn mới.

Bốn là, đời sống kinh tế - xã hội của người dân trong vùng tiếp tục được cải thiện, góp phần nâng cao nhận thức và tạo điều kiện thực hiện chủ trương, chính sách tôn giáo.

Những năm gần đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và sự nỗ lực của địa phương, kinh tế - xã hội vùng ĐBSCL đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhiều chương trình trọng điểm về hạ tầng, nông nghiệp công nghệ cao, chuyển đổi số, du lịch cộng đồng, ứng phó biến đổi khí hậu... được triển khai đồng bộ, tạo động lực mới cho tăng trưởng bền vững. Đặc biệt, Nghị quyết số 13-NQ/TW (2022) của Bộ Chính trị đã xác lập khung chính

sách chiến lược cho phát triển toàn vùng đến năm 2030, tầm nhìn 2045. Nhờ đó, thu nhập, điều kiện sống và trình độ dân trí của người dân được nâng lên, từ đó dẫn đến nhu cầu cao hơn về đời sống tinh thần, trong đó có tín ngưỡng - tôn giáo. Tôn giáo ngày càng được nhìn nhận như một giá trị văn hóa, đạo đức chính đáng, góp phần củng cố đồng thuận xã hội. Quá trình đô thị hóa, mở rộng giáo dục và truyền thông hiện đại giúp người dân tiếp cận rõ hơn chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, đời sống ổn định cũng làm giảm nguy cơ bị lợi dụng, kích động chia rẽ. Đây là nền tảng quan trọng để cấp ủy, chính quyền các tỉnh, thành vùng ĐBSCL triển khai công tác tôn giáo theo hướng chủ động, linh hoạt, hiệu quả hơn trong bối cảnh mới.

Năm là, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số sẽ trở thành yếu tố quan trọng nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Trong tiến trình xây dựng Chính phủ số, xã hội số, Đảng và Nhà nước ta xác định rõ vai trò trung tâm của chuyển đổi số trong hiện đại hóa quản lý, điều hành, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đối với lĩnh vực tôn giáo một lĩnh vực nhạy cảm, đa dạng và gắn chặt với đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đã và đang mang lại những thay đổi quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và QLNN tại địa phương. Tại vùng ĐBSCL, nhiều tỉnh, thành đã bước đầu triển khai các hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử về tổ chức tôn giáo, chức sắc, cơ sở thờ tự, lễ hội tôn giáo... tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi, tổng hợp, đánh giá và ra quyết định quản lý. Ứng dụng công nghệ thông tin giúp rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo; đồng thời tăng cường tính minh bạch, công khai và phòng ngừa các rủi ro sai sót trong quá trình thực thi chính sách. Thông qua nền tảng số, cấp ủy, chính quyền các cấp có thể kịp thời nắm bắt thông tin, phát hiện sớm những biểu hiện vi phạm, lợi dụng tôn giáo nhằm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây là nhân tố thuận lợi giúp đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực điều

hành, hướng tới quản lý hiện đại, hiệu quả và phù hợp với đặc thù đa tôn giáo, đa dân tộc ở vùng ĐBSCL.

4.1.1.2. Những khó khăn

Một là, tình hình tôn giáo ở Việt Nam và vùng ĐBSCL sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch sẽ gia tăng các hoạt động chống phá.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội, các vấn đề tôn giáo ở Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng có xu hướng ngày càng phức tạp. Nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo không ngừng gia tăng cả về số lượng tín đồ và hình thức sinh hoạt; cùng với đó xuất hiện nhiều nhóm tôn giáo mới, tự phát, chưa được công nhận chính thức, tiềm ẩn nguy cơ gây bất ổn xã hội. Các thế lực thù địch triệt để lợi dụng quyền tự do tôn giáo để xuyên tạc chính sách của Đảng và Nhà nước, kích động mâu thuẫn giữa chức sắc với chính quyền, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Không gian mạng trở thành công cụ truyền bá mạnh mẽ các luận điệu sai trái như “Đảng, Nhà nước đàn áp tôn giáo”, “hạn chế quyền tự do tín ngưỡng”, tác động tiêu cực đến nhận thức của một bộ phận tín đồ. Đặc biệt, ở các địa bàn có đông đồng bào Khmer, Chăm, Hoa, vẫn tiềm ẩn ảnh hưởng từ những tư tưởng cực đoan bên ngoài. Bên cạnh đó, sự hoạt động của một số tổ chức “tà đạo”, “đạo lạ” như Hội thánh Đức Chúa Trời Mẹ, Thanh Hải Vô Thượng Sư, Thiền Am Bên Bờ Vũ Trụ, Hòa Hảo thuần túy... tại Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp đã để lại những hệ lụy đáng kể như gây rạn nứt gia đình, làm gián đoạn học tập, truyền bá mê tín và xuyên tạc giáo lý. Dù số lượng chưa nhiều, nhưng tác động xã hội của các hiện tượng này là không nhỏ. Trong bối cảnh đó, công tác lãnh đạo và quản lý tôn giáo ở ĐBSCL đặt ra yêu cầu ngày càng cao về tính chủ động, kịp thời, đồng bộ và hiệu quả. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn gặp hạn chế về nguồn lực, đội ngũ cán bộ chuyên trách còn thiếu, năng lực xử lý tình huống phức tạp chưa đáp ứng yêu cầu. Đây chính là thách thức lớn trong lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

Hai là, khả năng tác động từ việc tín đồ, chức sắc tôn giáo ở ĐBSCL có đông người thân ở nước ngoài, đặc biệt là các tôn giáo lớn với mối liên hệ chặt chẽ bên ngoài.

Do yếu tố lịch sử, một bộ phận lớn tín đồ và chức sắc tôn giáo tại vùng có người thân sinh sống tại nhiều quốc gia, trong đó tập trung ở các tỉnh như An Giang, Cần Thơ, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp - nơi có đông tín đồ Công giáo, Tin Lành, Hòa Hảo, Cao Đài [5]. Thực tiễn cho thấy, không ít chức sắc và tu sĩ vẫn chịu ảnh hưởng từ giáo lý, tư tưởng do các tổ chức ở nước ngoài truyền bá, thậm chí có biểu hiện lệ thuộc, thiếu thiện chí với chính quyền, lợi dụng kẽ hở trong quản lý để xuyên tạc chính sách tôn giáo. Nổi lên là tình trạng một số linh mục, mục sư cực đoan cản trở tín đồ tham gia tổ chức Đảng, Mặt trận, đoàn thể; cô lập đảng viên có đạo, gây chia rẽ nội bộ. Bên cạnh đó, nhiều tổ chức tôn giáo lớn tại khu vực thường xuyên nhận viện trợ từ các tổ chức phi chính phủ và cá nhân ở nước ngoài. Riêng năm 2023, Công giáo và Tin Lành tại ĐBSCL đã tiếp nhận trên 1,5 triệu USD viện trợ bằng tiền và hiện vật [5]. Dù phần lớn nguồn hỗ trợ này phục vụ hoạt động xã hội, song cũng tiềm ẩn nguy cơ bị lợi dụng để can thiệp vào công việc nội bộ, cổ súy xu hướng cực đoan, thậm chí ly khai. Đây là những yếu tố nhạy cảm, được dự báo sẽ tiếp tục đặt ra thách thức không nhỏ đối với sự lãnh đạo và quản lý công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong thời gian tới.

Ba là, trình độ và kinh nghiệm công tác tôn giáo của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả lãnh đạo trong thời gian tới.

Hiện nay, tổ chức bộ máy QLNN về tôn giáo ở một số địa phương vùng ĐBSCL còn cồng kềnh, phân công chưa rõ, phối hợp liên ngành thiếu đồng bộ. Đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác tôn giáo ở cơ sở vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chuyên môn, lý luận chính trị và kỹ năng thực tiễn. Nhiều người chưa được đào tạo bài bản, còn lúng túng khi tiếp xúc với chức sắc, tín đồ; thậm chí có biểu hiện quan liêu, hành chính hóa, thiếu tinh thần vận động, thuyết phục, dẫn đến xa rời quần chúng có đạo. Một số ít trường hợp cán bộ suy thoái đạo đức, lối sống làm giảm uy tín của tổ chức đảng, chính quyền, gây mất lòng tin trong tín đồ,

tạo điều kiện để các thế lực thù địch lợi dụng xuyên tạc, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong bối cảnh ĐBSCL là vùng đa dân tộc, đa tôn giáo, đa văn hóa, việc nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và kỹ năng công tác cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo là yêu cầu cấp thiết. Đây không chỉ là nhiệm vụ chuyên môn mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm công tác tôn giáo được lãnh đạo toàn diện, hiệu quả, thống nhất trong hệ thống chính trị vùng ĐBSCL trong tương lai.

Bốn là, những hạn chế, khuyết điểm trong công tác tôn giáo và lãnh đạo công tác tôn giáo thời gian qua có nguy cơ tiếp tục tác động đến giai đoạn tới.

Thực tiễn lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn tồn tại nhiều khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ nhưng chưa được khắc phục triệt để. Một số địa phương còn chậm thể chế hóa các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, thiếu chương trình hành động riêng cho giai đoạn 2021 - 2025 hoặc chưa xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên. Tại An Giang, nơi tập trung đông tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, việc phối hợp giữa cơ quan chức năng và Ban Trị sự trong xử lý các biểu hiện lợi dụng tôn giáo còn thiếu thống nhất, tạo khoảng trống để các nhóm Hòa Hảo “thuần túy” hoạt động ngoài khuôn khổ pháp luật. Ở Trà Vinh, công tác nắm bắt tình hình tôn giáo trong đồng bào Khmer chưa được chú trọng đúng mức, dẫn đến bị động khi xảy ra vụ việc nhạy cảm tại cơ sở. Ngoài ra, việc đối thoại, lắng nghe kiến nghị của chức sắc, tín đồ chưa được duy trì thường xuyên ở một số nơi, gây tâm lý xa cách giữa chính quyền và cộng đồng tôn giáo. Nếu không kịp thời khắc phục, những hạn chế này sẽ tiếp tục làm giảm hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo, đồng thời tạo sơ hở để các thế lực phản động, cơ hội chính trị lợi dụng xuyên tạc, kích động chia rẽ, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương trong thời gian tới.

Năm là, đời sống khó khăn của một bộ phận chức sắc, tín đồ tôn giáo vẫn là thách thức, có thể ảnh hưởng đến công tác vận động, tuyên truyền trong thời gian tới.

Dù Đảng và Nhà nước đã quan tâm ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào tôn giáo, nhưng thực tiễn cho thấy một bộ phận chức sắc, tín đồ vẫn gặp nhiều khó khăn trong đời sống vật chất và tinh thần. Ở những khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, điều kiện cơ sở hạ tầng còn hạn chế, dịch vụ giáo dục, y tế và an sinh chưa đáp ứng đầy đủ, khiến đời sống của đồng bào có đạo còn nhiều thiếu thốn. Trong bối cảnh đó, một số tín đồ có tâm lý phụ thuộc vào sự hỗ trợ bên ngoài, thiếu chủ động trong phát triển sản xuất, dễ bị tác động bởi những thông tin sai lệch và luận điệu xuyên tạc. Điều này gây ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp nhận chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, đồng thời làm giảm hiệu quả của công tác tuyên truyền, vận động. Dự báo trong thời gian tới, nếu đời sống của chức sắc, tín đồ tôn giáo không được cải thiện đáng kể, nguy cơ bị các thế lực thù địch lợi dụng sẽ tiếp tục gia tăng, điều này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo ở các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL.

4.1.2. Phương hướng tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đối với công tác tôn giáo

Trên cơ sở quán triệt và thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, quy định và văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về công tác tôn giáo, để tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong thời gian tới, cần tập trung thực hiện một số phương hướng cơ bản sau:

Một là, công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Bảo đảm cho các tổ chức tôn giáo hoạt động theo quy định của pháp luật và hiến chương, điều lệ được Nhà nước công nhận. Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự phát triển đất nước” [54, tr.171]. Trên tinh thần đó, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL cần cụ thể hóa vào nghị quyết, chương trình hành động sát hợp với đặc thù địa phương. Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I (2025 - 2030) xác định rõ: “Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, quan tâm công tác dân tộc, tôn giáo,

tạo đồng thuận xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững ổn định chính trị [38, tr.66]. Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ I (2025 - 2030) cũng nhấn mạnh: “Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân tộc, tôn giáo; củng cố niềm tin của đồng bào các tôn giáo vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước” [33, tr.45]. Tương tự, Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I khẳng định: “Tăng cường công tác tôn giáo gắn với công tác dân vận, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [48, tr.66]. Như vậy, từ định hướng chung của Trung ương đến các văn kiện đại hội đảng bộ địa phương đều thống nhất quan điểm khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, đồng thời đề cao trách nhiệm phối hợp, liên kết của cả hệ thống chính trị trong giải quyết vấn đề tôn giáo, qua đó góp phần củng cố niềm tin của đồng bào có đạo, tạo sự đồng thuận xã hội và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Một phương hướng quan trọng là xác định công tác vận động quần chúng tín đồ là nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, do đó, mọi chủ trương, chính sách về tôn giáo đều phải xuất phát từ việc tôn trọng quyền lợi chính đáng, quan tâm đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [54, tr.171]. Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành ủy đã xác định rõ phương hướng gắn công tác tôn giáo với công tác dân vận. Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I (2025 - 2030) nêu: “Đổi mới nội dung, phương thức dân vận, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong vận động đồng bào tôn giáo tham gia các phong trào thi đua yêu nước” [40, tr.57]. Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ chỉ rõ: “Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác dân vận chính quyền, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của đồng bào tôn giáo”

[38, tr.65]. Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long cũng khẳng định: “Thực hiện tốt phương châm dân vận khéo, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong đó có đồng bào các tôn giáo” [48, tr.55]. Như vậy, phương hướng cốt lõi là lấy công tác vận động quần chúng làm nền tảng, tạo sự gắn bó mật thiết giữa Đảng, chính quyền với đồng bào tôn giáo, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc.

Ba là, kết hợp lãnh đạo công tác tôn giáo và công tác dân tộc.

ĐBSCL là địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, gắn bó mật thiết với các tôn giáo như Phật giáo Nam tông Khmer, Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành. Do đó, một phương hướng quan trọng là phải kết hợp chặt chẽ công tác tôn giáo với công tác dân tộc, xem đây là hai lĩnh vực có quan hệ hữu cơ, tác động qua lại. Nghị quyết số 43-NQ/TW, ngày 24-11-2023, về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc nêu rõ: “Tiếp tục hoàn thiện chủ trương, chính sách về phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong giai đoạn mới; phát huy vai trò của các giai tầng xã hội; khơi dậy mọi tiềm năng, sức sáng tạo của mỗi người Việt Nam góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc”. Trên cơ sở đó, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đã cụ thể hóa thành phương hướng hành động. Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I xác định: “Quan tâm giải quyết hài hòa vấn đề dân tộc và tôn giáo, gắn phát triển kinh tế - xã hội với nâng cao đời sống đồng bào Khmer và đồng bào có đạo” [38, tr.55]. Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang nêu rõ: “Tiếp tục phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào Khmer, Chăm, Hoa, góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc” [33, tr.43]. Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long cũng khẳng định: “Kết hợp đồng bộ chính sách dân tộc và tôn giáo, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội” [48, tr.44]. Như vậy, phương hướng này nhấn mạnh yêu cầu lãnh đạo gắn kết công tác tôn giáo với công tác dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố lòng tin

của đồng bào dân tộc - tôn giáo vào sự lãnh đạo của Đảng, từ đó tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bốn là, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo.

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia đang diễn ra mạnh mẽ, một phương hướng quan trọng là đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước và theo dõi tình hình tôn giáo. Trong giai đoạn hiện nay, công tác tôn giáo cần được định hướng theo hướng hiện đại hóa, bảo đảm vừa đáp ứng yêu cầu quản lý, vừa kịp thời nắm bắt diễn biến tình hình tôn giáo, ngăn ngừa các hoạt động lợi dụng không gian mạng để kích động, xuyên tạc. Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ khẳng định: “Tập trung phát triển hạ tầng số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của hệ thống chính trị” [38, tr.70]. Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp nêu rõ: “Ứng dụng công nghệ số trong cải cách hành chính, quản lý nhà nước, trong đó có lĩnh vực dân tộc, tôn giáo” [40, tr.67]. Tương tự, Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long xác định: “Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với nâng cao hiệu quả công tác dân vận, công tác tôn giáo và công tác quản lý xã hội” [48, tr.67]. Như vậy, phương hướng này nhấn mạnh yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số như một công cụ hữu hiệu để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo, bảo đảm công tác lãnh đạo của Đảng sát hợp với thực tiễn thời kỳ mới.

4.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA CÁC TỈNH, THÀNH ỦY Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC TÔN GIÁO ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.2.1. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy trực thuộc, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên và nhân dân ở vùng đồng bằng sông Cửu Long về vị trí, vai trò của công tác tôn giáo và sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay

Nhận thức có vai trò quyết định đến hành động của tổ chức và cá nhân, đặc biệt trong công tác tôn giáo một lĩnh vực nhạy cảm, phức tạp, đòi hỏi bản

lĩnh chính trị và trình độ lý luận cao. Để lãnh đạo hiệu quả, các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ cán bộ, đảng viên vùng ĐBSCL cần thống nhất nhận thức đầy đủ, sâu sắc về vai trò của tôn giáo và sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực này. Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10/1/2018 của Bộ Chính trị đã nêu rõ: “Một số cấp ủy, chính quyền các cấp, một số cán bộ có trách nhiệm chưa nhận thức, quán triệt đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo; có nơi chủ quan, nóng vội, giản đơn...; có nơi lại hữu khuynh, thụ động, buông lỏng quản lý” [23]. Vì vậy, nâng cao nhận thức là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất, hiệu quả. Tôn giáo ở vùng ĐBSCL không chỉ có vai trò tinh thần mà còn ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội. Thực tiễn sau 1975 và trước Đổi mới 1986 cho thấy, nơi nào nhận thức lệch lạc, áp dụng biện pháp cưỡng chế đơn thuần thì nơi đó phát sinh phức tạp, bị các thế lực thù địch lợi dụng để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân. Do đó, các cấp ủy, chính quyền vùng ĐBSCL cần xác định rõ: Công tác tôn giáo là một bộ phận quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là phương tiện để thực hiện các mục tiêu chiến lược như: *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”* [49, tr.91], *“phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc”* [54, tr.202]. Khi toàn hệ thống chính trị nhận thức đầy đủ và thống nhất, công tác tôn giáo mới thật sự trở thành nhân tố tích cực góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, bảo đảm ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trong tình hình mới. Trong thời gian tới, các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL, cần triển khai đồng bộ một số nội dung trọng tâm sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới.

Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên về công tác tôn giáo là điều kiện tiên quyết nhằm đảm bảo sự thống nhất trong tư duy lãnh đạo và hành động thực tiễn ở vùng ĐBSCL, nơi có đặc thù đa dân tộc, đa tôn giáo. Cần quán triệt sâu sắc các nội dung cốt lõi trong Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chỉ thị số 18-CT/TW, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật Tín ngưỡng,

tôn giáo, cùng các chỉ thị, nghị quyết của tỉnh ủy, thành ủy vùng ĐBSCL về công tác tôn giáo. Trên cơ sở đó, làm rõ *“Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”* [2], sẽ giúp tránh được tư duy kỳ thị, áp đặt hay hành xử hành chính đơn giản trong quản lý tôn giáo. Các tổ chức tôn giáo và chức sắc, tín đồ là một bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có khả năng và quyền đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa và củng cố quốc phòng - an ninh.

Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là vận động quần chúng có đạo thực hiện tốt chủ trương “tốt đời, đẹp đạo”, “đạo pháp - dân tộc - chủ nghĩa xã hội”, “nước vinh - đạo sáng”, “sống Phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ Tổ quốc và dân tộc”, tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước. Để đạt hiệu quả, cần xác định rõ vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng, vai trò QLNN của chính quyền và vai trò vận động, tập hợp của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội. Đây là giải pháp mang tính nền tảng nhằm tạo sự phối hợp đồng bộ trong triển khai chính sách tôn giáo tại cơ sở. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, giải thích, vận động để chức sắc, tín đồ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ công dân, ý thức trách nhiệm với đất nước, từ đó góp phần tăng cường đồng thuận xã hội, củng cố quan hệ giữa người có đạo và không có đạo, giữa các tôn giáo với nhau. Qua đó, kịp thời ngăn chặn các hành vi lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp ủy, chính quyền nhận thức đúng và thực hiện tốt chủ trương của Đảng về tôn giáo, nơi đó có sự đồng thuận cao, quan hệ hài hòa giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và phát triển bền vững.

Hai là, đổi mới và nâng cao chất lượng quán triệt các nghị quyết của Đảng về công tác tôn giáo, gắn với điều kiện thực tiễn của các tỉnh, thành vùng ĐBSCL.

Đổi mới và nâng cao chất lượng quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác tôn giáo là một trong những khâu then chốt nhằm thống

nhất nhận thức, củng cố ý chí chính trị và nâng cao năng lực hành động trong toàn hệ thống chính trị. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: *“Tiếp tục đổi mới việc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tránh hình thức”* [54, tr.182]. Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng cũng tiếp tục khẳng định: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ việc học tập, quán triệt chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bảo đảm thiết thực, hiệu quả”* [56, tr.383]. Đây là yêu cầu có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL đang ngày càng đặt ra nhiều vấn đề mới, đòi hỏi tư duy lãnh đạo chủ động, bản lĩnh và linh hoạt.

Các tỉnh ủy, thành ủy cần xác định việc quán triệt, triển khai nghị quyết về công tác tôn giáo không chỉ là yêu cầu tổ chức mà phải là quá trình “tư tưởng hóa” chủ trương của Đảng thành nhận thức và hành động tự giác của cán bộ, đảng viên. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên phải được lựa chọn kỹ, được bồi dưỡng về lý luận chính trị và thực tiễn tôn giáo tại địa phương. Việc học tập nghị quyết cần đổi mới hình thức truyền đạt, mời chuyên gia am hiểu tôn giáo diễn giải gắn với tình huống thực tiễn; kết hợp tổ chức hội thi báo cáo viên giỏi, thi tìm hiểu trực tuyến và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, truyền thông cơ sở để lan tỏa tinh thần nghị quyết đến tận chi bộ, tổ nhân dân, cơ sở tôn giáo. Đặc biệt, cần nâng cao nhận thức cho cấp ủy cơ sở, nhất là chi bộ trực thuộc đảng ủy xã, phường nơi tiếp xúc trực tiếp với tín đồ. Việc học tập nghị quyết phải gắn với nhiệm vụ cụ thể và bồi dưỡng phương pháp công tác quần chúng, kỹ năng vận động tín đồ sống “tốt đời, đẹp đạo”. Đồng thời, phải tổ chức bài bản việc quán triệt nghị quyết đối với cán bộ đương chức và cán bộ quy hoạch thuộc diện BTV tỉnh ủy, thành ủy quản lý. Việc định kỳ giao ban chuyên đề giữa cấp ủy với Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo và các cơ quan liên quan sẽ góp phần kịp thời tháo gỡ vướng mắc, nâng cao hiệu quả triển khai nghị quyết, củng cố niềm tin của tín đồ vào Đảng, Nhà nước.

Ba là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức hội thảo, nghiên cứu khoa học và triển khai đề tài về công tác tôn giáo gắn với thực tiễn địa phương.

Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, được Đảng xác định rõ trong Nghị quyết số 25-NQ/TW và Chỉ thị số 18-CT/TW. Một trong những nội dung quan trọng là nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm cung cấp luận cứ khoa học cho công tác lãnh đạo, quản lý. Đặc biệt tại ĐBSCL, khu vực có đặc thù tôn giáo đa dạng, tỷ lệ tín đồ cao, ảnh hưởng lớn của các tổ chức tôn giáo đến đời sống xã hội - việc tổ chức hội thảo khoa học, thực hiện đề tài nghiên cứu về tôn giáo cần được tiến hành thường xuyên, bài bản. Thời gian qua, nhiều tỉnh, thành ủy như Cần Thơ, An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long... đã chủ động tổ chức các hội thảo, đề tài cấp tỉnh để phân tích thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo. Tiêu biểu như Thành ủy Cần Thơ, tỉnh ủy An Giang phối hợp với Học viện Chính trị khu vực IV tổ chức hội thảo khoa học *“Công tác tôn giáo ở Đồng bằng sông Cửu Long – Thực trạng và giải pháp”*; *“Phát huy vai trò các tôn giáo trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở tỉnh An Giang”*. Tỉnh ủy Đồng Tháp tổ chức đề tài khoa học cấp tỉnh *“Quản lý nhà nước về tôn giáo trong bối cảnh mới ở tỉnh Đồng Tháp”*; đề tài khoa học cấp tỉnh của Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh ủy Vĩnh Long *“Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác vận động đồng bào các tôn giáo ở tỉnh Vĩnh Long hiện nay”*.

Tuy nhiên, để phát huy đầy đủ vai trò này, cần xác định đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, gắn với kế hoạch công tác của cấp ủy. Hoạt động nghiên cứu phải hướng đến giải quyết những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn, không chỉ dừng ở tổng kết.

Trước hết, cần nâng cao nhận thức của cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo các ban, ngành về vai trò của nghiên cứu khoa học trong công tác tôn giáo. Việc tổ chức lớp bồi dưỡng lý luận gắn với chuyên đề tôn giáo cần được đưa vào kế hoạch đào tạo. Đồng thời, các tỉnh ủy cần chủ động xác định các chủ đề nghiên cứu sát với thực tiễn như: tôn giáo với phát triển nông nghiệp bền vững, quản lý tôn giáo trên không gian mạng, vai trò chức sắc trong xây dựng nông thôn mới... Song song đó, cần thúc đẩy hợp tác với các viện, học viện, trường đại học như Viện Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện

Chính trị khu vực IV; Trường Đại học Cần Thơ; các viện, trường của các tổ chức tôn giáo như Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer, Trường Trung cấp Phật giáo Hòa Hảo, Học viện Cao Đài, Đại Chủng viện Thánh quý Cần Thơ... để tổ chức hội thảo chuyên sâu, nâng cao chất lượng tham luận và kết nối lý luận với thực tiễn. Việc bảo đảm nguồn lực tài chính, chính sách khuyến khích nghiên cứu và cơ chế phối hợp liên ngành sẽ giúp đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn lãnh đạo, quản lý, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ổn định chính trị, phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

4.2.2. Hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo

4.2.2.1. Xác định đúng nội dung trọng tâm về công tác tôn giáo trong từng thời kỳ để tập trung lãnh đạo

Trong những năm tới, để tăng cường sự lãnh đạo công tác tôn giáo, yêu cầu hàng đầu đặt ra đối với các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL là phải xác định đúng nội dung trọng tâm công tác tôn giáo trong từng thời kỳ, làm cơ sở xây dựng nghị quyết đúng đắn, khả thi và tổ chức thực hiện hiệu quả.

Thứ nhất, cần nắm vững quan điểm, nhiệm vụ công tác tôn giáo được thể hiện trong các văn kiện của Đảng, Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, cùng những định hướng, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Đây là cơ sở để đảm bảo các nội dung trọng tâm vừa bám sát định hướng chung của Đảng, vừa phù hợp với đặc điểm, tình hình của từng địa phương trong vùng. Các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL cần quán triệt và nắm vững quan điểm, nhiệm vụ công tác tôn giáo được thể hiện trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước, nhất là Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo, cùng các chỉ thị, kết luận có liên quan. Đây là định hướng chính trị, pháp lý quan trọng, giúp cấp ủy các địa phương xác định đúng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn. Đồng thời, cần thường

xuyên cập nhật, nghiên cứu kỹ lưỡng các chỉ đạo, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Trung ương, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, coi đây là cơ sở để vận dụng linh hoạt vào điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Việc nắm chắc những định hướng này bảo đảm cho các nghị quyết, chương trình hành động về công tác tôn giáo vừa thống nhất với quan điểm, đường lối của Đảng, vừa phù hợp đặc điểm kinh tế - xã hội, văn hóa, tôn giáo của vùng. Qua đó, công tác tôn giáo sẽ được triển khai đồng bộ, hiệu quả, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội ở khu vực ĐBSCL.

Thứ hai, phải phát huy mạnh mẽ vai trò của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh, thành ủy và chính quyền, đặc biệt là Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Đây là những cơ quan có chức năng trực tiếp tham mưu, đề xuất chủ trương, giải pháp về công tác tôn giáo, đồng thời tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện. Để bảo đảm hiệu quả, các cơ quan này phải thường xuyên nắm chắc tình hình, dự báo đúng những vấn đề mới, phát sinh từ thực tiễn tôn giáo tại địa phương, từ đó kịp thời đề xuất các nội dung trọng tâm phù hợp với từng giai đoạn. Những nội dung tham mưu cần bảo đảm tính toàn diện, khoa học, sát thực tiễn và có tính khả thi cao, giúp cấp ủy ra nghị quyết, chỉ thị đúng đắn. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tham mưu, tránh chồng chéo, bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và điều hành. Việc phát huy vai trò của hệ thống tham mưu, giúp việc sẽ tạo nền tảng vững chắc cho cấp ủy các tỉnh, thành ủy ở ĐBSCL xác định và triển khai các nội dung trọng tâm về công tác tôn giáo một cách chủ động, hiệu quả và thiết thực.

Thứ ba, các tỉnh, thành ủy cần tổ chức thảo luận dân chủ, công khai và thận trọng trong việc xác định nội dung trọng tâm về công tác tôn giáo.

Trên cơ sở lắng nghe đầy đủ ý kiến, kiến nghị từ cơ sở, từ MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân, cấp ủy cần kết hợp chặt chẽ với tham mưu chuyên môn của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, Sở Dân tộc và Tôn giáo

để bảo đảm các đề xuất vừa phản ánh nguyện vọng chính đáng của quần chúng, vừa phù hợp với định hướng, quan điểm của Đảng. Việc lựa chọn các nội dung then chốt cần đưa vào nghị quyết phải được thực hiện bằng cơ chế thảo luận tập thể, phát huy trí tuệ tập thể, đi đến thống nhất cao trong Ban Thường vụ hoặc hội nghị Tỉnh, Thành ủy. Quá trình này cần diễn ra công khai, minh bạch, có cơ sở lý luận và thực tiễn rõ ràng, tránh tình trạng áp đặt hoặc hình thức. Thảo luận dân chủ không chỉ giúp xác định đúng những vấn đề trọng tâm, cấp bách, mà còn góp phần tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị, nâng cao tính khả thi và hiệu quả lãnh đạo, tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo ở các địa phương vùng ĐBSCL.

4.2.2.2. Nâng cao năng lực xây dựng và lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết về công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy ở đồng bằng sông Cửu Long

Một là, nâng cao trình độ mọi mặt, đặc biệt là tri thức về tôn giáo của từng tỉnh, thành ủy viên và cả tập thể tỉnh, thành ủy.

Việc nâng cao trình độ toàn diện, đặc biệt là tri thức về tôn giáo, là yêu cầu cấp thiết đối với từng tỉnh, thành ủy viên và tập thể tỉnh, thành ủy. Khi am hiểu sâu về tôn giáo, cán bộ cấp ủy sẽ có khả năng phân tích đúng bản chất các vấn đề, tránh nhận thức phiến diện hoặc định kiến. Điều này giúp cấp ủy có cái nhìn khoa học, khách quan hơn khi bàn thảo, quyết định những vấn đề liên quan đến công tác tôn giáo. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, chính trị và quản lý nhà nước cũng phải được nâng cao đồng bộ, để bảo đảm sự lãnh đạo có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc. Mỗi cấp ủy viên cần không ngừng học tập, bồi dưỡng kiến thức, rèn luyện bản lĩnh chính trị, kỹ năng xử lý tình huống, từ đó góp phần xây dựng tập thể cấp ủy có tầm nhìn xa, quyết sách đúng và khả thi trong công tác tôn giáo.

Hai là, nâng cao trình độ, năng lực tham gia xây dựng các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo.

Mỗi nghị quyết của tỉnh, thành ủy đều là sản phẩm trí tuệ tập thể, trong đó vai trò và trách nhiệm của từng ủy viên rất quan trọng. Do đó, cần nâng

cao trình độ, năng lực tham gia xây dựng nghị quyết của từng cấp ủy viên, đặc biệt là khả năng nghiên cứu, tổng hợp thông tin, phát hiện vấn đề và đề xuất giải pháp. Khi mỗi thành viên đều chuẩn bị kỹ lưỡng, có ý kiến phản biện rõ ràng, nghị quyết được thảo luận sẽ phản ánh được nhiều chiều cạnh, sát thực tiễn và có tính khả thi cao hơn. Bên cạnh đó, việc nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ nghiêm túc trong thảo luận và biểu quyết cũng là yếu tố quan trọng. Mỗi cấp ủy viên phải thấy rõ vai trò cá nhân trong việc hình thành nghị quyết, từ đó chủ động, sáng tạo và đóng góp thiết thực, giúp nâng cao chất lượng các quyết định về công tác tôn giáo.

Ba là, đổi mới việc chuẩn bị dự thảo nghị quyết về công tác tôn giáo của tỉnh, thành ủy.

Công tác chuẩn bị dự thảo nghị quyết giữ vai trò nền tảng, quyết định chất lượng và hiệu quả của nghị quyết sau khi được thông qua. Do đó, cần đổi mới quy trình chuẩn bị dự thảo theo hướng khoa học, chặt chẽ, gắn với khảo sát thực tiễn và tham vấn ý kiến đa dạng từ cơ sở. Việc dự thảo nghị quyết phải dựa trên cơ sở dữ liệu đầy đủ, phản ánh đúng tình hình tôn giáo tại địa phương, đồng thời có tầm nhìn dự báo những vấn đề mới phát sinh. Quy trình này cần huy động sự tham gia của nhiều cơ quan chuyên môn và đặc biệt coi trọng khâu phản biện để bảo đảm tính toàn diện, khách quan. Đổi mới chuẩn bị dự thảo không chỉ giúp cho văn bản ngắn gọn, rõ ràng, dễ thực hiện, mà còn nâng cao tính thuyết phục, đồng thuận trong toàn hệ thống chính trị. Nhờ vậy, nghị quyết khi ban hành sẽ vừa có tính khả thi, vừa có giá trị định hướng lâu dài cho công tác tôn giáo.

Bốn là, đổi mới, nâng cao chất lượng các hội nghị tỉnh, thành ủy để thảo luận quyết định nội dung nghị quyết về công tác tôn giáo.

Hội nghị tỉnh, thành ủy là nơi tập trung trí tuệ tập thể, quyết định trực tiếp đến nội dung nghị quyết. Do đó, việc đổi mới và nâng cao chất lượng hội nghị là yêu cầu cấp thiết. Trước hết, cần bảo đảm tính dân chủ trong thảo luận, khuyến khích các ý kiến đa chiều, tranh luận thẳng thắn và tôn trọng sự

khác biệt trong quan điểm. Đồng thời, mỗi ủy viên phải có sự chuẩn bị chu đáo về nội dung, nắm chắc tình hình thực tiễn để đóng góp ý kiến xác đáng. Việc điều hành hội nghị cũng cần linh hoạt, khoa học, dành thời gian hợp lý cho thảo luận những vấn đề trọng tâm. Ngoài ra, có thể ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ trình bày số liệu, phân tích tình hình, giúp việc thảo luận thêm rõ ràng và khách quan. Khi hội nghị thực sự trở thành diễn đàn phát huy trí tuệ tập thể, nghị quyết ban hành sẽ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo công tác tôn giáo trong tình hình mới.

4.2.3. Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với chính quyền trong lồng ghép công tác tôn giáo vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào có đạo là một yêu cầu quan trọng thể hiện tính toàn diện và chiều sâu trong sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo. Việc cụ thể hóa chủ trương của Đảng vào chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp ủy các cấp là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Trên cơ sở Nghị quyết số 25-NQ/TW, Văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết số 13-NQ/TW, trong đó nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm công bằng xã hội, chăm lo đời sống đồng bào tôn giáo, các tỉnh, thành ủy cần chủ động lồng ghép nội dung phát triển vùng có đông tín đồ tôn giáo vào nghị quyết, kế hoạch phát triển địa phương. Đây không chỉ là giải pháp nhằm phát huy nguồn lực xã hội trong các tôn giáo, mà còn là phương thức thiết thực để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tôn giáo trong tình hình mới. Trong thời gian tới cần tập trung:

Một là, cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông tín đồ tôn giáo trong nghị quyết, chương trình hành động của cấp ủy.

Việc cụ thể hóa chủ trương phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao đời sống đồng bào có đạo là một nội dung quan trọng thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác tôn giáo. Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp

hành Trung ương khóa IX khẳng định: “Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân, trong đó có đồng bào các tôn giáo” [2] là trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tinh thần đó tiếp tục được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng khi xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “thực hiện tiên bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân” [54, tr.203] nhất là đồng bào dân tộc, đồng bào tôn giáo. Đối với vùng ĐBSCL, Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị về phát triển toàn diện vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 yêu cầu “phát triển đồng bộ các vùng dân cư, vùng có đông đồng bào dân tộc, tôn giáo, không để ai bị bỏ lại phía sau”. Do đó, cấp ủy các tỉnh, thành vùng ĐBSCL cần chủ động đưa nội dung phát triển vùng có đông tín đồ tôn giáo vào nghị quyết, chương trình hành động hằng năm; đồng thời xác định rõ trách nhiệm của các sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trong tham mưu tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương trên địa bàn quản lý.

Hai là, ưu tiên đầu tư hạ tầng, hỗ trợ sinh kế tại các địa bàn có đông đồng bào theo đạo.

Một trong những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao đời sống tín đồ tôn giáo là tập trung đầu tư phát triển hạ tầng và hỗ trợ sinh kế tại các địa bàn có đông đồng bào theo đạo. Nghị quyết số 25-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX nhấn mạnh: “Tăng cường đầu tư và thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình mục tiêu quốc gia, đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội; đặc biệt quan tâm các vùng đông tín đồ tôn giáo” [2]. Đây không chỉ là vấn đề kinh tế - xã hội mà còn là nội dung cốt lõi trong việc củng cố niềm tin, phát huy vai trò tích cực của các tôn giáo trong đời sống xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng nhấn mạnh việc ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu tại vùng còn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, đồng thời Nghị quyết số 13-NQ/TW về phát triển vùng ĐBSCL cũng đề ra nhiệm vụ phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông

nông thôn, y tế, trường học, hệ thống cung cấp điện - nước sạch, môi trường tại các khu vực yếu thế, bao gồm vùng đồng bào có đạo. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện cho các mô hình kinh tế như hợp tác xã, tổ hợp tác, làng nghề truyền thống, khởi nghiệp của tín đồ tôn giáo được tiếp cận chính sách tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật, qua đó khuyến khích sự tham gia chủ động của tín đồ vào phát triển kinh tế cộng đồng.

Ba là, tạo điều kiện để chức sắc, tín đồ tham gia các chương trình giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và an sinh xã hội.

Thực tiễn ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL cho thấy, các chức sắc và tín đồ tôn giáo luôn tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua yêu nước, đặc biệt trong công tác xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ an sinh xã hội. Điều này phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 25-NQ/TW, trong đó nhấn mạnh yêu cầu: “Tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tôn giáo tham gia phát triển kinh tế - xã hội, từ thiện, nhân đạo, góp phần chăm lo đời sống Nhân dân” [2]. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, chính quyền cần chủ động vận động các tổ chức tôn giáo đồng hành cùng Nhà nước trong thực hiện các chương trình an sinh, như: xây dựng nhà đại đoàn kết, trao học bổng khuyến học, tổ chức khám chữa bệnh miễn phí, phát động quỹ cứu trợ thiên tai... Đồng thời, phát huy vai trò của các doanh nhân là tín đồ tôn giáo trong việc hỗ trợ cộng đồng, tài trợ học đường, cấp phát lương thực - thực phẩm cho người nghèo. Để bảo đảm tính bền vững, cần lồng ghép sự tham gia của tổ chức tôn giáo vào các chương trình mục tiêu quốc gia, như chương trình giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và tôn giáo theo định hướng của Nghị quyết số 13-NQ/TW về phát triển vùng ĐBSCL. Qua đó, tạo động lực cho tín đồ tôn giáo phát huy vai trò công dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc ngay từ cơ sở.

Bốn là, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong chính sách đất đai, tín dụng và dạy nghề cho tín đồ tôn giáo.

Một trong những rào cản ảnh hưởng đến việc nâng cao đời sống của tín đồ tôn giáo là những bất cập trong tiếp cận đất đai sản xuất, vốn vay ưu đãi và

cơ hội học nghề. Nghị quyết số 25-NQ/TW của Trung ương đã nhấn mạnh nhiệm vụ: “Tạo điều kiện cho đồng bào có đạo phát triển kinh tế, vươn lên làm giàu chính đáng, đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước” [2]. Trên tinh thần đó, các cấp ủy, chính quyền vùng ĐBSCL cần tập trung chỉ đạo tháo gỡ kịp thời những vướng mắc về chính sách tại các địa bàn có đông tín đồ. Cụ thể, cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn như Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng Chính sách xã hội với các tổ chức tôn giáo như Hội đồng giáo xứ, Ban trị sự tôn giáo để rà soát, hỗ trợ thủ tục cấp đất sản xuất, tiếp cận các gói tín dụng ưu đãi, đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu lao động tại địa phương. Đặc biệt, cần quan tâm đến thanh niên có đạo, lực lượng lao động tiềm năng nhưng còn gặp nhiều trở ngại trong tiếp cận chính sách. Song song đó, cấp ủy cần có chính sách biểu dương, khen thưởng các mô hình “giáo dân sản xuất, kinh doanh giỏi”, khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo trong cộng đồng tôn giáo. Đây là giải pháp thiết thực nhằm gắn kết kinh tế hộ gia đình với ổn định xã hội và tăng cường lòng tin của tín đồ vào chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.

Năm là, phát huy vai trò tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào theo đạo.

Tôn giáo không chỉ là hiện tượng văn hóa, tín ngưỡng mà còn là thực thể xã hội - lịch sử, có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần, nếp sống và tổ chức cộng đồng. Tại vùng ĐBSCL, nơi đa tôn giáo, đa dân tộc và mật độ tín đồ cao, tôn giáo gắn bó mật thiết với quá trình phát triển của từng địa phương. Đây là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để xác định tôn giáo là nguồn lực xã hội đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước” [55, tr.171]. Tư duy này kế thừa tinh thần Nghị quyết 25-NQ/TW, khẳng định tôn giáo không chỉ là đối tượng quản lý mà còn là đối tác phát triển, đặc biệt trong bối cảnh vùng ĐBSCL chịu tác động của biến đổi khí hậu, suy giảm nguồn nước, mất sinh kế truyền thống. Hiện nay, nhiều tổ chức tôn giáo tham gia

tích cực vào công cuộc phát triển cộng đồng: dạy nghề, xây nhà, giữ gìn vệ sinh môi trường, chuyển đổi sinh kế, sản xuất hữu cơ... Các cấp ủy cần ban hành chủ trương đồng bộ, lồng ghép nội dung “phát huy vai trò tôn giáo” vào các chương trình mục tiêu quốc gia và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Chính quyền cần định kỳ đối thoại, ghi nhận sáng kiến, đồng thời tôn vinh mô hình tiêu biểu như “Thanh niên Công giáo khởi nghiệp”, “tín đồ sản xuất giỏi”, “Thanh niên Phật giáo Nam Tông Khmer phát triển nghề truyền thống”... nhằm khơi dậy khát vọng cống hiến trong đồng bào có đạo, củng cố lòng tin và góp phần phát triển bền vững vùng ĐBSCL.

4.2.4. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy thông qua tổ chức đảng ở địa bàn có đông tín đồ và đảng viên là người có đạo; xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo

Trong công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL, việc phát huy vai trò của tổ chức đảng tại các địa bàn có đông tín đồ và đảng viên là người có đạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây là cầu nối trực tiếp giữa Đảng với đồng bào tôn giáo, là lực lượng nòng cốt góp phần vận động chức sắc, tín đồ chấp hành chủ trương, chính sách, sống “tốt đời, đẹp đạo”. Xây dựng tổ chức đảng vững mạnh ở cơ sở tôn giáo là điều kiện then chốt để tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

4.2.4.1. Phát huy vai trò của tổ chức đảng nơi có đông tín đồ tôn giáo

Thứ nhất, củng cố và nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng nơi có đông tín đồ các tôn giáo.

Củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng ở cơ sở, nhất là tại các xã, phường có đông đồng bào theo đạo là giải pháp then chốt nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác tôn giáo. Trên thực tế, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, tổ chức đảng ở những nơi có đông tín đồ còn gặp khó khăn về số lượng, chất lượng đảng viên, hoạt động chưa sâu sát với đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của Nhân dân. Vì vậy, các tỉnh, thành ủy cần chỉ đạo kiên trì toàn diện các tổ chức cơ sở đảng, đảm bảo nguyên tắc Đảng lãnh đạo toàn diện ở những địa bàn nhạy cảm về tôn giáo. Cần thực

hiện rà soát, phân loại tổ chức đảng theo từng loại hình (chi bộ nông thôn, chi bộ cơ quan, chi bộ đặc thù tôn giáo...), từ đó có giải pháp bồi dưỡng, hỗ trợ phù hợp. Đồng thời, quan tâm phát triển đội ngũ cấp ủy viên là người có uy tín trong cộng đồng tôn giáo; phân công cán bộ am hiểu công tác tuyên giáo, dân vận, tôn giáo phụ trách các địa bàn này. Quan trọng hơn, tổ chức đảng tại cơ sở cần đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, gắn nghị quyết với giải pháp cụ thể về nâng cao đời sống đồng bào có đạo, tăng cường tương tác với chức sắc, tín đồ, từ đó khẳng định vai trò hạt nhân chính trị, cầu nối giữa Đảng với Nhân dân trong vùng có tôn giáo.

Thứ hai, lồng ghép công tác tôn giáo vào nghị quyết, sinh hoạt chi bộ.

Việc lồng ghép nội dung công tác tôn giáo vào quá trình xây dựng nghị quyết và sinh hoạt chi bộ định kỳ là yêu cầu quan trọng nhằm phát huy đầy đủ vai trò của tổ chức đảng trong việc nắm bắt, định hướng và vận động quần chúng tín đồ. Đặc biệt tại các xã, phường, ấp, khóm có đông tín đồ các tôn giáo, sinh hoạt chi bộ không thể tách rời các vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, đời sống tinh thần, tập tục văn hóa của người dân. Vì vậy, các chi bộ cần đưa nội dung nắm bắt tình hình tôn giáo, phản ánh kiến nghị của tín đồ, cập nhật chính sách pháp luật về tôn giáo vào chương trình làm việc thường xuyên. Bên cạnh đó, cần tổ chức sinh hoạt chuyên đề về công tác tôn giáo, dân vận tôn giáo, nhất là gắn với các văn kiện của Đảng như Nghị quyết số 25-NQ/TW, Chỉ thị số 18-CT/TW, Kết luận số 19-KL/TW, Văn kiện Đại hội Đảng và các nghị quyết của cấp ủy địa phương. Qua đó, không chỉ nâng cao nhận thức của đảng viên, mà còn giúp chi bộ đưa ra các nghị quyết phù hợp, thiết thực với đời sống thực tế tại địa bàn có đạo. Đây cũng là điều kiện để gắn kết tổ chức đảng với tổ chức tôn giáo, tạo môi trường đối thoại, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tăng cường lòng tin của tín đồ vào chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng ngay từ cơ sở.

Thứ ba, tăng cường trách nhiệm của bí thư chi bộ và đảng ủy xã, phường trong công tác tôn giáo.

Bí thư chi bộ và đảng ủy xã, phường giữ vai trò then chốt trong việc

lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác tôn giáo ở cơ sở. Trên thực tế, hiệu quả công tác tôn giáo ở các địa bàn có đông tín đồ phụ thuộc rất lớn vào bản lĩnh chính trị, trình độ nhận thức và phương pháp vận động quần chúng của người đứng đầu cấp ủy. Vì vậy, cần tăng cường bồi dưỡng kiến thức về công tác dân vận, công tác tôn giáo cho đội ngũ bí thư chi bộ, đảng ủy viên xã, phường, nhất là tại những địa bàn có tình hình tôn giáo phức tạp. Việc này cần được thực hiện thông qua các lớp tập huấn chuyên đề, cập nhật chính sách pháp luật mới về tôn giáo, kỹ năng đối thoại và xử lý tình huống nhạy cảm tại cơ sở. Đồng thời, cấp ủy cấp trên cần phân công cụ thể cán bộ cấp ủy xã, phường phụ trách các ấp, khóm, khu phố có đông tín đồ để duy trì sự hiện diện thường xuyên của tổ chức đảng. Định kỳ tổ chức các cuộc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp giữa bí thư chi bộ với đại diện tổ chức tôn giáo nhằm lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, tháo gỡ kịp thời các vấn đề nảy sinh trong quá trình hành đạo, sinh hoạt tín ngưỡng. Qua đó, góp phần phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo của chi bộ, xây dựng thế trận lòng dân vững chắc trong các vùng có đạo.

4.2.4.2. Xây dựng và phát huy vai trò đảng viên là người có đạo

Một là, phát hiện, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên là tín đồ tích cực, gương mẫu trong cộng đồng tôn giáo.

Phát triển đảng viên là tín đồ gương mẫu là yêu cầu khách quan, thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng về tự do tín ngưỡng và chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Quy định số 123-QĐ/TW và Quy định số 06-QĐ/TW xác định: việc tuyển chọn, kết nạp những tín đồ tiêu biểu, gương mẫu trong chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức xây dựng Đảng ở vùng có đông đồng bào theo đạo. Tại vùng ĐBSCL, nhiều thanh niên, chức sắc trẻ là tín đồ đã và đang khẳng định vai trò trong phong trào thi đua yêu nước, hoạt động cộng đồng, có phẩm chất đạo đức tốt và tinh thần cầu tiến. Đây là nguồn lực quý báu cần được phát hiện, bồi dưỡng và rèn luyện để kết nạp vào Đảng. Cấp ủy cần xây dựng tiêu chí cụ thể, đảm bảo đúng quy trình, tiêu chuẩn, đồng thời

khắc phục định kiến về tín ngưỡng trong phát triển đảng viên. Việc tổ chức lớp bồi dưỡng cảm tình Đảng cho tín đồ nên lồng ghép nội dung về chính sách tôn giáo và đạo đức cách mạng. Qua đó, hình thành đội ngũ đảng viên là người có đạo tiêu biểu, vừa là hạt nhân chính trị ở cơ sở, vừa là cầu nối quan trọng trong vận động đồng bào tôn giáo chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Hai là, phát huy vai trò đảng viên là người có đạo trong công tác vận động quần chúng tín đồ.

Đảng viên là người có đạo, nếu được rèn luyện tốt, sẽ trở thành cầu nối hiệu quả giữa tổ chức đảng với cộng đồng tín đồ. Họ có ưu thế đặc biệt về hiểu biết giáo lý, phong tục và có uy tín tự nhiên trong cộng đồng, nhờ đó có khả năng vận động, tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào tôn giáo một cách gần gũi, thuyết phục. Đây chính là yêu cầu đặt ra trong tình hình hiện nay nhằm nâng cao chất lượng công tác dân vận, phát huy nội lực từ bên trong cộng đồng có đạo. Cấp ủy các cấp cần phân công đảng viên là người có đạo phụ trách các địa bàn dân cư, nhóm tín đồ hoặc giáo khu phù hợp với khả năng, uy tín và điều kiện sinh hoạt của họ. Đồng thời, tạo điều kiện để đội ngũ này tham gia sinh hoạt tôn giáo trong khuôn khổ pháp luật, qua đó nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, góp phần định hướng dư luận, giải tỏa những băn khoăn, nghi kỵ về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Cần tổ chức định kỳ sơ kết, biểu dương các điển hình đảng viên là người có đạo tiêu biểu, từ đó nhân rộng mô hình “đảng viên dân vận khéo”, “đảng viên sống tốt đời, đẹp đạo” trong các tôn giáo, góp phần củng cố niềm tin của tín đồ vào sự lãnh đạo của Đảng tại cơ sở.

Ba là, xây dựng cơ chế bảo vệ, phát huy vai trò và uy tín chính trị - xã hội của đảng viên là người có đạo.

Đề đảng viên là người có đạo thực sự phát huy vai trò, ngoài việc chú trọng bồi dưỡng chính trị, đạo đức và giao nhiệm vụ phù hợp, cấp ủy cần xây dựng cơ chế bảo vệ họ khỏi những định kiến, hiểu nhầm hoặc sự phân biệt vô hình trong tổ chức và ngoài xã hội. Thực tế tại một số địa phương vùng

ĐBSCL cho thấy, đảng viên là tín đồ đôi khi bị đặt vào vị thế khó xử giữa yêu cầu tổ chức và mối quan hệ cộng đồng tín ngưỡng, nếu không có sự định hướng kịp thời từ tổ chức đảng thì dễ dẫn đến tâm lý dè dặt, thậm chí thụ động trong hoạt động chính trị - xã hội. Trên cơ sở đó, cấp ủy các cấp cần tổ chức đối thoại định kỳ để lắng nghe và giải quyết các khó khăn của đảng viên là người có đạo, nhất là các vấn đề liên quan đến sinh hoạt tôn giáo, định hướng dư luận và các mối quan hệ cộng đồng. Cần đưa nội dung phát huy vai trò đảng viên là người có đạo vào chương trình kiểm tra, giám sát của cấp ủy và cơ quan tổ chức xây dựng Đảng. Đồng thời, khuyến khích các đảng viên có đạo tham gia ứng cử vào HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội, nhằm khẳng định uy tín cá nhân và đóng góp thiết thực vào xây dựng chính quyền, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc tại cơ sở.

4.2.4.3. Tăng cường vận động chức sắc, tín đồ, xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo

Một là, xây dựng đội ngũ nòng cốt trong các tôn giáo để đồng hành cùng Đảng, chính quyền.

Xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo là chủ trương đúng đắn, thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng trong công tác vận động quần chúng, góp phần củng cố niềm tin tín đồ và tăng cường gắn kết đạo - đời. Việc lựa chọn, bồi dưỡng chức sắc, nhà tu hành có uy tín, yêu nước, gắn bó với dân tộc để tham gia phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là yêu cầu cấp thiết. Tại vùng ĐBSCL, đội ngũ chức sắc uy tín giữ vai trò định hướng tư tưởng, duy trì trật tự và góp phần ổn định xã hội trong cộng đồng tôn giáo. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền cần xác định đây là nhiệm vụ thường xuyên, gắn với công tác dân vận và tôn giáo. Cần xây dựng tiêu chí lựa chọn rõ ràng, ưu tiên những chức sắc có đạo đức tốt, ảnh hưởng tích cực, sẵn sàng đồng hành cùng Đảng, Nhà nước trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức. Đồng thời, cần bố trí cán bộ dân vận chuyên trách, am hiểu tôn giáo, hỗ trợ chức sắc nòng cốt làm tốt vai trò cầu nối giữa chính quyền và đồng bào có đạo.

Hai là, tăng cường đối thoại, phối hợp với các tổ chức tôn giáo trong công tác vận động tín đồ.

Trong điều kiện xã hội đa tôn giáo như vùng ĐBSCL, duy trì đối thoại định kỳ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo có ý nghĩa quan trọng nhằm tháo gỡ vướng mắc, tăng cường hiểu biết và định hướng hoạt động tôn giáo theo pháp luật. Đây cũng là dịp để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của chức sắc, tín đồ, từ đó điều chỉnh chính sách phù hợp thực tiễn. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Vận động, đoàn kết, tập hợp các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ sống ‘tốt đời, đẹp đạo’, đóng góp tích cực cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [55, tr.171]. Do đó, các cấp ủy, chính quyền cần chủ động tổ chức hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc với đại diện các tổ chức tôn giáo để trao đổi, phối hợp vận động tín đồ theo hướng tự giác, thuyết phục. Đồng thời, phát huy vai trò trung gian của MTTQ và các đoàn thể trong duy trì quan hệ hài hòa với tôn giáo; khuyến khích tổ chức tôn giáo đề xuất sáng kiến tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đạo đức, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa mới, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, vận động chức sắc tham gia phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ Tổ quốc

Vận động chức sắc tôn giáo tham gia phong trào thi đua yêu nước, bảo vệ Tổ quốc là nội dung quan trọng trong công tác tôn giáo hiện nay. Nghị quyết số 25-NQ/TW xác định: “Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng” và phải “động viên đồng bào nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức bảo vệ độc lập và thống nhất của Tổ quốc...” [3]. Thực tiễn vùng ĐBSCL cho thấy, nhiều chức sắc, nhà tu hành uy tín đã phối hợp hiệu quả với chính quyền, MTTQ và các đoàn thể trong các hoạt động như bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh, khắc phục thiên tai, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng nông thôn mới. Cấp ủy, chính quyền cần khuyến khích tổ chức tôn giáo phát động thi đua trong tín đồ với các nội dung cụ thể: giữ gìn an ninh thôn xóm, vệ sinh môi trường, tiết kiệm tài nguyên, phát triển sản xuất bền vững. Đồng thời, kịp thời tôn vinh, khen thưởng các chức sắc tiêu biểu,

nhất là những người đi đầu trong xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, bảo vệ chủ quyền quốc gia, qua đó khơi dậy trách nhiệm công dân và tăng cường gắn bó giữa cộng đồng tôn giáo với Đảng, Nhà nước.

4.2.5. Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội; chủ động phòng, chống lợi dụng tôn giáo, bảo vệ an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

4.2.5.1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền các cấp

Một là, rà soát, hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo phù hợp với đặc thù vùng ĐBSCL; nâng cao chất lượng công tác thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành chính sách pháp luật khả thi.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là điều kiện tiên quyết để QLNN hiệu quả và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Tuy nhiên, ở vùng ĐBSCL, nhiều quy định hướng dẫn còn chưa phù hợp với đặc thù dân cư đa tộc người, đa tôn giáo và điều kiện kinh tế - xã hội phân hóa giữa nông thôn, đô thị và khu vực biên giới. Do đó, cần tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tín ngưỡng, tôn giáo năm 2016 theo hướng cụ thể, dễ áp dụng, sát với thực tiễn. Trọng tâm là tháo gỡ các vướng mắc về đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung, cấp phép hoạt động, công nhận tổ chức, xây dựng cơ sở thờ tự... Đồng thời, cần nâng cao năng lực thể chế hóa các nghị quyết, nhất là Nghị quyết 25-NQ/TW, Chỉ thị 18-CT/TW và Văn kiện Đại hội XIII thành chính sách pháp luật khả thi. Các tỉnh, thành ủy cần lãnh đạo chính quyền thực hiện đồng bộ pháp luật, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Đây là yêu cầu xuyên suốt nhằm tăng cường pháp quyền XHCN và khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với công tác tôn giáo.

Hai là, tăng cường vai trò chủ động, trách nhiệm của chính quyền cấp cơ sở trong nắm bắt tình hình tôn giáo, giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh,

không dễ bị động, bất ngờ về an ninh tôn giáo.

Chính quyền cấp cơ sở ở vùng ĐBSCL, là lực lượng trực tiếp tiếp cận với tín đồ, chức sắc và các hoạt động tôn giáo thường nhật. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít nơi còn thụ động trong phát hiện và xử lý tình huống, thiếu chủ động trong tiếp cận thông tin và dự báo vấn đề. Do đó, cần tăng cường năng lực nắm bắt tình hình tôn giáo theo hướng thường xuyên, sâu sát, chính xác, thông qua nhiều kênh như dân vận, an ninh cơ sở, báo cáo từ MTTQ và các đoàn thể. Cần phát huy vai trò người đứng đầu UBND xã, phường trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ QLNN về tôn giáo, gắn trách nhiệm cá nhân với kết quả giải quyết vụ việc phát sinh tại địa bàn. Đồng thời, cần ban hành cơ chế giao trách nhiệm cụ thể cho cán bộ phụ trách tôn giáo ở cơ sở, bảo đảm đủ quyền hạn, phương tiện và nguồn lực để chủ động xử lý. Việc tăng cường chủ động ở cơ sở là một trong những nội dung then chốt để “không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống”, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong điều kiện mới.

Ba là, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chính quyền làm công tác tôn giáo, nhất là ở phường, xã có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên, sát với thực tiễn và yêu cầu phát triển.

Đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo là lực lượng then chốt triển khai đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước tại cơ sở. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, tình trạng cán bộ kiêm nhiệm, thiếu chuyên môn, chưa am hiểu đặc điểm tôn giáo và tâm lý tín đồ vẫn còn phổ biến, dẫn đến lúng túng trong xử lý tình huống phát sinh. Do đó, cần xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng đội ngũ theo hướng chuyên nghiệp, am hiểu cả chính sách và thực tiễn địa phương. Trước hết, cần rà soát, quy hoạch cán bộ chuyên trách ở các cấp; bố trí những người có phẩm chất chính trị vững, trách nhiệm cao, kỹ năng giao tiếp và xử lý tình huống tốt. Đồng thời, thiết lập cơ chế đào tạo, bồi dưỡng định kỳ với nội dung cập nhật, sát thực tiễn, bao gồm kiến thức pháp luật, nghiệp vụ QLNN và kỹ năng dân vận trong

vùng có đạo. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ phẩm chất, năng lực và uy tín là điều kiện tiên quyết để nâng cao hiệu quả quản lý và giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở trong lĩnh vực tôn giáo.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền với cơ quan chuyên trách về dân tộc - tôn giáo, công an, quân sự, tư pháp, y tế... trong quản lý các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, xử lý linh hoạt các tình huống phức tạp nảy sinh.

Tôn giáo là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan trực tiếp đến an ninh chính trị, trật tự xã hội, văn hóa, dân sinh và quan hệ đối ngoại. Do đó, công tác quản lý tôn giáo không thể thực hiện đơn lẻ, mà cần có sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền và các cơ quan chức năng. Trong bối cảnh hiện nay, cần xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành thực chất, rõ trách nhiệm, quy trình và phương pháp hành động. Chính quyền địa phương cần chủ trì thiết lập cơ chế phối hợp định kỳ giữa các ngành: dân tộc, tôn giáo, công an, quân sự, tư pháp, y tế, thông tin - truyền thông... nhằm chia sẻ thông tin, xử lý sự kiện tôn giáo, giải quyết vụ việc phát sinh và tham mưu chính sách. Việc này cần được thể chế bằng quy chế phối hợp cụ thể, có phân công đầu mối, kế hoạch hành động, đánh giá kết quả và sơ kết hằng năm. Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả là bước cụ thể hóa yêu cầu phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị và toàn xã hội, nhằm triển khai hiệu quả chính sách dân tộc, tôn giáo và giữ vững ổn định địa phương.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về tôn giáo.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và định hướng xây dựng Chính phủ số, ứng dụng công nghệ thông tin trong QLNN về tôn giáo là xu thế tất yếu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phục vụ nhân dân. Tại vùng ĐBSCL nơi có nhiều loại hình tôn giáo, địa bàn rộng và phân tán - số hóa thông tin giúp nắm bắt tình hình, dự báo nguy cơ, phòng ngừa vi phạm pháp luật liên quan đến tôn giáo. Trước hết, cần xây dựng cơ sở dữ liệu số về tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ, cơ sở thờ tự, lễ hội... đảm bảo cập nhật chính xác, đầy đủ và bảo mật. Thông qua đó, chính quyền có thể cấp phép, giám sát, phối hợp xử lý vụ việc hiệu quả, minh bạch. Đồng thời, cần

nâng cao năng lực số cho cán bộ làm công tác tôn giáo, nhất là cấp huyện, xã; đầu tư hạ tầng phù hợp với vùng nông thôn, biên giới. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tôn giáo cần gắn với chương trình cải cách hành chính và chuyển đổi số quốc gia, tạo nền tảng hiện đại hóa quản lý, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của bộ máy chính quyền.

4.2.5.2. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và tổ chức quần chúng trong công tác tôn giáo

Một là, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

MTTQ là lực lượng nòng cốt trong việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đồng bào tôn giáo. Tại các địa bàn có đông tín đồ, việc củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban công tác Mặt trận là yếu tố then chốt để gắn kết tôn giáo với cộng đồng. Cần rà soát, kiện toàn MTTQ, bảo đảm có thành phần đại diện các giới, chức sắc, người có uy tín trong tôn giáo, góp phần phản ánh trung thực tâm tư, nguyện vọng của đồng bào có đạo. Đồng thời, cần tăng cường sự phối hợp giữa MTTQ với chính quyền, các tổ chức đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ giám sát, vận động, hòa giải và phản biện xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc ngay từ cơ sở. Do đó, việc củng cố Ban công tác Mặt trận tại địa bàn có tôn giáo là nhiệm vụ vừa cấp thiết, vừa mang tính chiến lược trong giữ gìn ổn định chính trị - xã hội tại cơ sở.

Hai là, đổi mới nội dung, phương thức vận động quần chúng có đạo theo hướng linh hoạt, tôn trọng đặc thù tôn giáo; tăng cường tiếp xúc, đối thoại, giải thích, tạo sự đồng thuận và gắn bó giữa tín đồ với tổ chức đoàn thể.

Trong bối cảnh tôn giáo ngày càng ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội, công tác vận động quần chúng có đạo cần được đổi mới mạnh mẽ về nội dung và phương thức. Trước hết, cần tôn trọng niềm tin tôn giáo chính đáng, tránh áp đặt hành chính hay làm thay tín đồ, mà tập trung khơi dậy tinh thần yêu nước, trách nhiệm công dân trong mỗi người theo đạo. Cần chuyển từ “thuyết phục một chiều” sang “đối thoại, giải thích, đồng hành” - cách tiếp

cận nhân văn, sát thực tiễn. Tiếp xúc trực tiếp với chức sắc, tín đồ giúp nắm bắt tâm tư, tháo gỡ vướng mắc và xây dựng lòng tin. Tại vùng ĐBSCL, nơi tín ngưỡng gắn bó sâu sắc với văn hóa địa phương, vận động tôn giáo cần kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại. Các tổ chức đoàn thể nên tổ chức gặp gỡ định kỳ với đồng bào có đạo thông qua các hoạt động cộng đồng như hội nghị, ngày hội đại đoàn kết, sinh hoạt theo khu vực. Đây là cách cụ thể hóa phương châm “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” trong công tác tôn giáo - nguyên tắc xuyên suốt tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng.

Ba là, lồng ghép công tác tôn giáo vào các phong trào thi đua yêu nước, chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; chú trọng biểu dương cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng tôn giáo.

Để phát huy vai trò của đồng bào tôn giáo trong phát triển đất nước, cần chủ động lồng ghép công tác tôn giáo vào các phong trào thi đua yêu nước, hoạt động cộng đồng và chương trình mục tiêu quốc gia. Đồng bào có đạo là lực lượng xã hội tích cực, nếu được huy động đúng hướng, sẽ góp phần xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở. Các tổ chức đoàn thể cần phối hợp với MTTQ và chính quyền triển khai các mô hình như: “tôn giáo tham gia bảo vệ môi trường”, “khu dân cư không có tội phạm”, “giáo xứ an toàn về an ninh trật tự”... gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Đồng thời, cần quan tâm phát hiện, biểu dương, nhân rộng các cá nhân tiêu biểu là chức sắc, tín đồ gương mẫu trong thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Việc lồng ghép này không chỉ nâng cao hiệu quả các chương trình phát triển bền vững ở địa phương, mà còn khẳng định vai trò tích cực của tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đúng với định hướng của Đảng trong tình hình mới.

Bốn là, tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ MTTQ và đoàn thể về nghiệp vụ công tác tôn giáo; bố trí cán bộ có uy tín, am hiểu tôn giáo làm nhiệm vụ dân vận trong vùng đồng bào có đạo.

Cán bộ MTTQ và các đoàn thể là lực lượng nòng cốt trong công tác

dân vận, trong đó có vận động tín đồ tôn giáo. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL, đội ngũ này còn thiếu kiến thức chuyên môn về tôn giáo, kỹ năng vận động và phương pháp tiếp cận phù hợp. Do đó, cần xây dựng chương trình bồi dưỡng chuyên sâu, thường xuyên về công tác tôn giáo cho cán bộ Mặt trận, đoàn thể, đặc biệt ở cấp xã, phường. Nội dung cần bao gồm pháp luật tôn giáo, phong tục tập quán, lễ nghi, tâm lý tín đồ, kỹ năng đối thoại và xử lý tình huống tại vùng có đạo. Lớp bồi dưỡng nên gắn với thực tiễn địa phương, có sự tham gia của chức sắc, người có uy tín để tăng tính thực tế và gắn kết cộng đồng. Đồng thời, cần bố trí cán bộ dân vận am hiểu tôn giáo, có uy tín, kỹ năng giao tiếp tốt, làm đầu mối kết nối giữa chính quyền, đoàn thể và đồng bào có đạo. Đây là yêu cầu cấp thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương “xây dựng đội ngũ cán bộ dân vận có tâm, có tầm, sát cơ sở” theo tinh thần Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3/6/2013, Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) *“về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”*.

Năm là, phát huy vai trò Mặt trận và các tổ chức đoàn thể trong giám sát, phản biện xã hội, kịp thời phát hiện và đấu tranh với các biểu hiện vi phạm pháp luật, lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc.

Một trong những chức năng quan trọng của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội là giám sát và phản biện xã hội. Trong lĩnh vực tôn giáo, chức năng này càng có ý nghĩa đặc biệt, góp phần ngăn chặn sớm các biểu hiện vi phạm pháp luật hoặc lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước. Thực tiễn vùng ĐBSCL cho thấy, một số hành vi lợi dụng tôn giáo thường núp bóng từ thiện, hoạt động xã hội hoặc kích động mâu thuẫn nội bộ, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Do đó, cần phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của MTTQ và các đoàn thể trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về tôn giáo; theo dõi, phát hiện sớm biểu hiện bất thường, kịp thời báo cáo cấp ủy, chính quyền xử lý. Đồng thời, cần tổ chức phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, văn bản pháp luật liên quan đến tôn giáo, bảo đảm sát thực tiễn và phù hợp nguyện vọng tín

đồ. Việc nâng cao vai trò giám sát, phản biện sẽ góp phần củng cố lòng tin nhân dân, bảo đảm minh bạch, khách quan trong thực hiện chính sách, đúng định hướng Nhà nước pháp quyền XHCN.

4.2.5.3. Tăng cường sự lãnh đạo trong phòng, chống lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch, bảo vệ an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc

Một là, nâng cao nhận thức chính trị, cảnh giác cách mạng của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về âm mưu, thủ đoạn lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch.

Trước bối cảnh các thế lực thù địch lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt tại vùng ĐBSCL - nơi tập trung đông tín đồ Phật giáo Nam Tông Khmer, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành..., việc nâng cao nhận thức chính trị, cảnh giác cách mạng là yêu cầu cấp thiết. Các âm mưu truyền đạo trái phép, kích động ly khai, tuyên truyền xuyên tạc đang ngày càng tinh vi. Vì vậy, cấp ủy, chính quyền các cấp cần quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị; lồng ghép nội dung nhận diện “diễn biến hòa bình”, “tự chuyển hóa” vào tập huấn, sinh hoạt chi bộ, tuyên truyền cơ sở. Đồng thời, đổi mới hình thức tuyên truyền phù hợp từng đối tượng, phát huy vai trò chức sắc, người có uy tín trong cộng đồng tôn giáo và dân tộc. Việc chủ động trang bị kiến thức tư tưởng - chính trị sẽ tạo “lá chắn mềm” trước các âm mưu xuyên tạc, giữ vững ổn định và lòng tin của đồng bào có đạo.

Hai là, tăng cường công tác nắm tình hình, phân tích, dự báo các biểu hiện phức tạp liên quan đến tôn giáo gắn với an ninh chính trị.

Nắm tình hình, dự báo và xử lý kịp thời các yếu tố phức tạp liên quan đến tôn giáo là yêu cầu chiến lược nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Ở vùng ĐBSCL, nơi đa tôn giáo, đa dân tộc, gần đây xuất hiện nhiều biểu hiện đáng lo ngại: truyền đạo trái phép, tổ chức tôn giáo không đăng ký, xuyên tạc chính sách, mạo danh tôn giáo kích động khiêu khích, chia rẽ tín đồ với chính quyền - đặc biệt tại địa bàn có đông đồng bào Khmer theo Phật giáo

Nam Tông, tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần chỉ đạo lực lượng công an, dân vận, MTTQ, các đoàn thể cơ sở phối hợp chặt chẽ trong thu thập, xử lý thông tin. Đồng thời, cần ứng dụng công nghệ số để xây dựng bản đồ tôn giáo, cập nhật dữ liệu tổ chức, nhân sự, địa điểm sinh hoạt đạo, phục vụ dự báo và ứng phó kịp thời với các tình huống tôn giáo phức tạp phát sinh, phù hợp yêu cầu bảo vệ an ninh trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật và cơ chế xử lý vi phạm liên quan đến hành vi lợi dụng tôn giáo.

Hoàn thiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh hội nhập và phát triển, nhằm phòng ngừa, xử lý hiệu quả hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước. Ở vùng ĐBSCL, một số vi phạm như truyền đạo trái phép, lập tổ chức tôn giáo trái phép, lấn chiếm đất đai tôn giáo, xây dựng cơ sở thờ tự không phép vẫn chưa được xử lý nghiêm, do thiếu cơ chế giám sát và phối hợp liên ngành. Cần tiếp tục rà soát, bổ sung các quy định pháp luật theo hướng rõ ràng, khả thi; đặc biệt quy định cụ thể hành vi lợi dụng tôn giáo xâm phạm lợi ích quốc gia, chia rẽ khối đại đoàn kết. Song song, cần xác định rõ trách nhiệm từng cấp, từng ngành trong xử lý vi phạm, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ giữa công an, tư pháp, Sở Dân tộc và Tôn giáo, chính quyền địa phương. Việc xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội sẽ góp phần răn đe, tạo môi trường ổn định và củng cố niềm tin của nhân dân vào pháp luật, chính quyền.

Bốn là, đổi mới công tác tuyên truyền, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, lợi dụng tôn giáo trên không gian mạng và trong thực tiễn xã hội.

Không gian mạng đang trở thành mặt trận trọng yếu mà các thế lực thù địch lợi dụng để xuyên tạc chính sách tôn giáo, kích động chia rẽ dân tộc, gây mất ổn định ở vùng ĐBSCL. Một số tài khoản ẩn danh đã phát tán tin giả như “đàn áp tôn giáo”, “xâm phạm đất đai tôn giáo”, vu cáo chính quyền, làm ảnh hưởng đến tâm lý tín đồ, chức sắc. Trước tình hình đó, các tỉnh, thành ủy cần đổi mới công tác tuyên truyền chính sách tôn giáo theo hướng thiết thực, dễ tiếp cận; đồng thời ứng dụng công nghệ số, mạng xã hội để lan tỏa thông tin

chính thống. Cần thành lập nhóm chuyên trách đấu tranh trên không gian mạng, phối hợp giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Dân tộc và Tôn giáo, công an và báo chí nhằm vạch trần luận điệu phản động. Đồng thời, phát huy vai trò của chức sắc, trí thức tôn giáo, người có uy tín trong tuyên truyền phản bác tại cộng đồng, góp phần giữ vững ổn định tư tưởng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nhằm là, phát huy vai trò của MTTQ, các đoàn thể và chức sắc, tín đồ tiêu biểu trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phòng chống lợi dụng tôn giáo.

Tại vùng ĐBSCL, tôn giáo không chỉ là nhu cầu tín ngưỡng mà còn là nguồn lực văn hóa - xã hội quan trọng trong củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chức sắc, tín đồ tiêu biểu, đặc biệt trong các tôn giáo như Phật giáo Nam Tông Khmer, Phật giáo Hòa Hảo, Cao Đài, Công giáo, Tin Lành... có ảnh hưởng sâu rộng trong cộng đồng. Việc phát huy vai trò của họ trong phòng, chống lợi dụng tôn giáo là giải pháp nền tảng. Các tỉnh, thành ủy cần chỉ đạo MTTQ và các đoàn thể đẩy mạnh vận động chức sắc, tín đồ thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đồng thời phát hiện, phản ánh các hành vi lợi dụng tôn giáo gây chia rẽ dân tộc. Cần mở rộng các diễn đàn “Tôn giáo với cuộc sống”, “Chức sắc đồng hành cùng dân tộc”, lồng ghép nội dung đấu tranh vào các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong đồng bào có đạo, từ đó khơi dậy vai trò chủ thể của tín đồ trong bảo vệ sự ổn định, đoàn kết và phát triển bền vững của vùng.

4.2.6. Kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới công tác cán bộ và hoàn thiện cơ chế phối hợp dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong công tác tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

4.2.6.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy và phát huy vai trò các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc tỉnh, thành ủy trong công tác tôn giáo

Một là, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên trách về công tác tôn giáo theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả

Tổ chức bộ máy chuyên trách là lực lượng nòng cốt triển khai chủ trương, chính sách tôn giáo đến thực tiễn. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương

vùng ĐBSCL, cơ quan chuyên trách về công tác tôn giáo vẫn còn phân tán, thiếu đồng bộ, tình trạng kiêm nhiệm, giao việc nhưng không đủ nguồn lực vẫn phổ biến, nhất là ở cấp huyện, xã. Một số địa phương sau sáp nhập đơn vị hành chính chưa hoàn thiện đầu mối tổ chức, làm giảm hiệu quả phối hợp và triển khai chính sách tại cơ sở. Trên cơ sở đó, cần tiến hành rà soát, sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan như Ban Tuyên giáo và Dân vận, Sở Dân tộc và Tôn giáo... theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, rõ chức năng. Cấp xã, phường nơi tiếp xúc trực tiếp với tín đồ và cơ sở thờ tự cần xác định rõ trách nhiệm của Phòng Văn hóa - Xã hội trong theo dõi, phối hợp xử lý tình huống liên quan đến tôn giáo. Đồng thời, cấp ủy cần có cơ chế chỉ đạo thống nhất và chính sách đãi ngộ phù hợp cho cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách, tạo điều kiện nâng cao năng lực và trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Hai là, thống nhất mô hình tổ chức và nâng cao vai trò tham mưu của cơ quan chuyên trách về công tác tôn giáo sau sáp nhập.

Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đặt ra yêu cầu cấp thiết về hoàn thiện mô hình tổ chức các cơ quan chuyên trách. Hiện nay, các địa phương vùng ĐBSCL đã thành lập Sở Dân tộc và Tôn giáo, song việc phân định nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế phối hợp vẫn còn lúng túng, dẫn đến nguy cơ chồng chéo hoặc bỏ sót chức năng. Để khắc phục, cần có hướng dẫn thống nhất về mô hình tổ chức, cơ cấu, chức năng, biên chế và mối quan hệ công tác của cơ quan chuyên trách về tôn giáo. Mô hình cần phù hợp đặc điểm dân cư, tín ngưỡng của từng địa phương; bảo đảm không trùng lặp với Ban Tuyên giáo và Dân vận, công an, tư pháp. Cùng với đó, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa cơ quan chuyên trách với các sở, ban, ngành của UBND tỉnh, thành phố và phòng chuyên môn xã, phường nhằm bảo đảm tính liên thông, nhất quán trong quản lý. Việc phát huy hiệu quả cơ quan tham mưu, giúp việc trong công tác tôn giáo sẽ góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của cấp ủy trong xử lý các vấn đề xã hội nhạy cảm tại địa phương.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với cơ quan chuyên trách

và đầu tư hiện đại hóa công cụ phục vụ công tác tôn giáo.

Sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy là yếu tố quyết định hiệu quả hoạt động của cơ quan chuyên trách về công tác tôn giáo. Tuy nhiên, tại một số địa phương vùng ĐBSCL, vẫn còn tình trạng chỉ đạo hình thức, thiếu kiểm tra, giám sát, chưa gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện chính sách tôn giáo. Để khắc phục, cấp ủy cần chỉ đạo chặt chẽ công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch, kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ và đưa tiêu chí đánh giá hiệu quả công tác tôn giáo vào đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đồng thời, cần đầu tư cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số về tổ chức tôn giáo, chức sắc, cơ sở thờ tự, tình hình an ninh tôn giáo... tại các cơ quan chuyên trách, đặc biệt ở cấp tỉnh và huyện. Việc cập nhật dữ liệu định kỳ sẽ hỗ trợ công tác dự báo, tham mưu và xử lý tình huống nhanh chóng, hiệu quả, phù hợp yêu cầu hiện đại hóa chính quyền trong bối cảnh chuyển đổi số.

4.2.6.2. Xây dựng, bồi dưỡng và phát huy đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới

Một là, nâng cao chất lượng công tác tuyển chọn, quy hoạch và sử dụng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo.

Tuyển chọn và quy hoạch cán bộ làm công tác tôn giáo là khâu then chốt bảo đảm chất lượng đội ngũ tham mưu, tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng về tôn giáo. Tuy nhiên, ở vùng ĐBSCL hiện nay, việc lựa chọn cán bộ chuyên trách về tôn giáo vẫn còn bị động, chủ yếu dựa vào kiêm nhiệm hoặc điều động ngắn hạn, thiếu tính bền vững. Cần xác lập các tiêu chí tuyển chọn rõ ràng, chú trọng phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn và hiểu biết thực tiễn về dân tộc, tôn giáo. Ưu tiên cán bộ có kinh nghiệm công tác ở cơ sở, am hiểu phong tục tập quán, có kỹ năng vận động quần chúng và khả năng ứng xử linh hoạt. Song song đó, cần xây dựng kế hoạch quy hoạch đội ngũ theo hướng kế thừa, phát triển, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả bố trí, sử dụng cán bộ. Chính sách đãi ngộ, cơ hội đào tạo, thăng tiến cần được đảm bảo để thu hút và giữ chân cán bộ có

năng lực. Việc này không chỉ góp phần ổn định đội ngũ, mà còn tạo điều kiện để cán bộ gắn bó lâu dài, chủ động học hỏi, phát triển chuyên sâu trong lĩnh vực tôn giáo một lĩnh vực đặc thù, nhạy cảm và có tầm ảnh hưởng xã hội ngày càng lớn.

Hai là, tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, sát thực tiễn cho cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở.

Việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách về tôn giáo cần được thực hiện một cách hệ thống, thực chất và phù hợp với điều kiện đặc thù vùng ĐBSCL. Thực tế cho thấy, nhiều cán bộ đang thiếu kiến thức lý luận cơ bản về chính trị, chủ trương của Đảng, pháp luật tín ngưỡng - tôn giáo, kỹ năng dân vận và giải quyết các tình huống thực tiễn. Do đó, cần thiết kế chương trình đào tạo thường xuyên, có sự phân cấp nội dung cho từng nhóm đối tượng theo cấp hành chính và thâm niên công tác. Nội dung đào tạo cần bao gồm: lý luận chính trị, chủ trương về tôn giáo, pháp luật tín ngưỡng, kỹ năng tiếp xúc, đối thoại, xử lý điểm nóng tôn giáo, nhất là các vấn đề xuyên biên giới, trên không gian mạng hoặc liên quan đến tôn giáo dân tộc. Cần kết hợp hình thức tập huấn tập trung với đào tạo trực tuyến, tại chỗ; tăng cường mời báo cáo viên là chức sắc, cán bộ thực tiễn có kinh nghiệm để tạo sự gắn kết, tăng tính thuyết phục và tính áp dụng cao. Đồng thời, khuyến khích cán bộ viết tham luận, tổng kết mô hình để phát triển năng lực tư duy và phân tích chính sách.

Ba là, thiết lập cơ chế đánh giá, luân chuyển và trẻ hóa đội ngũ cán bộ gắn với đặc điểm văn hóa - tôn giáo của địa phương.

Việc đánh giá và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo cần gắn với hiệu quả thực tiễn, mức độ tín nhiệm và khả năng thích ứng với môi trường đa tôn giáo, đa dân tộc. Hiện nay, công tác đánh giá tại nhiều địa phương vùng ĐBSCL còn thiên về hành chính, thiếu các chỉ số định lượng cụ thể, chưa phản ánh đúng năng lực thực thi nhiệm vụ của cán bộ. Cần thiết lập hệ thống tiêu chí đánh giá toàn diện: từ kết quả tham mưu, hiệu quả xử lý tình huống, đến khả năng phối hợp và uy tín trong cộng đồng. Song song đó, việc luân chuyển cán bộ giữa các vị trí trong ngành hoặc giữa các địa bàn cần

được chú trọng để tăng tính cọ xát, rèn luyện bản lĩnh và khả năng ứng phó linh hoạt. Trẻ hóa đội ngũ cần gắn với cơ chế phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển cho cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số, người có uy tín tôn giáo - những người có thể đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, chính quyền và đồng bào có đạo. Đây là giải pháp nền tảng để bảo đảm tính kế thừa, tính đại diện và hiệu quả lâu dài trong công tác lãnh đạo tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

4.2.6.3. Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức, lực lượng công tác tôn giáo, phối hợp giữa các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long trong lãnh đạo công tác tôn giáo

Trong điều kiện tôn giáo ở vùng ĐBSCL đa dạng, phân bố rộng, diễn biến phức tạp, công tác tôn giáo đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ, liên thông giữa các cơ quan, lực lượng trong hệ thống chính trị và giữa các địa phương trong vùng. Việc tăng cường phối hợp không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý mà còn góp phần phòng ngừa từ xa các tình huống phức tạp, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Trong đó, cần chú trọng ba nội dung trọng tâm: phối hợp nội bộ hệ thống chính trị; phối hợp liên tỉnh; và xây dựng đội ngũ cán bộ phối hợp theo hướng chuyên nghiệp, liên vùng và quốc tế.

Một là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, lực lượng trong hệ thống chính trị đối với công tác tôn giáo.

Sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị là yếu tố then chốt bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong thực hiện chính sách tôn giáo. Tuy nhiên, thực tiễn ở nhiều địa phương vùng ĐBSCL cho thấy, việc phối hợp còn thiếu chặt chẽ, mang tính hình thức, chưa có quy chế cụ thể. Tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc xử lý chậm trễ các vụ việc tôn giáo vẫn còn diễn ra, ảnh hưởng đến uy tín của tổ chức Đảng và hiệu lực QLNN. Do đó, cần hoàn thiện quy chế phối hợp giữa các cơ quan Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể, cụ thể hóa trách nhiệm từng đơn vị trong tuyên truyền, vận động, xử lý tình huống phát sinh. Cần quy định đầu mối chủ trì, cơ chế chia sẻ thông tin, thời hạn phản hồi và chế độ sơ kết - tổng kết hằng năm. Bên cạnh đó, cần

phát huy vai trò giám sát của cơ quan thanh tra, tư pháp, công an trong ngăn chặn các hành vi vi phạm hoặc lợi dụng tôn giáo để trục lợi, chia rẽ đoàn kết dân tộc. Nghị quyết số 25-NQ/TW đã chỉ rõ: “Xây dựng quy chế phối hợp phát huy sức mạnh và hiệu quả công tác” [3]. Việc thiết lập cơ chế phối hợp rõ ràng, thực chất sẽ giúp cấp ủy, chính quyền địa phương chủ động xử lý tình huống tôn giáo, nâng cao hiệu quả quản lý, khẳng định vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng trong lĩnh vực tôn giáo ở vùng ĐBSCL.

Hai là, đẩy mạnh sự phối hợp, liên kết giữa các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong lãnh đạo công tác tôn giáo.

Vùng ĐBSCL có đặc điểm tôn giáo liên tỉnh, dân cư phân bố rộng, hoạt động tôn giáo mang tính xuyên địa bàn. Tuy nhiên, cơ chế phối hợp liên tỉnh hiện chưa đầy đủ, dẫn đến thiếu nhất quán trong xử lý vụ việc và chia sẻ thông tin. Do đó, cần hình thành cơ chế liên tỉnh về công tác tôn giáo thông qua quy chế phối hợp, nghị quyết liên ngành hoặc văn bản liên tịch giữa các tỉnh, nhất là các tỉnh giáp ranh hoặc cùng cụm văn hóa - kinh tế. Hoạt động giao ban chuyên đề giữa Ban Tuyên giáo, Dân vận, Sở Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố cần được duy trì định kỳ để chia sẻ mô hình hay, tháo gỡ vướng mắc và nâng cao tính thống nhất. Nội dung giao ban nên tập trung vào các vấn đề cụ thể như quản lý lễ hội, giải quyết tranh chấp đất tôn giáo, vận động chức sắc tiêu biểu, xử lý hoạt động trái pháp luật. Đồng thời, cần thiết lập cơ sở dữ liệu liên vùng về tổ chức tôn giáo, chức sắc, cơ sở thờ tự, hoạt động từ thiện - xã hội..., được cập nhật thường xuyên và bảo mật. Việc này sẽ hỗ trợ công tác chỉ đạo thống nhất, góp phần nâng cao hiệu lực điều hành, xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời. Chủ trương “liên kết vùng” cần được cụ thể hóa bằng hành động thiết thực, phù hợp với đặc điểm địa phương, đảm bảo an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Ba là, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác phối hợp tôn giáo theo hướng chuyên nghiệp, liên kết vùng, ngoại vùng và quốc tế.

Công tác phối hợp hiệu quả đòi hỏi đội ngũ cán bộ không chỉ am hiểu

chuyên môn mà còn có tư duy hệ thống, khả năng xử lý các tình huống phức tạp. Hiện nay, cán bộ làm công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL còn thiếu, chưa đồng đều về trình độ và chưa có cơ chế đào tạo theo hướng liên tỉnh, liên vùng. Do đó, cần tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về tôn giáo cho cán bộ Mặt trận, đoàn thể, Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo và Sở Dân tộc và Tôn giáo theo cụm, tiểu vùng. Nội dung cần sát thực tiễn: kỹ năng đối thoại, xử lý mâu thuẫn tôn giáo - dân tộc, nhận diện các hoạt động lợi dụng tôn giáo trên không gian mạng, tiếp cận tôn giáo mới... Song song đó, cần xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên nòng cốt có uy tín, am hiểu đặc thù vùng, có khả năng tiếp cận chức sắc, tín đồ một cách gần gũi, linh hoạt. Việc phát triển lực lượng này cần gắn với định hướng của Đảng về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Đây là giải pháp căn cơ để bảo đảm tính chuyên nghiệp, lâu dài trong công tác phối hợp, vận động tôn giáo, nhất là trong bối cảnh yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý ngày càng cao.

4.2.7. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy thông qua công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đối với công tác tôn giáo

Trong bối cảnh toàn Đảng, toàn dân ta đang tổ chức thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đặt ra, việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo đòi hỏi tổ chức Đảng các cấp cần phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tôn giáo. Trong đó, công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức Đảng đối với việc thực hiện công tác tôn giáo là nội dung then chốt cần được đổi mới, tăng cường để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trên thực tiễn.

4.2.7.1. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tỉnh, thành ủy đối với các cấp ủy, cán bộ, đảng viên trong thực hiện nghị quyết, quyết định

Một là, tập trung kiểm tra, giám sát các các xã, phường về thực hiện công tác tôn giáo.

Các tỉnh, thành ủy cần tăng cường kiểm tra các xã, phường về thực hiện công tác tôn giáo, về việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghị quyết, quyết định của các tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo như: Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về “công tác tôn giáo”; Chỉ thị số 18-CT/TW; các nghị quyết, quyết định, kế hoạch, chương trình hành động của các tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo; công tác phối hợp thực hiện giữa các thành viên trong hệ thống chính trị về thực hiện công tác tôn giáo; kiểm tra việc giải quyết những vụ việc liên quan đến tôn giáo...

Hai là, kiểm tra, giám sát các cấp ủy trong các cơ quan làm công tác tôn giáo; kiểm tra đảng viên, nhất là đảng viên do BTV các tỉnh, thành ủy quản lý về công tác tôn giáo.

Cần tăng cường kiểm tra, giám sát các cấp ủy, tổ chức đảng, nhất là người đứng đầu và cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý trong thực hiện nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo. Việc này giúp bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất, tránh hình thức, né tránh trách nhiệm. Thực hiện nghiêm phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển - nhất là tại các địa bàn có đông tín đồ tôn giáo. Các cơ quan nhà nước cần công khai trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, phân công cụ thể cán bộ phụ trách tôn giáo ở vùng đồng bào có đạo; đồng thời tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách tôn giáo tại cơ sở. Các lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn cần phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền địa phương để thực hiện tốt công tác dân vận và tôn giáo, góp phần củng cố an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc.

Ba là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo chỉ về kiểm tra, giám sát các cấp ủy xã, phường về công tác tôn giáo.

Trên cơ sở thực hiện các nghị quyết, quyết định của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo. Ủy ban kiểm tra các cấp và các tổ chức đảng trực thuộc tỉnh, thành ủy tiến hành xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát

toàn khóa và hàng năm theo hướng tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong tình hình mới. Cấp ủy cấp tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát bằng nhiều hình thức khác nhau (định kỳ, đột xuất... trực tiếp, gián tiếp) gắn với nội dung công tác tôn giáo, việc cụ thể hoá các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nghị quyết, quyết định của các tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo ở các ủy xã, phường. Đồng thời tập trung lãnh đạo thực hiện việc đẩy mạnh “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; khắc phục những hạn chế, khuyết điểm sau kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết số Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XII, XIII).

Bốn là, các tỉnh, thành ủy lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan tham mưu của các tỉnh, thành ủy tiến hành công tác kiểm tra, giám sát về công tác tôn giáo của cấp dưới theo những việc tham mưu.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của các tỉnh, thành ủy bám sát vào nhiệm vụ chính trị của cấp uỷ để tham mưu cho cấp uỷ thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát gắn với nội dung chuyên môn của từng cơ quan, bộ phận tham mưu. Ngoài ra, cấp uỷ xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát về công tác phát triển đảng viên của các đảng bộ có đông đồng bào tôn giáo phù hợp với thực tế của cơ sở. Qua đó, tác động tích cực đến việc thực hiện tốt các quy trình trong công tác phát triển đảng viên, đồng thời ngăn ngừa tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, góp phần từng bước xây dựng tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh. Các tỉnh, thành ủy cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của các cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên về vị trí, tầm quan trọng của kiểm tra, giám sát đối với việc nâng cao chất lượng hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay. Định kỳ tỉnh, thành ủy chủ trì triệu tập các cơ quan trong hệ thống chính trị, các ban ngành có liên quan, giao ban liên ngành về công tác tôn giáo trong tỉnh, thành phố nhằm đánh giá, nhận xét cơ quan trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ công tác tôn giáo.

4.2.7.2. Thường xuyên sơ kết, tổng kết sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo

Một là, chủ động xây dựng kế hoạch và đổi mới nội dung sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo.

Công tác sơ kết, tổng kết cần được các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL chỉ đạo thực hiện định kỳ 3 -5 năm, kết hợp với tổng kết chuyên đề hoặc đột xuất khi xuất hiện những vấn đề nổi cộm, phức tạp hoặc triển khai nghị quyết, chỉ thị mới của Trung ương. Việc tổng kết không chỉ nhằm kiểm điểm kết quả, rút ra bài học kinh nghiệm mà còn góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách, nâng cao hiệu quả lãnh đạo thực tiễn. Cần chuyển từ tổng kết mang tính hành chính, hình thức sang tổng kết có chiều sâu, mang tính nghiên cứu - lý luận. Các cấp ủy cần phối hợp với cơ quan nghiên cứu, các viện, học viện, trường chính trị trong khu vực và chuyên gia để tổ chức hội thảo, tọa đàm song hành với tổng kết, qua đó phát hiện các mô hình tốt, giải pháp hay, góp phần phát triển tư duy lý luận, cụ thể hóa chỉ đạo các văn kiện Trung ương và địa phương về công tác tôn giáo.

Hai là, nâng cao chất lượng báo cáo tổng kết và gắn kết với công tác cán bộ.

Báo cáo tổng kết cần phản ánh khách quan, trung thực kết quả lãnh đạo công tác tôn giáo, nêu rõ thành tựu, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời đề xuất các giải pháp khả thi, sát với thực tiễn vùng ĐBSCL. Báo cáo cần có kết cấu logic, số liệu cụ thể, dẫn chứng điển hình và rút ra được bài học kinh nghiệm thiết thực. Quan trọng hơn, kết quả tổng kết phải là căn cứ để đánh giá năng lực, trách nhiệm và hiệu quả công tác của cán bộ phụ trách tôn giáo các cấp. Qua tổng kết sẽ phát hiện điển hình tốt để nhân rộng, đồng thời nhận diện những cán bộ yếu kém để chấn chỉnh, thay thế. Việc này thể hiện tinh thần đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đề cao thực tiễn, hiệu quả, hạn chế hình thức, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo tại cơ sở.

Ba là, bảo đảm liên thông và đồng bộ trong hệ thống tổng kết từ cơ sở đến cấp tỉnh.

Để công tác tổng kết phản ánh sát thực tiễn và phát huy hiệu quả trong lãnh đạo công tác tôn giáo, cần thiết lập cơ chế liên thông giữa cấp ủy các cấp. Báo cáo tổng kết ở cấp xã, phường, các cơ quan chuyên môn về công tác tôn giáo phải được chuẩn hóa, thống nhất về mẫu biểu và trở thành dữ liệu đầu vào cho tổng kết ở tỉnh, thành phố. Các tỉnh, thành phố cần chỉ đạo xây dựng hệ thống thông tin và chia sẻ dữ liệu giữa các cấp nhằm tạo dòng chảy thông tin liên tục, giúp cấp trên nhận diện đúng năng lực lãnh đạo của cấp dưới, từ đó có giải pháp điều chỉnh phù hợp. Đồng thời, việc tổng kết cần gắn với nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, bảo đảm thống nhất trong toàn hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL hiện nay.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 của luận án tập trung vào dự báo tình hình, xác định phương hướng và đề xuất hệ thống giải pháp nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL trong công tác tôn giáo. Trước hết, chương nêu rõ 5 nhóm yếu tố thuận lợi như: thành tựu đổi mới toàn diện đất nước; vai trò tích cực của các tổ chức tôn giáo trong các phong trào yêu nước; sự chuyển mình mạnh mẽ trong sắp xếp đơn vị hành chính; cải thiện đời sống kinh tế - xã hội; cùng với tiến trình chuyển đổi số trong QLNN về tôn giáo. Đồng thời, chương cũng chỉ ra các yếu tố khó khăn như: tình hình tôn giáo diễn biến phức tạp, sự chống phá của các thế lực thù địch, hạn chế về trình độ và bản lĩnh của đội ngũ cán bộ, và đời sống khó khăn của một bộ phận chức sắc, tín đồ.

Từ đó, luận án xác định 5 phương hướng lớn, trong đó nhấn mạnh yêu cầu nâng cao nhận thức, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, phát huy vai trò của MTTQ và đoàn thể, đẩy mạnh chuyển đổi số, đối thoại và chăm lo đời sống đồng bào có đạo. Trên cơ sở đó, 8 nhóm giải pháp chủ yếu được đề xuất, bao gồm: (1) tăng cường công tác quán triệt, (2) lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội gắn với nâng cao đời sống tín đồ, (3) phát huy vai trò tổ chức đảng nơi có đông tín đồ, (4) phát huy mạnh mẽ vai trò của chính quyền và các lực lượng, (5) kiện toàn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách, tăng cường phối hợp liên ngành, liên tỉnh, (6) tăng cường lãnh đạo trong phòng chống lợi dụng tôn giáo, và (7) nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết.

Chương cũng đề xuất sự hỗ trợ kịp thời từ Trung ương, đặc biệt là Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan trung ương, nhằm tạo điều kiện cho các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL thực hiện hiệu quả công tác lãnh đạo tôn giáo trong giai đoạn mới, phù hợp với đặc điểm văn hóa - dân tộc - tôn giáo tại địa phương.

KẾT LUẬN

ĐBSCL là địa bàn có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng, số lượng tín đồ các tôn giáo có quy mô tương đối lớn. Vùng lại là địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch tập trung chống phá với nhiều hình thức và thủ đoạn. Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay là rất cấp thiết, một mặt nhằm nâng cao nhận thức về tín ngưỡng, tôn giáo, vai trò của nó trong đời sống tinh thần của nhân dân và trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của thành phố; mặt khác để thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác tôn giáo.

Tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL lãnh đạo công tác tôn giáo là toàn bộ hoạt động của tỉnh, thành ủy với sự tham gia của các tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên, các tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức có liên quan và nhân dân địa phương trong xây dựng, ban hành các nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh, thành ủy, ban thường vụ tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định, kết luận đó để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công tác tôn giáo của từng tỉnh, thành phố, tạo nền tảng vững chắc để Vùng vươn lên mạnh mẽ cùng cả nước bước vào kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

Trong những năm qua sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo có nhiều ưu điểm và đạt kết quả quan trọng, song cũng còn có nhiều khuyết điểm, yếu kém, bất cập. Các tỉnh, thành ủy đã nhận thức sâu sắc ưu điểm và khuyết điểm, yếu kém, đã và đang tìm và thực hiện các giải pháp khắc phục. Qua lãnh đạo công tác tôn giáo của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL rút ra những bài học kinh nghiệm: *Một là*, lãnh đạo các cấp ủy, tổ chức đảng nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng về công tác tôn giáo; *Hai là*, lãnh đạo xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, nhất là trong vùng có đông đồng bào theo đạo; *Ba là*, lãnh đạo tăng cường phối hợp các tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác tôn giáo; *Bốn là*, quan tâm chăm lo đời sống vật

chất, tinh thần của đồng bào có đạo; *Năm là*, lãnh đạo làm tốt công tác vận động, tranh thủ chức sắc, chức việc, người có uy tín trong tôn giáo.

Tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay cần thực hiện nhiều giải pháp, có thể áp dụng các giải pháp do luận án đề xuất: *Thứ nhất*, nâng cao nhận thức, trách nhiệm các tỉnh, thành ủy, các cấp ủy trực thuộc, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội, đảng viên và nhân dân ở vùng ĐBSCL về vị trí, vai trò của công tác tôn giáo và sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy đối với công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay; *thứ hai*, hoàn thiện quy trình và nâng cao năng lực lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết về công tác tôn giáo; *thứ ba*, tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy đối với chính quyền trong lồng ghép công tác tôn giáo vào chiến lược phát triển kinh tế – xã hội ở vùng ĐBSCL; *thứ tư*, đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy thông qua tổ chức đảng ở địa bàn có đông tín đồ và đảng viên là người có đạo; xây dựng lực lượng nòng cốt trong các tôn giáo; *thứ năm*, tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong phát huy vai trò của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị – xã hội; chủ động phòng, chống lợi dụng tôn giáo, bảo vệ an ninh chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; *thứ sáu*, kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới công tác cán bộ và hoàn thiện cơ chế phối hợp dưới sự lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy trong công tác tôn giáo ở vùng ĐBSCL; *thứ bảy*, đổi mới phương thức lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy thông qua công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết đối với công tác tôn giáo.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1. Võ Văn Chỉ (2023), “Sự nhất quán và phát triển quan điểm của Đảng về tôn giáo qua các kỳ đại hội”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (Số Chuyên đề tháng 11 - 2023), tr.116-121.
2. Võ Văn Chỉ (2024), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng trong giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (Số đặc biệt quý IV - 2024), tr.66-71.
3. Võ Văn Chỉ (2025), “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh đa tôn giáo, đa dân tộc ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay”, *Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử*, ngày 19/8/2025 <<https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/08/19/bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-trong-boi-can-pha-da-ton-giao-da-dan-toc-o-vung-dong-bang-song-cuu-long-hien-nay/>>.
4. Võ Văn Chỉ (2025), “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông* (Số Chuyên 03 năm 2025), tr.28-32.
5. Võ Văn Chỉ (2025), “Công tác phát triển đảng viên là người có đạo ở vùng Tây Nam Bộ hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị* (xuất bản trong số chuyên đề tháng 10 - 2025).
6. Võ Văn Chỉ, Đoàn Trung Dũng (2025), “Các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông* (Số Chuyên 04 năm 2025), tr.197-201.
7. Võ Văn Chỉ (2025), “Công tác phát triển đảng viên là người có đạo ở thành phố Cần Thơ hiện nay”, *Tạp chí Thông tin khoa học chính trị* (Số 06 (48) 2025) tr.54-60.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

* Tài liệu tiếng Việt

1. Hà Ngọc Anh (2020), *Quản lý nhà nước đối với hoạt động tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Chấp hành Trung ương (2003), *Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo*, Hà Nội.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2025), *Quy định 305-QĐ/TW ngày 13-6-2025 của Ban Chấp hành Trung ương “về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương”*, Hà Nội.
4. Ban Tổ chức Trung ương (2004), *Sách tra cứu các mục từ về tổ chức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Ban Tôn giáo Chính phủ (2023), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
6. Ban Tôn giáo Chính phủ (2024), *Báo cáo tổng quan quan hệ quốc tế các tôn giáo ở Việt Nam*, Hà Nội.
7. Ban Tôn giáo thành phố Cần Thơ (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Cần Thơ.
8. Ban Tôn giáo tỉnh An Giang (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, An Giang.
9. Ban Tôn giáo tỉnh Bạc Liêu (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Bạc Liêu.
10. Ban Tôn giáo tỉnh Bến Tre (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Bến Tre.
11. Ban Tôn giáo tỉnh Cà Mau (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Cà Mau.

12. Ban Tôn giáo tỉnh Đồng Tháp (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Đồng Tháp.
13. Ban Tôn giáo tỉnh Hậu Giang (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Hậu Giang.
14. Ban Tôn giáo tỉnh Kiên Giang (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Kiên Giang.
15. Ban Tôn giáo tỉnh Long An (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Long An.
16. Ban Tôn giáo tỉnh Sóc Trăng (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Sóc Trăng.
17. Ban Tôn giáo tỉnh Tiền Giang (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Tiền Giang.
18. Ban Tôn giáo tỉnh Trà Vinh (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Trà Vinh.
19. Ban Tôn giáo tỉnh Vĩnh Long (2024), *Báo cáo công tình hình công tác tôn giáo năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025*, Vĩnh Long.
20. Hoàng Chí Bảo (2016), “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (5), tr.20-26.
21. Bộ Chính trị (1990), *Nghị quyết số 24/NQ-TW, ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”*, Hà Nội.
22. Bộ Chính trị (2004), *Quy định số 123-QĐ/TW ngày 28-9-2004 của Bộ Chính trị về kết nạp đảng viên là người có đạo và đảng viên có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Hà Nội.
23. Bộ Chính trị (2018), *Chỉ thị 18-CT/TW ngày 10/01/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác tôn giáo trong tình hình mới*, Hà Nội.

24. Bộ Chính trị (2018), *Quy định số 06-QĐi/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Hà Nội.
25. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2025), *Tài liệu hội nghị hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Hà Nội.
26. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2022), *Quyết định số 71-QĐ-LĐTBXH ngày 10-01-2023 về Công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022*, Hà Nội.
27. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Dương Văn Chấm (2024), *Giải pháp hoàn thiện tổ chức bộ máy và nhân sự quản lý nhà nước về tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long*, truy cập tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/09/17/giai-phap-hoan-thien-to-chuc-bo-may-va-nhan-su-quan-ly-nha-nuoc-ve-ton-giao-o-dong-bang-song-cuu-long/>, truy cập ngày 17/9/2024.
30. Trần Nam Chuân (2023), *Quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo và quản lý hoạt động tôn giáo trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*, Tạp chí Quản lý nhà nước điện tử ngày 13/3/2023 https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/03/13/quan-diem-cua-dang-ve-cong-tac-ton-giao-va-quan-ly-hoat-dong-ton-giao-trong-xay-dung-va-bao-ve-to-quo/?utm_source=chatgpt.com.
31. Nguyễn Danh Châu (2014), “Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước”, *Tạp chí Xây dựng Đảng*, (9), tr.43-46.
32. Đảng bộ tỉnh An Giang (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI*, An Giang.
33. Đảng bộ tỉnh An Giang (2025), *Văn kiện Đại hội tỉnh An Giang lần thứ I*, An Giang.
34. Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bạc Liêu lần thứ XVI*, Bạc Liêu.

35. Đảng bộ tỉnh Bến Tre (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI*, Bến Tre.
36. Đảng bộ tỉnh Cà Mau (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI*, Cà Mau.
37. Đảng bộ thành phố Cần Thơ (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ XIV*, Cần Thơ.
38. Đảng bộ thành phố Cần Thơ (2025), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ thành phố Cần Thơ lần thứ I*, Cần Thơ.
39. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ XI*, Đồng Tháp.
40. Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp (2025), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Tháp lần thứ I*, Đồng Tháp.
41. Đảng bộ tỉnh Hậu Giang (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Hậu Giang lần thứ XIV*, Hậu Giang.
42. Đảng bộ tỉnh Kiên Giang (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ XI*, Kiên Giang.
43. Đảng bộ tỉnh Long An (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ XI*, Long An.
44. Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng XIV lần thứ*, Sóc Trăng.
45. Đảng bộ tỉnh Tiền Giang (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Tiền Giang lần thứ XI*, Tiền Giang.
46. Đảng bộ tỉnh Trà Vinh (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Trà Vinh lần thứ XI*, Trà Vinh.
47. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2020), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ XI*, Vĩnh Long.
48. Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long (2025), *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Vĩnh Long lần thứ I*, Vĩnh Long.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Quy định số 06-QĐ/TW, ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị “một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người theo tôn giáo và đảng viên là người theo tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo”*, Hà Nội.
53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2018), *Quy định số 10-QĐ/TW ngày 12-12-2018 của Bộ Chính trị “về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”*, Hà Nội.
54. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
55. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
56. Đảng Cộng sản Việt Nam (2025), *Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp xã, cấp tỉnh và tương đương)*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
57. Đảng ủy Chính phủ (2025), *Thông báo số 56-TB/ĐU ngày 04-6-2025 của Đảng ủy Chính phủ về việc Thông báo Kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ tại cuộc họp về định hướng điều chỉnh quy hoạch vùng kinh tế - xã hội*, Hà Nội.
58. Lê Văn Điện (2025), *Thực hiện chính sách dân tộc đối với đồng bào Khmer Tây Nam Bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

59. Nguyễn Xuân Đĩnh (2019), “Vận dụng tư tưởng của V.I.Lênin về tôn giáo vào đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (3), tr.7-11.
60. Hoàng Minh Đô, Nguyễn Phú Lợi (Đồng chủ biên) (2019), *Phật giáo Nam tông Khmer vùng Tây Nam Bộ và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
61. Đoàn Trung Dũng (2024), *Các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại* trang <https://lyluanchinhtri.vn/cac-tinh-uy-thanh-uy-vung-dong-bang-song-cuu-long-lanh-dao-cong-tac-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang-6468.html>, [truy cập ngày 10/10/2024].
62. Trần Thị Kim Dung (2022), *Thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
63. Bùi Hữu Dược (2014), *Quản lý nhà nước về hoạt động tôn giáo từ năm 1975 đến nay*, Luận án tiến sĩ Tôn giáo học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội.
64. Nguyễn Hồng Dương (2012), *Quan điểm, đường lối của Đảng về tôn giáo và những vấn đề tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
65. Lê Thị Minh Hà (2016), *Các tỉnh ủy vùng đồng bằng sông Hồng lãnh đạo chính quyền tỉnh giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
66. Nguyễn Thúy Hà (2019), “Truyền thông tôn giáo về chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước hiện nay”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (6), tr.13-17.
67. Phạm Thanh Hằng (2016), “Phật giáo Nam Tông Khmer với sự phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ”, *Tạp chí Khoa học xã hội* số 12 (109), tr.78-87.

68. Phạm Thanh Hằng (2017), “Kinh nghiệm của Trung Quốc trong giải quyết vấn đề tôn giáo và gợi ý đối với Việt Nam”, *Tạp chí Triết học*, (5), tr.40-46.
69. Nguyễn Thị Hạnh (2020), “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong công tác quản lý nhà nước đối với tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, tr.22-26.
70. Mai Thanh Hải (2002), *Từ điển tôn giáo*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
71. Đỗ Lan Hiền (2016), “Sự phát triển lý luận Mác - Lênin về tôn giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Triết học*, (9), tr.52-59.
72. Đỗ Lan Hiền (2019), “Thực thi tự do tôn giáo trong tương quan giáo hội và nhà nước”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (11), tr.84-89.
73. Phạm Công Hiệp (2019), “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực tôn giáo”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (4), tr.34-38.
74. Hoàng Thị Hoa (2017), *Những nội dung cơ bản trong Luật tín ngưỡng, tôn giáo*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
75. Nguyễn Thị Hoa (2024), *Thực hiện chính sách phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Đồng bằng sông Cửu Long*, <https://kinhtevadubao.vn/thuc-hien-chinh-sach-phat-trien-kinh-te-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-o-dong-bang-song-cuu-long-30691.htm>
76. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
77. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Giáo trình Tôn giáo và Tín ngưỡng (dùng cho hệ đào tạo Cao cấp lý luận chính trị)*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
78. Nguyễn Ngọc Huân (2020), *Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo pháp luật Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

79. Đỗ Quang Hưng (2014), *Chính sách tôn giáo và nhà nước Pháp quyền: Religious policy and rule of law state*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
80. Đỗ Thị Thanh Hương (2023), “Bác bỏ luận điệu vu cáo Việt Nam vi phạm quyền tự do tôn giáo”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (1-2023), tr.56-61.
81. Thiều Thị Hương (2021), “Tìm hiểu nội dung tín ngưỡng, tôn giáo trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng”, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, (5), tr.13-17.
82. Trình Quốc Hưng, Phan Quang Mạnh (2022), “Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trong đấu tranh phòng, chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền chống phá cách mạng nước ta”, *Tạp chí Lý luận chính trị điện tử* ngày 05/8/2022 https://lyluanchinhtri.vn/vai-tro-cua-he-thong-chinh-tri-co-so-trong-dau-tranh-phong-chong-loi-dung-van-de-dan-toc-ton-giao-dan-chu-nhan-quyen-chong-pha-cach-mang-nuoc-ta-2155.html?utm_source=chatgpt.com.
83. Nguyễn Minh Khải (2013), *Tín ngưỡng tôn giáo và thực hiện chính sách tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
84. Trần Hoàng Khải (2022), *Các tỉnh uỷ ở đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ là người Khmer giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
85. Phạm Đức Kiên (2017), *Đảng lãnh đạo kết hợp phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội từ năm 1991 đến nay*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
86. Hoàng Thị Lan (2019), “Một số nguyên tắc trong giải quyết các vấn đề liên quan đến dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (1), tr.91-95.

87. Hoàng Thị Lan (2023), “Nhận diện một số thủ đoạn lợi dụng vấn đề tôn giáo để chống phá Đảng, Nhà nước Việt Nam”, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, (1-2023), tr.50-55.
88. Nguyễn Thị Liên (2014), *Công tác vận động đồng bào các tôn giáo do Đảng thực hiện trong giai đoạn lịch sử từ 1930 đến 1954*, Luận án Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
89. Nguyễn Đức Lữ (2011), *Tôn giáo - Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay (tái bản lần thứ nhất có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb Chính trị - hành chính, Hà Nội.
90. Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, tập 20, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
91. Trần Thanh Mẫn (2019), “Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với việc đoàn kết các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”, *Tạp chí Công tác Tôn giáo*, (1,2), tr.17-22.
92. Công Mạo (2024), *Đồng bào Phật giáo Hòa Hảo đóng góp gần 2.500 tỷ đồng thực hiện các hoạt động từ thiện xã hội*, đăng tại <https://baotintuc.vn/thoi-su/dong-bao-phat-giao-hoa-hao-dong-gop-gan-2500-ty-dong-thuc-hien-cac-hoat-dong-tu-thien-xa-hoi-20241219154151537.htm>, truy cập ngày 19/12/2024.
93. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
94. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
95. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
96. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

97. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
99. Trần Thị Minh, Nguyễn Thị Tố Uyên (Đồng chủ biên), *Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng yêu cầu tình hình mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
100. Trương Ngọc Nam (Chủ nhiệm) (2020), *Nội dung, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam trong tình hình mới*, Đề tài khoa học cấp Nhà nước mã số KX.04.03/16-20 thuộc Chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 “Nghiên cứu khoa học lý luận chính trị giai đoạn 2016-2020”, Hà Nội.
101. Trần Thúy Ngọc, Nguyễn Thị Lan Hương (2021), “*Sự phát triển nhận thức của Đảng về tôn giáo trong thời kỳ đổi mới*”, *Tạp chí Lý luận chính trị* điện tử ngày 30/8/2021 https://lyluanchinhtri.vn/su-phat-trien-nhan-thuc-cua-dang-ve-ton-giao-trong-thoi-ky-doi-moi-288.html?utm_source=chatgpt.com.
102. Lê Văn Quang, Phan Hải Dương (2023), *Hội nhóm bất hợp pháp mang danh nghĩa tôn giáo*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
103. Tuấn Quang (2023), *Đồng bào Công giáo Tây Nam Bộ thực hiện từ thiện xã hội trên 11.000 tỷ đồng*, đăng tại <https://www.sggp.org.vn/dong-bao-cong-giao-tay-nam-bo-thuc-hien-tu-thien-xa-hoi-hon-11000-ty-dong-post713281.html>, truy cập ngày 08/11/2023.
104. Bùi Quý (2022), *Đồng bào tôn giáo tích cực triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xóa nghèo bền vững*, đăng tại <https://btgcp.gov.vn/hoat-dong-xa-hoi/dong-bao-cac-ton-giao-tich-cuc-trien-khai-chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-giam-ngheo-ben-vung-postM2qKA2NRg6.html>, truy cập ngày 24/11/2022.

105. Nguyễn Văn Sỹ (2022), *Hoạt động an sinh xã hội của một số tôn giáo nội sinh ở Tây Nam Bộ hiện nay*, Nxb Lao động, Hà Nội.
106. Trần Đình Thắng (2020), *Đảng lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
107. Vũ Chiến Thắng (2018), “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công tác tôn giáo ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản*, (8), tr.32-39.
108. Thành ủy Cần Thơ (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Cần Thơ.
109. Thành ủy Cần Thơ (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Cần Thơ.
110. Thành ủy Cần Thơ (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Cần Thơ.
111. Lê Thị Minh Thảo (2015), *Công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay- Lý luận và thực tiễn (qua khảo sát tại tỉnh Ninh Bình)*, Luận án tiến sĩ Triết học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
112. Ngô Hữu Thảo (2012), *Công tác tôn giáo, từ quan điểm Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam*, Nxb Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
113. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Viết Thông (Đồng chủ biên) (2021), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn cấp thiết phục vụ trực tiếp cho yêu cầu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
114. Nguyễn Văn Thanh (2023), *Giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo và sự vận dụng để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong công tác tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*
115. Nguyễn Tứ Thiên (2022), *Xây dựng đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thành ủy quản lý ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.

116. Nguyễn Quang Thuấn (2021), *Giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
117. Đào Đình Thương (2024), *Đấu tranh với âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo hình thành “Nhà nước Khmer Krôm” ở Tây Nam Bộ* đăng tại <https://tcnn.vn/news/detail/63626/Dau-tranh-voi-am-muu-loi-dung-van-de-dan-toc-ton-giao-hinh-thanh-%E2%80%9CNha-nuoc-Khmer-Krom%E2%80%9D-o-Tay-Nam-Bo.html>, [truy cập ngày 21/3/2024].
118. Lê Quang Thương (2017), *Từ điển tổ chức và công tác tổ chức*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
119. Nguyễn Tuấn Thùy (2023) *Pháp nhân tôn giáo ở Việt Nam - những vấn đề đặt ra hiện nay*, Luận án Tôn giáo học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
120. Tỉnh ủy An Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, An Giang.
121. Tỉnh ủy An Giang (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, An Giang.
122. Tỉnh ủy An Giang (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, An Giang.
123. Tỉnh ủy An Giang (2022), *Báo cáo thống kê tình hình kết nạp đảng viên mới năm 2022*, An Giang.
124. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Bạc Liêu.
125. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Bạc Liêu.
126. Tỉnh ủy Bạc Liêu (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Bạc Liêu.

127. Tỉnh ủy Bến Tre (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Bến Tre.
128. Tỉnh ủy Bến Tre (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Bến Tre.
129. Tỉnh ủy Bến Tre (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Bến Tre.
130. Tỉnh ủy Cà Mau (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Cà Mau.
131. Tỉnh ủy Cà Mau (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Cà Mau.
132. Tỉnh ủy Cà Mau (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Cà Mau.
133. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Đồng Tháp.
134. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Đồng Tháp.
135. Tỉnh ủy Đồng Tháp (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Đồng Tháp.
136. Tỉnh ủy Hậu Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Hậu Giang.
137. Tỉnh ủy Hậu Giang (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Hậu Giang.
138. Tỉnh ủy Hậu Giang (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Hậu Giang.

139. Tỉnh ủy Kiên Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Kiên Giang.
140. Tỉnh ủy Kiên Giang (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Kiên Giang.
141. Tỉnh ủy Kiên Giang (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực công tác tôn giáo*, Kiên Giang.
142. Tỉnh ủy Long An (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Long An.
143. Tỉnh ủy Long An (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Long An.
144. Tỉnh ủy Long An (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Long An.
145. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Sóc Trăng.
146. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Sóc Trăng.
147. Tỉnh ủy Sóc Trăng (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Sóc Trăng.
148. Tỉnh ủy Tiền Giang (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Tiền Giang.
149. Tỉnh ủy Tiền Giang (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Tiền Giang.
150. Tỉnh ủy Tiền Giang (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Tiền Giang.

151. Tỉnh ủy Trà Vinh (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Trà Vinh.
152. Tỉnh ủy Trà Vinh (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Trà Vinh.
153. Tỉnh ủy Trà Vinh (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Trà Vinh.
154. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2017), *Báo cáo tổng kết công tác tôn giáo giai đoạn 2003 - 2017*, Vĩnh Long.
155. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2018), *Báo cáo việc thực hiện Quy định về kết nạp đảng viên đối với người có đạo và người có đạo tham gia sinh hoạt tôn giáo*, Vĩnh Long.
156. Tỉnh ủy Vĩnh Long (2022), *Báo cáo kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo*, Vĩnh Long.
157. Nguyễn Thị Tĩnh (2017), “Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Tây Nguyên*, (22), tr.113-116.
158. Lê Thị Diễm Trinh (2025), *Công tác vận động đồng bào Khmer của các Tỉnh ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*, Luận án Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.
159. Lê Bá Trình (2017), “Giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về công tác tôn giáo ở nước ta hiện nay - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Lý luận chính trị*, (8), tr.8-15.
160. Nguyễn Minh Tuấn, Trần Khắc Việt (Đồng chủ biên) (2018), *350 thuật ngữ Xây dựng Đảng*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
161. V.I.Lênin (1974), *Toàn tập*, tập 1, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
162. V.I.Lênin (1978), *Toàn tập*, tập 33, NXB Tiến bộ, Matxcova.
163. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 12, NXB Tiến bộ, Matxcova.

164. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 12, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
165. V.I.Lênin (1979), *Toàn tập*, tập 17, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.
166. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 31, NXB Tiến bộ, Matxcova.
167. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 12, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
168. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 17, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
169. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 53, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
170. V.I.Lênin (2005), *Toàn tập*, tập 54, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
171. VCCI (2024), *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long năm 2024*, Nxb Đại học Cần Thơ.
172. Viện nghiên cứu tôn giáo (1994), *Về tôn giáo*, Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr.165
173. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam (2022), *Tài liệu tín ngưỡng, tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay (thuộc Đề án Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo theo Quyết định số 219-QĐ/TTg ngày 21/02/2019)*.
174. Trần Khắc Việt, Nguyễn Văn Giang và Phạm Tất Thắng (Đồng chủ biên) (2015), *Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong điều kiện mới*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội.
175. Nguyễn Thanh Xuân (2020), *Tôn giáo và chính sách tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
176. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

*** Tài liệu tiếng nước ngoài**

177. Alicja Curanović (2012), *The Religious Factor in Russia's Foreign Policy*, Routledge, Russia.
178. A. Kadir Yildirim (2022), *The Politics of Religious Party Change: Islamist and Catholic Parties in Comparative Perspective*, Cambridge University Press, UK.

179. David T. Smith (2015), *Religious Persecution and Political Order in the United States*, Cambridge University Press.
180. George Ehrhardt, Axel Klein, Levi McLaughlin, Steven R. Reed (2014), *Komeito: Politics and Religion in Japan*, Institute of East Asian Studies.
181. J. Christopher Soper, Joel S. Fetzer (2018), *Religion and Nationalism in Global Perspective*, Cambridge University Press.
182. Jonathan Fox (2015), *Political Secularism, Religion, and the State - A Time Series Analysis of Worldwide Data*, Cambridge University Press.
183. Hoàng Văn Hồ (2014), *Cầm quyền khoa học*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
184. Khương Dược (2020), “Nghiên cứu vấn đề quy luật cầm quyền và xây dựng Đảng cầm quyền”, tài liệu học tập phục vụ cho lớp nghiên cứu của cán bộ Đảng và Nhà nước Việt Nam, Ban Xây dựng Đảng, Trường Đảng Trung ương, Đảng Cộng sản Trung Quốc.
185. Liên Tường Đồng (2010), *Cải cách xã hội Trung Quốc và những sáng tạo, đổi mới trong xây dựng đảng cơ sở*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
186. Lý Lương Đồng (2020), *Nghiên cứu vấn đề cải cách và hoàn thiện phương thức lãnh đạo, phương thức cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
187. Lưu Chân Hoa (2010), *Bàn về công tác xây dựng năng lực cầm quyền của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
188. Max Deeg, Bernhard Scheid (2015), *Religion in China: Major Concepts and Minority Positions*, Austrian Academy of Sciences Press.
189. Nguyen Thi Phuong (2020), *Religion, Law, State, and Covid-19 in Vietnam*, Journal of Law, Religion and State, Brill Nijhoff 8 (2020).
190. Oxford Research Encyclopedia (2017), *Religion in Foreign Policy*, Oxford University Press, USA.

191. Paul S. Rowe (2012), *Religion and Global Politics*, Oxford University Press.
192. Sultan Tepe (2009), *Beyond Sacred and Secular: Politics of Religion in Israel and Turkey*, Stanford University Press, USA.
193. Thoong Băn Seng Aphone (2011), *Đảng nhân dân cách mạng Lào lãnh đạo giữ vững an ninh quốc gia trong giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ chuyên ngành Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
194. Chu Duy Quân (2017), *Sự kiên trì và tìm tòi trong công tác dân tộc - tôn giáo*, NXB Tư Xuyên (ISBN 978-7220107160), Trung Quốc.
195. Lưu Kiến Quân (2021), *Khảo sát lịch sử khái niệm ‘Niềm tin’ của những người Cộng sản Trung Quốc (A historical investigation of the concept of “belief” among Chinese Communists)*, [Ideological and Political Education Research], 4, 59-64.
196. Trịnh Dĩ Huyền (2024), *Mặt trận thống nhất và quá trình Trung Quốc hóa tôn giáo: Chính sách tôn giáo giai đoạn 2013-2024 (United-Front Policy and Religious Sinicization: A Case Study of China’s Religious Policy between 2013 and 2024)* (Master’s thesis, Central Police University, Graduate Institute of Public Security), Taiwan.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: THỐNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
CẤP HUYỆN, CẤP XÃ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
(Số liệu thống kê đến tháng 7 năm 2024)

TT	Tỉnh, thành phố	Đơn vị hành chính cấp huyện					Đơn vị hành chính cấp xã			
		Tổng số	Huyện	Quận	Thị xã	TP thuộc tỉnh	Tổng số	Xã	Phường	Thị trấn
1	An Giang	11	7		2	2	155	110	27	18
2	Bạc Liêu	7	5		1	1	64	49	10	5
3	Bến Tre	9	8			1	167	147	10	7
4	Cà Mau	9	8			1	101	82	10	9
5	Cần Thơ	9	4	5			85	36	44	5
6	Đồng Tháp	12	9			3	144	119	17	8
7	Hậu Giang	8	5		1	2	76	54	12	10
8	Kiên Giang	15	12			3	145	118	15	12
9	Long An	15	13		1	1	192	166	12	14
10	Sóc Trăng	11	8		2	1	109	80	17	12
11	Tiền Giang	11	8		1	2	173	144	22	7
12	Trà Vinh	9	7		1	1	107	85	17	10
13	Vĩnh Long	8	6		1	1	109	94	10	5
Tổng số		134	102	5	13	14	1.624	1.293	211	120

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 2: THỐNG KÊ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

(Số liệu thống kê đến tháng 11 năm 2025)

TT	Tỉnh, thành phố	Đơn vị hành chính cấp xã			
		Tổng số	Xã	Phường	Đặc khu
1	Cần Thơ	103	72	31	00
2	Đồng Tháp	102	82	20	00
3	Vĩnh Long	124	105	19	00
4	An Giang	102	85	14	03
5	Cà Mau	64	55	09	00
Tổng số		495	399	93	03

Nguồn: Các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau năm 2025.

**PHỤ LỤC 3: THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG, ĐẢNG VIÊN VÀ CÁN BỘ
DIỆN BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY, THÀNH ỦY QUẢN LÝ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG**

(Số liệu thống kê đến năm tháng 12 năm 2023)

Tỉnh		An Giang	Bạc Liêu	Bến Tre	Cà Mau	Cần Thơ	Đồng Tháp	Hậu Giang	Kiên Giang	Long An	Sóc Trăng	Tiền Giang	Trà Vinh	Vĩnh Long	Toàn Vùng
Tổ chức cơ sở đảng		1.271	487	891	872	1.073	934	681	1.113	791	854	1.104	729	596	11.396
Đảng viên		63.580	25.823	55.325	46.899	50.522	59.139	33.409	59.147	45.967	43.460	47.730	43.948	41.336	616.285
Số lượng cán bộ diện BTVTU quản lý	Cấp tỉnh	191	186	209	198	189	228	167	227	165	230	188	186	148	2.512
	Cấp huyện	77	73	81	85	80	100	71	118	68	96	72	77	58	1.056

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

PHỤ LỤC 4: BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU CÁN BỘ DIỆN BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY, THÀNH ỦY QUẢN LÝ Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2020-2025
(Số liệu thống kê đến năm tháng 12 năm 2023)

TT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	NỮ	ĐỘ TUỔI				TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN			TRÌNH ĐỘ LLCT		CHỨNG CHỈ	
				30-40	41-45	46-50	Trên 50	TC, CĐ	Đại học	Sau ĐH	SC, TC	CC, CN	Ngoại ngữ	Tin học
I	Cấp tỉnh	2512	364	203	401	400	1508	5	1636	871	35	2477	1949	1738
1	An Giang	191	36	11	29	29	122		120	71	11	180	113	93
2	Bạc Liêu	186	25	13	24	27	122		128	58	2	184	168	163
3	Bến Tre	209	28	22	31	27	129		141	68		209	151	113
4	Cà Mau	198	20	10	22	47	119		124	74	4	194	190	177
5	Cần Thơ	189	25	15	27	22	125		117	72	1	188	170	160
6	Đồng Tháp	228	35	19	35	28	146	2	128	98	1	227	207	185
7	Hậu Giang	167	30	23	50	27	67		115	52		167	110	94
8	Kiên Giang	227	18	11	38	58	120		123	104		227	196	185
9	Long An	165	22	17	24	18	106		113	52	4	161	105	102
10	Sóc Trăng	230	35	16	47	29	138	3	171	56	11	219	172	154
11	Tiền Giang	188	25	16	29	31	112		119	69		188	100	80
12	Trà Vinh	186	37	16	27	31	112		160	26	1	185	163	126
13	Vĩnh Long	148	28	14	18	26	90		77	71		148	104	106

II	Các huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh	811	94	49	143	151	468	4	583	224	0	811	630	538
1	An Giang	66	9	5	15	16	30		48	18		66	43	30
2	Bạc Liêu	55	4	4	5	13	33		40	15		55	51	37
3	Bến Tre	59	6	7	9	18	25		45	14		59	32	22
4	Cà Mau	64	7	3	13	11	37		50	14		64	57	52
5	Cần Thơ	57	4	4	6	11	36		43	14		57	54	48
6	Đồng Tháp	79	14	3	17	21	38		49	30		79	73	71
7	Hậu Giang	56	6	3	10	13	30		49	7		56	35	29
8	Kiên Giang	96	8	0	8	14	74		64	32		96	75	71
9	Long An	46	1	5	8	4	29		30	16		46	34	26
10	Sóc Trăng	77	8	4	10	12	51	3	61	13		77	49	40
11	Tiền Giang	54	10	2	12	8	32	1	39	14		54	41	30
12	Trà Vinh	61	13	5	23	8	25		44	17		61	55	46
13	Vĩnh Long	41	4	4	7	2	28		21	20		41	31	36

III	Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (Các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Công an, Quân sự, Biên phòng tỉnh)	245	11	1	15	58	171	4	186	55	7	238	149	121
1	An Giang	11	1	0	2	3	6		8	3		11	6	4
2	Bạc Liêu	18	1	0	0	7	11		16	2		18	12	10
3	Bến Tre	22	1	0	2	4	16	1	17	4	1	21	7	6
4	Cà Mau	21	1	0	1	5	15	1	19	1		21	17	16
5	Cần Thơ	23	1	0	3	9	11		18	5		23	10	10
6	Đồng Tháp	21	0	0	0	6	15		17	4		21	13	10
7	Hậu Giang	15	2	0	2	3	10		11	4		15	8	6
8	Kiên Giang	22	1	0	0	4	18	1	14	7		22	17	15
9	Long An	22	0	0	0	1	21		18	4	2	20	17	14
10	Sóc Trăng	19	0	0	0	9	10		16	3		19	13	10
11	Tiền Giang	18	3	0	3	2	13		11	7		18	10	6
12	Trà Vinh	16	0	0	0	4	12	1	14	1	4	12	7	3
13	Vĩnh Long	17	0	1	2	1	13		7	10		17	12	11

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 5: THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY, THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2015-2020**

(Số liệu thống kê đến năm tháng 12 năm 2019)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	UVTU, TU	GIỚI TÍNH NỮ	ĐỘ TUỔI					TRÌNH ĐỘ						DÂN TỘC
					Dưới 40	41 đến 45	46 đến 50	Trên 50	Trung bình	VH	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
											ĐH	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Cao cấp	Cử nhân	
1	An Giang	55	15	4	4	9	18	24	43.56	55	40	10	3	19	34	1
2	Bến Tre	52	16	8	5	10	15	22	42.53	52	41	11	0	30	22	0
3	Bạc Liêu	46	16	4	3	13	12	18	43.74	46	35	9	2	29	17	1
4	Cà Mau	52	15	4	4	11	17	20	43.18	52	33	18	1	33	19	1
5	Cần Thơ	53	16	8	5	11	18	19	42.33	53	23	24	6	34	19	0
6	Đồng Tháp	54	15	5	6	8	14	26	43.55	54	26	25	3	37	17	0
7	Hậu Giang	52	16	7	4	12	16	20	42.06	52	42	8	2	34	18	1
8	Kiên Giang	56	16	14	6	13	15	22	41.98	56	37	15	3	40	16	3
9	Long An	54	15	2	3	11	14	26	43.89	54	38	15	1	39	15	0
10	Sóc Trăng	54	16	7	5	9	15	25	42.67	54	45	7	2	32	11	6
11	Tiền Giang	49	14	7	3	8	14	24	43.29	49	36	10	3	25	24	0
12	Trà Vinh	55	15	7	5	9	16	25	42.55	55	47	5	3	35	25	6
13	Vĩnh Long	51	15	6	6	5	13	27	43.38	51	21	26	4	31	20	1
	Cộng	683	200	83	59	131	197	298		683	466	183	33	418	527	20

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 6: THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN Ban thường vụ TỈNH ỦY,
THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2020-2025**
(Số liệu thống kê đến năm tháng 6 năm 2025)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	UVTU, TU	GIỚI TÍNH NỮ	ĐỘ TUỔI				TRÌNH ĐỘ						DÂN TỘC
					Dưới 40	41 đến 45	46 đến 50	Trên 50	VH	Chuyên môn			Lý luận chính trị		
										ĐH	Thạc sỹ	Tiến sỹ	Cao cấp	Cử nhân	
1	An Giang	45	15	9	4	8	11	22	55	45	22	3	34	11	2
2	Bến Tre	49	14	10	5	10	15	19	49	32	16	1	30	19	0
3	Bạc Liêu	47	14	8	3	13	12	18	47	26	19	2	29	18	1
4	Cà Mau	51	16	5	4	11	17	20	51	25	25	1	33	18	1
5	Cần Thơ	50	16	8	5	11	17	17	50	15	25	10	40	10	0
6	Đồng Tháp	51	15	6	2	11	5	33	51	20	27	4	36	15	0
7	Hậu Giang	50	16	9	4	12	14	20	50	30	18	2	34	16	1
8	Kiên Giang	51	14	12	6	13	15	22	51	20	28	3	40	11	4
9	Long An	52	13	5	4	11	12	5	52	28	22	2	45	17	0
10	Sóc Trăng	51	15	6	5	9	15	25	51	28	21	2	32	20	6
11	Tiền Giang	47	13	7	3	4	10	30	47	22	24	1	47	0	0
12	Trà Vinh	49	11	8	5	9	16	25	49	26	23	3	35	14	7
13	Vĩnh Long	49	15	7	2	5	16	26	49	20	26	3	38	11	1
	Cộng	642	187	100	52	127	175	282	625	337	296	37	473	180	23

Nguồn: Ban Tổ chức các tỉnh ủy, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

**PHỤ LỤC 7: THỐNG KÊ TỈNH ỦY VIÊN, THÀNH ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ
TỈNH ỦY, THÀNH ỦY CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG NHIỆM KỲ 2025-2030**

(Số liệu thống kê từ tháng 10 năm 2025)

STT	ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CẤP ỦY VIÊN	ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ
1	Cần Thơ	77	18
2	Đồng Tháp	53	16
3	Vĩnh Long	83	24
4	An Giang	66	16
5	Cà Mau	53	16
	Cộng	332	90

Nguồn: Đại hội Đại biểu Đảng bộ các tỉnh, thành vùng ĐBSCL nhiệm kỳ 2025 - 2030.

PHỤ LỤC 8: BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÔN GIÁO Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Stt	Tỉnh, thành phố	Số lượng các tôn giáo	Tín đồ	Tỷ lệ trên tổng số dân	Chức sắc, chức việc	Chức việc	Trường đào tạo	Diện tích đất sử dụng (m2)	Cơ sở thờ tự	Đảng viên có đạo
01	An Giang	11	1.633.040	82%	480	3.520	2	4.034.811	523	14.180
02	Bạc Liêu	7	366.939	40%	790	1.381	2	1.449.613	209	201
03	Bến Tre	9	233.130	18%	1.198	3.706	1	2.825.495	539	620
04	Cà Mau	6	390.692	28.4%	433	1.748	0	1.217.953	147	400
05	Cần Thơ	13	509.937	40%	550	1.446	3	3.542.652	298	3.267
06	Đồng Tháp	9	445.700	28%	872	3.267	1	2.416.089	400	460
07	Hậu Giang	13	206.298	28%	158	1.027	0	1.361.152	159	563
08	Kiên Giang	12	594.000	33%	1.991	3.887	1	2.588.755	409	3.168
09	Long An	10	430.000	28%	2.000	3.000	2	//	514	240
10	Sóc Trăng	9	638.949	50%	514	4.287	3	1.777.647	321	3.160
11	Tiền Giang	11	233.489	14%	770	3.794	1	286.570	629	220
12	Trà Vinh	9	590.000	55%	1.056	2.258	2	7.980.597	380	10.567
13	Vĩnh Long	8	307.514	30%	524	803	1	168.190	384	405
Tổng cộng			6.579.688	36.5%	11.336	34.124	19	//	4.912	37.451

Số liệu thống kê từ Báo cáo “*Kết quả 5 năm thực công tác tôn giáo trong tình hình mới*” của các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

PHỤ LỤC 9: BIỂU SỐ LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN LỰC LƯỢNG CỐT CÁN TRONG CÁC TÔN GIÁO

STT	Đơn vị	Số lượng cốt cán trong các tôn giáo	Chức sắc, tín đồ các tôn giáo tham gia đại biểu QH, HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026				
			Tổng số	Quốc hội	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Thành phố Cần Thơ	227	29	0	03	07	19
2	Tỉnh Cà Mau	104	29	0	04	04	21
3	Tỉnh Bạc Liêu	1.456	54	0	4	10	40
4	Tỉnh Sóc Trăng	3.328	136	1	3	24	108
5	Tỉnh Hậu Giang	21	109	0	3	19	87
6	Tỉnh Trà Vinh	190	126	0	3	26	97
7	Tỉnh Vĩnh Long	300	86	0	5	16	65
8	Tỉnh Đồng Tháp	119	51	0	4	21	32
9	Tỉnh An Giang	339	295	0	4	35	256
10	Tỉnh Kiên Giang	502	164	0	03	16	145
11	Tỉnh Bến Tre	1.251	196	0	5	19	172
12	Tỉnh Tiền Giang	12	96	0	2	11	83
13	Tỉnh Long An	500	148	0	5	33	110
Tổng cộng		8.349	1.519	1	48	241	1253

Số liệu thống kê từ Báo cáo “*Kết quả 5 năm thực hiện công tác tôn giáo trong tình hình mới*” của các tỉnh, thành ủy vùng đồng bằng sông Cửu Long.

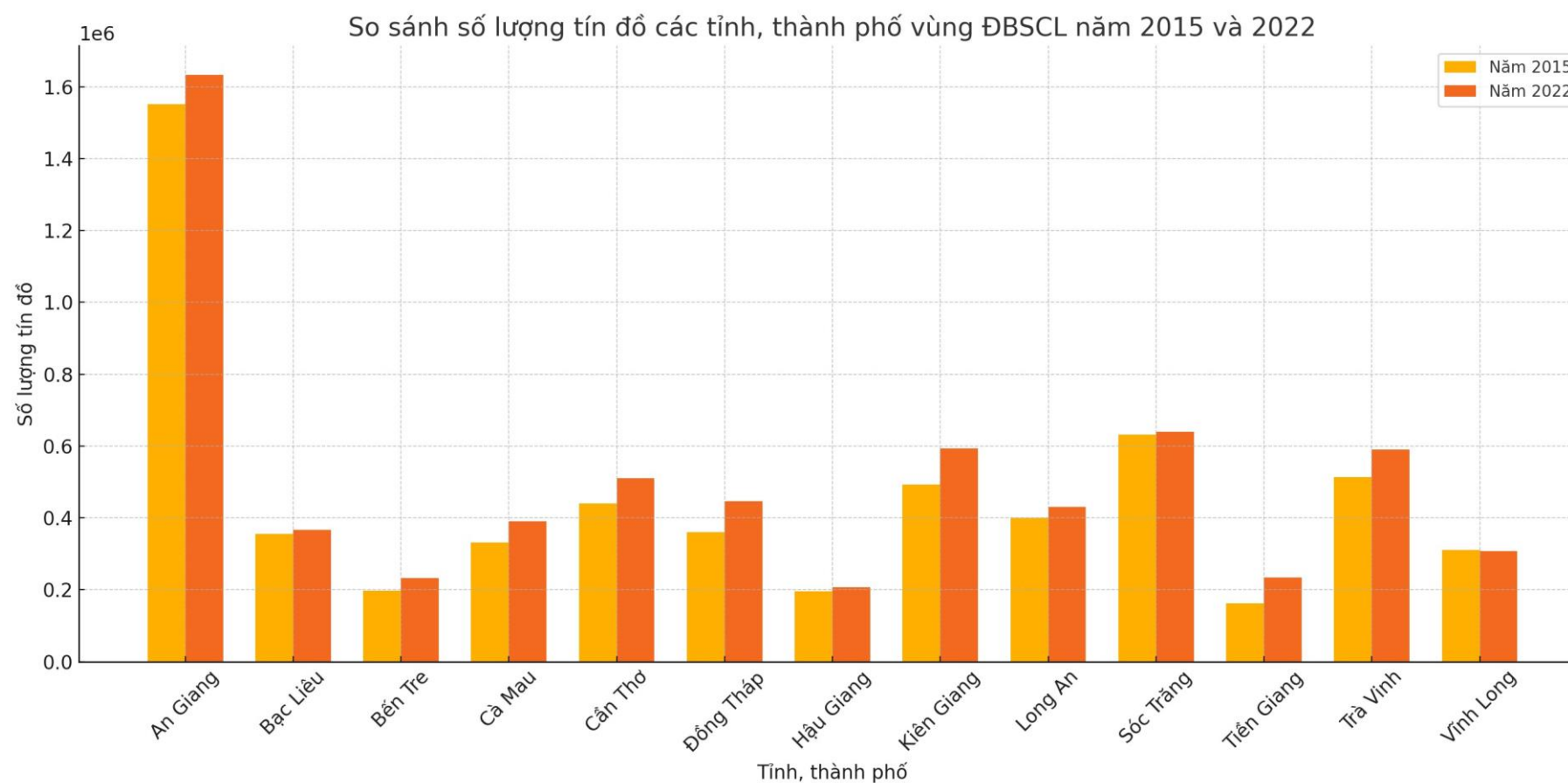
PHỤ LỤC 10: BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÔN GIÁO TRÊN ĐỊA BÀN TÂY NAM BỘ.

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số 52-BC/BCĐTNB, ngày 07/ 05/2015 của Vụ Dân tộc - Tôn giáo,
Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ)*

SỐ TT	ĐƠN VỊ	CƠ SỞ THỜ TỰ	CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC	TÍN ĐỒ	ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI CÓ ĐẠO
01	Thành phố Cần Thơ	356	2.447	440.510	1.584
02	Tỉnh Cà Mau	130	1.182	332.249	233
03	Tỉnh Bạc Liêu	172	2.487	355.763	127
04	Tỉnh Sóc Trăng	328	1.043	632.364	1.005
05	Tỉnh Hậu Giang	155	2.260	195.743	161
06	Tỉnh Trà Vinh	350	4.300	513.948	4.851
07	Tỉnh Vĩnh Long	314	3.342	311.229	126
08	Tỉnh Đồng Tháp	390	3.100	360.387	119
09	Tỉnh An Giang	529	5.100	1.551.000	12.057
10	Tỉnh Kiên Giang	375	6.100	492.184	1.599
11	Tỉnh Bến Tre	464	1.984	197.087	311
12	Tỉnh Tiền Giang	583	5.414	162.343	78
13	Tỉnh Long An	500	3.209	400.000	216
Tổng cộng		4.646	41.968	5.944.807	22.467

**PHỤ LỤC 11: BIỂU ĐỒ SO SÁNH SỐ LIỆU TÍN ĐỒ NĂM 2015 VÀ 2022
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐBSCL**

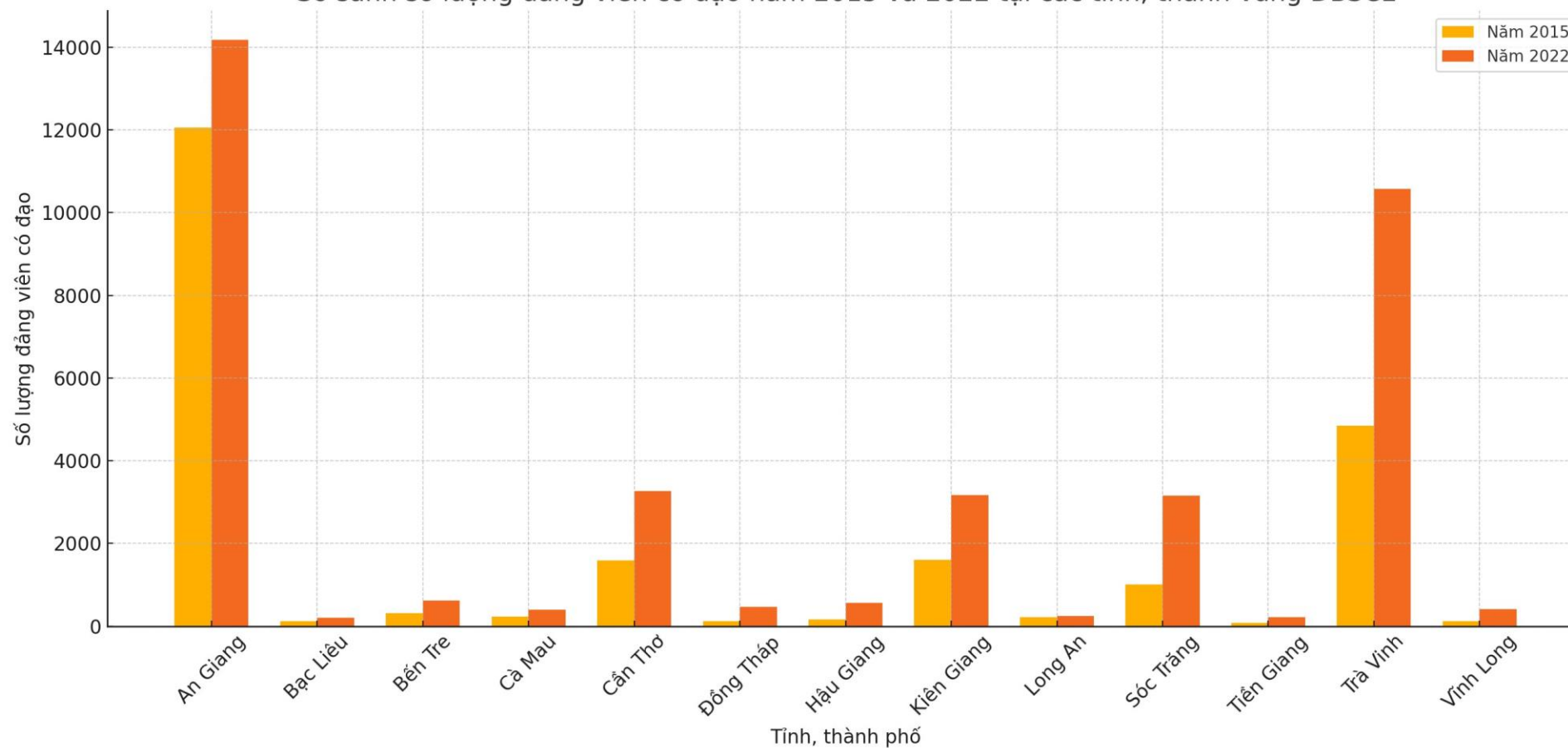
(Nguồn thống kê từ Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW và 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL)



**PHỤ LỤC 12: BIỂU ĐỒ SO SÁNH SỐ LIỆU ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI CÓ ĐẠO NĂM 2015 VÀ 2022
CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ VÙNG ĐBSCL**

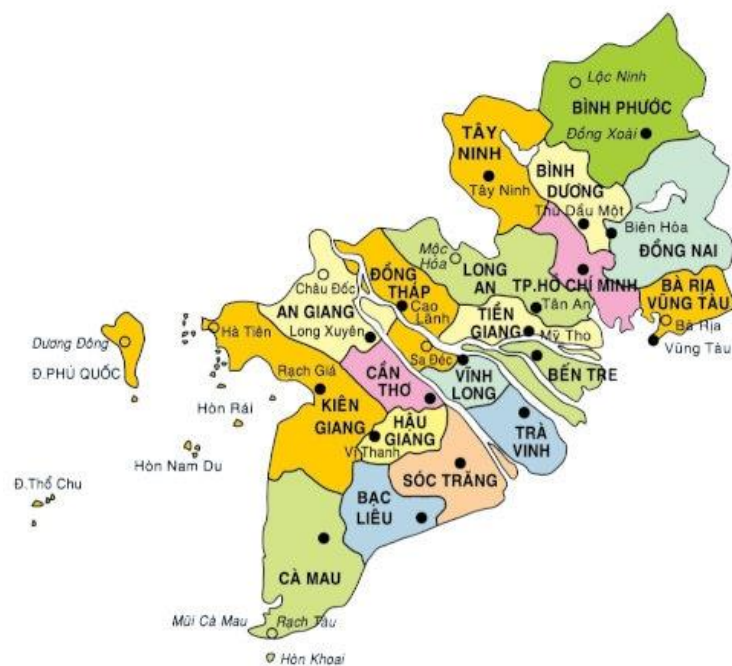
(Nguồn thống kê từ Báo cáo Tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW và 05 năm thực hiện Chỉ thị số 18-CT/TW của các tỉnh, thành ủy vùng ĐBSCL)

So sánh số lượng đảng viên có đạo năm 2015 và 2022 tại các tỉnh, thành vùng ĐBSCL



PHỤ LỤC 13: CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ NAM BỘ TRƯỚC VÀ SAU SÁT NHẬP

Nguồn: Internet



Trước sáp nhập



Sau sáp nhập

PHỤ LỤC 14: BẢN ĐỒ CÁC, TỈNH THÀNH PHỐ VÙNG ĐBCSL TRƯỚC VÀ SAU KHI SÁT NHẬP

Nguồn: Internet



Sau khi sát nhập

PHỤ LỤC 15

**Hội nhóm bất hợp pháp mang danh nghĩa tôn giáo đang hoạt động
ở vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

STT	TÊN HỘI NHÓM	GHI CHÚ
1	Thanh Hải Vô Thượng sư	
2	Khởi Nhơn sanh Cao Đài	
3	Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo thuần túy	
4	Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất	
5	Hội thánh Đức Chúa Trời	
6	Pháp luân công	
7	Pháp môn Diệu Âm	
8	Liên đoàn dân chủ Công giáo Việt Nam	
9	Hội đồng nhân quyền Việt Nam	
10	Hội đồng liên kết quốc nội và Hải ngoại	
11	Hội Ái hữu Khmer Campuchia Krôm (AKKK)	
12	Hội Sư sãi Khmer Campuchia Krôm	
13	Mặt trận Giải phóng dân tộc Campuchia Krôm	
14	Ủy ban Dung hòa Khmer Campuchia Krôm	
15	...	

Nguồn: Lê Văn Phong, Phan Hải Dương (2023), Hội nhóm bất hợp pháp mang danh nghĩa tôn giáo và những vấn đề đặt ra đối với công tác đảm bảo an ninh trật tự, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội và từ Báo cáo Công tác tôn giáo của Ban Tôn giáo các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

PHỤ LỤC 16

MẪU PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN SỐ 1

(Dành cho cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Kính gửi đồng chí!

Để có được những căn cứ thực tiễn đưa ra giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tác giả luận án tiến hành nghiên cứu đề tài “**Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay**”. Tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ của đồng chí bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây. Tác giả xin cam đoan mọi ý kiến của đồng chí chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến đồng chí. Đồng chí không cần phải điền tên mình vào phiếu phỏng vấn này.

Xin trân trọng cảm ơn sự tham gia ý kiến của đồng chí!

A. THÔNG TIN CHUNG

Số phiếu phát ra: 200.

Mục đích: Thu thập ý kiến đánh giá của chức sắc, tín đồ tôn giáo về công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Xin đồng chí cho biết một số thông tin về cá nhân?

A.1. Giới tính 1. Nam 2. Nữ

A.2. Năm sinh

A.3. Trình độ học vấn:

1. Đại học

2. Sau đại học

A.4. Dân tộc?

1. Kinh 2. Dân tộc khác (ghi cụ thể).....

A5. Tôn giáo

.....

A6. Chức vụ của đồng chí?

.....

A7. Đồng chí hiện đang làm việc tại địa phương nào?

1. **An Giang**
2. **Bạc Liêu**
3. **Bến Tre**
4. **Cà Mau**
5. **Cần Thơ** (*thành phố trực thuộc Trung ương*)
6. **Đồng Tháp**
7. **Hậu Giang**
8. **Kiên Giang**
9. **Long An**
10. **Sóc Trăng**
11. **Tiền Giang**
12. **Trà Vinh**
13. **Vĩnh Long**

B. PHẦN PHIẾU KHẢO SÁT

Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (✓) vào một phương án phù hợp nhất với ý kiến của Đồng chí ở mỗi câu hỏi.

1. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không rõ

2. Việc thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo đã được triển khai ở địa phương như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình

☐ Chưa hiệu quả

☐ Không rõ

3. Đồng chí đánh giá hiệu quả công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo như thế nào?

☐ Rất tốt

☐ Tốt

☐ Trung bình

☐ Yếu

☐ Không rõ

4. Cấp ủy trực thuộc đã thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo một cách như thế nào?

☐ Rất nghiêm túc

☐ Nghiêm túc

☐ Trung bình

☐ Chưa nghiêm túc

☐ Không rõ

5. Việc phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể và các lực lượng liên quan trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?

☐ Rất đồng bộ

☐ Đồng bộ

☐ Thiếu đồng bộ

☐ Chưa thực hiện

☐ Không rõ

6. Đồng chí đánh giá việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo như thế nào?

☐ Rất kịp thời và sát thực tiễn

☐ Kịp thời

☐ Chưa kịp thời

☐ Hình thức

☐ Không rõ

7. Việc lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua ban hành các văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch...) được thực hiện ra sao?

- ☐ Rất đầy đủ và đúng trọng tâm
- ☐ Đầy đủ
- ☐ Chưa đầy đủ
- ☐ Chưa đúng trọng tâm
- ☐ Không rõ

8. Đồng chí đánh giá công tác tuyên truyền, vận động liên quan đến công tác tôn giáo được triển khai như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không triển khai
- ☐ Không rõ

9. Việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy được đánh giá như thế nào?

- ☐ Rất rõ nét
- ☐ Rõ nét
- ☐ Chưa rõ
- ☐ Mờ nhạt
- ☐ Không rõ

10. Đồng chí đánh giá công tác tổ chức, cán bộ trong việc triển khai công tác tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất hợp lý
- ☐ Hợp lý
- ☐ Chưa hợp lý
- ☐ Không hợp lý
- ☐ Không rõ

11. Đồng chí đánh giá vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo trong công tác tôn giáo ra sao?

- ☐ Rất rõ nét
- ☐ Rõ nét
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa rõ
- ☐ Không rõ

12. Việc lãnh đạo phát huy vai trò MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các chức sắc trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa phát huy
- ☐ Không rõ

13. Đồng chí đánh giá hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không rõ

14. Theo đồng chí, đâu là những khó khăn, vướng mắc trong công tác lãnh đạo tôn giáo hiện nay?

- ☐ (Trả lời tự do)

15. Đồng chí có đề xuất hoặc kiến nghị nào nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo của tỉnh, thành ủy trong thời gian tới?

- ☐ (Trả lời tự do)

KẾT QUẢ TRUNG CẦU Ý KIẾN SỐ 1

(Dành cho cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Số phiếu phát ra: 200; Số phiếu thu về: 200

A. THÔNG TIN CHUNG

Mã câu hỏi	Nội dung	Tỷ lệ (%)
A.1	Giới tính - Nam	68%
	Giới tính - Nữ	32%
A.2	Năm sinh trung bình	1975-1980
A.3	Trình độ đại học	60%
	Trình độ sau đại học	40%
A.4	Dân tộc Kinh	94%
	Dân tộc khác (Khmer, Hoa...)	6%
A.5	Tôn giáo: Không tôn giáo	100%
A.6	Ủy viên Ban Thường vụ	16%
	Ủy viên BCH Tỉnh ủy, Thành ủy	44%
	Trưởng, Phó ban Đảng, đoàn thể	25%
	Khác (Văn phòng, HĐND, UBKT...)	15%
A.7	An Giang	7%
	Bạc Liêu	5%
	Bến Tre	7%
	Cà Mau	7%
	Cần Thơ	8%
	Đồng Tháp	8%
	Hậu Giang	7%
	Kiên Giang	8%
	Long An	7%
	Sóc Trăng	8%
	Tiền Giang	7%
	Trà Vinh	6%
	Vĩnh Long	5%

B. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

1. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo?	
Rất hiệu quả	95%
Hiệu quả	3%
Trung bình	2%
Chưa hiệu quả	0%
Không rõ	0%
2. Việc thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo đã được triển khai ở địa phương như thế nào?	
Rất hiệu quả	92%
Hiệu quả	6%
Trung bình	2%
Chưa hiệu quả	0%
Không rõ	0%
3. Đồng chí đánh giá hiệu quả công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất tốt	85%
Tốt	10%
Trung bình	5%
Yếu	0%
Không rõ	0%
4. Cấp ủy trực thuộc đã thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo một cách như thế nào?	
Rất nghiêm túc	97%
Nghiêm túc	3%
Trung bình	0%
Chưa nghiêm túc	0%
Không rõ	0%

5. Việc phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể và các lực lượng liên quan trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?	
Rất đồng bộ	85%
Đồng bộ	10%
Thiếu đồng bộ	5%
Chưa thực hiện	0%
Chưa rõ	0%
6. Đồng chí đánh giá việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất kịp thời và sát thực tiễn	94%
Kịp thời	3%
Chưa kịp thời	2%
Hình thức	0%
Chưa rõ	0%
7. Việc lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua ban hành các văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch...) được thực hiện ra sao?	
Rất đầy đủ và đúng trọng tâm	95%
Đầy đủ	5%
Chưa đầy đủ	0%
Chưa đúng trọng tâm	0%
Không rõ	0%
8. Đồng chí đánh giá công tác tuyên truyền, vận động liên quan đến công tác tôn giáo được triển khai như thế nào?	
Rất hiệu quả	85%
Hiệu quả	15%
Chưa hiệu quả	0%
Không triển khai	0%
Không rõ	0%
9. Việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy được đánh giá như thế nào?	
Rất rõ nét	95%
Rõ nét	5%
Chưa rõ	5%

Mờ nhạt	0%
Không rõ	0%
10. Đồng chí đánh giá công tác tổ chức, cán bộ trong việc triển khai công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất hợp lý	92%
Hợp lý	5%
Chưa hợp lý	3%
Không hợp lý	0%
Không rõ	0%
11. Đồng chí đánh giá vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo trong công tác tôn giáo ra sao?	
Rất rõ nét	95%
Rõ nét	5%
Trung bình	0%
Chưa rõ	0%
Không rõ	0%
12. Việc lãnh đạo phát huy vai trò MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các chức sắc trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?	
Rất tốt	88%
Tốt	5%
Trung bình	0%
Chưa phát huy	0%
Không rõ	
13. Đồng chí đánh giá hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tôn giáo như thế nào?	
Rất hiệu quả	97%
Hiệu quả	3%
Trung bình	0%
Chưa hiệu quả	0%
Không rõ	

14. Theo đồng chí, đâu là những khó khăn, vướng mắc trong công tác lãnh đạo tôn giáo hiện nay?

1. Một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế nhận thức về đặc điểm và vai trò của tôn giáo.
2. Phối hợp giữa các cơ quan trong quản lý tôn giáo còn thiếu chặt chẽ, chồng chéo chức năng.
3. Thiếu cán bộ chuyên trách, am hiểu tôn giáo, đặc biệt ở cấp huyện, xã.
4. Công tác nắm bắt và xử lý tôn giáo mới, tôn giáo lạ còn lúng túng, thiếu công cụ giám sát.
5. Một số chỉ thị, nghị quyết chậm được cụ thể hóa thành kế hoạch triển khai ở cơ sở.
6. Tuyên truyền, vận động còn hình thức, thiếu linh hoạt, chưa gắn gũi với chức sắc, tín đồ.
7. Địa bàn vùng sâu, vùng biên có tình hình tôn giáo phức tạp, khó kiểm soát hiệu quả.
8. Xuất hiện tình trạng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền sai trái, gây chia rẽ đoàn kết.
9. Chưa có chính sách đặc thù hỗ trợ đồng bào có đạo, dễ dẫn đến tâm lý so sánh.
10. Một bộ phận tín đồ, chức sắc còn e dè, thiếu niềm tin vào kênh phản ánh chính thức.
11. Công tác sơ kết, tổng kết chưa gắn với đánh giá cán bộ, còn hình thức.
12. Việc kết nạp đảng viên là người có đạo còn chậm, thiếu chỉ đạo cụ thể.
13. Một số cơ sở tôn giáo gặp vướng mắc về đất đai, thủ tục xây dựng, sửa chữa.
14. Thiếu cơ sở dữ liệu số hóa về tổ chức, cơ sở và chức sắc tôn giáo.
15. Biến động xã hội - kinh tế, di dân, phân hóa giàu nghèo ảnh hưởng đến đời sống tôn giáo, trong khi dự báo còn hạn chế.

15. Đồng chí có đề xuất hoặc kiến nghị nào nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo của tỉnh, thành ủy trong thời gian tới?

1. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức tôn giáo cho cán bộ, đảng viên các cấp.
2. Bổ sung cán bộ chuyên trách công tác tôn giáo tại cấp huyện, xã.
3. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành chặt chẽ, thống nhất trong công tác tôn giáo.
4. Cụ thể hóa nghị quyết của tỉnh ủy bằng các kế hoạch, chương trình hành động thực tiễn.
5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý tôn giáo và theo dõi tình hình.
6. Quan tâm hơn đến công tác đối thoại, lắng nghe ý kiến chức sắc, tín đồ.
7. Phát huy vai trò của đảng viên là người có đạo trong tuyên truyền, vận động quần chúng.
8. Rà soát, tháo gỡ vướng mắc về đất đai, cơ sở thờ tự cho các tổ chức tôn giáo.
9. Định kỳ sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo gắn với đánh giá cán bộ phụ trách.
10. Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền về chính sách tôn giáo đến đồng bào có đạo.
11. Tăng cường kiểm tra, giám sát, phát hiện sớm các biểu hiện lợi dụng tôn giáo.
12. Đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ nơi có đông đồng bào tôn giáo.
13. Gắn xây dựng nông thôn mới với phát huy vai trò tôn giáo ở địa phương.
14. Có chính sách động viên, khen thưởng kịp thời các chức sắc, tín đồ tiêu biểu.
15. Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm giữa cấp ủy với chức sắc tôn giáo để tạo đồng thuận.

C. BÀN PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN SỐ 1

Phân tích này làm rõ đặc điểm mẫu khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện công tác tôn giáo, nhận diện khó khăn và đề xuất kiến nghị từ cấp ủy cấp tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Cuộc khảo sát được tiến hành với 200 phiếu phát ra và thu về đầy đủ từ các đồng chí là cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp tại 13 tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Tỷ lệ nam giới chiếm 68%, nữ giới 32%. Nhóm tuổi trung bình từ 1975-1980 cho thấy đa số là cán bộ đã qua quá trình công tác và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Trình độ học vấn cao với 60% có trình độ đại học, 40% sau đại học. Về cơ cấu tổ chức, có 16% là ủy viên Ban Thường vụ, 44% ủy viên Ban Chấp hành, 25% là lãnh đạo ban Đảng, đoàn thể và 15% thuộc các cơ quan khác.

2. Đánh giá hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác tôn giáo

Kết quả khảo sát cho thấy sự đồng thuận rất cao từ phía các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy các cấp về hiệu quả công tác lãnh đạo tôn giáo ở địa phương. Cụ thể:

- Việc xây dựng, ban hành nghị quyết, chỉ thị, kết luận được 95% đánh giá là “rất hiệu quả” và 3% là “hiệu quả”.
- Việc thể chế hóa và triển khai các chủ trương, phương hướng về tôn giáo đạt 92% đánh giá “rất hiệu quả”.
- Công tác ban hành văn bản lãnh đạo (nghị quyết, kế hoạch...) được 95% đánh giá “rất đầy đủ và đúng trọng tâm”.

3. Đánh giá công tác tổ chức, cán bộ và phối hợp trong hệ thống chính trị

- Việc xây dựng tổ chức bộ máy và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo được 85% đánh giá là “rất tốt”.

- Công tác tổ chức cán bộ triển khai công tác tôn giáo được 92% đánh giá “rất hợp lý”.
- Việc phát huy vai trò đảng viên là người có đạo được 95% cho là “rất rõ nét”.
- Vai trò của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và chức sắc tôn giáo được 88% đánh giá “rất tốt”.
- Việc phối hợp liên ngành trong công tác tôn giáo được 85% đánh giá “rất đồng bộ”.

4. Tuyên truyền, sơ tổng kết và kiểm tra, giám sát

Công tác tuyên truyền, vận động về chủ trương, chính sách tôn giáo được 85% đánh giá “rất hiệu quả”. Việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết về tôn giáo được 94% đánh giá “rất kịp thời và sát thực tiễn”. Đặc biệt, công tác kiểm tra, giám sát đạt mức đánh giá “rất hiệu quả” ở 97% phiếu khảo sát - khẳng định vai trò kiểm soát và đảm bảo tính minh bạch trong thực thi chính sách.

5. Những khó khăn, vướng mắc nổi bật

Các ý kiến từ khảo sát nêu rõ một số điểm nghẽn như sau:

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên còn hạn chế, chưa hiểu sâu sắc đặc điểm và vai trò của tôn giáo.
- Tổ chức bộ máy thiếu đồng bộ, nhất là thiếu cán bộ chuyên trách, am hiểu tôn giáo tại cấp cơ sở.
- Một số nghị quyết, chỉ thị chậm cụ thể hóa thành kế hoạch hành động, gây khó khăn trong triển khai thực tiễn.
- Công tác tuyên truyền còn hình thức, chưa linh hoạt; khó tiếp cận chức sắc và tín đồ ở vùng sâu, vùng xa.
- Vướng mắc đất đai, thủ tục xây dựng, cơ sở dữ liệu chưa được số hóa, tình hình tôn giáo ở vùng biên còn phức tạp.
- Một số đối tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền sai trái, trong khi chính sách hỗ trợ người có đạo còn thiếu tính đặc thù.

6. Đề xuất, kiến nghị từ thực tiễn

Từ thực tế công tác và kết quả khảo sát, các đề xuất trọng tâm gồm:

- Tăng cường bồi dưỡng cán bộ, tập huấn chuyên đề về tôn giáo.
- Bổ sung cán bộ chuyên trách cấp huyện - xã, nhất là ở địa bàn phức tạp.
- Cụ thể hóa nghị quyết thành kế hoạch hành động gắn với trách nhiệm của từng cấp.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa phục vụ quản lý tôn giáo.
- Tăng cường đối thoại, tiếp xúc với các chức sắc tôn giáo để tạo đồng thuận.
- Quan tâm tháo gỡ vướng mắc đất đai, đẩy mạnh sơ kết gắn với đánh giá cán bộ.
- Phát huy vai trò đảng viên là người có đạo và đổi mới nội dung sinh hoạt chi bộ ở vùng tôn giáo.
- Tổ chức tọa đàm, diễn đàn giữa cấp ủy với chức sắc, gắn công tác tôn giáo với xây dựng nông thôn mới.

7. Kết luận

Kết quả khảo sát số 1 cho thấy cấp ủy, lãnh đạo, chỉ huy các cấp vùng ĐBSCL đánh giá rất cao hiệu quả lãnh đạo công tác tôn giáo hiện nay. Sự nghiêm túc, đầy đủ và đúng trọng tâm trong xây dựng, tổ chức thực hiện nghị quyết được thể hiện rõ nét. Tuy nhiên, các thách thức về nhân sự, thể chế cụ thể, tuyên truyền và quản lý địa bàn đặc thù vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu, khắc phục. Những kiến nghị từ thực tiễn sẽ là cơ sở quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực tôn giáo - góp phần củng cố niềm tin, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng có đạo.

PHỤ LỤC 17

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN SỐ 2

(Dành cho cán bộ, công chức có liên quan đến công tác tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Kính gửi đồng chí!

Để có được những căn cứ thực tiễn đưa ra giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tác giả luận án tiến hành nghiên cứu đề tài “**Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay**”. Tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ của đồng chí bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây. Tác giả xin cam đoan mọi ý kiến của đồng chí chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến đồng chí. Đồng chí không cần phải điền tên mình vào phiếu phỏng vấn này.

Xin trân trọng cảm ơn sự tham gia ý kiến của đồng chí!

A. THÔNG TIN CHUNG

Số phiếu phát ra: 200.

Mục đích: Thu thập ý kiến đánh giá của chức sắc, tín đồ tôn giáo về công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Xin đồng chí cho biết một số thông tin về cá nhân?

A.1. Giới tính 1. Nam 2. Nữ

A.2. Năm sinh

A.3. Trình độ học vấn:

1. Đại học

2. Sau đại học

A4. Dân tộc?

1. Kinh 2. Dân tộc khác (ghi cụ thể).....

A5. Tôn giáo

A6. Chức vụ của đồng chí?

A7. Đồng chí hiện đang làm việc tại địa phương nào?

1. An Giang;
2. Bạc Liêu
3. Bến Tre
4. Cà Mau
5. Cần Thơ (*thành phố trực thuộc Trung ương*)
6. Đồng Tháp
7. Hậu Giang
8. Kiên Giang
9. Long An
10. Sóc Trăng
11. Tiền Giang
12. Trà Vinh
13. Vĩnh Long

B. PHẦN PHIẾU KHẢO SÁT

1. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không rõ

2. Việc thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo đã được triển khai ở địa phương như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không rõ

3. Đồng chí đánh giá hiệu quả công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Yếu
- ☐ Không rõ

4. Cấp ủy trực thuộc đã thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo một cách như thế nào?

- ☐ Rất nghiêm túc
- ☐ Nghiêm túc
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa nghiêm túc
- ☐ Không rõ

5. Việc phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể và các lực lượng liên quan trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?

- ☐ Rất đồng bộ
- ☐ Đồng bộ
- ☐ Thiếu đồng bộ
- ☐ Chưa thực hiện
- ☐ Không rõ

6. Đồng chí đánh giá việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất kịp thời và sát thực tiễn
- ☐ Kịp thời
- ☐ Chưa kịp thời
- ☐ Hình thức
- ☐ Không rõ

7. Việc lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua ban hành các văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch...) được thực hiện ra sao?

- ☐ Rất đầy đủ và đúng trọng tâm
- ☐ Đầy đủ
- ☐ Chưa đầy đủ
- ☐ Chưa đúng trọng tâm
- ☐ Không rõ

8. Đồng chí đánh giá công tác tuyên truyền, vận động liên quan đến công tác tôn giáo được triển khai như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không triển khai
- ☐ Không rõ

9. Việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy được đánh giá như thế nào?

- ☐ Rất rõ nét
- ☐ Rõ nét
- ☐ Chưa rõ
- ☐ Mờ nhạt
- ☐ Không rõ

10. Đồng chí đánh giá công tác tổ chức, cán bộ trong việc triển khai công tác tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất hợp lý
- ☐ Hợp lý
- ☐ Chưa hợp lý
- ☐ Không hợp lý
- ☐ Không rõ

11. Đồng chí đánh giá vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo trong công tác tôn giáo ra sao?

- ☐ Rất rõ nét
- ☐ Rõ nét
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa rõ
- ☐ Không rõ

12. Việc lãnh đạo phát huy vai trò MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các chức sắc trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa phát huy
- ☐ Không rõ

13. Đồng chí đánh giá hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không rõ

14. Theo đồng chí, đâu là những tồn tại, bất cập trong tổ chức thực hiện công tác tôn giáo hiện nay tại địa phương?

- ☐ (Trả lời tự do)

15. Đồng chí có đề xuất hoặc góp ý gì nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo?

- ☐ (Trả lời tự do)

KẾT QUẢ TRƯNG CẦU Ý KIẾN SỐ 2

(Dành cho cán bộ, công chức có liên quan đến công tác tôn giáo

ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Số phiếu phát ra: 200; Số phiếu thu về: 200

A. THÔNG TIN CHUNG

Mã câu hỏi	Nội dung	Tỷ lệ (%)
A.1	Giới tính - Nam	70
	Giới tính - Nữ	30
A.2	Năm sinh trung bình	1967 -1991
A.3	Trình độ: Đại học	65
	Trình độ: Sau đại học	35
A.4	Dân tộc Kinh	90
	Dân tộc khác (Khmer, Hoa, Chăm...)	10
A.5	Có tôn giáo	7
	Không tôn giáo	95
A.6	Trưởng ban Tôn giáo tỉnh, thành phố	3
	Phó Trưởng ban Tôn giáo tỉnh, thành phố	10
	Trưởng, Phó phòng Nội vụ cấp huyện	15
	Công chức Ban Tôn giáo tỉnh, thành phố	47
	Công chức ban Dân vận tỉnh, thành phố	40
	Cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã	40
	Cán bộ MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh, thành phố	50
A.7	An Giang	7%
	Bạc Liêu	5%
	Bến Tre	7%
	Cà Mau	7%
	Cần Thơ	8%
	Đồng Tháp	8%
	Hậu Giang	7%
	Kiên Giang	8%
	Long An	7%
	Sóc Trăng	8%
	Tiền Giang	7%
	Trà Vinh	6%
	Vĩnh Long	5%

B. PHẦN KHẢO SÁT

1. Đồng chí đánh giá như thế nào về việc xây dựng, ban hành nghị quyết, quyết định, chỉ thị, kết luận của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo?	
Rất hiệu quả	90%
Hiệu quả	5%
Trung bình	3%
Chưa hiệu quả	2%
Không rõ	0%
2. Việc thể chế hóa và thực hiện phương hướng, chủ trương của tỉnh ủy, thành ủy, BTV tỉnh ủy, thành ủy về công tác tôn giáo đã được triển khai ở địa phương như thế nào?	
Rất hiệu quả	89%
Hiệu quả	6%
Trung bình	6%
Chưa hiệu quả	0%
Không rõ	0%
3. Đồng chí đánh giá hiệu quả công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và lực lượng nòng cốt làm công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất tốt	82%
Tốt	10%
Trung bình	5%
Yếu	3%
Không rõ	0%
4. Cấp ủy trực thuộc đã thực hiện nghị quyết, quyết định, kết luận của tỉnh, thành ủy về công tác tôn giáo một cách như thế nào?	
Rất nghiêm túc	94%
Nghiêm túc	6%
Trung bình	0%
Chưa nghiêm túc	0%
Không rõ	0%

5. Việc phối hợp giữa chính quyền, MTTQ, đoàn thể và các lực lượng liên quan trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?	
Rất đồng bộ	80%
Đồng bộ	10%
Thiếu đồng bộ	5%
Chưa thực hiện	5%
Chưa rõ	0%
6. Đồng chí đánh giá việc sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất kịp thời và sát thực tiễn	95%
Kịp thời	3%
Chưa kịp thời	2%
Hình thức	0%
Chưa rõ	0%
7. Việc lãnh đạo công tác tôn giáo thông qua ban hành các văn bản (nghị quyết, chỉ thị, kế hoạch...) được thực hiện ra sao?	
Rất đầy đủ và đúng trọng tâm	90%
Đầy đủ	5%
Chưa đầy đủ	5%
Chưa đúng trọng tâm	0%
Không rõ	0%
8. Đồng chí đánh giá công tác tuyên truyền, vận động liên quan đến công tác tôn giáo được triển khai như thế nào?	
Rất hiệu quả	85%
Hiệu quả	6%
Chưa hiệu quả	5%
Không triển khai	5%
Không rõ	0%

9. Việc phát huy vai trò quản lý nhà nước về tôn giáo của chính quyền địa phương dưới sự lãnh đạo của cấp ủy được đánh giá như thế nào?	
Rất rõ nét	90%
Rõ nét	5%
Chưa rõ	5%
Mờ nhạt	0%
Không rõ	0%
10. Đồng chí đánh giá công tác tổ chức, cán bộ trong việc triển khai công tác tôn giáo như thế nào?	
Rất hợp lý	85%
Hợp lý	10%
Chưa hợp lý	3%
Không hợp lý	2%
Không rõ	0%
11. Đồng chí đánh giá vai trò tiên phong, gương mẫu của đảng viên là người có đạo trong công tác tôn giáo ra sao?	
Rất rõ nét	97%
Rõ nét	3%
Trung bình	0%
Chưa rõ	0%
Không rõ	0%
12. Việc lãnh đạo phát huy vai trò MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các chức sắc trong công tác tôn giáo được thực hiện như thế nào?	
Rất tốt	86%
Tốt	5%
Trung bình	4%
Chưa phát huy	5%
Không rõ	0%

13. Đồng chí đánh giá hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực tôn giáo như thế nào?	
Rất hiệu quả	95%
Hiệu quả	3%
Trung bình	3%
Chưa hiệu quả	0%
Không rõ	0%
14. Theo đồng chí, đâu là những tồn tại, bất cập trong tổ chức thực hiện công tác tôn giáo hiện nay tại địa phương?	
- Việc triển khai nghị quyết, kế hoạch công tác tôn giáo ở cấp cơ sở còn hình thức, thiếu chiều sâu. - Phối hợp giữa chính quyền, MTTQ và các tổ chức đoàn thể chưa chặt chẽ, thiếu thống nhất. - Cán bộ phụ trách tôn giáo còn kiêm nhiệm, thiếu đào tạo bài bản và kinh nghiệm thực tiễn. - Công tác tuyên truyền, đối thoại với chức sắc, tín đồ chưa thường xuyên, thiếu linh hoạt. - Một số địa phương chậm giải quyết vướng mắc liên quan đến đất đai và cơ sở thờ tự. - Chưa kịp thời phát hiện, xử lý hiện tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền sai trái. - Thiếu cơ chế giám sát, kiểm tra định kỳ việc thực hiện chính sách tôn giáo tại cơ sở. - Dữ liệu về tổ chức, cơ sở và lực lượng tôn giáo chưa được cập nhật đầy đủ, kịp thời. - Một số nơi chưa phát huy tốt vai trò của đảng viên là người có đạo trong công tác vận động. - Việc sơ kết, tổng kết chưa gắn với trách nhiệm người đứng đầu và chưa có đánh giá thực chất.	

15. Đồng chí có đề xuất hoặc góp ý gì nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tôn giáo?

1. Tăng cường sự phối hợp đồng bộ giữa cấp ủy, chính quyền và các lực lượng liên quan trong công tác tôn giáo.
2. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo theo hướng chuyên sâu, am hiểu thực tiễn và tôn trọng tôn giáo.
3. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách tôn giáo ở cơ sở, gắn với trách nhiệm người đứng đầu.
4. Đẩy mạnh số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về tôn giáo để phục vụ công tác quản lý.
5. Phát huy vai trò nòng cốt của đảng viên là người có đạo trong công tác tuyên truyền, vận động quần chúng.
6. Quan tâm hơn đến việc đối thoại định kỳ, lắng nghe ý kiến của chức sắc, tín đồ tôn giáo.
7. Cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy bằng chương trình hành động thực chất, khả thi.
8. Ưu tiên giải quyết kịp thời các vấn đề tồn đọng liên quan đến đất đai, cơ sở thờ tự hợp pháp.
9. Đổi mới phương thức tuyên truyền chính sách tôn giáo, phù hợp với đặc thù từng đối tượng, vùng miền.
10. Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đi đôi với việc kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.
11. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức pháp luật, kỹ năng dân vận tôn giáo cho cán bộ các cấp.
12. Gắn công tác tôn giáo với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.
13. Có cơ chế khen thưởng, tôn vinh kịp thời các tập thể, cá nhân tôn giáo tiêu biểu.
14. Đẩy mạnh phối hợp quốc phòng - an ninh trong các vùng tôn giáo trọng điểm, biên giới.
15. Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả công tác tôn giáo như một tiêu chí trong đánh giá cán bộ.

C. BẢN PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN SỐ 2

Phân tích này làm rõ đặc điểm mẫu khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện công tác tôn giáo, nhận diện khó khăn và đề xuất kiến nghị từ cấp ủy cấp tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

1. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Cuộc khảo sát được tiến hành với 200 phiếu phát ra và thu về đầy đủ từ các cán bộ, công chức có liên quan đến công tác tôn giáo tại 13 tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL. Tỷ lệ nam giới chiếm 70%, nữ giới chiếm 30%. Nhóm tuổi trung bình từ năm 1967-1991 cho thấy phần lớn là cán bộ trong độ tuổi trung niên, có kinh nghiệm công tác thực tiễn, am hiểu địa bàn và phong tục tôn giáo tại địa phương. Trình độ học vấn tương đối cao, với 65% có trình độ đại học và 35% sau đại học. Về cơ cấu tổ chức, khảo sát bao gồm nhiều nhóm cán bộ: 3% là Trưởng ban Tôn giáo tỉnh, 10% Phó Trưởng ban, 15% là Trưởng hoặc Phó phòng Nội vụ cấp huyện, 47% công chức Ban Tôn giáo tỉnh, 40% công chức Ban Dân vận, 40% là cán bộ văn hóa - xã hội cấp xã và 50% là cán bộ thuộc Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Tỷ lệ cán bộ có tôn giáo chiếm 7%, phản ánh tính đa dạng và tính đại diện của lực lượng khảo sát đối với thực tiễn công tác tôn giáo ở cơ sở.

2. Đánh giá chung về hiệu quả lãnh đạo, quản lý công tác tôn giáo

Kết quả Phiếu khảo sát số 2 phản ánh nhận thức, đánh giá và đề xuất của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp hoặc liên quan đến công tác tôn giáo tại các tỉnh, thành vùng ĐBSCL. Với 200 phiếu khảo sát được thu thập đầy đủ, phân tích này tập trung làm rõ ba nội dung chính: (1) đánh giá hiệu quả lãnh đạo, quản lý công tác tôn giáo của cấp ủy, chính quyền; (2) nhận diện những khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực tiễn; và (3) đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý công tác tôn giáo trong thời gian tới.

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn cán bộ, công chức đều đánh giá cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy và hiệu quả quản lý nhà nước về công tác tôn giáo tại địa phương. 90% ý kiến cho rằng việc xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo về tôn giáo của tỉnh ủy, thành ủy là “rất hiệu quả”, 89% đánh giá cao việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng. Việc sơ kết, tổng kết công tác tôn giáo được 95% cán bộ cho là “rất kịp thời và sát thực tiễn”.

Đặc biệt, công tác kiểm tra, giám sát (95% đánh giá “rất hiệu quả”), vai trò gương mẫu của đảng viên có đạo (97%) và sự phối hợp trong hệ thống chính trị (80% “rất đồng bộ”) cũng được đánh giá tích cực. Điều này cho thấy sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tôn giáo.

3. Những hạn chế, bất cập trong tổ chức thực hiện

Mặc dù kết quả khảo sát phần lớn mang tính tích cực, nhưng vẫn tồn tại những bất cập cần khắc phục. Một số cán bộ phản ánh việc triển khai nghị quyết ở cơ sở còn hình thức (câu 14.1), thiếu sự thống nhất trong phối hợp (14.2), và đội ngũ cán bộ còn kiêm nhiệm, thiếu kinh nghiệm (14.3). Việc đối thoại, tuyên truyền tới chức sắc, tín đồ chưa linh hoạt, thiếu thường xuyên (14.4), đặc biệt là ở các địa phương có địa bàn phức tạp về tôn giáo (14.5, 14.6).

Ngoài ra, việc thiếu cơ chế giám sát chính sách tôn giáo tại cơ sở, chậm giải quyết các vướng mắc đất đai, thiếu dữ liệu cập nhật về tôn giáo và sự chưa phát huy vai trò của đảng viên có đạo cũng được xem là rào cản trong thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo hiện nay.

4. Đề xuất, kiến nghị nâng cao hiệu quả lãnh đạo và quản lý

Từ thực tiễn nêu trên, đội ngũ cán bộ, công chức đã đưa ra nhiều kiến nghị mang tính khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác tôn giáo. Trong đó nổi bật là các đề xuất: kiện toàn đội ngũ cán bộ chuyên trách (15.2), tăng cường phối hợp liên ngành (15.1, 15.3), ứng dụng công nghệ số (15.4), tăng cường đối thoại với chức sắc, tín đồ (15.6), và phát huy đảng viên có đạo (15.5).

Đáng chú ý, nhiều ý kiến yêu cầu cần gắn công tác tôn giáo với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội (15.12), bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng đi đôi với xử lý nghiêm vi phạm (15.10), và có cơ chế đánh giá, khen thưởng rõ ràng (15.13, 15.15). Đây là những giải pháp không chỉ nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước mà còn xây dựng niềm tin xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc - tôn giáo trong tình hình mới.

5. Kết luận

Kết quả Phiếu khảo sát số 2 là minh chứng cho sự chuyển biến tích cực trong nhận thức, năng lực và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức liên quan đến công tác tôn giáo tại vùng ĐBSCL. Mặc dù vẫn còn những hạn chế nhất định, nhưng các ý kiến đề xuất, kiến nghị thu thập được cho thấy tâm huyết, sự chủ động và kỳ vọng lớn vào việc nâng cao chất lượng lãnh đạo, quản lý nhà nước về tôn giáo trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới.

PHỤ LỤC 18

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN SỐ 3

(Dành cho chức sắc, tín đồ các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Kính gửi Ông/bà!

Để có được những căn cứ thực tiễn đưa ra giải pháp tăng cường sự lãnh đạo của các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tác giả luận án tiến hành nghiên cứu đề tài “***Các tỉnh ủy, thành ủy ở vùng đồng bằng sông Cửu Long lãnh đạo công tác tôn giáo giai đoạn hiện nay***”. Tác giả rất mong nhận được sự giúp đỡ của ông/bà bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây. Tác giả xin cam đoan mọi ý kiến của ông/bà chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu và không gây bất kỳ ảnh hưởng nào đến ông/bà. Ông/bà không cần phải điền tên mình vào phiếu phỏng vấn này.

Xin trân trọng cảm ơn sự tham gia ý kiến của ông/bà!

A. THÔNG TIN CHUNG

Số phiếu phát ra: 400.

Mục đích: Thu thập ý kiến đánh giá của chức sắc, tín đồ tôn giáo về công tác lãnh đạo của các tỉnh, thành ủy ở vùng ĐBSCL đối với công tác tôn giáo trong giai đoạn hiện nay.

Xin ông/bà cho biết một số thông tin về cá nhân?

A.1. Giới tính 1. Nam 2. Nữ

A.2. Năm sinh

A.3. Trình độ học vấn:

1. Trung học phổ thông
2. Trung học chuyên nghiệp
3. Cao đẳng
4. Đại học
5. Sau đại học

A.4. Dân tộc?

1. Kinh 2. Dân tộc khác (ghi cụ thể).....

A5. Tôn giáo

1. Phật giáo

- 1.1. Bắc Tông:

- 1.2. Nam Tông:

2. Công giáo

3. Cao Đài

- 3.1. Tây Ninh:

- 3.2. Ban Chỉnh:

- 3.3. Các chi phái khác:

4. Phật giáo Hòa Hảo

5. Tin Lành

6. Hồi giáo

7. Tôn giáo khác:.....

A6. Ông/bà thuộc nhóm đối tượng nào sau đây?

1. Đảng viên là người có đạo

2. Chức sắc, chức việc, nhà tu hành

3. Tín đồ

4. Khác (ghi cụ thể):.....

A7. Ông/bà hiện đang sinh sống tại địa phương nào?

1. An Giang

2. Bạc Liêu

3. Bến Tre

4. Cà Mau

5. Cần Thơ (thành phố trực thuộc Trung ương)

6. Đồng Tháp

7. Hậu Giang

8. Kiên Giang

9. Long An

- 10. Sóc Trăng
- 11. Tiền Giang
- 12. Trà Vinh
- 13. Vĩnh Long

B. PHẦN PHIẾU KHẢO SÁT

Lưu ý: Vui lòng đánh dấu (✓) vào một phương án phù hợp nhất với ý kiến của Ông/Bà ở mỗi câu hỏi.

1. Ông/Bà đánh giá mức độ hiểu biết của mình về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo như thế nào?

- ☐ Rất rõ
- ☐ Khá rõ
- ☐ Biết sơ lược
- ☐ Không rõ
- ☐ Không quan tâm

2. Ông/Bà đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương như thế nào?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Khó đánh giá

3. Ông/Bà đánh giá đội ngũ cán bộ phụ trách công tác tôn giáo ở địa phương (xã, huyện, tỉnh) như thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Yếu
- ☐ Không rõ

4. Ông/Bà đánh giá thế nào về sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Không có ý kiến

5. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc các tỉnh, thành ủy ban hành chủ trương, định hướng nhằm thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Không rõ

6. Ông/Bà đánh giá như thế nào về công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo tại địa phương?

- ☐ Rất hiệu quả
- ☐ Hiệu quả
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa hiệu quả
- ☐ Không biết

7. Ông/Bà đánh giá kết quả xử lý các vấn đề phát sinh về tín ngưỡng, tôn giáo (khieu nại, tố cáo, vi phạm pháp luật...) tại địa phương như thế nào?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Không rõ

8. Ông/Bà có biết về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tôn giáo tại địa phương không?

- ☐ Có biết rõ
- ☐ Nghe nói
- ☐ Không biết
- ☐ Không quan tâm

9. Ông/Bà đánh giá như thế nào về công tác quản lý nhà nước về tôn giáo dưới sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy nơi mình sinh sống?

- ☐ Rất tốt
- ☐ Tốt
- ☐ Trung bình
- ☐ Chưa tốt
- ☐ Không có ý kiến

10. Ông/Bà đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành đối với thực tiễn sinh hoạt tôn giáo ở địa phương?

- ☐ Rất phù hợp
- ☐ Phù hợp
- ☐ Chưa phù hợp
- ☐ Không có ý kiến

11. Theo Ông/Bà, chính quyền địa phương cần làm gì thêm để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tôn giáo hợp pháp?

- ☐ (Trả lời tự do)

12. Ông/Bà có đề xuất hoặc góp ý nào nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương?

- ☐ (Trả lời tự do)

KẾT QUẢ TRƯNG CẦU Ý KIẾN SỐ 3

(Dành cho chức sắc, tín đồ các tôn giáo ở vùng đồng bằng sông Cửu Long)

Số phiếu phát ra: 400; Số phiếu thu về: 400

A. THÔNG TIN CHUNG

Mã câu hỏi	Nội dung	Tỷ lệ (%)
A.1	Giới tính - Nam	65%
	Giới tính - Nữ	35%
A.2	Năm sinh trung bình	1954 -1995
A.3	Trình độ trung học phổ thông	57%
	Trình độ trung học chuyên nghiệp	10%
	Trình độ cao đẳng	10%
	Trình độ đại học	5%
	Trình độ sau đại học	1%
	Trình độ khác	17%
A.4	Dân tộc Kinh	82%
	Dân tộc khác (Khmer, Hoa, Chăm...)	18%
A.5	Phật giáo Bắc Tông	28%
	Phật giáo Nam Tông	10%
	Công giáo	22%
	Cao Đài Tây Ninh	10%
	Cao Đài Ban Chỉnh	3%
	Cao Đài các chi phái khác	2%
	Phật giáo Hòa Hảo	15%
	Tin Lành	7%
	Hồi giáo	2%
	Tôn giáo khác	1%
A.6	Đảng viên là người có đạo	12%
	Chức sắc, chức việc, nhà tu hành	26%
	Tín đồ	55%
	Khác (nhà hoạt động xã hội, từ thiện...)	7%
A.7	An Giang	8%
	Bạc Liêu	6%
	Bến Tre	7%
	Cà Mau	6%
	Cần Thơ	9%
	Đồng Tháp	7%
	Hậu Giang	7%
	Kiên Giang	9%
	Long An	7%
	Sóc Trăng	9%
	Tiền Giang	7%
	Trà Vinh	5%
	Vĩnh Long	3%

B. PHẦN KHẢO SÁT

1. Ông/Bà đánh giá mức độ hiểu biết của mình về các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo như thế nào?	
Rất rõ	51%
Khá rõ	30%
Biết sơ lược	9%
Không rõ	10%
Không quan tâm	
2. Ông/Bà đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương như thế nào?	
Rất hiệu quả	61%
Hiệu quả	23%
Chưa hiệu quả	0%
Khó đánh giá	16%
3. Ông/Bà đánh giá đội ngũ cán bộ phụ trách công tác tôn giáo ở địa phương (xã, huyện, tỉnh) như thế nào?	
Rất tốt	62%
Tốt	22%
Trung bình	10%
Yếu	2%
Không rõ	4%
4. Ông/Bà đánh giá thế nào về sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền trong việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào có đạo?	
Rất tốt	80%
Tốt	5%
Trung bình	10%
Chưa tốt	5%
Không có ý kiến	0%
5. Ông/Bà đánh giá như thế nào về việc các tỉnh, thành ủy ban hành chủ trương, định hướng nhằm thực hiện hiệu quả công tác tôn giáo?	
Rất tốt	80%
Tốt	15%

Trung bình	5%
Chưa tốt	0%
Không rõ	0%
6. Ông/Bà đánh giá như thế nào về công tác tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tôn giáo tại địa phương?	
Rất hiệu quả	65%
Hiệu quả	20%
Trung bình	15%
Chưa hiệu quả	0%
Không biết	
7. Ông/Bà đánh giá kết quả xử lý các vấn đề phát sinh về tín ngưỡng, tôn giáo (khieu nại, tố cáo, vi phạm pháp luật...) tại địa phương như thế nào?	
Rất tốt	60%
Tốt	20%
Trung bình	15%
Chưa tốt	5%
Không rõ	0%
8. Ông/Bà có biết về hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tôn giáo tại địa phương không?	
Có biết rõ	82%
Nghe nói	10%
Không biết	8%
Không quan tâm	0%
9. Ông/Bà đánh giá như thế nào về công tác quản lý nhà nước về tôn giáo dưới sự lãnh đạo của tỉnh, thành ủy nơi mình sinh sống?	
Rất tốt	85%
Tốt	10%
Trung bình	5%
Chưa tốt	0%
Không có ý kiến	0%
10. Ông/Bà đánh giá mức độ phù hợp của hệ thống pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo hiện hành đối với thực tiễn sinh hoạt tôn giáo ở địa phương?	

Rất phù hợp	55%
Phù hợp	32%
Chưa phù hợp	13%
Không có ý kiến	0%
11. Theo Ông/Bà, chính quyền địa phương cần làm gì thêm để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tôn giáo hợp pháp?	
- Hướng dẫn thủ tục hành chính về tôn giáo rõ ràng, minh bạch và thuận tiện hơn. - Đẩy nhanh giải quyết hồ sơ xin cấp đất, sửa chữa, xây dựng cơ sở thờ tự. - Tăng cường tiếp xúc, đối thoại định kỳ giữa chính quyền và các tổ chức tôn giáo. - Tạo điều kiện tổ chức lễ hội tôn giáo đúng pháp luật, an toàn, văn minh. - Phối hợp hỗ trợ các tổ chức tôn giáo tham gia hoạt động từ thiện, xã hội. - Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo theo đúng quy định pháp luật. - Tôn trọng sự khác biệt tín ngưỡng, tránh định kiến trong quá trình làm việc. - Cử cán bộ chuyên trách có năng lực, thái độ thân thiện, gần gũi với tôn giáo. - Thường xuyên tuyên truyền chủ trương, chính sách tôn giáo bằng hình thức phù hợp. - Phối hợp giải quyết kịp thời các vướng mắc, kiến nghị của chức sắc, tín đồ. - Có chính sách hỗ trợ các tổ chức tôn giáo khó khăn tại vùng sâu, vùng xa. - Bảo vệ an ninh, trật tự trong các hoạt động tôn giáo, tránh để xảy ra kích động, xuyên tạc. - Ghi nhận và biểu dương đóng góp tích cực của tôn giáo trong cộng đồng. - Tạo điều kiện để các chức sắc, nhà tu hành tham gia hoạt động xã hội, hội nghị, đào tạo. - Không để tình trạng cán bộ gây khó dễ, yêu cầu thêm thủ tục ngoài quy định.	

12. Ông/Bà có đề xuất hoặc góp ý nào nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương?

1. Cần quán triệt đầy đủ chủ trương, chính sách tôn giáo đến từng cấp ủy, chính quyền cơ sở.
2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong chỉ đạo công tác tôn giáo.
3. Bố trí cán bộ chuyên trách tôn giáo có năng lực, am hiểu và gắn bó với cơ sở.
4. Phát huy vai trò giám sát của MTTQ và các đoàn thể trong công tác tôn giáo.
5. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.
6. Tạo điều kiện cho tôn giáo tham gia xây dựng đời sống văn hóa, phát triển cộng đồng.
7. Giải quyết dứt điểm, kịp thời các vướng mắc về đất đai và thủ tục hành chính tôn giáo.
8. Tổ chức đối thoại định kỳ giữa cấp ủy, chính quyền với các chức sắc, tín đồ.
9. Ứng dụng công nghệ trong quản lý tôn giáo: cơ sở dữ liệu, báo cáo, giám sát.
10. Biểu dương, khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân tôn giáo tiêu biểu.
11. Đổi mới nội dung tuyên truyền để phù hợp với trình độ, đặc điểm của từng tôn giáo.
12. Gắn công tác tôn giáo với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và an sinh xã hội.
13. Phối hợp chặt chẽ giữa công an, dân vận, mặt trận và chính quyền trong xử lý tình huống tôn giáo phức tạp.
14. Có kế hoạch đào tạo cán bộ trẻ kế thừa trong công tác dân vận tôn giáo.
15. Rút kinh nghiệm sau mỗi vụ việc liên quan đến tôn giáo để hoàn thiện phương pháp lãnh đạo.

C. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN SỐ 3

Phân tích này làm rõ đặc điểm mẫu khảo sát, đánh giá thực trạng tổ chức thực hiện công tác tôn giáo, nhận diện khó khăn và đề xuất kiến nghị từ cấp ủy cấp tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát được thực hiện với 400 phiếu phát ra và thu về đủ 400 phiếu (đạt 100%).

- *Về cơ cấu giới tính và độ tuổi:* Trong tổng số 400 người được khảo sát, nam giới chiếm 65% và nữ giới chiếm 35%. Khoảng tuổi trung bình dao động từ 1954 đến 1995, cho thấy đây là nhóm có độ tuổi trung niên trở lên - phù hợp với đặc điểm tuổi của chức sắc, chức việc, tín đồ gắn bó lâu dài với tổ chức tôn giáo.

- *Về trình độ học vấn:* Mức độ học vấn có sự phân hóa rõ rệt, trong đó nhóm có trình độ trung học phổ thông chiếm ưu thế (57%), tiếp theo là các nhóm có trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (cùng chiếm 10%). Nhóm có trình độ sau đại học chỉ chiếm 1%. Điều này cho thấy cần đa dạng hóa phương pháp tuyên truyền chính sách tôn giáo, tránh áp đặt ngôn ngữ chuyên môn cao.

- *Về cơ cấu dân tộc và tôn giáo:* Người dân tộc Kinh chiếm 82%, các dân tộc khác (Khmer, Chăm, Hoa) chiếm 18%. Về tôn giáo, Phật giáo Bắc Tông chiếm tỷ lệ cao nhất (28%), tiếp theo là Công giáo (22%), Phật giáo Hòa Hảo (15%), Nam Tông (10%), Cao Đài (15% gộp cả ba chi phái), và các tôn giáo khác chiếm tỷ lệ nhỏ hơn. Cơ cấu này phản ánh đúng thực tế sinh hoạt tôn giáo đa dạng của vùng ĐBSCL.

- *Về thành phần xã hội và nơi cư trú:* Tín đồ là nhóm chiếm tỷ lệ cao nhất (55%), tiếp đến là chức sắc, chức việc (26%). Đảng viên là người có đạo chiếm 12%, cho thấy nhóm khảo sát có sự tham gia tương đối đồng đều giữa quần chúng và người giữ vai trò lãnh đạo tôn giáo.

2. Đánh giá chung về kết quả mẫu khảo sát

- *Về nhận thức chính sách tôn giáo*: 81% số người được khảo sát cho rằng họ hiểu rõ hoặc khá rõ về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo. Tỷ lệ không rõ và biết sơ lược chiếm tổng cộng 19%. Điều này cho thấy hiệu quả công tác tuyên truyền đã có tác động tích cực nhưng vẫn cần được củng cố ở một bộ phận quần chúng.

- *Về đánh giá hiệu quả tổ chức bộ máy nhà nước*: 84% cho rằng tổ chức quản lý nhà nước về tôn giáo tại địa phương hoạt động hiệu quả hoặc rất hiệu quả. Không có ý kiến cho rằng chưa hiệu quả, nhưng có đến 16% “khó đánh giá”, phản ánh độ “xa rời” của một số người dân với bộ máy hành chính hoặc thiếu thông tin.

- *Về chất lượng đội ngũ cán bộ*: 62% đánh giá rất tốt, 22% đánh giá tốt, trong khi chỉ 2% cho là yếu. Đây là chỉ số đáng khích lệ, khẳng định vai trò tích cực của cán bộ cơ sở trong công tác vận động tôn giáo.

- *Về sự quan tâm của cấp ủy*: Tỷ lệ rất tốt lên đến 80%, trong khi chỉ có 5% đánh giá chưa tốt. Chứng tỏ các cấp ủy đã thực sự quan tâm đến đời sống của đồng bào có đạo, qua đó góp phần củng cố niềm tin và khôi đại đoàn kết toàn dân.

- *Về ban hành chủ trương và tuyên truyền*: 59% đánh giá rất tốt trong việc ban hành định hướng công tác tôn giáo, và 65% đánh giá công tác tuyên truyền là rất hiệu quả. Đây là tín hiệu thể hiện sự lan tỏa chủ trương Đảng trong cộng đồng tôn giáo.

- *Về xử lý vấn đề phát sinh*: Tỷ lệ “rất tốt” chiếm 60%, cho thấy các địa phương đã có phản ứng kịp thời trước những vấn đề phát sinh liên quan đến tôn giáo.

- *Về hợp tác quốc tế*: 82% biết rõ về các hoạt động tôn giáo quốc tế tại địa phương. Điều này vừa là kết quả của mở rộng thông tin, vừa đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực quản trị các vấn đề xuyên biên giới liên quan đến tôn giáo.

- Về mức độ phù hợp của luật pháp: 87% cho rằng hệ thống pháp luật hiện hành là phù hợp hoặc rất phù hợp với thực tiễn tôn giáo. Chỉ 13% đánh giá chưa phù hợp - đây là nhóm cần tiếp tục được tuyên truyền, giải thích, đồng thời là nguồn thông tin quý giá để rà soát chính sách.

3. Phân tích định tính từ câu hỏi mở

* Đề xuất của chức sắc, tín đồ tập trung vào:

- Cải thiện quy trình hành chính;
- Nâng cao năng lực và thái độ ứng xử của cán bộ;
- Đối thoại và hỗ trợ tổ chức tôn giáo ở vùng sâu, vùng xa;
- Ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước về tôn giáo;
- Biểu dương những đóng góp tích cực của tôn giáo trong cộng đồng.

* Hướng điều chỉnh chính sách:

- Gắn công tác tôn giáo với xây dựng nông thôn mới, an sinh xã hội;
- Xây dựng hệ thống cán bộ kế thừa và đào tạo cán bộ trẻ;
- Coi trọng phản hồi từ tín đồ trong điều chỉnh phương pháp lãnh đạo, quản lý tôn giáo.

4. Nhận xét và kiến nghị khoa học

Dữ liệu điều tra xã hội học từ khảo sát số 3 cung cấp một bức tranh tương đối toàn diện về cảm nhận, đánh giá và kỳ vọng của chức sắc, tín đồ tôn giáo ở ĐBSCL. Qua đó, giúp củng cố luận điểm khoa học về vai trò tích cực của cộng đồng tôn giáo trong sự nghiệp phát triển, đồng thời chỉ ra những trọng tâm cần điều chỉnh trong lãnh đạo và quản lý công tác tôn giáo ở địa phương.